



**Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai
Bốn Nguyện Công Đức Kinh Thiển Thích**

**Kinh Công Đức Các Bốn Nguyện
của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Lược Giảng**

Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang phụng chiếu dịch
Tuyên Hóa Thượng Nhân giảng tại Kim Luân Thánh Tự,
Los Angeles, California, Hoa Kỳ năm 1983.



Vì vấn đề sanh tử của chúng sanh chúng ta mà đức Phật Thích Ca xuất hiện tại cõi Ta-bà này. Ngài được sanh ra trong một gia đình vương giả, nhưng Ngài đã từ bỏ sự giàu sang của cả một vương quốc để ra đi lo việc tu hành và chứng thành Phật quả dưới gốc cây Bồ-đề. Sau khi chứng quả Phật, Ngài quán sát các chúng sanh trong thế giới Ta-bà và nhận thấy rằng các chúng sanh tại đây có một nhân duyên sâu đậm với hai vị Phật, đó là đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ở phương Đông và đức A-Di Đà Như Lai ở phương Tây.

Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ở thế giới Lưu Ly nơi phương Đông có thể giúp chúng ta tăng phước tăng thọ, tiêu trừ tai nạn; còn đức A Di Đà Như Lai ở phương Tây thì có thể tiếp dẫn chúng ta mang theo nghiệp mà sanh về thế giới Cực lạc, “hoa nở liền trông thấy Phật, ngộ được pháp Vô sanh nhẫn.”

Trong bài Nhị Phật Chú có câu:

“Nhị Phật diễn hóa tại Ta-bà

Đông A-súc, Tây Di-đà”

Hai câu này nghĩa là Phật A-súc, tức Phật Dược Sư và Phật Di-đà đều giáo hóa chúng sanh tại thế giới Ta-bà. Hai vị Phật, một vị ở phương Đông, một vị ở phương Tây, nhưng cả hai đều có nhân duyên rất sâu đậm với chúng ta nơi cõi Ta-bà, do đó Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật chính là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, còn Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Quang Phật chính là A-di-đà Như Lai.

Nếu có ai niệm danh hiệu của Đức Phật Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư thì người đó được giải trừ tai nạn, bệnh tật tiêu tan, tội diệt, phước sanh, tâm ý mãn nguyện. Vậy, vị Phật giúp các chúng sanh kéo dài mạng sống chính là Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư.

Còn đức Phật A-di-đà thì sao? Ở đây là vấn đề vãng sanh. Như có ai muốn về thế giới Cực Lạc, thì phải niệm danh hiệu của đức Phật A-di-đà. Nếu quý vị muốn sanh về cõi Lưu Ly, tức là thế giới của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì hãy niệm danh hiệu của Ngài Dược Sư.

Khi còn sống, người ta muốn tiêu trừ tai nạn, kéo dài tuổi thọ; còn khi lâm chung người ta mong về nơi thế giới Cực Lạc. Bởi vậy, trong Phật giáo chúng ta thấy có cái bài vị màu đỏ gọi là bài vị diên thọ, ngụ ý rằng Đức Phật Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư phóng hào quang chiếu sáng ngôi sao bản mạng. Còn khi vãng sanh, nếu không muốn tái sanh nơi thế giới Lưu Ly mà muốn về cõi Cực Lạc thì người ta niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”. Nhân duyên của chúng ta đối với hai vị Phật nói trên quả là rất mật thiết.

Tuy nhiên, chúng ta vốn chưa biết về hai vị Phật này, ngay đến cả danh hiệu của các Ngài chúng ta cũng không biết, do đó đức Phật Thích Ca mới giới thiệu cho chúng ta về danh hiệu, bản nguyện, cùng công đức nguyện lực của các Ngài.

Bởi vậy mới có bộ Kinh này, gọi là **“Kinh Công Đức Các Bồ Nguyện Của Đấng Sư Lưu Ly Quang Như Lai”**.

“Đấng Sư Lưu Ly Quang” là tên gọi của đức Phật này; **“Như Lai”** là một trong mười tôn hiệu của mỗi vị Phật; **“Bồ Nguyện”** là các lời phát nguyện của Ngài khi Ngài phát tâm Bồ-đề, thời gian trước khi thành Phật quả. Lời nguyện phát ra trước khi thành Phật gọi là bồ nguyện.

“Công Đức” gồm có chữ “công”, chỉ những gì được tạo lập ở bên ngoài; chữ “đức” chỉ những gì được tích lũy ở bên trong. Thí dụ, quý vị dựng chùa lập miếu, tu sửa cầu đường, mưu cầu hạnh phúc và lợi ích cho mọi người, như vậy gọi là tạo lập công. Còn đức là nói về sự tình ở trong tâm, ví dụ như quý vị làm một điều gì mà khi trông lên thì không thẹn với trời, trông xuống không hổ với người, ngoài không dối người, trong không dối mình. Những hành động như vậy ở bên ngoài thì lập nên công, ở bên trong tạo thành đức hạnh, đó gọi là công đức.

Về đức hạnh chúng ta có câu: “Thiện dục nhân kiến bất thị chân thiện”, nghĩa là phàm điều thiện mà lại muốn mọi người trông thấy, thì chẳng phải là chân thiện. Quý vị làm một điều thiện, quý vị không cần người ta biết đến, cũng không cần phải quảng cáo với ai, chẳng hạn quý vị không cần phải tuyên bố rằng: “Tôi đã làm việc thiện này, việc thiện kia” hay nói: “Tôi đã thọ Năm giới, thọ Tám giới, rất nhiều giới, tôi đã thọ Bồ-tát giới!” Những điều đó quý vị đã làm nhưng quý vị không khoa trương. Đức hạnh thì không ai hay biết, đó mới là đức hạnh. Như muốn mọi người hay biết, thì không phải rồi! Cho nên mới có câu:

Làm thiện muốn người thấy,

Đó chưa là thật thiện.

Làm ác sợ người biết,

Đó mới là đại ác.

(Thiện dục nhân kiến,

Bất thị chân thiện.

Ác khủng nhân tri,

Tiện thị đại ác.)

Làm việc thiện mà muốn mọi người hay biết tức không phải là đức hạnh. Điều ác mà sợ có người biết thì đó là một tội lỗi lớn. Do đó, đã là người học Phật, chúng ta không thể giống như vậy, không nên tranh hơn tranh kém, chẳng hạn như nói những câu: “Tôi đã làm nên những chuyện này, chuyện kia! Tôi như vậy đó! Tôi bố thí như thế này! Tôi hộ pháp như thế kia!” Có những tư tưởng, hành vi khoa trương tự mãn, thì đó không phải là tư cách của người hộ pháp.

Bởi vậy, nay quý vị học Phật Pháp, nghe giảng kinh, quý vị hãy dụng công ở tại điểm này, chớ không phải là để hư trương danh tiếng, mượn dịp này để quảng cáo cho mình. Điều ta chú trọng là công phu thực sự, còn cái hư danh thì ta không cần biết. Chúng ta là người học Phật thì chính chúng ta phải làm gương, khiến cho mọi người phải kính nể phẩm hạnh của tín đồ Phật giáo! Công đức là ở chỗ đó!

“**Kinh**” ở đây có nghĩa là kinh thường. Pháp kinh thường nghĩa là pháp không biến đổi. Kinh chính là lời của thánh nhân, lời giảng dạy do bậc thánh nói ra, một chữ cũng không thể bớt, một chữ cũng không thể thêm vào, ý tứ phong phú. Nói tóm lược thì ý nghĩa của chữ Kinh không ngoài bốn nghĩa: quán, nhiếp, thường và pháp.

- Quán tức là xuyên qua, xuyên qua, ngụ ý rằng ý nghĩa và đạo lý trong lời Phật dạy giống như một cái râu, nối nhau, thông suốt từ đầu đến cuối.

- Nhiếp nghĩa là bắt lấy, thâm nhiếp, thích ứng với mọi căn cơ của chúng sanh.

- Thường có nghĩa là không thay đổi, từ cổ chí kim luôn luôn như vậy, có tính vượt thời gian.

- Pháp nghĩa là phép tắc. Chư Phật trong ba đời, quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng như ba đời các chúng sanh, tất cả đều tuân theo khuôn phép đó. Bởi vậy có câu: “Tam thế đồng tuân danh viết pháp”, nghĩa là ba đời cùng tuân theo gọi là pháp. Tất cả chúng ta cũng phải tuân thủ phép tắc đó.

“Kinh” còn được ví như dây mực của người thợ mộc, có khi mang ý nghĩa như một dòng suối tuôn. Thật ra chữ kinh còn chứa đựng nhiều ý nghĩa lắm, có điều quý vị chỉ cần nhớ lấy mấy ý chính. Kinh là gì? Kinh là kinh thường, là pháp không đổi thay, không cải biến, vĩnh viễn nó như vậy. Nay Phật giảng như thế này, trong tương lai Phật cũng giảng như thế, quá khứ Phật cũng đã giảng như vậy. Như trong câu: “Cổ kim chẳng đổi gọi là thường, ba đời đều tuân theo gọi là pháp”. Vậy kinh này, tức “Kinh Công Đức Các Bồ Đề Nguyên Của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”, nếu giải thích một cách đơn giản thì là thế.

Nay giảng các chữ trong đề kinh. “**Dược**” nghĩa là thuốc; “**Su**” là thầy. Vị Phật đây là một thầy thuốc lớn, có thể trị tất cả mọi bệnh tật của người trong thế gian. Bất kể quý vị bị chứng bệnh nan y gì, nếu được Ngài cứu chữa thì chắc chắn bệnh sẽ hết. Bệnh gì cũng chữa lành, ở cửa tử mà được hồi sanh, bệnh đáng chết mà được cứu sống. Bởi vậy Ngài mới có tên gọi là “Dược Sư”.

“**Lưu Ly**” là một chất trong suốt, ở trong có thể nhìn thấu ra ngoài, ở ngoài có thể nhìn thấu vào trong. Lưu Ly là tên của quốc độ quả báo (báo độ) của Đức Dược Sư, gọi là thế giới Lưu Ly và Ngài là vị giáo chủ. Thân thể của Ngài cũng là chất lưu ly, nội ngoại đều sáng trong, tinh khiết. Ngài thông hiểu hết các loại thuốc. Ở Trung Hoa đời xưa có vua Thần Nông, và có câu nói: “Thần Nông thường bách thảo”, nghĩa là vua Thần Nông đã từng nếm hết thảo các thứ thuốc. Thân thể của vua Thần Nông cũng là chất lưu ly. Khi nếm thuốc, nuốt vào bụng rồi, vua có thể nhận ra tác dụng của vị thuốc, biết được vị thuốc đó đi vào đường kinh lạc nào trong cơ thể. Khi nếm đủ các loại thuốc xong, vua phân tích ra từng tánh chất một (dược tánh), vị nào chua, ngọt, đắng, cay, mặn, thứ nào là lạnh, nóng, ấm, trung bình, thứ nào độc, thứ nào không độc.

“**Quang**” là ánh sáng. Thân thể Đức Dược Sư Như Lai không những trong suốt, mà còn tỏa sáng, là một đại quang minh tạng.

“**Như Lai**” là một trong mười tên hiệu của Phật: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Số là, mỗi vị Phật có mười vạn danh hiệu, nhưng kể đủ cả mười vạn danh hiệu ấy thì không ai nhớ được, nên người ta rút ngắn lại thành một vạn; tuy nhiên, một vạn kể ra cũng dài, lại rút thêm thành một ngàn; sau rút nữa thành một trăm và cuối cùng rút xuống chỉ còn lại mười danh hiệu.

Vị Phật nào cũng có mười danh hiệu đó, chứ chẳng phải vị Phật này có mà vị Phật kia thì không. Học Phật Pháp chúng ta phải hiểu điều đó. Tôi nghe những kẻ ngoại đạo nói về “Như Lai Phật”. Họ không hiểu Như Lai Phật là vị Phật nào. Kỳ thực, vị Phật nào cũng có hiệu là Như Lai. Như Lai nghĩa là “noi theo đạo như

thực (Chân lý) mà đến và thành Chánh giác” (thừa như thật chi đạo lai thành Chánh giác)¹.

“**Bổn Nguyện**” là nói về các lời phát nguyện trong quá khứ của Ngài. Đây không phải là lời phát nguyện trong đời này. Trong kinh điển Phật giáo có các danh từ như bổn sự, bổn nguyện, bổn sanh. Bổn sanh là đời hiện tại, bổn nguyện lại thuộc đời quá khứ, còn bổn sự cũng là sự việc xảy ra trong kiếp xưa.

“Công Đức” và “Kinh”, các danh từ này đã được giảng rồi.

Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai là vị Phật ở phương Đông. Ngài có một tên khác nữa là “Phật A Súc”. Phật Dược Sư thuộc Kim Cang Bộ ở phía Đông, và Bộ này chú trọng Pháp Hàng Phục. Pháp này chuyên hàng phục thiên ma, ngoại đạo. Khi chúng thấy các vị Kim Cang hộ pháp thuộc Bộ Kim Cang là chúng phải quy hàng. Giả tỷ như bất cứ ai niệm Chú Lăng Nghiêm thì sẽ được tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát gia hộ, che chở. Cố nhiên người đó phải thành tâm niệm chú mới được!

Đại khái lược giảng về ý nghĩa của tên kinh là như vậy.

Tôi nghe như vậy: Một thời đức Bạc Già Phạm đi hóa độ các nước, đến thành Quảng Nghiêm, Ngài dừng lại dưới gốc cây âm nhạc, cùng tám ngàn đại Bí-sô, ba vạn sáu ngàn Bồ-tát Ma-ha-tát, các quốc vương đại thần, các bà-la-

¹ **Như Lai**: Phạm, Pali: **Tathagatha**.

Cũng gọi Như khứ.

Tiếng Phạm **Tathagata** có thể được chia làm 2 là: **Tatha-gata** (*Như khứ*) và **Tatha-agata** (*Như lai*). Nếu theo cách thứ nhất thì có nghĩa là noi theo đạo Chân như mà đến quả Phật Niết bàn, cho nên gọi là *Như khứ*; còn nếu theo cách thứ hai thì có nghĩa là từ chân lý mà đến (*như thực mà đến*) và thành Chánh giác, cho nên gọi Như lai. Vì đức Phật theo Chân lý mà đến và từ Chân như mà hiện thân, nên tôn xưng Ngài là Như Lai.

(Phật Quang Đại Từ Điển)

môn, các cư sĩ, Trời Rồng và Tám bộ chúng, người và chẳng phải người, đông không kể xiết, cả thầy đều cung kính vây quanh nghe Phật thuyết pháp.

Như thị ngã văn, nhất thời Bạc-Già-Phạm, du hóa chư quốc, chí Quảng Nghiêm thành, trú nhạc âm thụ hạ, dữ đại Bí-sô chúng bát thiên nhân câu, Bồ tát Ma-ha-tát tam vạn lục thiên, cập quốc vương, đại thần, bà-la-môn, cư sĩ, thiên long bát bộ, nhân, phi nhân đẳng, vô lượng đại chúng, cung kính vi nhiễu, nhi vi thuyết pháp.

“**Như thị**” nghĩa là “như vậy”. Danh từ này ngụ ý rằng “pháp như vậy” thì có thể tin theo, học tập và thực hành. Chúng ta phải phát nguyện tu hành pháp đó, y theo lời dạy trong đó mà tu tập.

“**Ngã văn**” nghĩa là “tôi nghe”. Đây là lời của Tôn giả A-nan. Tôn giả nói như sau: “Các pháp nói trong bộ kinh này là do chính tôi, A-nan, được nghe từ kim khẩu của đức Phật nói ra, chớ không phải là do người truyền lại. Chính là tôi đã được nghe”.

Sở dĩ có mấy chữ “Như thị ngã văn” - tôi nghe như vậy - là bởi bốn nguyên do sau: Đó là bốn điều Tôn giả A-nan hỏi Phật. Số là khi Phật sắp nhập Niết bàn, Tôn giả A-nan rất đỗi bi thương, quên hết mọi sự mà chỉ biết than khóc. Ngày ấy, ngài A-nan đã chứng Sơ quả song ngài vẫn chưa đoạn được vấn đề tình cảm, cho nên khi biết tin Phật sẽ nhập Niết Bàn, ngài không thể nén được xúc động nên mới khóc lóc một cách bi thảm, cơ hồ chỉ biết khóc, chẳng biết chuyện gì khác nữa. Lúc đó có một vị tôn giả (Tôn giả A-nậu-lâu-đà) nhắc cho ngài thức tỉnh và nói

rằng: “Ông vốn có bốn phận ghi nhớ lại các lời Phật dạy, nay Phật sắp vào Niết Bàn, ông hãy ráng tỉnh táo mà nghĩ cho kỹ! Ngay bây giờ, ông hãy xét coi có điều gì trọng yếu thì phải hỏi Phật đi, đặng Phật chỉ dạy cho. Ông chỉ khóc lóc như vậy thì trong tương lai chúng ta sẽ ra sao đây?” Nghe lời nhắc nhở đó, Đức A-nan bèn tỉnh ngộ, ngài nói: “Đúng vậy! Có vấn đề gì quan trọng thì chúng ta phải mang ra hỏi Phật ngay. Có điều tôi khóc quá nên quên cả mọi thứ. Bây giờ chúng ta phải hỏi Phật những điều gì đây? Đầu óc tôi rối như tơ vò, chẳng còn nghĩ ra được vấn đề gì cả”.

Vị tôn giả nói trên nói: “Ông cần hỏi Phật rằng trong tương lai khi kết tập kinh tạng, ở mỗi bộ kinh phải lấy những chữ gì để bắt đầu. Đó là câu hỏi thứ nhất. Điều thứ hai là khi Phật tại thế thì Ngài là thầy của chúng ta; sau khi Phật nhập Niết Bàn thì ai sẽ là thầy? Điều này cũng cần phải hỏi Phật. Thứ ba, ông hỏi Phật rằng khi Ngài tại thế thì tất cả các Tỳ-kheo chúng ta ở cùng với Ngài. Vậy khi Ngài nhập Niết Bàn rồi, chúng ta sẽ ở với ai? Điều thứ bốn là khi Phật tại thế nếu Tỳ-kheo nào có ác tính thì Phật điều phục họ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, ai sẽ điều phục họ?”

Tôn giả A-nan đáp: “Bốn vấn đề vừa nói quả là trọng yếu rất mực, tôi sẽ phải đi hỏi Phật ngay.”

Nói rồi, Tôn giả A-nan đi đến trước Phật, chắp tay, quỳ gối và thưa rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Nay Ngài sắp nhập Niết Bàn nên chúng con có những vấn đề quan trọng muốn thỉnh Phật chỉ dạy cho chúng con.

Phật nói:

- Ông muốn hỏi điều gì thì cứ việc hỏi.

Tôn giả A-nan thưa:

- Trong thời gian trụ thế, Thế Tôn đã thuyết pháp 49 năm, nói kinh trong hơn ba trăm pháp hội, vậy ngày sau, khi kết tập kinh tạng thì phải lấy những chữ gì để khởi đầu cho mỗi bộ kinh?

Phật đáp:

- Kinh điển của chúng ta khác với kinh điển của ngoại đạo. Kinh của các đạo khác nếu họ chẳng nói về “có”, thì nói về “không”. Phần ghi trên đầu các kinh đều chẳng đi ra ngoài hai chữ “có” và “không”. Vậy về điểm này, đối với kinh của chúng ta, các ông nên ghi mấy chữ “tôi nghe như vậy”, ngụ ý rằng “Tôi, A-nan, chính tôi được nghe như vậy, chớ đó không phải là lời tôi nghe người ta truyền lại”.

A-nan thưa:

- Xin vâng! Trong tương lai chúng con sẽ ghi mấy chữ “tôi nghe như vậy”. Điều thứ hai con muốn thỉnh Phật chỉ dạy là khi Phật còn ở tại thế gian, tất cả các Tỳ-kheo chúng con đều tôn Phật là thầy. Vậy sau khi Phật vào Niết Bàn rồi, chúng con sẽ tôn ai làm thầy?

Phật đáp:

- Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, các ông sẽ lấy “giới” làm thầy. Ba-la-đề-mộc-xoa chính là thầy của các ông. Các ông giữ được giới thì chẳng khác gì ta còn tại thế. Các ông hãy làm các điều lành và tránh xa các điều ác.

A-nan hỏi:

- Điều thứ ba con xin thỉnh Phật chỉ dạy là nay Phật trú ở thế gian, chúng con trú cùng một nơi với Phật, thường theo học với Phật. Vậy sau khi Phật nhập Niết Bàn thì các Tỳ-kheo chúng con sẽ trú cùng với ai?

Phật đáp:

- Sau khi ta nhập Niết Bàn, tất cả Tỳ-kheo các ông phải trú vào Tứ Niệm Xứ. Tứ Niệm Xứ, hay bốn lãnh vực quán niệm, gồm có thân, thọ, tâm và pháp. Các ông phải an trú vào bốn nơi này để quán niệm.

Thứ nhất là quán thân bất tịnh, nghĩa là mình tự quán sát thân thể của mình, thấy thân thể này chẳng có cái gì gọi là sạch sẽ, tinh khiết, nó chỉ là sự tổng hợp của bốn đại: đất, nước, gió, lửa mà thành. Thứ hai là quán thọ là khổ, thứ ba quán tâm là vô thường, thứ tư quán pháp là vô ngã.

A-nan hỏi Phật điều thứ tư:

- Về những Tỳ-kheo có tánh ác, họ đều được Phật điều phục khi Phật còn tại thế. Vậy sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu có Tỳ-kheo có tánh ác, chúng con sẽ phải đối xử với họ ra sao?

Phật đáp:

- Trong tương lai nếu các ông gặp những Tỳ-kheo này thì nên lặng yên và bỏ mặc họ (mặc tẩn).

Điều này có nghĩa là khi gặp những trường hợp này, ta nên giữ im lặng, không nói chuyện với những người ấy. Bỏ mặc tức là bỏ đi nơi khác, không lý tới họ, không tranh cãi với họ. Như vậy, ít lâu sau họ sẽ tự cảm thấy rằng họ sai và sẽ tự sửa chữa. Đối với những người đó, nếu quý vị lại hỏi han, tranh biện với họ thì

họ sẽ tự cảm thấy họ có giá trị. Còn như quý vị chẳng hỏi han gì, họ sẽ cảm thấy họ chẳng hay ho gì. Thế nào gọi là Tỳ-kheo có tính ác? Nên nhớ rằng chẳng phải người xuất gia nào cũng cố gắng tu đạo, chẳng phải bất cứ ai ở đây cũng chịu tu hành.

Ngày trước, tại những ngôi chùa lớn ở Trung Hoa, các vị xuất gia rất đông, đủ mọi hạng người. Trong số này, có những kẻ đã từng giết người, đốt nhà, trộm cướp, hoặc xưa là thổ phỉ nay cải tà quy chánh, hoặc làm thổ phỉ nhưng mượn danh nghĩa của người xuất gia để giả trang đối với nhà chức trách, các hạng người như vậy đều có cả, nghĩa là rỗng với rỗng lẫn lộn, không đồng nhất.

Đó là tình trạng tại Trung Hoa và tôi tin rằng ở đâu cũng như vậy mà thôi. Nói về loại chuyên môn ăn cắp ở Trung Hoa, người ta còn mệnh danh họ là “Thiên thủ Quán Âm” - nghĩa là đức Quán Âm ngàn tay - bởi họ có muôn ngàn tay thực. Ai có đồ vật gì hay là họ lén lấy ngay, lấy xong mang đi bán, được đồng nào thì mua rượu hay ma túy. Bởi vậy quý vị đừng có khờ khạo, chớ có nhắm mắt tin rằng ai xuất gia cũng là người tốt cả. Tôi xin nói thẳng với quý vị như vậy, kể cả tôi cũng có thể ở trong số đó nữa, không phải ai ai cũng tốt đâu. Có điều tôi đã nguyện làm điều lành. Trong quá khứ tôi không biết đã từng làm những việc gì xấu, nay thì tôi chỉ ước mong làm sao tu hành cho tốt mà thôi.

Tỳ kheo ác tính thì rất là ác, họ không biết nghe lẽ phải, quý vị càng tranh biện với họ, họ càng thấy họ hay, họ càng làm tới, do đó Phật dạy chúng ta hãy giữ im lặng và bỏ mặc họ, không lý tới họ nữa.

Nói về Tứ Niệm Xứ thì thứ nhất là quán thân bất tịnh. Quý vị có thể nghĩ rằng: “Mỗi ngày tôi đều tắm rửa tắm thân này sạch sẽ, sau đó tôi còn tô điểm nó cho thêm đẹp đẽ”. Quý vị nói đúng! Quý vị trang điểm thân mình với nhiều thứ

lắm! Tay thì đeo đồng hồ vàng, trên người có giắt cây bút đắt tiền, đầu đội mũ đẹp, thân mặc quần áo sang trọng, sự trang điểm tằm thân của quý vị rất là hào nhoáng. Nhưng quý vị có biết như vậy là nghĩa gì không? Có khác gì quý vị mang những đồ quý giá, mỹ lệ, dùng bảy loại báu vật để trang hoàng cái cầu tiêu. Có trang hoàng thế nào đi nữa thì nó vẫn là nhà xí, nó bốc mùi xú uế, nó là bất tịnh.

Thân thể chúng ta có chín lỗ thường tiết ra những đồ bất tịnh. Ở hai con mắt thì có chất ghen, ở hai tai có ráy tai, ở hai lỗ mũi có nước mũi, ở miệng thì có đờm, dãi. Đó là bảy lỗ. Còn hai lỗ kia dùng cho đại và tiểu tiện. Con người của quý vị nếu lâu ngày không tắm rửa cũng thành hôi hám. Quý vị ăn hành thì người quý vị sẽ tiết ra mùi hành; ai uống sữa bò thì có mùi sữa bò; ăn thịt bò thì có mùi bò; ăn thịt dê, thịt heo, thịt chó thì sẽ tiết ra mùi của các thứ ấy. Quý vị ăn tỏi ư? Người quý vị sẽ toàn là mùi tỏi!

Quý vị bảo rằng: “Mùi phát ra ở miệng. Nếu ăn xong súc miệng, đánh răng thì chẳng còn mùi nữa”. Kỳ thực chẳng phải vậy. Ăn thứ gì thì chẳng phải chỉ có răng miệng có mùi mà toàn thân thể đều có mùi của thứ đó. Nếu quý vị không tin thì hãy thí nghiệm một lần cho biết. Quý vị thử uống thật nhiều sữa, tới khi đổ mồ hôi thì sẽ thấy mồ hôi có mùi sữa. Xem ra chín lỗ nói trên thường tiết ra chất bất tịnh, vậy chúng còn có gì là hay nữa? Quán sát như vậy gọi là quán thân bất tịnh.

Thứ hai, hãy quán thọ là khổ. Thọ có nghĩa là hưởng thọ, lãnh thọ. Bất cứ quý vị nhận thứ gì của ai, lãnh thọ hay hưởng thọ một thứ gì, cái thọ đó là khổ. Cái vui sướng, tức là “lạc,” cũng là nguyên nhân của khổ.

Thứ ba là quán tâm vô thường. Tâm của chúng ta, niệm niệm đổi thay, chẳng bao giờ ngưng nghỉ, nó là vô thường.

Thứ tư, quán pháp vô ngã. Tất cả các pháp đều không có ngã. Không những thế, chúng cũng không có ngã sở.

Như quán thân bất tịnh, các thứ thọ, tâm, pháp cũng đều bất tịnh. Quán thọ là khổ, các thứ thân, tâm và pháp cũng đều là khổ; quán tâm vô thường, các thứ thân, thọ, pháp cũng đều vô thường; quán pháp vô ngã, các thứ kia cũng là vô ngã. Gọi là Tứ Niệm Xứ, bốn lãnh vực để quán niệm, nhưng một là ba, ba là một; một thứ tức là bốn thứ và bốn thứ tức là một thứ.

Thời gian Phật còn tại thế thì các Tỳ-kheo trú cùng một nơi với Phật và sau khi Phật nhập Niết Bàn thì phải trú tại Tứ Niệm Xứ. Đó là di ngôn của Phật, lời Ngài phó chúc, dạy các Tỳ-kheo chúng ta phải y theo như vậy.

Sau khi Phật vào Niết Bàn thì tất cả phải lấy giới làm thầy. Giới là nghĩa “không làm các điều ác, luôn làm các điều lành”; cũng có nghĩa là “ngưng ác, ngừa quấy” (chỉ ác phòng phi), tức là chấm dứt điều ác, tu mọi điều lành, hay làm các điều phải, chấm dứt các điều quấy. Đó là giới luật. Kỳ thực nguyên ủy chẳng có gì gọi là luật cả. Nguyên do là khi Phật còn tại thế, số đệ tử rất đông, mà càng đông thì phát sinh nhiều vấn đề phức tạp. Có người giữ đúng quy củ, nhưng cũng có kẻ không theo phép tắc gì cả. Mỗi khi gặp một nguyên do nào đó, Phật mới đưa ra một quy lệ, rồi lâu ngày các quy lệ đó gom lại thành giới luật. Tỳ kheo có 250 điều giới, Tỳ kheo ni có 348 điều, Bồ tát thì có 10 giới trọng, 48 giới khinh, Sa di có 10 giới, cư sĩ tại gia thì hoặc 8 giới, hoặc 5 giới.

Các giới đó không ngoài chủ ý khuyên mọi người giữ quy củ. Cho nên giữ được quy củ thì xã hội sẽ có những phần tử tốt, ưu tú, hiền lương, có thể mang lại trật tự an lành cho tất cả, không còn điều gì phiền hà trong cuộc sống. Bởi vậy giới

luật là nền tảng của một thế giới an bình. Đó là lý do mà các Tỳ-kheo phải lấy giới làm thầy.

“Tôi nghe như vậy”. Vào ngày tôn giả A-nan kết tập kinh điển, lúc tôn giả vừa ngồi vào cỗ pháp tọa, tức là chỗ thường ngồi của Phật khi thuyết pháp, người ta bỗng thấy hiện ra nhiều tướng tốt lành. Đại chúng chúng kiến lấy làm lạ, trong lòng nẩy sinh ba điều nghi hoặc. Thứ nhất người ta nghi rằng vị tôn giả đó chẳng phải là A-nan thực, mà là đức Phật Thích-ca sống lại, bởi họ thấy rõ vị tôn giả xưng là A-nan cũng có ba mươi hai tướng tốt, cùng tám mươi vẻ đẹp nên nghi rằng Phật đã hồi sanh.

Thứ hai, họ nghi rằng đây là một vị Phật ở cõi khác đến thế giới Ta-bà để thuyết pháp. Nếu chẳng vậy thì làm gì có được những hiện tướng tốt lành đó.

Thứ ba, họ nghi tôn giả A-nan đã chứng Phật quả, ngài đã thành Phật.

Bởi có những điểm nghi ngờ như vậy nên ai nấy đều bàng hoàng, chưa biết rõ sự thể ra sao. Tới khi Tôn giả A-nan cất tiếng: “Nhu thị ngã văn” - tôi nghe như vậy - bốn chữ đó có nghĩa như: “Đây! Pháp như vậy là do chính tôi, A-nan, được nghe đức Thích-ca Mâu-ni Phật thuyết giảng”, mọi người mới thức tỉnh và mọi nghi ngờ mới tiêu tan.

Ngay đến hàng A-la-hán, khi nghe thấy ngài A-nan kết tập kinh điển cũng khởi lên ba mối nghi như vậy. Nói gì chúng ta ngày nay, nghe tới kinh này, tâm chúng ta bèn khởi lên, chẳng phải ba mà có thể tới hàng ngàn hàng vạn mối nghi nữa, tở như có ý nghĩ rằng: “Kinh này có thiệt hay không?”, “có phải do Phật nói ra chẳng?”, “lấy gì làm bằng chứng?”. . . Cái máy điện toán trong thân thể này, không phải là điện não (computer), mà là nhân não (our brain), một khi mở máy thì

cả ngàn, cả vạn mỗi nghi xuất hiện. Xem như vậy thì học Phật Pháp chẳng phải là dễ. Chúng ta học Phật mà chẳng có thành tựu gì, chính là do cái tâm nghi ngờ đó.

Có câu rằng: “Tu đạo cần đừng có tâm nghi”, nghĩa là người tu đạo đừng có tâm nghi. Nói thế này, thì quý vị không tin; nói thế kia, quý vị cũng không tin; nói điều chân thực cũng không tin; song nói điều hư dối thì quý vị lại tin! Đó là điên đảo.

Câu tiếp theo là: “Tâm nghi vừa khởi lạc đường mê”, nghĩa là một khi quý vị khởi tâm nghi tức là quý vị đi ngay vào con đường lầm lạc. Bởi vậy người học Phật phải theo đúng châm ngôn “sáng như vậy, chiều cũng vậy” (triêu u tư, tịch u tư), ngày ngày tu học, từng giờ, từng khắc phải tu học, đỉnh ninh trong dạ, chớ không phải làm cho qua chuyện mà được.

Tại Vạn Phật Thánh Thành này, bất cứ là người xuất gia hay hàng cư sĩ, nếu muốn học Phật thì phải ráng đọc tụng cho thuộc bộ Kinh Lăng Nghiêm. Nhớ và thuộc lòng bộ kinh này thì công học Phật sẽ không uổng. Thực vậy, trong kinh này Phật giảng đến chỗ tốt cùng, rất là chính xác, phơi bày hết cái dở của hàng ngoại đạo, lột trần bản tướng của họ. Bởi vậy nếu chúng ta hiểu thấu kinh Lăng nghiêm, thì thiên ma ngoại đạo sẽ phải khiếp sợ đến dựng lông tóc. Nay quý vị muốn thực lòng hộ trì Tam Bảo, hoằng dương Phật Pháp, thì phải mau mau nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, đọc tụng Lăng Nghiêm, giảng giải Lăng Nghiêm, tối thiểu là như vậy.

Việc học kinh Lăng Nghiêm, nghe kinh, tụng kinh, đòi hỏi một sự nhẫn nại, không được sanh lòng chán nản. Quý vị phải biết cái cây kia, mỗi ngày một lớn lên, rồi hàng ngày quý vị phải lấy nước tưới lên, thì cây mới nở hoa, mới có màu sắc đẹp đẽ như vậy. Các trẻ nhỏ phải ngày ngày dạy dỗ, lớn lên đi học cũng ngày

ngày đọc sách. Học Phật Pháp thì cũng phải bỏ chút ít thời gian để hàng ngày nghiên cứu, học tập Phật Pháp.

Quý vị học Phật Pháp còn tốt hơn là mang tiền gửi tại ngân hàng nữa. Về phương diện huệ mạng và Pháp thân thì việc học Phật lại càng trọng yếu hơn nữa. Chớ nên coi tiền tài trên thế gian này là thật. Học Phật Pháp mang lại pháp tài để quý vị sử dụng tại thế gian. Nó là công đức pháp tài cho pháp xuất thế gian. Quý vị không thể coi nhẹ vấn đề này, không thể làm một cách qua loa cho xong việc! Bận rộn cả ngày mà cũng dành được chút thời gian để nghe kinh, nghiên cứu Phật Pháp, vậy là tốt lắm!

Chớ có nghĩ rằng: “Ồ! Giảng kinh thì ngày nào cũng chỉ từng đó! Nghe hoài phát chán!” Vậy chớ, công việc của quý vị bận rộn mà quý vị vẫn phải ăn, vẫn phải mặc quần áo, vẫn phải ngủ nghỉ thì sao? Như nghe kinh mà ta cũng coi trọng như ăn, mặc, ngủ nghỉ thì hay biết bao!

“**Như vậy**” (*Như thị*), ý nói rằng pháp như vậy. Pháp đó có thể tin được, pháp đó có thể tu theo, pháp đó có thể tu thành Phật được. Pháp đó phải tu tập, chúng ta phải tin theo, chúng ta phải gắng sức tu một cách chân thành. Từ ngữ “**Như vậy**” (*Như thị*) là chỉ về pháp, biểu tượng cho ý nghĩa thành tựu của bộ kinh về chữ “tín”.

Phàm là kinh thì phải thỏa mãn sáu điều kiện cần thiết, gọi là sáu thành tựu. Thứ nhất là thành tựu về tín. Nếu quý vị tin được có nghĩa là niềm tin đã thành tựu, mà tín có thành tựu thì mới có lợi ích. Nếu không tin thì chẳng có lợi gì. Lấy thí dụ như cơm mà chúng ta ăn. Chúng ta tin rằng ăn cơm vào thì sẽ được no bụng, bằng không ăn thì chẳng no được. Pháp cũng vậy, tuy Pháp đó có thể dẫn tới Phật quả, nhưng quý vị không tin, không tu, thì Pháp đó chẳng có hiệu quả gì đối với quý vị

cả. Pháp chẳng phải nói suông, thực hành Pháp mới là đạo. Quý vị phải thực sự tu hành, y theo Pháp mà tu tập, có như vậy mới có lợi lạc. Quý vị có tin thì mới có sự thành tựu. Có được niềm tin thực ra cũng do nhiều nhân duyên khác hỗ trợ.

“Tôi nghe”: Từ ngữ này nói lên điều kiện cần thiết thứ hai, đó là sự nghe, hay nói cách khác là thành tựu về nghe. “Tôi nghe” thì chữ “tôi” chỉ Tôn giả A-nan. Ngài tự xưng mình là “tôi”, nhưng chữ “tôi” ở đây có tính cách vô ngã, không hề có sự chấp trước, cái “tôi” viên dung, không bị trở ngại; nó thấu suốt cả vạn sự vạn vật mà lại buông bỏ hết; bởi vậy nó mới đích thực là chân ngã của tự tánh. Cái “tôi” này không mang ý nghĩa đối ngoại, như nói tôi và người khác. Nó là đối nội, đối với chính tâm sở của mình. Đây là cái “tôi” có trí huệ, cái “tôi” không điên đảo, cái “tôi” trong sự trạch pháp. Bởi có con mắt trạch pháp nên mới tới được trình độ “thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển”. Làm sao có được con mắt trạch pháp? Chính là phải có thành tựu về tín và thành tựu về văn (nghe).

“Một thời”: Nay đã có hai sự thành tựu, có lòng tin, có ý muốn nghe, nhưng lại phải có một thời điểm để nghe, tức thời gian nghe bộ kinh Công Đức Bản Nguyên của Đức Phật Dược Sư, mà cũng chỉ cả thời gian Tôn giả A-nan kết tập kinh tạng. Từ ngữ “một thời” chính là sự thành tựu về thời gian. Có thể quý vị sẵn lòng tin, lại muốn nghe, nhưng thời gian không ăn khớp chẳng hạn, đại khái quý vị không có dịp đến Kim Luân Thánh Tự để tham gia pháp hội giảng kinh thuyết pháp, mà lại nằm ở nhà, thì dầu có tin và muốn nghe cũng không nghe được. Đó là vấn đề thành tựu về “thời”, một trong những điều kiện cần thiết để nghe kinh.

“Bạc Già Phạm” (Bhagavan) là một tên khác của đức Phật. Từ ngữ này có sáu ý nghĩa. Quý vị muốn tìm hiểu kỹ càng về từ ngữ này thì có thể tra từ điển Phật

học. Nếu không, thì chỉ cần nhớ rằng đây là tiếng Phạn và tiếng đó chỉ đức Phật. Từ ngữ “Bạc Già Phạm” biểu tượng cho sự thành tựu về chủ thể.

Nay các điều kiện về tín, nghe và thời đã được thỏa mãn, nhưng nếu không ai giảng kinh thì quý vị đâu có nghe được gì. Các thành tựu trên đều vô dụng nếu không có sự thành tựu về chủ thể, tức là người chủ thuyết pháp.

Bây giờ tôi hỏi quý vị: Có ai nhớ sáu ý nghĩa của chữ “Bạc-Già-Phạm” này không?

Một đệ tử thưa: Đệ tử chỉ nhớ được bốn ý nghĩa.

Thượng Nhân: Cứ nói ra cho mọi người nghe đi! Còn hai nghĩa kia để người khác nói.

Đệ tử: Một nghĩa là tự tại, ngụ ý rằng đức Phật ở nơi nào cũng thoải mái, không có phiền não.

Thượng Nhân: Tự tại giống như ông chẳng?

Đệ tử: Hoàn toàn khác.

Thượng Nhân: A! Ông làm gì mà không tự tại? Ông chạy đi đâu mà không “ở đây” (tự tại)?

Đệ tử: Thường thường là hướng ngoại, truy cầu bên ngoài.

Thượng Nhân: Okay! Nghĩa thứ hai là gì?

Đệ tử: Bạc Già Phạm còn nghĩa là danh xưng, ý nói rằng ai ai cũng biết tên của đức Phật; công đức, hạnh nguyện và lòng từ bi của Ngài, tất cả mọi người đều

hay biết. Nghĩa thứ ba là đoan nghiêm, tức là sự đoan chính, không có chút gì gọi là tà, không có vọng tưởng, tóm lại là rất trang nghiêm, rất chánh. Nghĩa thứ tư là xí thịnh, ý nói rằng công đức của Ngài rất trang nghiêm, thật là viên mãn, có tính cách sáng rực như một ngọn lửa phát ra ánh sáng, vô cùng mỹ lệ, rất hay, ai ai cũng muốn xem, muốn ngắm nhìn ánh sáng của ngọn lửa.

Thượng Nhân: Trong số quý vị đây, có ai biết được ông ấy nói đúng hay sai chẳng? Bốn danh xưng về đức Phật vừa nói có nằm trong sáu ý nghĩa của chữ Bạc Già Phạm không? Ai biết ông ấy nói sai? Mau nói thử coi! Ông ấy nói đúng ư? Cũng lên tiếng cho biết đi! Chữ đó còn hai ý nghĩa nữa, tôi không cần gọi tên ai cả, người nào biết thì hãy mau mau nói ra. Nếu chẳng ai nói cả thì chúng tỏ rằng quý vị đã quên, không một người nào ghi nhớ hết.

Quả Huệ thì sao? Biết không?

Quả Huệ: Có một nghĩa là cát tường.

Thượng Nhân: Còn gì nữa? Quả Nhã có biết không?

Quả Nhã: Có một nghĩa là tôn quý.

Thượng nhân: Còn bốn ý nghĩa mà vừa rồi người ta đã giảng thì có đúng không?

Quả Nhã: Một ý nghĩa gọi là trang nghiêm, nhưng (huynh ấy) nói thành chữ đoan chính.

“Cát tường”! Người Trung Hoa thích chữ cát tường lắm! Nhất là người Quảng Đông, cứ mỗi lần sang năm mới, người ta chỉ nói : “Như ý cát tường! Như ý cát tường!” Muốn cát tường mà không chịu niệm Phật! Chỉ đi kiếm nơi đánh

“mạc chược”, hoặc đến chỗ khiêu vũ! Quý vị muốn được cát tường thì quý vị phải niệm Phật, sống trong quy củ theo đúng phép tắc. Đánh mạc chược ư? Cát tường làm sao được? Chỉ có thua bạc thôi! Thua tới thua lui, thua đến mất luôn cả cái quần này. Quý vị bảo như vậy là cát tường ư?

“Tôn quý”! Phật là tôn quý nhất! Do đó muốn được tôn quý, chúng ta phải theo gương Phật, học tập tấm gương rất tôn quý, rất hoàn chỉnh của Ngài, một tấm gương trong, không còn tập khí, không còn vọng tưởng tạp niệm, hoàn toàn vượt xa cảnh giới A-la-hán.

A-la-hán, như trong kinh Pháp Hoa mở đầu như sau:

“Tôi nghe như vậy: Một thời Phật tại núi Kỳ-Xà-Quật, thuộc thành Vương Xá, cùng các vị đại tỳ-kheo, một vạn hai ngàn người, đều là A-la-hán . . .”

A-la-hán là những vị đó. Họ là những người đã dứt sạch lậu hoặc - *chư lậu dĩ tận* - dứt hết các điều xấu, các tập khí, lìa mọi vọng tưởng, thoát khỏi vòng sanh tử. Các ngài đã làm xong mọi việc mà họ phải làm - *sở tác dĩ biện* - hoàn thành mọi thứ, không còn hướng ra ngoài để mong cầu điều gì. Bởi không rong ruổi tìm kiếm bên ngoài nữa nên mới dứt sạch các lậu hoặc.

Lậu là thế nào? Như ham nói chẳng hạn, đó là lậu. Thích nghe thanh âm cũng là lậu. Có người bảo: “Tôi không nghe, tôi không nhìn, đâu có thể như vậy được? Học Phật Pháp để đi tới chỗ không nghe, không nhìn thì tôi không thể làm được”. Bởi không làm được như vậy nên cho đến nay quý vị vẫn chưa thành Phật, vẫn còn hướng ra ngoài để tìm kiếm, không biết trở về, không thể hồi quang phản chiếu.

Một khi đã dứt hết các thứ lậu thì lúc đó quý vị chẳng còn tham, chẳng tranh, chẳng cầu, chẳng ích kỷ, chẳng tự lợi. Chừng nào quý vị còn tham, là còn bệnh; còn tranh, cầu, ích kỷ, tự lợi, là còn bệnh. Tình ái cũng là bệnh và bệnh nặng nhất chính là dục niệm. Khi dứt sạch lậu thì hết dục niệm, hết các ý nghĩ dâm dục, hết sự khát khao, vọng tưởng, niệm gì cũng không còn.

Bậc A-la-hán thì không có phiền não - *vô phục phiền não* - vì phiền não đã hết. Bậc A-la-hán đã tìm được lợi lạc cho chính mình - *đãi đắc kỷ lợi* - đã có trí huệ chân chánh, tức coi như đã gặt hái được cái kết quả chân chánh của việc tu học Phật. Như tôi đã từng nói với quý vị, Phật chính là một vị đại trí huệ. Ai có trí huệ thì người đó sẽ không điên đảo và người đó là Phật. Chừng nào quý vị còn điên đảo, tâm còn tham không biết chán, không bao giờ vừa lòng, luôn luôn tranh đua với người khác, chỉ biết ích kỷ, tự lợi, thì quý vị không thể nói tới sự lợi ích của Phật Pháp được. Chỉ khi nào quý vị dứt hẳn lòng ham muốn ngoại vật, như tiền bạc, đồ châu báu, rồi các thứ về sắc, thanh, hương, vị, xúc, tất cả các cảnh giới này đều không lay chuyển được mình, lúc đó quý vị mới thật sự hưởng lợi của chính mình, *đãi đắc kỷ lợi*.

A-la-hán đã thoát hết mọi thứ ràng buộc, tức là “*tận chư hữu kết*”. Lúc này các tập khí đã hết, các thứ dây trói buộc không còn nữa nên hoàn toàn tự do. Trong cảnh giới này, tâm mới thực sự tự tại.

Còn Phật thì sao? Địa vị của Phật còn siêu việt hơn nhiều lắm, bởi vậy Phật mới là tôn quý bậc nhất.

Nếu chúng ta muốn học theo Phật thì bước đầu phải học tính cách *không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi*. Chẳng phải là cứ nói : “Tôi không cái này, tôi không cái kia”, nhưng đồng thời lại muốn lấy những thứ

của người khác. Đó là quý vị đã dối người, dối mình. Quý vị thực sự không có tâm tranh ư? Quý vị sẽ để cho mọi sự diễn tiến một cách tự nhiên. Quý vị không tham ư? Quý vị cũng sẽ giữ một thái độ như vậy. Đến tình trạng không cầu thì có câu nói: “Đáo vô sở cầu xứ tiện vô ưu”, nghĩa là còn mong cầu thì còn ưu sầu, hết mong cầu thì chẳng còn gì phải ưu sầu nữa. Quý vị còn phải dứt bỏ tâm ích kỷ (tự tư), tức là không nghĩ riêng cho mình. Chuyện phiền phức trên thế gian này là do mọi người có tâm ích kỷ, mà ích kỷ phát sinh là vì dục niệm. Không ích kỷ còn bao gồm cả lòng không mong cầu và không còn vướng vào vòng yêu thương nữa. Không tự lợi là không tìm cái lợi riêng cho mình, không tìm cái khoái cảm riêng cho mình, các thứ đó phải dứt bỏ hết! Nếu loại được hết các lỗi lầm kể trên thì quý vị sẽ thành Phật.

Sáu ý nghĩa của từ Bạc Già Phạm quan trọng như vậy. Chúng ta là người học Phật, phải nhớ cho kỹ. Bằng không thì cũng như không nhận biết được Phật. Như quý vị quen biết một người nào, quý vị nhận biết diện mạo, hình dáng bên ngoài của người đó, còn nhận biết cả giọng nói. Như vậy mới gọi là quen biết thực sự. Quý vị chẳng cần phải nhìn thấy tận mặt, chỉ cần nghe giọng nói của người đó là đã nhận ra ngay người quen. Nhận biết Phật cũng cùng một ý nghĩa như vậy. Nếu quý vị học Phật mà không ghi nhớ hết các nghĩa của danh từ Bạc-Già-Phạm thì quý vị quả là kẻ học Phật hờ dờ.

Bởi vậy quý vị phải nhớ điều này đặng lần sau, khi được hỏi đến thì có thể trả lời được. Quý vị xem! Tôi đã mất nhiều hơi sức giảng cho quý vị mà quý vị lại quên hết, như gió thoảng qua tai, thật là đáng tiếc biết bao! Bây giờ tôi giảng được chừng nào, quý vị phải cố gắng ghi nhớ, lần sau nhất định tôi sẽ hỏi lại, ai không trả lời được tức là kẻ đó đã ngồi ngủ gục.

“Phật đi hóa độ các nước, đến thành Quảng Nghiêm, Ngài dừng lại dưới gốc cây âm nhạc”: Phật giáo hóa các chúng sanh không phải chỉ giới hạn trong một nước mà tại hết thảy các nước có duyên với Phật Pháp, cũng như những chúng sanh ở một nước nào hữu duyên thì Ngài cũng tới đó để giáo hóa. Bởi vậy mới nói là “du hóa chư quốc”. Trên đường du hóa, Phật đi tới một thành phố lớn tên gọi là Quảng Nghiêm (Vaisali). Ngài dừng lại tại một gốc cây âm nhạc, ngồi xuống trong thế kiết già và thuyết pháp cho đại chúng.

Các từ ngữ “thành Quảng Nghiêm, dưới gốc cây âm nhạc” nói lên ý nghĩa của “xứ thành tựu”. Phần trên chúng ta đã thấy những sự thành tựu về tín, văn, thời và chủ. Thành tựu về chủ tức là nói về chủ thể của sự giảng kinh. Tuy nhiên, đã có người giảng kinh rồi thì lại cần phải có địa điểm giảng nữa. Cũng giống như nay giảng Kinh Dược Sư mà không có giảng đường thì giảng làm sao được? Bởi vậy phải có yếu tố địa điểm, tức là nói về xứ thành tựu.

Đoạn sau kinh văn nói đến các Tỳ-kheo và Bồ tát, tức đề cập tới chúng thành tựu. Vậy là đã có chủ thể giảng kinh, có địa điểm, nay lại có người nghe kinh. Phật thuyết pháp mà nếu chẳng có ai nghe, Phật thuyết cho Phật nghe thì chẳng còn ý nghĩa gì. Tất phải có sự hiện diện của chúng sanh thì Phật mới có đối tượng thuyết pháp.

Chúng sanh trong các pháp hội đều là những người có duyên với Phật Pháp. Như quý vị tới đây nghe kinh, chính là đã có sẵn nhân duyên rồi. Không có duyên thì dầu muốn tới cũng không tới được. Đừng tưởng đây là chuyện bình thường. Kỳ thực nó không đơn giản như vậy. Chính quý vị đã từng gieo trồng căn lành từ bao nhiêu kiếp trước, nên nay mới có cơ hội mỗi ngày đến đây nghe kinh. Có điều chúng ta không nhận biết được điều đó mà thôi. Bởi không hiểu duyên lành này nên có lúc quý vị sanh tâm lười biếng, rồi lấy cớ rằng: “A! Sư Phụ chưa tới, ta có

thể chạy đi tiêu khiến chút xíu”. Rồi thì, từ đó chạy đi xem kịch, coi phim, đi nhảy, đi uống rượu, mở “party”, nghĩa là mang sức lực phung phí vào những chuyện vô ích.

Mỗi lần đến đây nghe kinh, một là quý vị được nghe pháp âm, đủ khiến cho lòng vui bớt những phiền não trần lao của thế tục, hai là quý vị được thêm trí huệ vì những gì kinh điển nói ra đều là trí huệ, đều là pháp bát-nhã.

Có người bảo rằng: “Tôi hiểu kinh cũng khá lắm rồi!” Vậy hiểu thêm nữa không tốt hay sao? Quý vị sợ quá nhiều ư? Quý vị đến ngân hàng gửi tiền, có khi nào quý vị thốt ra câu: “Trương mục của tôi quá nhiều tiền, nhiều quá thôi! Nhiều quá thôi!”? Nhiều bao nhiêu đi nữa cũng chẳng ngại, càng nhiều càng tốt mà! Vậy có thêm trí huệ, biết thêm Phật Pháp chân chánh mà cũng ngại ư? Chẳng phải như vậy là điên đảo hay sao? Chẳng qua quý vị không biết suy tính, nên mới bỏ gốc mà tìm ngọn, bỏ cái trước mắt mà tìm cái xa vời, bỏ lỡ việc học hỏi Phật Pháp, để uổng phí hết thời gian!

“Cùng với các đại bí-sô, đủ tám ngàn vị”: Đại bí-sô hay Tỳ-kheo là chỉ các bậc xuất gia. Chữ “đại” ngụ ý rằng các vị này đều là bậc trưởng lão, là những Tỳ-kheo đã xuất gia từ trên hai mươi tới ba mươi năm. Không gọi bằng chữ “lão” là già mà gọi bằng chữ “đại” vì họ là những bậc Tỳ-kheo lớn, đầy đủ đức hạnh, trí huệ viên mãn, phẩm cách tuyệt vời.

“Tỳ kheo” nguyên là tiếng Phạn, bao hàm ba nghĩa. Vị nào hay nghe kinh, ắt đã được nghe nhiều lần ý nghĩa này: thứ nhất là nghĩa “khất sĩ”, thứ hai là “bố ma”, thứ ba là “phá ác”.

1. Khất sĩ, chỉ người đi xin ăn. Những người đi đến từng nhà để xin cơm ăn còn gọi là kẻ ăn mày, nhưng khất sĩ thì không phải là hạng ăn mày bình thường, đi

xin với một tâm hồn phân biệt, không bình đẳng—hễ được cho nhiều thì vui thích, cho ít thì buồn phiền. Đối với khất sĩ thì khác—cho đồ ngon hay không ngon, họ cũng chẳng chú ý, hoặc cho nhiều cho ít, họ cũng không quan tâm, họ chỉ biết mang cơ duyên đến để mọi người được gieo phước, ai cho thì người đó gieo nhân và gieo nhiều nhân lành thì gặt hái nhiều phước, họ chẳng khởi phiền não, vô minh.

Trên đường đi khất thực, mắt vị Tỳ kheo không nhìn ngang nhìn ngửa hoặc quay đầu ngấm nghĩa, mà luôn giữ thái độ nghiêm chỉnh uy nghi, theo đúng pháp túc cung trai. Đã là người xuất gia, mỗi khi đi ra đường cũng không thể ngo ngoác, luôn luôn giữ cặp mắt nhìn xuống mũi, mũi chiếu xuống miệng, miệng thì quán tâm. Phạm thứ gì không đúng với lễ nghi, thì mắt không nhìn, tai không nghe, miệng không nói, thân không vọng động.

Khất sĩ đi khất thực trong sự yên lặng, không nói năng, chớ không giống như người ăn mày đến trước cửa nhà người ta thì nói những câu: “Thưa ông! Thưa bà! Phát tài, phát phúc!” toàn là những từ ngữ tán dương, khách sáo. Tỳ kheo đi khất thực thì không nói gì cả, ai bố thí thứ gì thì mang đi, không bố thí cũng vậy, trong tâm không có phiền não.

2. Bồ ma là ý nghĩa thứ hai của chữ “Tỳ-kheo”. Vì Tỳ kheo đoan nghiêm có chánh khí nên thiên ma trông thấy thì kinh hãi, các loại tà ma quỷ quái thì phải lánh xa. Tại sao vậy? Bởi vì chánh có thể hàng tà.

3. Phá ác là ý nghĩa thứ ba. Người thường rất khó phá trừ các tập khí xấu, không giống như các Tỳ-kheo là những người chuyên trị việc phá trừ tập khí, chuyên sửa các lỗi lầm của mình, cải sửa điều ác thành điều thiện, do đó họ được gọi là phá ác.

Số đại Tỳ-kheo này tổng cộng là bao nhiêu? Trong pháp hội có tất cả tám ngàn vị.

“Ba vạn sáu ngàn đại Bồ-tát”: Danh từ “Bồ-tát” cũng là tiếng Phạn và rất phổ biến tại Trung Hoa. Hai chữ này ai ai cũng quen thuộc, nhưng hỏi mọi người, kể cả trong hàng Phật tử, Bồ tát là gì thì họ chẳng biết nói ra sao.

Chúng ta phải nhớ rằng hai chữ “Bồ tát” chính là chỉ một vị thánh trong Phật giáo Đại thừa. Nói cho đủ thì đó là danh từ “Bồ-đề tát-đỏa”, còn tiếng Anh là Bodhisattva, dịch nghĩa ra tức là “giác hữu tình”. Chữ hữu tình là chỉ chúng sanh và Bồ tát là một chúng sanh trong chín Pháp giới, là một thánh nhân trong bốn Pháp giới thánh.

Giác hữu tình là ý nghĩa gì? Đó là ngụ ý rằng các vị này sử dụng trí huệ giác ngộ của mình để độ thoát các chúng sanh hữu tình. Phạm loại gì có khí huyết thì gọi là hữu tình, không có khí huyết thì gọi là vô tình. Như các giống thực vật, tuy thuộc loại vô tình, nhưng chúng lại có “tánh” (bổn tánh) và chúng đều sanh ra và được nuôi dưỡng trong đại quang minh tạng của Phật.

Bồ tát gọi là “giác hữu tình” nhưng cũng là một “hữu tình giác”. Tại sao nói vậy? Bởi Bồ tát cũng là người như chúng ta, cũng là một chúng sanh, chỉ khác là Bồ tát đã giác ngộ. Giác ngộ điều gì? Giác ngộ ý nghĩa “chư ác bất tác, chúng thiện phụng hành” (các việc ác không làm, các việc lành thì làm). Một khi đã giác ngộ thì dụng công phá trừ tập khí, tu tập trí huệ vô thượng. Như vậy đây là một vị giác ngộ trong giới hữu tình. “Giác” là đối nghịch với “mê”, nên Bồ tát là một chúng sanh không mê; vì bởi không mê nên trong hành động không còn vô minh nữa.

Chúng ta bây giờ phạm làm việc gì cũng là hành động trong sự vô minh, bởi lý do chúng ta không có trí huệ chân chánh. Gặp việc là chúng ta không biết xử trí

cách nào cho đúng, tiến chẳng biết tiến, thoái chẳng biết thoái. Chúng ta không phải là kẻ đã tự giác, còn hàng Nhị thừa thì đã tự giác rồi, hành động không còn hồ đồ nữa, nhưng họ không dùng các pháp môn giác ngộ đó nói cho mọi người biết để tất cả đều được giác ngộ. Bồ tát thì không những đã được tự giác, lại còn truyền bá trí huệ giác ngộ đó cho hết thảy mọi người, khiến cho những ai thực lòng mong ước giác ngộ, đều có thể theo phương pháp đó mà đạt được kết quả. Vậy là Bồ tát đã tự giác lại còn đi giác ngộ người khác, tức là tự giác, giác tha. Tuy nhiên sự giác ngộ của Bồ tát vẫn chưa tới chỗ viên mãn.

Phật thì sao? Phật thì tự giác, giác ngộ chúng sanh, sự giác ngộ của Phật lại đạt tới độ viên mãn, ba hạnh giác ngộ đều viên mãn, do đó có câu: “tam giác viên, vạn đức cụ”, cả vạn đức hạnh đều toàn vẹn, như vậy mới gọi là Phật.

Chỗ này đương nói về Bồ tát. Vậy nếu Bồ tát vẫn giữ bước tiến tu thì cũng sẽ chứng được quả Bồ tát Đẳng giác, chỉ thua Phật một bậc. Hàng Bồ tát cũng có nhiều bậc, có Bồ tát Sơ địa, Bồ tát Nhị địa, Tam địa, Tứ địa, cho đến Bồ tát Thập địa. Bồ tát Thập địa gọi là Bồ tát Đẳng giác. “Đẳng” là ngang hàng, ý nói ngang với độ giác ngộ của Phật, nhưng so địa vị thì không bằng Phật.

Trong pháp hội của đức Phật Dược Sư có các hàng Bồ tát như trên, gọi là đại Bồ tát hay ma-ha-tát. Gọi là “đại” tức chỉ nguyện lực lớn, trí huệ lớn, công phu tu hành và đạo nghiệp đều lớn. Số Bồ tát đó trong pháp hội là ba vạn sáu ngàn vị.

“Các quốc vương, đại thần”: Một số quốc vương cũng có mặt trong Pháp hội. Họ là vua một nước, lo việc trị vì để mang lại hạnh phúc cho toàn dân. Bên cạnh có các vị đại thần, họ là những người phụ tá của vua để lo việc trị nước.

“Bà-la-môn”: Bà-la-môn là một giai cấp quý tộc ở Ấn. Nước Ấn độ có bốn giai cấp, hai giai cấp tôn quý và hai giai cấp hạ tiện. Bà-la-môn theo pháp tu khổ

hạnh, ăn chay, nhưng họ cầu sanh về cõi trời, tâm tham hỷ còn, tâm sân chưa hết, tâm si và vọng tưởng cũng chưa hàng phục được. Họ chỉ là những người tu khổ hạnh thanh tịnh, đại loại giống như hàng đạo sĩ ở Trung Hoa, tuy hình tướng chẳng giống nhau, nhưng tôn chỉ tu hành chẳng sai khác. Bà-la-môn chính là những người tu ngoại đạo tại Ấn độ. Trong hàng Bà-la-môn cũng đã có khá nhiều người đạt được công phu đáng kể.

“Cư sĩ”: Đây là một danh xưng, dùng trong việc xưng hô. Người khác xưng hô mình như vậy chớ không phải chính mình tự xưng là “cư sĩ”. Tôi thấy có một số người, dĩ nhiên không phải hàng xuất gia, nhận mình là cư sĩ, rồi cho in lên tấm danh thiếp tên của mình với danh xưng cư sĩ; nói chuyện với ai cũng tự xưng tôi là cư sĩ tên này, cư sĩ tên kia chẳng hạn. Như vậy là kém hiểu biết.

Lối xưng hô phổ thông tại Trung Hoa là dùng hai chữ “tiên sinh”. Người khác có thể dùng hai chữ đó để xưng hô ta, chớ ta không thể tự xưng là tiên sinh được. Thí dụ tôi hỏi: “Ông là ai?” Anh trả lời: “Tôi là Triệu tiên sinh, là Lý tiên sinh, hoặc Tiền tiên sinh v.v..” Trả lời như vậy tức là chẳng biết tiếng Trung Hoa.

Chữ “tiên sinh” thường dùng để xưng hô đối với những vị có học vấn, hoặc lớn tuổi và có đức hạnh, hoặc những người lịch lãm. Chữ “cư sĩ” là dành cho những ai đủ mười loại mỹ đức. Nếu quý vị chẳng được như vậy thì không xứng đáng với danh xưng này. Lại nói đến mấy chữ “Pháp sư” nữa, phải để cho người khác gọi ta, chớ ta không thể tự xưng mình là Pháp sư được, bởi như vậy có khác gì tự mình tán tụng mình, tự mình xưng mình là hoàng đế? Chữ hoàng đế cũng phải để người khác tung hô, đại khái như tung hô: “Hoàng đế vạn tuế!” Tự mình không thể xưng hô như vậy! Dùng chữ cư sĩ để xưng hô là có ý cung kính, cung kính người khác, chớ không phải cung kính chính mình. Anh đối với chính anh, trong lòng cung kính, điều này nên lắm, nhưng không cần biểu lộ ra ngoài. Về văn

hóa Trung Hoa, vấn đề học vấn là vô cùng tận. Sai một ly đi một dặm. Trên đây chỉ là những điều thường thức, chẳng có gì là thâm sâu, chúng ta phải lưu ý.

“Trời, Rồng và Tám bộ chúng (Thiên Long Bát bộ)”: Đạo tràng của chúng ta hiện nay đều có các vị thiên long che chở. Chắc mọi người còn nhớ thời gian Kim Luân Thánh Tự mới dọn tới và khi bắt đầu tu sửa, ở lưng trời người ta thấy có đức Bồ tát Quán Âm hiện ra. Ngài đặt chân trên lưng con rùa và thị hiện ở không trung.

Một chuyện khác là hồi đó, có người cho tôi hay rằng ngay tại góc đường phía đông của khu này có một quán rượu. Trong quán có đủ thứ trò quý quái, nào ma túy, nào rượu, nào thoát y vũ, đi vào đi ra toàn là hạng ăn chơi trụy lạc. Đương lúc chúng ta sửa soạn để khai quang cho đạo tràng thì quán rượu này bị cảnh sát ra lệnh đóng cửa. Khu này ngày trước ứ tạp nay trở thành kang trang sạch sẽ. Đó chính là nhờ tám bộ Thiên long ủng hộ cho đạo tràng nên mới có sự cảm ứng như vậy.

Chỗ đạo tràng này nguyên là một Giáo đường (*nhà thờ*) cũ. Cư dân đến ở đa số là hỗn tạp, họ ăn ở thiếu sạch sẽ, khi ăn khi uống tùy tiện xả rác, thành thử loài chuột kéo đến rất đông. Chúng ta đến đây để hoằng dương Phật Pháp, nên bổn phận của bát bộ thiên long tất phải hộ trì đạo tràng, từ đó họ phải đuổi hết các loài chuột đi nơi khác. Thực ra, tôi chẳng có vấn đề gì với loài chuột, nhưng có chuột thì thiếu vệ sinh, khiến cho những ai đến đây đều có cảm tưởng chỗ này là dơ bẩn. Bởi vậy chúng ta phải cầu sự giúp đỡ của thiên long bát bộ, xin các vị ấy hãy làm nhiệm vụ ủng hộ đạo tràng, bằng cách xua đuổi chuột cùng các thành phần bất hảo ra khỏi nơi này.

Bát bộ là chỉ trời, rồng, dạ xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, ca-lâu-la. Các vị này đều hộ trì đạo tràng. Hôm nay, nhân dịp tôi giảng tới chỗ này mà nhắc tới các vị thiên long. Vậy xin các vị hãy làm nhiệm vụ của mình, nhất định sẽ ra tay hộ trì cho đạo tràng của Phật.

Các chư **Thiên** ở trên trời trong quá khứ đã từng phát nguyện ủng hộ đạo tràng của Phật.

Long là rồng, thuộc loài linh vật, cũng là một chúng sanh. Tại sao lại làm thân rồng? Trong quá khứ họ đã tu đạo, nhưng tu theo kiểu “thừa cấp giới hoãn”, nghĩa là tu các *thừa* thì gấp gáp, mà trì *giới* thì trễ nãi. Chữ “thừa” ở đây là chỉ Tiểu thừa, Đại thừa. Họ nguyện tu các pháp Đại thừa, nguyện tinh tấn, dũng mãnh, nhưng lại muốn đi đường tắt cho mau, muốn được thần thông. Do đó họ đi khắp nơi tìm Phật Pháp, kiếm Mật tông và chuyên tu theo tông này. Cách thức họ tu như thế nào? Họ không chú trọng giới luật, không giữ giới. Những người giữ giới phải luôn luôn theo đúng câu: “Việc ác thì tránh, việc lành thì làm”, trong khi đó, họ ăn cắp đầu lâu của xác chết để luyện công, niệm chú. Có khi họ ăn cắp bài vị tổ tiên của các nhà rồi biến các vong linh đó làm quỷ để sai khiến. Chữ “thừa cấp” là nói về sự tinh tấn, dũng mãnh của họ để luyện công, đặng có thể tiến mau như hỏa tiễn vậy. “Giới hoãn” là nói họ không coi trọng giới luật, mặc sức hành động, kể cả các loại giới như giết hại, ăn cắp, dâm dục, họ không tuân thủ. Vậy thì còn nói gì nữa! Quý vị coi! Họ ăn cắp đầu lâu, ăn cắp bài vị tổ tiên nhà người ta, lấy cả mấy cây trồng trên mộ phần để luyện pháp, với tâm tham như vậy để tu pháp, do đó mới có câu “thừa cấp, giới hoãn”.

Vì thế mà phải đọa mang thân rồng, tuy có thần thông, nhưng vẫn là loài súc sinh. Tuy nhiên, rồng cũng là loại linh vật, có thể thu nhỏ, có thể hiện lớn, khi ẩn khi hiện vô chừng. Có điều chúng rất sợ ánh sáng mặt trời, bởi một khi có ánh sáng

chiều tới chúng cảm thấy khổ sở như bị lửa đốt thân, khiến chúng phải đổ mưa xuống, giống như người ta tắm gội vậy.

Dạ xoa còn gọi là “tốc tạt quỷ”, nghĩa là con quỷ chạy mau. Có loại chạy trên không, gọi là không hành, có loại chạy dưới đất gọi là địa hành, cũng có loại đi dưới nước gọi là thủy hành. Chúng chạy nhanh hơn xe hơi, hơn cả máy bay, có thể so với hỏa tiễn, nhưng hỏa tiễn cũng không thể thần tốc bằng dạ xoa, chỉ cần một niệm là ngàn dặm, vạn dặm cũng tới được.

Dạ xoa cũng có nhiều chủng loại, kể cả ngàn vạn thứ khác nhau, giống như các loại chư thiên và rồng, không thể kể hết được. Loài người chúng ta cũng có loài da trắng, da đen, da vàng chẳng hạn, rồi trong số này lại phân chia thành quý vị ở bắc, tôi ở nam, người này ở đông, kẻ kia ở tây. Trong số rồng thì có rồng xanh, rồng vàng, rồng lửa, rồng trắng, rồng đen v.v.. Mỗi loài chúng sanh đều chia thành nhiều hạng. Trên thế giới này có biết bao nhiêu loại chúng sanh, rồi mỗi loại lại phân thành ngàn vạn giống có hình tướng khác nhau, đa dạng vô cùng, đó chính là điều kỳ diệu của thế gian.

Không ai hiểu được sự bí mật của tạo hóa. Có người bảo rằng: “Ngày nay người ta đã lên tới cung trăng, vậy chuyện gì con người cũng sẽ làm được cả, chẳng có gì là không biết được”. Quý vị nên nhớ rằng dẫu từ địa cầu này quý vị có thể lên tới các tinh cầu khác, nhưng có biết đâu, chỉ cần một trái bom nguyên tử hay bom khinh khí nổ tung, một trận động đất hay núi lửa bộc phát, dù đó là thiên tai hay do con người tác động, thì nguy cơ hủy diệt nhân loại vẫn có thể xảy ra được. Càng ngày bí mật của thế giới càng được khám phá, các vấn đề lần lượt được sáng tỏ, nhưng khi sáng tỏ đến cực điểm thì màn hắc ám lại trở lại. Tôi nói một tỷ dụ: buổi ban mai chúng ta thức dậy, trời rạng sáng, rồi tới khi sáng đến cực điểm thì dần dần về chiều; trời tối, chúng ta đi ngủ và nhắm mắt đi vào giấc mơ với

đầu óc mù mờ. Trong thế gian này, chuyện lớn chuyện nhỏ tất cả đều đi theo cái vòng tuần hoàn này cả.

Càn-thát-bà là loại biết âm nhạc, tấu nhạc hay vô cùng. Mỗi khi chúng cử nhạc thì tất cả chư thiên thượng giới đều chú ý lắng nghe đến say mê túy lúy như người uống rượu, không còn biết đến chuyện gì chung quanh. Tuy nhiên không dễ gì bảo chúng đánh nhạc cho chúng ta nghe. Chúng có một nhược điểm là ưa ngửi mùi hương. Ở đâu có mùi hương thì đầu xa xôi cả ngàn vạn dặm chúng cũng tới ngay được để thưởng thức hương thơm. Vua trời có một thứ hương, chuyên dùng để chiêu dụ càn-thát-bà. Có mùi hương thì càn-thát-bà liền tới, rồi ở đấy nhảy múa, ca hát, tấu nhạc, nên càn-thát-bà còn gọi là “*khứu hương thần*”, nghĩa là thần ngửi hương. Ở trên đã nói qua về loài rồng. Vậy trong loài rồng có tám vị long vương (vua rồng), loài càn-thát-bà thì có bốn càn-thát-bà vương,

A-tu-la là loài hay nổi giận. Người nào hay tức giận đều ít nhiều có hạt giống a-tu-la. Tại thiên giới, a-tu-la được gọi là loài không có rượu (vô tửu), bởi chúng không có rượu để uống. Chúng còn được gọi là loại phi thiên, tức không phải là dân thuộc thiên giới. Tại chôn này chúng chỉ là kẻ cư ngụ bất hợp pháp, tuy rằng a-tu-la cũng được xếp vào hàng chúng sanh của một cõi lành (thiện đạo) trong sáu cõi của dục giới. Tại thiên giới chúng thường giao tranh với các thiên tướng, thiên binh, để lật đổ ngôi vua trời đang có thể trở thành Thích-đề-hoàn-nhân (Đế Thích).

A-tu-la cũng có bốn loại. Chúng có thiên phước mà không có thiên quyền, nghĩa là chúng ở trên thiên giới và được hưởng phước nơi đây, nhưng lại chẳng có quyền hành như chư thiên, đại loại như các cư dân sống bất hợp lệ ở nước Mỹ, được hưởng các tiện nghi của nước Mỹ, đó là phước báo của họ, nhưng họ không có quyền tham gia vào việc điều hành của quốc gia này.

Ca-lâu-la là giống chim đại bàng cánh vàng, có thể biến thành lớn, thành nhỏ, khi ẩn, khi hiện. Cánh chim trải rộng ra có thể tới ba trăm ba mươi do-tuần. Mỗi do-tuần dài chừng 40 miles (dặm), vậy ba trăm ba mươi do-tuần thì quý vị tưởng tượng nó xa tới đâu! Mỗi khi chim bằng vỗ cánh, nước biển bị quạt hết thì cung điện loài rồng đâu còn nữa! Rồng lớn, rồng nhỏ đều bị nuốt hết. Quý vị bảo: “Ghê gớm như vậy ư!”. Cũng chưa ghê gớm lắm đâu!

Ca-lâu-la thần thông quảng đại, nên loài rồng rất sợ ca-lâu-la. May là chúng đã quy y Phật, sống hòa bình không còn tàn sát các giống khác. Ca-lâu-la cũng có bốn loại, muốn biết thêm chúng có những tên gì, thì hãy xem trong “Phẩm Tựa” của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, ở đây nói rất rõ ràng.

Thần thông biến hóa của loại đại bàng cánh vàng này thật là không thể nghĩ bàn. Vỗ cánh một cái thì nước biển bị quét sạch, vỗ cánh hai cái là núi bị bạt đi lấp bằng đáy biển. Đó là thần thông dời núi lấp biển của ca-lâu-la.

Khẩn-na-la thì như thế nào? Chúng cũng biết âm nhạc, còn có tên gọi là “nghe thần” bởi vì hình dáng giống người, ngoại trừ trên đầu có một cái sừng. Chúng chơi âm nhạc rất giỏi.

Ma-hầu-la-già là một loại trăn lớn.

Nói chung thiên long tám bộ đều xuất thân từ các hạng yêu ma quỷ quái, rồi về sau cải tà quy chánh, theo về Phật, trở thành một giới hộ pháp. Ngẫm lại, người bạc ác mà biết hồi đầu, đều biết làm các điều thiện, cho nên có câu nói: “Bể khổ không bờ, quay đầu là bến”. Phạm những tội thập ác, ngũ nghịch, nhưng biết sửa lỗi lầm thì vẫn có thể trở thành người tốt.

Tám bộ quỷ thân này tự cảm thấy nhiều lỗi lầm trong quá khứ, bởi đã phá hoại pháp Phật, làm tổn thương Phật giáo. Tới khi lương tâm nhận ra điều này, chúng đã phát nguyện làm hộ pháp.

“Nhân phi nhân đẳng”: “Nhân” là chỉ những người phát tâm đến hộ trì Phật giáo. “Phi nhân” tức là không phải loài người, chỉ các loài chúng sanh khác cũng phát tâm hộ trì Tam Bảo.

“Vô lượng đại chúng, cung kính vi nhiều, nhi vi thuyết pháp”: Đông không kể xiết, cả thầy đều cung kính vây quanh nghe Phật thuyết pháp.

Lúc đó đại chúng trong pháp hội rất đông, không thể kể gồm bao nhiêu người, tất cả cung kính vây kín xung quanh đức Bạc-già-phạm, và Ngài thuyết pháp cho các chúng sanh trong pháp hội cũng như các chúng sanh trong đời vị lai.

Bấy giờ, con của đấng Pháp Vương là ngài Mạn-Thù-Thất-Lợi, nhờ oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, hở một vai áo, đầu gối bên hữu quỳ sát đất, hướng về Bạc-Già-Phạm, cúi mình chấp tay, bạch rằng: “Thế Tôn! Xin Ngài diễn thuyết tướng loại như thế, diễn bày những danh hiệu và những bổn nguyện rộng lớn cùng những công đức thù thắng của chư Phật, cho những người nghe đều hết nghiệp chướng, vì sự lợi lạc của các hữu tình khi Tượng Pháp chuyển”.

Nhĩ thời Mạn Thù Thất Lợi Pháp vương tử, thừa Phật uy thần, tòng tòa nhi khởi, thiên đản nhất kiên, hữu tất trước địa, hướng Bạc Già Phạm,

cung khúc hợp chưởng, bạch ngôn: “Thế tôn! Duy nguyện diễn thuyết, như thị tướng loại chư Phật danh hiệu, cập bốn đại nguyện thù thắng công đức, linh chư văn giả, nghiệp chướng tiêu trừ, vi dục lợi lạc, Tượng pháp chuyển thời, chư hữu tình cố”.

Ngài Mạn Thù Thất Lợi hay Văn Thù Sư Lợi, còn được gọi là Pháp Vương tử, nghĩa là con của đấng Pháp Vương. Phật là Pháp Vương, các Bồ tát là con của Pháp Vương, nhất là Ngài Văn Thù Sư Lợi lại là một vị Bồ tát Đẳng giác, sắp sửa thành Phật.

“Lúc bấy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi, nhờ oai thần của chư Phật mười phương, từ chỗ ngồi đứng dậy, để lộ một bên vai”: Bên vai nào? Chính là vai bên phải. Để lộ bên vai phải là có ý nghĩa gì? Thứ nhất, theo phong tục của người Ấn, khi khí trời nóng nực, họ trật một bên vai áo để hơi nóng ở trong mình thoát ra. Thứ hai, hờ vai bên phải là cách thức tỏ bày sự cung kính, cung kính bằng cả thân và tâm. Một bên là tùy thuận thế tục, một bên là cầu pháp xuất thế nên biểu thị sự cung kính. Chân nhưng không ly tục, tục chẳng ly chân, hai thứ chẳng chướng ngại nhau.

Ngài **“quỳ xuống”**, đầu gối **“sát đất, hướng về Bạc Già Phạm”** hướng tới Phật, rồi cúi mình xuống **“chấp tay”**, biểu thị thân tâm đều cung kính, ba nghiệp thanh tịnh, và **“thưa với Phật:”**

“Thế Tôn! Xin Ngài diễn thuyết tướng loại như thế (như thị tướng loại)”: ý nói rằng chúng con tất cả chỉ có một nguyện ước, là được nghe Phật nói cho biết những *tướng* như thế, những *loại* như thế. Tướng loại gì? Chính là **“diễn bày những danh hiệu và những bốn nguyện rộng lớn cùng những công đức**

thù thắng của chư Phật". Bốn nguyện là chỉ các nguyện lớn trong đời quá khứ, trong thời gian Ngài hành đạo Bồ tát, công đức tích lũy như thế nào mà được thù thắng.

“Cho những người nghe đều hết nghiệp chướng”: nghĩa là khiến cho những ai nghe đến nguyện lực, công đức vô lượng đó đều có thể giải trừ nghiệp chướng mà được thanh tịnh.

“Vì sự lợi lạc của các hữu tình khi Tượng Pháp chuyển”: đây lại còn vì lợi ích của cả các loài hữu tình vào thời Tượng Pháp trong tương lai. Trong thời Tượng Pháp, mọi người chú trọng xây chùa, mà không chú trọng việc tu tập. Chùa miếu chẳng qua là một nơi có tượng của Phật, còn người tu chân chính thì rất là ít. Nói chúng sanh hữu tình là nói loài có khí, có huyết, còn như không có khí và huyết thì gọi là chúng sanh vô tình, tức các loài thảo mộc.

Bấy giờ Thế Tôn tán thán đồng tử Mạn Thù Thất Lợi rằng: “Hay lắm! Hay lắm! Ông Mạn Thù Thất Lợi! Ông lấy lòng đại bi, khuyên mời Ta nói về danh hiệu và công đức bốn nguyện của chư Phật, để dẹp cho hết nghiệp chướng ràng buộc loài hữu tình, để cho lợi ích an lạc các loài hữu tình khi Tượng Pháp chuyển. Các ông hãy nghe kỹ, tư duy cho khéo, nay Ta sẽ nói cho các ông nghe”.

Mạn Thù Thất Lợi bạch rằng: “Xin vâng! Xin Thế Tôn nói, chúng con rất thích nghe”.

Nhĩ thời Thế Tôn tán Mạn Thù Thất Lợi đồng tử ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Mạn Thù Thất Lợi! Nhữ dĩ đại bi, khuyến thỉnh ngã thuyết chư Phật danh hiệu, bốn nguyện công đức, vi bạt nghiệp chướng sở triền hữu tình, lợi ích an lạc, Tượng Pháp chuyển thời, chư hữu tình cố. Nhữ kim đế thính, cực thiện tư duy, đương vi nhữ thuyết”.

Mạn Thù Thất Lợi ngôn: “Duy nhiên! Nguyện thuyết, ngã đẳng nhạo văn”.

“Bấy giờ Thế Tôn tán thán đồng tử Mạn Thù Thất Lợi rằng”: Lúc bấy giờ, Phật khen ngợi đồng tử Văn Thù Sư Lợi. Gọi là “đồng tử” là vì Ngài nhập đạo lúc còn là trẻ thơ, sau đó tu hành đạo Bồ tát, để rồi thành bậc thượng thủ trong hàng Bồ tát. Phật khen như thế nào? “Thiện tai! Thiện tai! Mạn Thù Thất Lợi!” Đức Phật khen Ngài rằng: **“Hay lắm! Hay lắm! Ông thực là một vị Bồ tát tốt!”** Vì lẽ gì mà Phật đưa ra những lời khen tụng như vậy?

Bởi vì **“Ông lấy lòng đại bi, khuyên mời Ta nói về danh hiệu và công đức bốn nguyện của chư Phật”**. Phật nói: “Ông đã vận dụng một tâm lượng đại bi rộng lớn, hướng tới hết thảy mọi chúng sanh, dầu họ có duyên hay không có duyên với Phật Pháp, và đã thỉnh Ta nói về danh hiệu của chư Phật cùng những công đức bốn nguyện của các Ngài”.

“Để dẹp cho hết nghiệp chướng ràng buộc loài hữu tình, để cho lợi ích an lạc các loài hữu tình khi Tượng Pháp chuyển.”, nghĩa là nhằm dẹp bỏ các nghiệp chướng đương trói buộc các loài hữu tình, những nghiệp chướng đã đưa họ

vào ba đường ác, đẩy họ vào bể khô; vì sự lợi ích cứu độ các hữu tình trong thời Tượng pháp, mang cho họ sự tự do, an lạc, hết phiền não.

Các ông hãy nghe kỹ, tư duy cho khéo, nay Ta sẽ nói cho các ông nghe”.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: “Xin vâng! Chúng con ước mong Phật nói, chúng con rất thích nghe”.

Phật bảo Ngài Mạn Thù Thất Lợi: “Về phía đông kia, cách đây nhiều Phật độ bằng mười lần số cát sông Căng-già, có một thế giới tên là Tịnh Lưu Ly, đức Phật cõi ấy danh hiệu là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc Già Phạm.

Ông Mạn Thù Thất Lợi! Khi đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, còn đương hành đạo Bồ tát, Ngài đã phát ra mười hai nguyện lớn, khiến cho hữu tình cầu gì cũng được”.

Phật cáo Mạn Thù Thất Lợi: “Đông phương khứ thử quá thập Căng Già sa đẳng Phật độ, hữu thế giới danh Tịnh Lưu Ly, Phật hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc Già Phạm.

Mạn Thù Thất Lợi! Bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, bốn hành Bồ tát đạo thời, phát thập nhị đại nguyện, linh chư hữu tình, sở cầu giai đắc”.

Đức Phật nói với Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng ở phía đông, cách thế giới Ta-bà một số Phật độ bằng mười lần số cát sông Căng Già, có một thế giới gọi là Tịnh Lưu Ly. Căng Già (Ganga) tức là Hằng hà, Phật độ tức là Phật quốc, thế giới Tịnh Lưu Ly là ngụ ý một thế giới thanh tịnh trong suốt như lưu ly.

Vị Phật ở nơi này có danh hiệu là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Ngoài ra, giống như các đức Phật khác, Ngài cũng có mười danh hiệu, kể ra là: Như Lai; Ứng Chánh Đẳng Giác (có nghĩa là Chánh Đẳng Chánh Giác); Minh Hạnh Viên Mãn (tức sự tu hành và trí huệ của Ngài đạt tới chỗ viên mãn); Thiện Thệ Thế Gian Giải (trí huệ cao vời và hiểu biết hết mọi sự của thế gian); Vô Thượng Sĩ; Điều Ngự Trượng Phu; Thiên Nhân Sư (thầy của trời và người); Phật; Bạc Già Phạm (hay Thế Tôn).

Theo lời Phật nói với Ngài Văn Thù Sư Lợi thì trong thời gian chưa thành Phật, tức thời kỳ nhân địa, đang tu đạo Bồ tát, đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai đã phát ra mười hai lời nguyện lớn. Phàm người tu hành đều cần phải phát nguyện, phát những lời nguyện chân chánh, phát xuất từ trong tâm, rồi theo đó mà thực hành.

Đức Thế Tôn Dược Sư phát nguyện là để tất cả “các loài hữu tình cầu gì cũng được”. Ngày nay chúng ta tu hành tương đối dễ dàng hơn so với đức Thích Ca, vì Ngài đã phải trải qua ba kiếp lớn a-tăng-kỳ, nghĩa là một số vô lượng kiếp, tu hành mới thành được quả Phật. Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

cũng vậy. Còn như chúng ta hiện nay chỉ cần nương nhờ vào nguyện lực của các Ngài và di sản của các Ngài để lại cho chúng ta, ý nói đó là Phật Pháp chứa đựng trong Ba tạng mười hai phân kinh.

Liệu chúng ta có thể nhận di sản này để thừa hưởng chăng? Điều đó còn phải hỏi lại, xét xem chúng ta có phải là Phật tử chân chánh hay không? Giả tỷ công đức của chúng ta chưa đủ, chúng ta chưa thực tâm muốn thành Phật tử chân chánh thì chẳng thể nào thừa hưởng được di sản của Phật, loại Pháp bảo vô thượng này.

Nay Phật Lưu Ly Quang đã phát mười hai điều nguyện lớn, nên hết thảy mọi chúng sanh hữu tình có thể cầu thứ gì được thứ ấy. Quý vị căn cứ vào câu kinh “*sở cầu giai đắc*” (cầu gì cũng được), thì sẽ thấy bất luận điều gì mà quý vị mong cầu, quý vị sẽ được toại lòng xứng ý, quý vị sẽ chóng thành Phật. Các vị Phật trong quá khứ đã từng phát nguyện như vậy và, nhờ vào nguyện lực đó, chúng ta dụng công ít mà thành tựu nhiều, chúng ta đạt quả vị cao mà công sức không nhiều lắm. Do đó gặp được pháp này, chúng ta phải hết sức tinh tấn, sanh tâm hoan hỷ lớn và đạt được niềm pháp hỷ sung mãn.

Nguyện lớn thứ nhất: Nguyện đời sau này, khi ta đắc đạo A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề thì tự thân ta sáng trưng rực rỡ, chiếu soi tất cả vô lượng vô số vô biên thế giới, có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, tám mươi vẻ tùy hình, trang nghiêm thân ta, khiến cho các loài hữu tình đều được như ta không khác.

Đệ nhất đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề thời, tự thân quang minh, xí nhiên chiếu diệu, vô lượng vô số vô biên thế giới, dĩ tam thập nhị đại trượng phu tướng, bát thập tùy hình, trang nghiêm kỳ thân, linh nhất thiết hữu tình, như ngã vô dị.

Chư Phật và chư Bồ tát trong quá khứ đã từng lập vô lượng vô biên nguyện lớn để lợi ích cho chúng sanh, tới khi các ngài thành Phật thì các nguyện lực đó đều thành hiện thực, do đó hết thảy chúng sanh trong mười phương đều được thâm nhiếp. Nguyện lực có thể ví như cục đá nam châm, còn chúng sanh ví như chất sắt. Nguyện lực lớn thì sức hút mạnh, khiến cho bao nhiêu chúng sanh trong khắp mười phương, dầu nghiệp chướng nặng nề đến chừng nào, cũng đều bị nguyện lực thâm hút.

Do nguyện ý của Ngài là muốn giúp đỡ các chúng sanh, nên giữa hai đảng có nhân duyên đặc biệt với nhau. Bởi vậy, tuy chúng sanh bị vô minh che lấp, nhưng linh tri và linh giác của họ có thể cảm nhận được nhân duyên này.

Lúc xưa, Dược Vương Bồ tát đã từng tự thiêu để cúng dường Phật, hy sinh thân mình như vậy, còn chúng ta ngày nay, đừng nói tự thiêu toàn thân, ngay đến thiêu một ngón tay cũng chưa dám thực hiện.

“Nguyện lớn thứ nhất”: Dược sư Lưu Ly Quang có lời nguyện đầu tiên như thế nào?

“Nguyện đời sau này, khi ta đắc đạo A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề thì...”. Ngài nói Ngài hy vọng rằng trong đời tương lai, khi Ngài chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là thành quả vị Phật, lúc đó:

“Tự thân ta sáng trưng rực rỡ, chiếu soi tất cả vô lượng vô số vô biên thế giới”, thân Ngài sẽ sáng chói, rực rỡ, chiếu soi tới tận vô lượng, vô số, vô biên thế giới,

“Có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, tám mươi vẻ tùy hình, trang nghiêm thân ta”, có đủ cả ba mươi hai tướng đại trượng phu, tám mươi vẻ đẹp, trang nghiêm trên thân Ngài,

“Khiến cho các loài hữu tình đều được như ta không khác” khiến cho hết thảy các loài hữu tình cũng được như ta, không khác, tức là thân hình cũng đủ các tướng trang nghiêm như ta và cũng sáng trưng chiếu khắp vô lượng, vô số, vô biên thế giới. Nguyên lực của ta là như vậy đó, ta không muốn chỉ riêng mình thành Phật, riêng mình sáng trưng, mà muốn rằng các chúng sanh được ta chiếu soi tới cũng sẽ có được thân thể giống như ta.

Nhân vì Đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang đã có lời phát nguyện đó, cho nên ngày nay khi nghe tới công đức bản nguyện này, chúng ta thấy được cơ hội có thể được một tấm thân sáng trưng như Ngài. Chúng ta không nên tự coi thường mình. Quý vị bảo rằng quý vị chẳng cần có thân thể sáng chói, sáng hay không sáng cũng chẳng có ích lợi gì. Vậy chớ thân hình không sáng thì có ích lợi hay sao?

Nguyện lớn thứ hai: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo Bồ-đề, thân ta như ngọc lưu ly, trong ngoài sáng suốt, sạch không vết nhơ, sáng sửa rộng lớn, công đức cao vời, thân khéo an trú, lưới sáng trang nghiêm, sáng hơn cả mặt trời và mặt trăng. Chúng sanh ở nơi tối tăm, đều được sáng bừng, đâu cũng làm được, mọi sự như ý.

Đệ nhị đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, thân như lưu ly, nội ngoại minh triệt, tịnh vô hà uế, quang minh quảng đại, công đức nguy nguy, thân thiện an trú, diệm võng trang nghiêm, quá ư nhật nguyệt, u minh chúng sanh, tất môn khai hiểu, tùy ý sở thú, tác chư sự nghiệp.

“Nguyên lớn thứ hai: nguyện đời sau này khi ta đắc đạo Bồ-đề, thân ta như ngọc lưu ly” Nguyên lớn thứ hai là khi ta thành Phật, thân ta sẽ giống như lưu ly. **“trong ngoài sáng suốt”**, nghĩa là trong suốt từ trong ra ngoài; **“sạch không vết nhơ”**, bên trong không có vết, không có chỗ nhơ, bên ngoài cũng vậy, hoàn toàn trong sạch; **“sáng sủa rộng lớn”**, không thể nói là sáng rực tới độ nào, chỉ biết là sáng sủa rộng lớn; **“công đức cao vời”**, công đức thì cao vời; **“thân khéo an trú (thân thiện an trú)”**, thân thể của ta an ổn, không một bệnh tật gì; **“lưới sáng trang nghiêm”**, trang nghiêm bằng một thứ lưới sáng rực; **“sáng hơn cả mặt trời và mặt trăng”**, sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng. **“Chúng sanh ở nơi tối tăm”**, các chúng sanh ở nơi tối tăm; **“đều được sáng bừng”**, đều được sáng rực như vậy; **“đâu cũng làm được”**, tùy ý muốn đến chỗ nào thì được chỗ ấy; **“mọi sự như ý”**, việc gì cũng thành tựu, mọi sự như ý nguyện.

Chúng ta thấy quả là Phật hết sức thông cảm cho các chúng sanh, dầu một chi tiết nhỏ có thể lợi ích cho chúng sanh Phật cũng không bỏ sót. Không ai quan tâm và thân thiết với chúng ta bằng Phật.

Nguyện lớn thứ ba: Nguyện đời sau này, khi ta đắc đạo Bồ-đề, ta dùng vô lượng vô biên phương tiện trí tuệ, khiến cho chư hữu tình đều được mọi vật thọ dụng vô cùng, chẳng để chúng sanh có chỗ thiếu sót.

Đệ tam đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, dĩ vô lượng vô biên trí huệ phương tiện, linh chư hữu tình, giai đắc vô tận sở thọ dụng vật, mạc linh chúng sanh hữu sở phạp thiếu.

“Nguyện lớn thứ ba”: Đức Dược Sư phát lời nguyện lớn này khi Ngài còn là một Tỳ-kheo trong đời quá khứ. Thuở ấy, Ngài cũng giống như quý vị, như tôi hay các chúng sanh khác, chỉ không giống là ở chỗ Ngài tự phát ra lời nguyện lớn, nên chi Ngài đã sớm thành Phật. Còn như chúng ta, thì quả là ích kỷ, tự lợi, tham lam, truy cầu, tranh chấp nhau, không muốn lập nguyện lớn. Bởi vậy, cho đến nay chúng ta chưa thành Phật được.

Ngài nói: **“Nguyện đời sau này, khi ta đắc đạo Bồ-đề, ta dùng vô lượng vô biên phương tiện trí tuệ”:** Ta nguyện đời sau, khi ta thành Phật, ta sẽ lấy những phương tiện trí huệ, vô số kể và vô bờ bến - đây là phương tiện trí huệ, chẳng phải là phương tiện ngu si. Phương tiện trí tuệ là thế nào? Là những pháp có lợi ích cho người, pháp đó chẳng nhất thiết lợi ích cho ta, cứ loại nào có lợi ích cho người thì mang ra để giáo hóa. Còn phương tiện ngu si thì sao? Đó là những loại không hợp với thiện pháp, trái với thiện pháp, mà hợp với ác pháp, tương ưng với ác pháp.

Tương ứng với ác pháp là như thế này: ta lấy thí dụ khi bị muỗi cắn, ta vô ý đập chết con muỗi, rồi tự bào chữa rằng đó là “phương tiện”, không đáng kể, không phạm sát giới, không phải là phá giới. Cũng như trường hợp mỗi khi thấy ai có thứ gì hay, động lòng tham, đến khi người ta không chú ý bèn lấy cắp mang đi, rồi lại tự bào rằng: “Đây không phải là ăn cắp, phương tiện mà! Người khác dùng cũng như ta dùng, có gì đâu mà phân biệt?” Kỳ thực, lấy trộm của người là không hợp pháp, tương ứng với ác pháp, vậy mà còn bào là “phương tiện”, không có gì là quan trọng!

Về tà dâm chẳng hạn, ai cũng biết vợ chồng một khi đã kết hôn chính thức với nhau thì sự tư tình của chồng sẽ làm cho vợ không vui. Khi đã phạm điều tà dâm rồi lại còn cho rằng chuyện đó chẳng can hệ gì, chỉ là “phương tiện” thôi! Biết rõ thế nào là tà dâm nhưng vẫn cố bao che, viện hết lý lẽ để bênh vực mình, cứ một mực nghĩ rằng: “Có gì là can hệ lắm đâu? Ai mà biết được!”

Quý vị thử nghĩ coi! Nói dối, uống rượu cũng lý luận tương tự như vậy đó!

- “Ồ! Uống chút xíu rượu, uống chơi cho vui thôi! Có gì là quan trọng đâu, tôi đâu có say!”

- “Nói dối như vậy thì có gì đâu mà sợ! Có chết ai đâu mà nghiêm trọng quá vậy!”

Đây chỉ là cách tự giành lẽ phải cho mình, đó gọi là những phương tiện ác, phương tiện ngu si. Trở về kinh văn, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai nói Ngài dùng phương tiện trí huệ.

“Khiến cho chư hữu tình đều được mọi vật thọ dụng vô cùng,” nghĩa là khiến cho hết thảy các loài hữu tình đều được mọi vật thọ dụng, bất cứ thứ gì, cần

gi được nấy. Chúng ta thấy Phật có tâm bồ thí rất mực rộng lớn, Ngài dùng nguyện lực này để thỏa mãn các ước ao của chúng sanh, những gì chúng sanh mong cầu, khiến cho **“chẳng để chúng sanh có chỗ thiếu sót”**, không để cho chúng sanh thiếu thốn một thứ gì, cái gì cũng đầy đủ hết, khiến ai nấy đều xứng ý thỏa lòng, mọi sự tốt đẹp.

Nếu quý vị muốn mọi mong cầu của mình được thành tựu thì hãy mau mau niệm danh hiệu của Ngài hay tụng Kinh Công Đức Bốn Nguyện Của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, quý vị sẽ được toại nguyện.

Có người nói rằng: “Tôi biết rồi! Tôi niệm danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai rồi tôi đến sòng bạc tại Reno. Tôi mà ăn được một triệu đồng thì về sau tôi không đánh bạc nữa. Tôi cầu như vậy”. Nếu quý vị thực lòng thì rất có thể quý vị sẽ được toại nguyện. Nhưng nếu quý vị nửa tin, nửa ngờ, thì quý vị sẽ không thể đối gặt được Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

Nguyện lớn thứ tư: Nguyện đời sau này, khi ta đắc đạo Bồ-đề, nếu có những hữu tình tu hành tà đạo thì ta sẽ khiến họ an trú trong đạo Bồ-đề, còn nếu tu hành hạnh Thanh văn, Độc giác thì đều an lập nơi pháp Đại thừa.

Đệ tứ đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược chư hữu tình, hành tà đạo giả, tất linh an trú Bồ-đề đạo trung, nhược hành Thanh văn, Độc giác thừa giả, giai dĩ Đại thừa nhi an lập chi.

“Nguyện lớn thứ tư”: Trong điều nguyện thứ tư này, Ngài nguyện cho hết thảy các loài hữu tình đều bỏ tà quy chánh, bỏ mê về giác, lìa khổ hưởng vui; nguyện cho ai tu Tiểu thừa đều hướng về Đại thừa, phát tâm Bồ-đề chân chánh, để tương lai thành tựu quả Phật.

Ngài nguyện rằng: **“Nguyện đời sau này, khi ta đắc đạo Bồ-đề”**, tức là khi phát nguyện thì Ngài chưa thành Phật; Ngài nói về đời sau này, khi Ngài chứng quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác. **“Nếu có những hữu tình”** đây là bao quát hết thảy các chúng sanh. Nói chung, trong số các chúng sanh, kẻ có chánh tri chánh kiến thì rất ít, mà kẻ có tà tri tà kiến thì lại rất nhiều: nói đến chánh pháp, ít người thông hiểu, chịu tiếp thu và thực hành. Ngược lại, nói tới tà pháp, loại bàng môn tà đạo, hoặc thứ gì có vẻ huyền bí, có vẻ dễ dàng thì tức khắc người ta đổ xô tới để theo. Bởi vậy mới nói: **“tu hành tà đạo”**, tức ám chỉ người tu pháp ngoại đạo, không cầu chánh pháp. Nói đến các loại như bùa ếm, đầu độc, cầu cơ, đồng bóng v.v.. thì người ta tin ngay, còn giảng kinh, nói pháp thì họ chẳng thấy hay ho gì. Nếu bảo họ rằng: “Anh sẽ gặp tai nạn như thế này. Muốn tránh được, anh phải làm việc này, việc kia”, nói vậy là họ tin ngay, còn giảng cho họ Phật Pháp thì chẳng ai muốn nghe.

“Thì ta sẽ khiến họ an trú trong đạo Bồ-đề”. Tuy họ tu theo tà đạo, nhưng Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai cũng cố gắng dùng các pháp phương tiện, khiến họ bỏ đường mê để quay về lối giác, bỏ tà quy chánh, dứt đường sanh tử, phát tâm Bồ-đề rộng lớn, an trú trong đạo Bồ-đề. *An trú* ở đây có nghĩa là bỏ tà quy chánh, không còn trở lại đường tà để an ổn trú nơi đường giác. Đường giác là đường trí huệ. Quý vị có trí huệ, quý vị sẽ đi con đường chánh pháp; quý vị không có trí huệ - ngu si - quý vị sẽ đi vào con đường nhỏ, con đường của loại bàng môn, ngoại đạo. Nay, kẻ bàng môn ngoại đạo được Phật Dược Sư Lưu Ly Quang dùng phương tiện để quay về đường chân chánh của Phật giáo.

“Còn nêu tu hành hạnh Thanh văn, Độc giác”. Thanh văn là những pháp Tứ đế, gồm các món Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Còn Độc giác là chỉ về pháp tu Thập nhị nhân duyên; pháp đó tóm tắt như sau: vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử. Hết thấy các chúng sanh đều do mười hai nhân duyên này mà sanh, do mười hai nhân duyên này mà diệt; như trong câu: “các hành là vô thường, đó là pháp sanh diệt; sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui” (chư hành vô thường, thị sanh diệt pháp; sanh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc). Nếu chứng ngộ được pháp tu Mười hai nhân duyên, tức bỏ mê quay về giác, rồi sau đó bỏ tiểu mà hướng tới đại. Bỏ tiểu hướng tới đại chính là tu pháp môn Lục độ.

Thập nhị nhân duyên:

Do *vô minh* mà chúng ta sanh ra đời, tức là từ cái chỗ mê mờ mà sanh ra. Vô minh là gốc của phiền não, gốc của sanh tử, cũng là gốc của mọi sự phiền hà, hết thấy mọi vấn đề rắc rối. Tu là tu cái gì? Tu chính là phá vô minh. Vô minh làm cho quý vị mờ tối, không hiểu rõ việc mình làm. Hành động trong sự hồ đồ; hành động mà không hiểu, không hiểu mà vẫn hành động, đó gọi là vô minh. Vô minh chi phối hành động của quý vị, khiến quý vị thành điên đảo, mơ hồ, sống trong mơ, chết trong mộng, tham đắm các thứ như tiền của, sắc dục, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ (tài, sắc, danh, thực, thù).

Khi đã có vô minh thì nó thể hiện bằng *hành vi*. *Hành vi* gì? Tức là làm cái điều mà không hiểu rõ, chỉ hiểu một chút mà không hiểu tất cả ngành ngọn. Đã có hành vi thì sẽ có dấu vết, sẽ có hình tướng lưu lại. Có hành động, tức có sự tướng, có sự tướng tất có cái tên.

Khi đương hành động thì tâm chưa khởi lên sự phân biệt. Hành động xong rồi, mới có *thức*, tức là tâm phân biệt, gọi là cái biết, cái tri thức. Đã biết phân biệt rồi thì sẽ có ngay bốn thứ tướng: nhân tướng, ngã tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Thức này là ý thức và tác dụng của nó mang lại *danh* và *sắc*, tức là nói tới vật thể. Vật thể thành hình hài gồm có *lục nhập* (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý).

Bằng lục nhập, hình hài tiếp *xúc* với ngoại giới; lúc đó xúc sẽ mang lại *thọ* (sự cảm thọ); nhờ có tâm phân biệt mà xúc đưa tới cảm thọ dễ chịu hay khó chịu, khoái cảm hay không khoái cảm, từ đó tâm *ái*, cái tham ái xuất hiện. Bởi vậy mới nói là: “xúc duyên thọ, thọ duyên ái”, một tiến trình đi theo thứ tự đó.

Khi đã có ái, tức có ngay *hữu*, ý muốn chấp hữu, hướng về tự kỷ, cái ta, do đó mà dẫn tới đời sau (*sinh*); rồi, theo trình tự, tiến tới già và chết (*lão tử*).

Mười hai nhân duyên nói trên đã kể ra đủ hết tiến trình của hết thảy mọi chúng sanh trong sự luân hồi sanh tử.

Độc giác là những người ngộ lý nhân duyên này. Họ thấy các nhân duyên nối kết với nhau thành một vòng, không có đầu mối, không có chỗ đứt đoạn, do đó họ tu để ra khỏi vòng sanh tử, thoát cảnh luân hồi.

Thanh Văn và Duyên giác, tức Độc giác là hai thừa trong Phật giáo, gọi chung là Nhị thừa.

Hai thừa này thực ra chưa phải là chỗ cùng tột (cứu cánh). Ai tu và chứng được hàng nhị thừa thì giải quyết xong vấn đề “phân đoạn sanh tử”, nhưng vẫn chưa dứt được “biến dịch sanh tử”. Bởi vậy trong kinh, đức Như Lai Dược Sư Lưu Ly Quang đã từng phát nguyện câu “**thì điều an lập nơi pháp Đại thừa**”, nghĩa là

Ngài nguyện độ cho họ từ Tiểu thừa mà tiến tu Đại thừa, đặng họ phát tâm tu thành Phật đạo, tới bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nguyện lớn thứ năm: Nguyện đời sau này, khi ta đắc đạo Bồ-đề, nếu có vô lượng vô biên hữu tình, tu hành phạm hạnh trong pháp của ta, thì hết thấy đều được giới chẳng thiếu, đủ giới tam tụ; nếu có ai đã trót phạm giới, nghe tên ta rồi, lại trở về thanh tịnh, chẳng vào đường ác.

Đệ ngũ đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược hữu vô lượng vô biên hữu tình, ư ngã pháp trung, tu hành phạm hạnh, nhất thiết giai linh đắc bất khuyết giới, cụ tam tụ giới, thiết hữu hủy phạm, văn ngã danh dĩ, hoàn đắc thanh tịnh, bất đọa ác thú.

Chúng ta ngày nay sở dĩ không bị đọa vào ba đường ác là nhờ danh hiệu của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai đã cứu chúng ta. Giả tử tên của Ngài không có trên thế gian này thì e rằng tất cả mọi người đã bị đọa vào địa ngục, làm loài quỷ đói, làm súc sanh, khó mà được làm thân người. Thực vậy, với nguyện lực của Ngài thì dầu quý vị có phạm mười điều ác, ăn mặn phá giới, không làm điều lành, song nếu được nghe đến hồng danh vạn đức hạnh của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì quý vị sẽ được tiêu trừ hết tội nghiệp, lìa khổ, được vui, thoát vòng sanh tử.

Nguyên do là ngay từ thuở Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai gieo nhân tu đạo Bồ tát, Ngài đã sớm biết đa số chúng ta ngày nay không giữ giới luật, ở trong cảnh thiện ác hỗn tạp, chẳng rõ ràng, ví như nước với đất lẫn lộn, thành một chất bùn nhơ. Nước là trí huệ, bùn là vô minh. Giữ giới luật là trở về nguồn cội, là khôi phục lại trí huệ sẵn có của mình; không giữ giới luật tức là làm đục nước trí huệ bằng chất bùn vô minh vậy.

Tuy nhiên, giữ được giới luật chẳng phải là điều dễ dàng. Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai vốn biết trước tập khí và lỗi lầm của các chúng sanh là như vậy, nên trong **“Nguyện lớn thứ năm”**, Ngài đã nói:

“Nguyện đời sau này, khi ta đắc đạo Bồ-đề”, đến đời sau này, khi ta thành Phật, **“nếu có vô lượng vô biên hữu tình”**, tức là nói hết tất cả - tôi và quý vị cũng đều nằm trong cái vô lượng vô biên đó; **“tu hành phạm hạnh trong pháp của ta”**, trong pháp của ta, tức là Phật pháp, pháp chung của chư Phật, tu hành phạm hạnh, tức là tu hạnh thanh tịnh, hay nói khác là nghiêm trì giới luật; **“thì hết thảy đều được giới chẳng thiếu,”** đối với bất cứ ai tu Phật pháp thì nguyện lực của ta là khiến cho tất cả giữ được giới hạnh đầy đủ, viên mãn giống như vàng mặt trăng không bị khuyết hãm; **“đủ giới tam tụ”**, đầy đủ giới tam tụ. Tam tụ giới gồm các giới như sau:

1. Trì nhiếp chúng sanh giới.
2. Nhiếp thiện pháp giới.
3. Nhiếp luật nghi giới thanh tịnh.

Giữ được mấy giới này quả là một sự khó khăn, cho nên nguyện của Ngài là **“nếu có ai đã trót phạm giới, nghe tên ta rồi, lại trở về thanh tịnh, chẳng vào**

đường ác.”, nếu phạm giới chẳng hạn, sau khi nghe đến tên ta, liền được thanh tịnh trở lại, không bị đọa vào đường ác như địa ngục, ngạ quỷ hay súc sanh.

Tại sao gọi là giới tam tụ (Tam tụ tịnh giới)? Tụ nghĩa là tụ tập và chữ “tụ” nói lên ý nghĩa rằng các giới này không cùng một loại. Thí dụ nói về *niếp luật nghi* tức là nói tới ba trăm lễ nghi, ba ngàn oai nghi. Chữ “niếp” có nghĩa là bao quát, gồm thâu hết thảy luật nghi và oai nghi. Thí dụ nói *niếp thiện pháp*, tức nói bao gồm hết thảy các thiện pháp, kể ra thì là vô lượng vô biên, chẳng phải chỉ một loại thiện pháp, như nói trong câu; “không làm các điều ác, luôn làm các điều lành”. Còn *niếp chúng sanh* cũng là nghĩa bao gồm hết thảy các chúng sanh, và theo giới này là độ các chúng sanh thành Phật, nhiếp thâu hết tất cả không trừ một ai.

Giới tam tụ quả là nhiều, không dễ gì mà giữ được trọn vẹn. Vậy phải làm sao nếu trót lỡ phạm giới? Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai đã nguyện rằng nếu người nào phạm giới luật mà nghe đến danh hiệu của Ngài thì thanh tịnh sẽ trở lại và người đó sẽ khôi phục lại tình trạng như lúc chưa phạm giới, không còn lo bị đọa vào đường ác.

Quý vị nghĩ xem. Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai đối với mỗi người trong chúng ta quan tâm đến như vậy, chu đáo đến như vậy, chúng ta không lẽ không đáp ứng lòng từ bi của Ngài, để cố gắng tu hành, giữ gìn giới luật? Chúng ta có lý nào lại bảo rằng: “Đâu cần giữ giới làm gì, ta cứ việc phá giới! Đẳng nào đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai cũng đã phát nguyện cứu giúp nếu chúng ta phạm giới mà!” Nghĩ như vậy là sai lầm. Chúng ta không thể cố ý phá giới rồi ý vào Ngài như vậy.

Nguyện lớn thứ sáu: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề, nếu những hữu tình, mang thân hèn kém, mọi căn chẳng đủ, xấu xa ngu ngốc, mù điếc ngọng câm, què quặt lưng còng, phong hủi điên cuồng, bao nhiêu bệnh khổ, nghe đến tên ta, hết thấy đều được đóa chánh sáng suốt, mọi căn hoàn toàn, không mọi tật khổ.

Đệ lục đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược chư hữu tình, kỳ thân hạ liệt, chư căn bất cụ, xú lậu ngoan ngu, manh lung ẩm á, luyến tích bồi lữ, bạch lại điên cuồng, chủng chủng bệnh khổ, văn ngã danh dĩ nhất thiết giai đắc đóa chánh hiệt tuệ, chư căn hoàn cụ, vô chư tật khổ.

Bộ kinh này nói về những lời nguyện của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, những lời nguyện trong đời quá khứ, trong thời kỳ tạo nhân, hay gọi là nhân địa, lúc đó Ngài đã nguyện những gì? Đến nay, những nhân đó kết thành quả gì? Hiệu lực của chúng ra sao?

Chúng ta phát nguyện cũng vậy, đó là gieo nhân, tới khi kết thành quả thì nhân gì tạo ra quả ấy, nhân lành thành quả lành, nhân ác sẽ thành quả ác.

Thế nào gọi là nguyện lành? Đó là những lời nguyện chẳng nhằm lợi ích cho mình. Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai nguyện cho hết thấy mọi chúng sanh. Chẳng khi nào Phật lại phát nguyện đại khái như: “Ta nguyện khi nào thành Phật, ta sẽ hưởng phước như thế này, khoái lạc như thế kia” và quên hết các chúng sanh. Phật không bao giờ làm như vậy. Niềm vui nhất Phật chúng được, Phật không muốn hưởng một mình mà muốn chia sẻ cùng tất cả chúng sanh. Phật phát nguyện thành tựu thiện nghiệp như vậy, đời đời kiếp kiếp thực hành đạo Bồ tát, lợi mình lợi người, giác ngộ cho mình rồi giác ngộ người, độ mình độ người, tóm lại là

những lời nguyện đại Bồ-đề. Các Bồ tát phát thiện nguyện chính là những lời nguyện đó, nguyện thành tựu thiện nghiệp, nguyện thành đạt thiện quả và thiện quả chính là thành Phật. Thành Phật chẳng phải là “duy ngã độc tôn”, ngự trên đỉnh cao chót vót; thành Phật chỉ là có trí huệ vượt trên chúng sanh, bỏ mê quay về giác ngộ, lìa hết mọi thứ vọng tưởng điên đảo.

Còn chúng sanh như chúng ta thì mỗi hành động là một lần tạo nghiệp, lại là nghiệp xấu chẳng phải nghiệp thiện. Thản hoặc có một vài niệm tốt, nhưng mức độ của chúng chẳng lần át được niệm xấu, thành thử nghiệp của chúng ta là một thứ hỗn độn, thiện ác lẫn lộn với nhau. Nếu có thể dùng máy điện toán mà liệt kê ra thì ác nhiều hơn thiện. Vậy cho nên đời này nối đời kia, mỗi đời một kém đi, thêm một sự trôi dạt, sự tình gặp gỡ chẳng được xứng ý. Bởi đâu ra nông nỗi đó? Bởi chẳng tạo nghiệp thanh tịnh, chẳng phát thiện nguyện như Phật, chẳng tu thiện nghiệp để tương lai kết thành thiện quả. Chúng ta cũng muốn phát nguyện mà ngại vì lòng vị kỷ tác quái, nên chỉ lo cho mình, không lo cho người khác. Có thể có một số nào đó lo việc chung, nhưng kỳ thực họ mua chút hư danh, chỉ mong cầu người khác biết đến tên mình mà thôi, do đó mà họ tạo ra loại nghiệp hỗn tạp. Nghiệp xấu nặng hơn nghiệp tốt nên chiêu cảm thành những quả xấu. Vì những lẽ đó, chúng ta sanh ra đời, được hưởng chút khoái lạc, nhưng cũng chịu thống khổ, và tựu chung thì thống khổ nhiều hơn khoái lạc.

Nói cho đúng, đây chẳng phải là thứ khoái lạc chân chánh. Phải là Thường Lạc Ngã Tịnh phát xuất từ trong tự tánh mới gọi là chân chánh. Còn như cái lạc của chúng ta nó không kéo dài, nó không có tính cách thường; cái ngã của chúng ta cũng bất thường, cái tịnh cũng bất thường. Thường Lạc Ngã Tịnh là thứ khoái lạc của sự thanh tịnh, chẳng phải khoái lạc của kẻ khiêu vũ, của người uống rượu, hay của người đi coi hát, một thứ khoái lạc của kẻ *bội giác hiệp trần* - quay lưng với giác ngộ và hướng về trần tục - tóm lại là điên đảo.

Có người nói: “Pháp sư nói như vậy thì trong thế gian này không có khoái lạc ư?” Quý vị hãy nghĩ cho kỹ đi! Thế nào là khoái lạc thực sự? Hãy nói về cái ăn và mặc. Ai cũng muốn mặc đồ đẹp, một bộ đồ đắt tiền, quý giá, kỳ thực nó là cái gì? Nó là cái gông cái cùm, khiến cho ta đi đứng không tự nhiên, ngồi nằm không tự nhiên. Vì lý do gì vậy? Bởi lúc nào ta cũng phải lo chăm sóc và giữ gìn cho bộ đồ đẹp đó. Con người là vạn vật chi linh, là hạng siêu việt trong muôn loài mà lại làm kẻ nô lệ cho đồ áo quần chằng?

Nói về ăn thì ăn thứ này ngon, ăn thêm thứ kia ngon, ăn cho đến bội thực, nôn mửa! Còn ở thì như người ta nói: “Nhà lớn ngàn gian, ngủ chẳng quá tám thước; ruộng tốt vạn thửa, ăn chẳng quá ba bữa một ngày”. Vậy thì cuộc đời với ăn mặc và trú ngụ có gì là khẩn trương lắm đâu để chúng ta phải bận bịu suốt ngày, không còn thời gian ngơi nghỉ? Vô thường chợt tới, chết tới rồi, lại bảo: “Công việc của tôi chưa làm xong, chưa lo hết việc! Xin Diêm Vương hoãn cho tôi một kỳ, để thủng thẳng rồi tôi sẽ đi, có được không?” Quý vô thường sẽ lắc đầu bảo: “Không được đâu! Ta chẳng thể để cho người sống thêm giây phút nào nữa.” Thế là hết đời! Quý vị thử coi! Kết cục còn có gì là hay nữa đâu? Chẳng qua vì chúng ta không nhận ra mọi sự việc cho rõ ràng, cho nên mới chạy theo cái hư vọng, cái danh cái lợi đều hư vọng, cho nên trong tâm lúc nào cũng đầy rẫy phiền não. Đó là điều mà chúng ta khác với Phật.

Đối với Phật, mọi sự tình đều được nhận thức rõ ràng, Phật nhìn ra hết rồi buông bỏ hết nên luôn luôn được tự tại. Vừa nhận ra xong là Phật phát nguyện, những nguyện đó nhằm lợi ích cho các chúng sanh, nhằm thực hành đạo Bồ tát.

Bởi vậy, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai mới phát các nguyện lớn. Nguyện lớn thứ sáu của Ngài - “đệ lục đại nguyện” - là “**Nguyện đời sau này**”, nguyện rằng trong tương lai, tới đời sau này. . . Một số người không tin có đời sau. Nếu thực tế không có đời sau thì quý vị cứ việc đi giết người, đi đốt nhà người ta, tha hồ muốn làm gì thì làm. Kỳ thực, bởi có kiếp sau và mọi việc đều phát sinh hậu

quả, nên quý vị không thể làm bậy được mà phải hành động cho hợp lẽ, chớ không thể bạ cái gì làm cái đó, không kể gì đến kết quả về sau. Quý vị hỏi rằng: “Sao tôi chẳng hiết gì về đời quá khứ của tôi và kiếp sau của tôi?” Quý vị không biết ư? Vậy chớ khi quý vị ngủ, quý vị có biết gì về thời gian lúc quý vị thức không? Quý vị không biết. Bởi vậy trong đời này quý vị đâu có nhớ gì về những sự tình của kiếp xưa.

Phật dạy rằng:

Yếu tri tiên thế nhân

Kim sinh thọ giả thị

Yếu tri lai thế quả

Kim sinh tổ giả thị

Nghĩa là muốn biết nhân của kiếp trước ra sao, hãy xem kiếp này ta lãnh thọ cảnh ngộ nào, vì cái mà ta đương lãnh thọ chính là cái quả, do nhân kiếp trước đã gieo trồng. Muốn biết kiếp sau ra sao, hãy xem những điều ta làm trong kiếp này như thế nào, vì gieo nhân trong kiếp này thì sẽ có kết quả trong kiếp sau. Đó là luật nhất định, không sai trái.

Phật biết rõ đạo lý này nên phát nguyện rằng đời sau khi Ngài “**khi đắc đạo vô thượng Bồ-đề**”, tức là chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nghĩa là thành Phật; “**nếu những hữu tình**”, nếu những chúng sanh, bao quát hết cả những loài có khí huyết; “**mang thân hèn kém**”, thân thể hèn kém, ý nói những ai có hình dung xấu xí, khó coi.

Có những người, trông diện mạo không bình thường, mắt, tai, mũi, miệng chẳng hạn, không mọc đúng chỗ, trông thật kỳ cục, xấu xí. Quý vị bảo: “Tôi chưa hề thấy người nào như vậy”. Quý vị chưa thấy lần nào ư? Mà quý vị cũng chẳng nên bắt chước họ làm gì. Tóm lại, có kẻ mang tướng mạo của loài chó, có kẻ tướng

mèo, tướng chuột, tướng gấu, tướng ngựa, tướng con nai, đủ cả như vậy đó! Nhiều lắm, trông thấy mà ghê! Đó là các tướng hạ liệt, hèn kém.

Lại chẳng phải chỉ có vậy, còn những loại **“mọi căn chẳng đủ”**, các căn không đầy đủ, hoặc giả chỉ có một mắt, chỉ một tai, mũi có một lỗ; hoặc giả tay chân không cử động bình thường; hoặc giả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không điều hợp được với nhau, cũng gọi là các căn không đủ; hoặc giả chúng có đủ nhưng coi như không có vậy.

Sợ chúng ta không hiểu hết ý của câu kinh **“mang thân hèn kém, mọi căn chẳng đủ”** nên đoạn kế tiếp còn nói rõ hơn nữa; **“xấu xa ngu ngốc”**. Xấu tức là không ưa nhìn, khó coi và ngu ngốc là đần độn, nói gì cũng không hiểu. Quý vị bảo cho biết hai với hai là bốn thì kẻ ngu trả lời rằng một với hai là ba, sao có thể thành bốn được. Tóm lại là hết sức ngu si.

“Mù điếc ngọng câm” (*Manh lung ám á*). *Manh* là mù, *lung* là điếc, có tai có mắt mà không nghe không thấy. *Ám* là ngọng, khi nói thì thanh âm như mắc lại trong cổ họng, nghe như tiếng muỗi kêu, nói chẳng ai hiểu gì; còn như *á* là câm hoàn toàn. Những người mù, điếc, ngọng, câm quả là khổ không biết chừng nào! Quả báo ra sao mà đến nỗi như vậy? Cũng tại trong kiếp trước đã tỏ ra hoài nghi khi nghe giảng Phật Pháp, không chịu lắng tai nghe nên nay thành điếc tai. Gặp Phật Pháp mà không nhận ra nên thành mù. Bảo học Phật Pháp mà không nghe lời nên thành ngọng, nặng hơn nữa là biến thành câm, các bệnh trên đều do quả báo.

“Què quặt lưng còng” (*Luyén tích bối lữ*), “luyén” là tay bị quặt lại, không duỗi thẳng ra được, các ngón tay thì nắm lại cũng không thể xoè ra; “tích” là bị tê liệt; “bối lữ” là còng lưng.

“Phong hủi điên cuồng” (*Bạch lại điên cuồng*), “bạch lại” là khi có những nám trắng hay đỏ, giống như những miếng vá trên mặt; “điên cuồng” thì đó là bệnh của những đứa trẻ bị ngược đãi, bệnh của kẻ tự cắn xé chính mình, hành hạ mình, chửi rủa mình. Nguyên do bởi trước họ phỉ báng kinh Hoa Nghiêm, phỉ báng kinh

Đại thừa, phi báng Phật Pháp. Tóm lại **“bao nhiêu bệnh khổ”** những loại bệnh khổ như vậy.

“Nghe đến tên ta” sau khi nghe tên ta **“hết thấy đều được đốn chánh”** thì tất cả đều được trở lại đốn chánh, hình dung không còn xấu xí, khó coi nữa; **“sáng suốt”** tức là thông minh, có trí tuệ; **“mọi căn hoàn toàn”** các thứ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cả sáu căn đều đầy đủ và thông lợi.

“Không mọi tật khổ”, mọi tật bệnh, mọi sự thống khổ đều được giải trừ, khỏi cần phải dùng thuốc thang, khỏi cần y sĩ cứu chữa. Quý vị coi, như vậy có phải là thần diệu không? Mà chỉ cần nghe đến danh hiệu của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai là tất cả các tật bệnh, các thống khổ đều tiêu tan. Phật Dược Sư đối với nhân loại quý giá như vậy đó! Mỗi hành động, cử chỉ của Ngài đều hướng về lợi ích cho các chúng sanh, không hề có điều gì bất lợi cho mọi người, không muốn chúng sanh phải gặp quả báo, những điều Ngài phát nguyện chi cốt cho hết thấy được vừa lòng, được vui sướng, ý của Ngài là như vậy.

Nguyện lớn thứ bảy: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề, nếu những hữu tình, bị bệnh bức thiết, không ai cứu giúp, không chỗ nương thân, không thầy không thuốc, không người thân thích, không cửa không nhà, bần cùng khốn khổ, một khi tên ta, nghe lọt vào tai, mọi bệnh đều hết, thân tâm yên vui, gia quyến tiền của, thấy đều phong túc, cho đến chứng được vô thượng Bồ-đề.

Đệ thất đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược chư hữu tình, chúng bệnh bức thiết, vô cứu vô quy, vô y vô dược, vô thân vô gia, bần cùng đa khổ, ngã chi danh hiệu, nhất kinh kỳ nhĩ, chúng bệnh tất

trừ, thân tâm an lạc, gia thuộc tư cụ, tất giai phong túc, nãi chí chứng đắc vô thượng Bồ-đề.

Nhiều vị đến đây nghe kinh vẫn chưa biết đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang là ai. Tiện đây, tôi xin giảng thêm một chút. Ngài chính là một đại y vương. Bởi là vua trong giới thầy thuốc, Ngài chữa bệnh chẳng cần dùng thuốc. Hết thầy các chúng sanh chỉ cần nghe đến danh hiệu của Ngài thì mọi bệnh khổ đều tiêu tan.

Các y sĩ thường hay nói tới *vọng, vấn, vấn, thiết*, trong nghề chuẩn bệnh. Vọng là xem bệnh bằng cách ngắm nhìn; vấn là nghe tiếng nói; vấn là hỏi xem bệnh tình có những triệu chứng nào, đau đầu chẳng? đau chân? đau răng? Mắt, mũi có đau không? Hỏi những thứ đó; thiết tức là coi mạch.

Cách chữa bệnh cũng có mức độ như *thần, thánh, công, xảo*. Thần thì siêu việt, chẳng thể nghĩ bàn; thánh kém hơn một chút, nhưng cũng chẳng thể nói bàn; công là nói tới dùng công phu, còn xảo là sự khéo léo. Ngắm nhìn mà biết bệnh (vọng) thì quả là thần; nghe tiếng (vấn) mà biết là thánh; hỏi bệnh (vấn) mà biết là công; bắt mạch (thiết) mà biết là xảo.

Bình thường các y sĩ đều phải áp dụng cả bốn cách nói trên và còn tham bác tám nguyên tắc chuẩn bệnh (tứ chẩn bát cương). Đối với Phật Dược Sư, các phương cách vừa kể đều không cần thiết. Một khi quý vị xưng danh hiệu của Ngài, bệnh liền tiêu tan, do đó điều này phải kể là điểm đặc biệt trong bốn nguyện của Ngài nhằm lợi ích các chúng sanh. Sự thần diệu đó phát sinh từ “**Đệ thất đại nguyện**”, lời nguyện lớn thứ bảy của Ngài. Lời nguyện như sau:

“Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề, nếu những hữu tình, bị bệnh bức thiết”, ta nguyện đời sau này khi ta thành Phật, nếu những hữu tình - bao gồm hết thầy các hữu tình - bị bệnh tật bức bách làm cho đau đớn; **“không ai cứu giúp, không chỗ nương thân (vô cứu vô quy)”** không ai cứu được,

không người giúp đỡ, “vô quy” nghĩa là không có nơi nương thân; **“không thầy không thuốc”** không có y sĩ chữa trị cho, không có thuốc; **“không người thân thích, không cửa không nhà”**, không có thân thích, gia quyến; **“bần cùng khôn khổ”**, hết sức nghèo hèn khổ sở; lúc đó chỉ cần **“một khi tên ta, nghe lọt vào tai”**, tên của Ngài, được lọt vào tai, tức danh hiệu **“Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật”** thì **“mọi bệnh đều hết”**, mọi tật bệnh đều được giải trừ.

Quý vị thấy đó! Không phải uống thuốc, không phải chích thuốc, chẳng cần quang tuyến X, chẳng cần phóng xạ, hay chạy điện, không dùng đến ngải hay kim để châm cứu, vậy mà mọi bệnh đều tiêu tan hết! **“Thân tâm yên vui”**, thân và tâm đều được an lạc.

Các y sĩ nghe đến đoạn kinh văn này e rằng không được vui. Họ sợ nghề nghiệp của mình bị cướp đoạt. Quý vị đó cứ yên tâm, không sợ mất khách đâu!

“Gia quyến tiền của, thầy đều phong túc”, vật dụng của gia đình cùng quyến thuộc đều được phong túc, không bị thiếu thốn; **“cho đến chúng được vô thượng Bồ-đề”** cuối cùng lại còn chúng quả vô thượng Bồ-đề nữa, tức là thành Phật.

Cần nhắc lại là Phật giáo chủ trương rằng hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả đều có khả năng thành Phật. Phật không hề nói: “Chỉ có ta là Phật chứ không ai có thể thành Phật”. Đạo Phật là bình đẳng, Phật cũng như chúng ta, nhưng hơn ta là có trí huệ. Phật là một bậc đại trí huệ, nên không nói những lời hồ đồ. Chúng ta học Phật, chính là học để trở thành không điên đảo, không hồ đồ, không làm những điều chỉ có lợi cho mình mà tổn hại đến người khác, không làm bại hoại xã hội, thành tâm giữ đúng quy củ, phép tắc, học để làm người lương thiện, sau này mới đủ trí huệ chứng thành quả Phật. Quý vị không giữ quy củ, tuyệt đối quý vị không thể có trí huệ. Có trí huệ mới biết giữ quy củ. Bằng không có trí huệ thì dầu có bảo quý vị giữ quy củ, quý vị sẽ phản đối ngay.

Nguyện lớn thứ tám: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề, nếu có thân gái, thấy trăm khổ não, sinh lòng chán ngán, muốn bỏ thân gái, nghe tên ta rồi, thấy đều chuyển được thân gái thành trai, đủ tướng trượng phu, cho đến chứng được vô thượng Bồ-đề.

Đệ bát đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược hữu nữ nhân, vị nữ bách ác chi sở bức não, cực sinh yếm ly, nguyện xả nữ thân, văn ngã danh dĩ, nhất thiết giai đắc chuyển nữ thành nam, cụ trượng phu tướng, nãi chí chứng đắc vô thượng Bồ-đề.

Tại sao lại cần chuyển nữ thành nam vậy? Chúng ta đừng hiểu lầm. Nói như vậy chẳng phải coi phụ nữ là xấu. Ở xứ này, có một số hoạt động trong phong trào giải phóng phụ nữ bài xích đức Phật A-di-đà, cho rằng Ngài theo chủ nghĩa trọng nam, bởi trên thế giới Cực Lạc của Ngài chỉ có nam mà không có nữ. Nói như vậy là không đúng. Đức Phật A-di-đà không “chấp tướng” về nam hay về nữ, Ngài không phân biệt nam nữ, chẳng phải là không biết, chỉ là không có tướng phân biệt mà thôi.

Vậy sao không có nữ giới ở thế giới Cực Lạc mà chỉ toàn là nam giới ở đây? Số là thân thể của phụ nữ đôi khi không được thanh tịnh, và vào những thời điểm đó, họ chịu lắm thứ đau đớn, mà đau đớn thì rất là bất tiện. Bởi vậy người ta không muốn mang thân nữ chính vì các sự bất tiện này, cũng gọi là “bách ác”. Nói là một trăm thứ ác, kỳ thực có khi nhiều hơn nữa, nói một trăm chỉ để biểu trưng cho số nhiều đó thôi, tức là rất nhiều vấn đề phiền toái, rất nhiều lúc thân thể không thanh tịnh. Vì những lẽ đó, nhiều lúc người tu hành cảm thấy mang thân nữ rất là phiền phức, muốn mang thân nam giới cho tiện lợi hơn.

Nữ giới, mỗi lần đến kinh kỳ thường không được thoải mái. Có người thì đau trước kỳ kinh, có người đau sau khi có kinh, có khi đau không chịu nổi. Hoặc giả gặp trường hợp kinh kỳ râm rề không dứt, hoặc giả kinh kỳ tắt, tức là đủ thứ bệnh tật. Những hoàn cảnh đó mang lại bao nhiêu sự bất tiện, thành thử người ta muốn làm thân nam là vì lẽ đó.

Hơn nữa, lại còn phải kể đến vấn đề dục niệm giữa nam nữ nữa. Thời đại bây giờ xảy ra lắm chuyện kỳ quặc, yêu ma quỷ quái đều xuất hiện, kéo theo nhiều chuyện rắc rối, nhất là cái việc *đồng tính luyến ái!*

“Đệ bát đại nguyện”, nguyện lớn thứ tám, đức Phật Dược Sư nguyện rằng: **“Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề ”**, ta nguyện đời sau này, khi ta thành Phật; **“nếu có thân gái, thấy trăm khổ não, sinh lòng chán ngán, muốn bỏ thân gái ”**, nếu những người nữ, thấy trăm thứ khổ não bức bách, sinh lòng chán ngán, muốn bỏ thân gái; **“nghe tên ta rồi, thấy đều chuyển được thân gái thành trai, đủ tướng trượng phu”** khi nghe tên ta rồi, thấy đều chuyển được từ thân gái thành thân trai, đủ tướng trượng phu; **“cho đến chứng được vô thượng Bồ-đề”**, cuối cùng chứng được quả Phật.

Nguyện lớn thứ chín: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề, khiến những hữu tình, thoát lưới loài ma, thoát được hết thủy ngoại đạo ràng buộc, nếu lạc vào các rừng rậm ác kiến, ta sẽ dẫn dắt lên đường chánh kiến, rồi tu tập dần, mọi hạnh Bồ tát, chóng chứng được đạo vô thượng Bồ-đề.

Đệ cửu đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, linh chư hữu tình, xuất ma quyến võng, giải thoát nhất thiết ngoại đạo triền phược, nhược đọa chủng chủng ác kiến trừ lâm, giai đương dẫn nhiếp trí ư chánh

kiến, tiệm linh tu tập chư Bồ tát hạnh, tốc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

“Đệ cử đại nguyện” – nguyện lớn thứ chín. Trong nguyện lớn thứ chín, đức Phật Dược Sư nhằm phá các loại lưới của bọn Ma vương và ngoại đạo. Ngài nói: **“Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề”**, nguyện đời sau này, khi ta thành Phật; **“khiến những hữu tình, thoát lưới loài ma”**, khiến cho các loài hữu tình, thoát lưới loài ma; chúng ta ra đời ở thế giới ngày nay chính là gần với Ma vương, mà cách Phật thật là xa vời. Làm Ma vương thì chúng ta muốn làm lúc nào cũng được. Tuy nhiên, muốn thành Phật thì chúng ta phải phá trừ các loại ác kiến, tà tri tà kiến, phải tu chánh tri chánh kiến, chúng ta mới thoát ra khỏi của lưới của loài ma được. Lưới của loài ma rất khó phá, nó vi tế nhưng rất bền chặt, một khi lọt vào rồi sẽ khó thoát ra rồi từ đó trở thành quyền thuộc của Ma vương và A-tu-la.

Nếu như chúng ta hay nổi giận, để cho ngọn lửa vô minh thiêu đốt, tức là chúng ta đã hãm mình trong lưới ma đó. Như chúng ta đi câu cá chẳng hạn, mỗi lần cá lọt lưới chúng ta reo vui: “Ồ! Bắt được con cá lớn, được một bữa ăn rồi!”. Loài ma cũng vậy, khi ta bị mắc lưới của nó, nó cũng sung sướng và tự bảo rằng: “Lại thêm một người bị mắc lưới để cho ta sử dụng”. Muốn thoát khỏi lưới ma ư? Có một cách đơn giản vô cùng, tức là đừng có nổi giận, không nổi nóng, không đốt lên ngọn lửa vô minh. Ma vương khéo dùng tà thuật không chế đầu óc của ta khiến ta mất chánh tri chánh kiến, đó là lý do người ta khó thoát khỏi lưới của loài ma. Nay may mắn là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai có nguyện lớn, giúp chúng ta có thể thoát được lưới của Ma vương này.

“Thoát được hết thủy ngoại đạo ràng buộc”, thoát khỏi sự trói buộc của ngoại đạo. Ngoại đạo là họ hàng của loài thiên ma. Ngoại đạo chuyên nghề không

ché mọi người, làm người ta mất tự do vì những tà thuật của họ. Thậm chí, chúng bắt người ta phải dùng những chú nguyện độc ác, những lời thề độc, để người ta không bao giờ đi sai đạo của chúng hay phản bội chúng, vì sợ những lời đe dọa, nào thiên lôi đánh, nào hỏa tai v.v.. Quý vị biết rõ chúng sai trái mà không dám phản kháng. Sự trói buộc chính là ở chỗ đó. Nó giống như một sợi dây trói buộc người ta, quý vị muốn cởi trói mà không cởi được.

“Nếu lạc vào các rừng rậm ác kiến”, nếu lạc vào các rừng rậm ác kiến, tức bao gồm các loại tà tri tà kiến. Các loại này quá nhiều, giống như một khu rừng rậm rạp, không chế quý vị, không để cho quý vị chút nào tự do cả.

Phật giáo là không bao giờ không chế ai. Tôi đã từng nói với một nhóm Phật tử, trước mặt cả Hồng y Paul Yubin rằng: “Nếu quý vị thấy Phật giáo quá cổ hủ, lòng muốn theo một tôn giáo khác, hợp thời hơn, thì nay quý vị đã có cơ hội rồi đó! Quý vị có thể tùy tiện đổi tín ngưỡng của quý vị, bởi Phật giáo không phải là một ngục tù, một cái gì gò bó, quản thúc quý vị.” Nói xong tôi quay lại hỏi Hồng y Yubin: “Ông có dám nói như vậy với tín đồ của ông không?” Ông lắc đầu nói: “Không dám”.

Tại sao không dám? Bởi tôn giáo của họ không chế môn đồ, không cho môn đồ tự do. Ai bỏ đạo sẽ bị coi là kẻ phạm tội tày trời. Cái đó gọi là rừng rậm ác kiến, trong đó không có ánh sáng, vì toàn là tà tri tà kiến, không thể đưa ra để thảo luận một cách công khai.

Đối với loại bị tà tri tà kiến như vậy thì lời nguyện của đức Phật Dược Sư là **“ta sẽ dẫn dắt”**, Ngài sẽ dẫn dắt; **“lên đường chánh kiến”**, dạy cho chánh kiến; **“rồi tu tập dần mọi hạnh Bồ tát”**, dần dà khiến cho tu tập pháp Lục độ và thực hành đạo Bồ tát; **“chóng chóng được đạo vô thượng Bồ-đề”**, đặng chóng mau chóng vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là quả Phật.

Nguyên lớn thứ mười: Nguyên đời sau này, khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề, nếu những hữu tình, bị pháp luật trị, trói buộc đánh đập, giam cầm lao ngục, hoặc bị tử hình, và còn rất nhiều tai nạn khác nữa, nhục nhã bi sầu, thân tâm chịu khổ, nghe danh hiệu ta, vì sức oai thần, công đức của ta, đều được giải thoát, hết thấy lo khổ.

Đệ thập đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược chư hữu tình, vương pháp sở lục, phược lục tiên thát, hệ bế lao ngục, hoặc đương hình lục, cập dư vô lượng tai nạn lăng nhục, bi sầu tiên bức, thân tâm thọ khổ, nhược văn ngã danh, dĩ ngã phược đức uy thần lực cố, giai đắc giải thoát, nhất thiết ưu khổ.

“**Đệ thập đại nguyện**”, trong nguyên lớn thứ mười, Ngài nói: “**Nguyên đời sau này, khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề, nếu những hữu tình, bị pháp luật trị**”, đời sau khi ta thành Phật, nếu những hữu tình bị mắc nạn vương pháp, tức là bị pháp luật trừng trị; giả tử quý vị chẳng làm nên tội gì, chỉ bị người ta vu cáo; hoặc giả quý vị bị oan uổng, hay vì vô tâm mà phạm pháp, chớ chẳng phải cố ý; đến khi mắc nạn pháp luật, quý vị bị bắt, bị trừng phạt, bị giam vào ngục, như trong kinh nói “**trói buộc đánh đập (phược lục tiên thát)**”, “phược” là trói, trói tay hay trói chân; “lục” là lấy khẩu cung, ghi vào hồ sơ, trong đó nói rõ tội trạng; “tiên” là cái roi; “tiên thát” là đánh đập bằng roi, bằng gậy.

“**Giam cầm lao ngục (Hệ bế lao ngục)**”: “hệ” là cùm lại, tại ba nơi, cổ thì có gông, hai tay và hai chân thì bị cùm, cốt không cho phạm nhân trốn thoát; phạm nhân bị giam lại trong lao ngục, trong ngoài không tương thông được với nhau.

“Hoặc bị tử hình (Hoặc đương hình lục)”: Chữ “lục” ở đây nghĩa là giết (tru lục), tức tội tử hình, hoặc giả bị chặt đầu rồi bêu đầu trước công chúng, có khi bị đánh chết, có khi lên ghế điện v.v...

“Và còn rất nhiều tai nạn khác nữa, nhục nhã” (*Cập dư vô lượng tai nạn lãng nhục*), cho đến vô vàn các thứ trừng phạt, vô lượng các tai nạn khác do trời giáng thiên tai, do người gia hại. “Lãng nhục” là bị khinh khi và bị nhục nhã; **“bi sàu tiên bức, thân tâm thọ khổ”**, bi ai và sàu khổ, giống như bị người bị nung nấu bức bách, khiến cho thân và tâm đều khổ sở; **“nghe danh hiệu ta”**, nếu nghe tên ta - danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai - **“vì sức oai thần, công đức của ta”**, phước đức và sức oai thần của ta; **“đều được giải thoát, hết thấy lo khổ”**, tất cả đều được giải thoát khỏi các cảnh lo âu, sàu khổ, lìa khổ được vui.

Nguyện lớn thứ mười một: Nguyện đời sau này, khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề, nếu những hữu tình, bị đói khát khổ, vì việc kiếm ăn, tạo mọi nghiệp ác, khi nghe tên ta, chuyên tâm trì niệm, trước tiên ta cho, ăn uống rất ngon, để no thân đã, rồi sau ta mới cho ăn pháp vị, để lập thành người, rất ráo yên vui.

Đệ thập nhất đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược chư hữu tình, cơ khát sở nảo vị cầu thực cố, tạo chư ác nghiệp, đắc văn ngã danh, chuyên niệm thọ trì, ngã đương tiên dĩ thượng diệu ẩm thực, bảo túc kỳ thân, hậu dĩ pháp vị tất cánh an lạc nhi kiến lập chi.

“Nguyện lớn thứ mười một: Nguyện đời sau này, khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề, nếu những hữu tình, bị đói khát khổ”, đây là lời nguyện thứ mười một, Ngài nguyện đời sau này khi thành Phật, nếu những chúng sanh - nói

hết thấy mọi chúng sanh - bị khổ vì đói khát, tức là không có cơm ăn, không có nước uống, cũng có thể có cơm mà không ăn được, có nước mà không uống được; **“vì việc kiếm ăn, tạo mọi nghiệp ác”**, vì cầu miếng ăn, đói khổ quá phát cuồng, chẳng kể phương tiện nào, hoặc đi cướp, hoặc ăn cắp, hoặc giết người, miễn sao được no và từ đó mà tạo nên bao nhiêu nghiệp ác.

Vậy phải làm sao? **“Khi nghe tên ta, chuyên tâm trì niệm** (chuyên niệm thọ trì)”, nếu như nghe được danh hiệu của ta, chuyên tâm trì chí, niệm tụng danh hiệu của ta, và thọ trì, thân thì thọ mà tâm thì trì; **“trước tiên ta cho, ăn uống rất ngon”**, lúc đó ta hóa phép tạo ra các món ăn, thức uống thật ngon lành, cấp cho ăn uống; **“trước tiên ta cho, ăn uống rất ngon”**, khiến cho được no nê, hết đói khổ; **“sau ta mới cho ăn pháp vị”**, sau đó nói pháp cho nghe, cho được nếm mùi vị thần diệu của Phật pháp; **“tất cánh an lạc nhi kiến lập chi”**, để cuối cùng đưa cho họ vào chỗ an lạc.

Nguyện lớn thứ mười hai: Nguyện đời sau này, khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề, nếu những hữu tình, nghèo không áo mặc, ruồi muỗi bức rứt, khổ suốt đêm ngày, khi nghe tên ta, chuyên tâm trì niệm, thì tâm muốn gì, liền được đủ thứ, áo mặc thật đẹp, được cả đồ dùng, quý báu trang nghiêm, đeo hoa ướp hương, trống nhạc các loại, tùy tâm thích gì, đều được đầy đủ.

Đệ thập nhị đại nguyện: Nguyện ngã lai thế, đắc Bồ-đề thời, nhược chư hữu tình, bần vô y phục, văn manh hàn nhiệt, trú dạ bức não, đắc văn ngã danh, chuyên niệm thọ trì, như kỳ sở hiểu, tức đắc chủng chủng thượng diệu y phục, diệc đắc nhất thiết bảo trang nghiêm cụ, hoa man đõ hương, cổ lạc chúng kỹ, tùy tâm sở ngoạn, giai linh mãn túc.

Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai chắc chắn đã từng gặp hoàn cảnh bản cùng khôn khổ, do đó Ngài phát nguyện giải trừ các cảnh khổ đó cho các chúng sanh. Trong “**Nguyện lớn thứ mười hai**”, Ngài nói: “**Nguyện đời sau này, khi ta đắc đạo vô thượng Bồ-đề, nếu những hữu tình, nghèo không áo mặc**”, ta nguyện đời sau này, khi ta thành Phật, nếu những hữu tình - kể tất cả các chúng sanh, bất luận ở nước nào, thuộc dân tộc nào - không có quần áo mặc, tức là nghèo khổ lắm, đương nhiên chẳng đủ cơm ăn.

Nguyện thứ mười một trên nói về những ai bị đói ăn, đoạn này nói tới những người nghèo không có áo mặc, nên họ chịu cảnh “**ruồi muỗi bức riết, khổ suốt đêm ngày**”, tức bị ruồi muỗi cắn, không có gì che thân khi trời nóng lạnh, khiến cho ngày đêm bị các thứ khổ đó bức riết.

“**Khi nghe tên ta**”, nếu nghe đến danh hiệu của ta mà “**chuyên tâm trì niệm** (*chuyên niệm thọ trì*)”, chuyên tâm niệm, chớ không phải nghe đến danh hiệu rồi bỏ qua chẳng hạn, phải chuyên một lòng, nghĩ tới chẳng quên, sớm tối đều niệm, lãnh thọ ở tâm, chuyên trì ở thân, dụng công như vậy.

“**Thì tâm muốn gì, liền được đủ thứ**”, những điều lâu nay ưa thích, những gì làm cho thỏa ý vừa lòng, thì đều có được cả; tỷ như “**áo mặc thật đẹp** (*thượng diệu y phục*)”, quần áo thuộc loại thượng hạng; “**được cả đồ dùng, quý báu trang nghiêm**”, lại còn có hết thấy các thứ trang sức quý giá làm bằng bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, ngọc đỏ, mã não; “**đeo hoa ướp hương, trồng nhạc các loại**”, vòng đeo kết bằng hoa cùng hương quý, các loại âm nhạc; “**tùy tâm thích gì, đều được đầy đủ**”, tùy tâm ý, sở thích, muốn thứ gì đều được như ý.

Ông Mạn Thù Thất Lợi! Thế là mười hai nguyện rất nhiệm màu của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, đã phát ra khi Ngài còn đương hành đạo Bồ tát.

Mạn Thù Thất Lợi! Thị vi bi Thế Tôn Dục Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, hành Bồ tát đạo thời, sở phát thập nhị vi diệu thượng nguyện.

“**Mạn Thù Thất Lợi!**” hay Văn Thù Sư Lợi, là cách dịch âm ra tiếng Trung Hoa, còn dịch nghĩa thì gọi là “Diệu Cát Tường”. Đây là vị Bồ tát có trí huệ vào loại bậc nhất, có đạo tràng tại Trung Hoa là Ngũ Đài Sơn. Ở đây quanh năm có tuyết, lạnh vô cùng, Ngài chọn nơi này làm đạo tràng, chắc vì Ngài thích khí hậu lạnh hoặc giả thích những người ở chỗ lạnh lẽo này tu hành. Ngũ Đài Sơn cũng được nhắc tới trong Kinh Hoa Nghiêm.

Trong Kinh Dục Sư này, đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã xưng tên Ngài Văn-Thù Sư Lợi để giảng kinh chính bởi vì những ai không đủ trí huệ không thể hiểu được nguyện lực của Dục Sư Lưu Ly Quang Như Lai, mà phải là những bậc đại trí huệ như Ngài Văn-Thù Sư Lợi mới hiểu được.

“**Thế là mười hai nguyện rất nhiệm mầu (vi diệu thượng nguyện) của Dục Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác**”: “Thế Tôn” cũng như “Ứng Chánh Đẳng Giác” là hai trong mười danh hiệu của Phật.

“**Đã phát ra khi Ngài còn đương hành đạo Bồ tát**”: Trong thời gian nhân địa, đức Phật Dục Sư thực hành đạo Bồ tát, Ngài đã phát ra những lời nguyện thần diệu thượng đẳng như vậy. Các lời nguyện tuy không nhiều, nhưng trọng yếu ở chỗ chúng bao quát hết mọi vấn đề của chúng sanh, dầu họ khổ, họ vui, chẳng kể đó là kẻ trí hay người ngu, bởi vậy mới nói là “**thượng nguyện**”, tức là nguyện thượng đẳng.

Lại nữa, Ông Mạn Thù Thất Lợi! Những nguyện lớn của Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ngài đã phát ra khi Ngài còn đương hành đạo Bồ tát, và những công đức trang nghiêm ở bên cõi nước của Ngài, nếu ta nói ra đến hết một kiếp, hay hơn một kiếp, cũng không hết được.

Phục thứ Mạn Thù Thất Lợi! Bĩ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, hành Bồ tát đạo thời, sở phát đại nguyện, cập bĩ Phật độ công đức trang nghiêm, ngã nhược nhất kiếp, nhược nhất kiếp dư, thuyết bất năng tận.

“Lại nữa, Ông Mạn Thù Thất Lợi!” Đức Phật Thích-ca lại bảo Bồ tát Văn Thù Sư Lợi; **“Những nguyện lớn của Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ngài đã phát ra khi Ngài còn đương hành đạo Bồ tát”**, khi đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai đương trong thời gian thực hành đạo Bồ tát; **“sở phát đại nguyện”**, những lời nguyện lớn Ngài đã phát ra; **“và những công đức trang nghiêm ở bên cõi nước của Ngài”** cùng quốc độ của Ngài, tức thế giới Lưu Ly nơi Đông phương; **“công đức trang nghiêm”**, công đức và sự trang nghiêm quốc độ của Ngài; **“nếu ta nói ra đến hết một kiếp, hay hơn một kiếp, cũng không hết được”**, nếu ta thuyết trong suốt một kiếp, hay hơn một kiếp, cũng không thể nào nói cho hết được.

Nhưng nước Phật ấy, một màu thanh tịnh, không có nữ nhân, không có ác thú, và những tiếng khỏ, mặt đất chỉ thuần là ngọc lưu ly, đường đi chẳng dây, dây làm bằng vàng, thành khuyết lâu đài, hiên song có lưới, làm bằng

bảy báu, như ở Tây phương thế giới Cực Lạc, công đức trang nghiêm, giống in không khác.

Nhiên bỉ Phật độ, nhất hướng thanh tịnh, vô hữu nữ nhân diệc vô ác thú, cập khổ âm thanh, lưu ly vi địa, kim thẳng giới đạo, thành khuyết cung các, hiên song la võng, giai thất bảo thành, diệc như Tây Phương Cực Lạc thế giới, công đức trang nghiêm, đẳng vô sai biệt.

“Nhưng nước Phật ấy, một màu thanh tịnh”, Nhưng tại nước Phật ấy chỉ có một màu thanh tịnh, không có ô nhiễm, trong sáng như lưu ly.

“Không có nữ nhân”, tại đây không có nữ giới. Có một số người trong phong trào giải phóng phụ nữ đề xướng vấn đề nữ quyền, họ lên tiếng bài xích thế giới Cực Lạc của đức Phật A-di-đà. Họ nêu câu hỏi: “Ở đó không có phụ nữ, vậy phải chăng đức Phật A-di-đà đã coi khinh phụ nữ? Phải chăng nam nữ không bình đẳng? Phải chăng là có ý trọng nam khinh nữ?”

Điều này sai hoàn toàn. Số là thế giới Ta-bà được gọi là “ngũ trước ác thế”, một thế giới xấu có năm thứ trước, năm thứ không trong sạch. Đó là *kiếp trước*, ý nói khoảng thời gian chúng ta trú tại cõi Ta-bà là một thời kỳ không trong sạch; *kiến trước*, bởi những gì chúng ta thấy đều không trong sạch; *phiền não trước*, vì chúng ta ai cũng có nhiều phiền não; *chúng sanh trước*, vì lẽ do tình dục giữa nam và nữ mà có chúng sanh ở đây. Chẳng phải riêng nhân loại mới có như vậy. Nói chung tất cả các loài có khí, có huyết cũng đều do sắc dục mà sanh ra, kể cả các chúng sanh vi tế như vi khuẩn. Phạm có dục tức là không thanh tịnh, do đó mới gọi là chúng sanh trước.

Mạng trước, bởi sinh mạng của chúng ta cũng như của các chúng sanh đều từ môi trường không trong sạch mà sanh ra. Tầng trời chẳng hạn, là nơi không có bụi dơ, ở cõi Cực Lạc phương Tây thì đất là vàng, ở cõi Lưu Ly phương Đông thì đất là lưu ly, không nơi nào có bụi bặm, dơ bẩn. Chỉ có cõi Ta-bà của chúng ta là lắm thứ phiền hà. Những gì mắt chúng ta thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân đụng chạm, tâm tưởng, chẳng có gì là trong sạch, bởi vậy mới gọi Ta-bà là ngũ trước ác thế.

Chúng sanh tại cõi Cực Lạc thì không có dục. Họ được hóa sanh ở đây do nguyện lực của đức Phật A-di-đà. Cõi Lưu Ly là do nguyện lực của đức Phật Dược Sư hóa thành. Bởi không có dục, tất cả đều hóa sanh nên ở đây không có nữ giới. Điều này không có nghĩa là nam nữ không được đối xử bình đẳng, hay trọng nam khinh nữ; chúng ta sinh làm thân nữ đều nên hiểu rằng thế giới Ta-bà là nơi mà khổ đau nung nấu, là thế giới của vạn ác sung mãn, chẳng có gì hay ho để chúng ta thương tiếc, không có gì đáng giá để mọi người lưu luyến, hoàn toàn là một nơi không trong sạch. Vì ý nghĩa đó nên các cõi Cực Lạc và Lưu Ly đều không có nữ giới.

“Không có ác thú”: *Ác thú* là nẻo đường ác. Tại cõi Lưu Ly không có ba đường ác, không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; **“và những tiếng khổ”**, những tiếng kêu đau khổ cũng không có, những loại âm thanh bi ai, làm cho người nghe phải mũi lòng, khóc lóc, chẳng hạn, tất cả đều không có.

“Mặt đất chỉ thuần là ngọc lưu ly”, mặt đất làm bằng lưu ly, bởi vậy mới nói đây là thế giới Lưu Ly tại phương Đông; **“đường đi chẳng dây, dây làm bằng vàng”**, dây vàng làm thành lan can để phân ranh giới các đường đi; **“thành khuyết cung các”**, thành là thành trì, khuyết là cửa khuyết xây trên mặt thành, các cung điện và lầu các.

“Hiên song có lưới”: hiên là chỉ từng gian phòng một; song là cửa sổ, sáng sủa, không chút bợn dơ; các lớp la võng, tức là lưới như gồm bảy hàng cây, bảy lớp lưới.

“Làm bằng bảy báu”, Tất cả những thứ kể trên đều làm bằng bảy thứ báu, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não; **“như ở Tây phương thế giới Cực Lạc, công đức trang nghiêm, giống in không khác”**, công đức và trang nghiêm hoàn toàn giống như cõi Cực Lạc ở phương Tây, không có gì sai khác.

Câu nói **“Đông A-súc, Tây Di-đà”** chính là chỉ đức Phật A-súc, hay còn gọi là đức Phật Dược Sư, ở phương Đông và đức Phật A-di-đà ở phương Tây. Phật A-súc trông coi Kim Cang bộ, như đã từng nói đến trong chú Lăng Nghiêm, còn Phật A-di-đà thì thuộc Liên Hoa bộ. Đức Phật A-di-đà là giáo chủ cõi Cực Lạc phương Tây, và Phật Dược Sư Lưu Ly Quang là giáo chủ cõi Lưu Ly phương Đông.

Bởi vậy, tại Vạn Phật Thánh Thành, cứ mỗi buổi sáng chúng ta niệm danh hiệu đức Lưu Ly Quang Như Lai, đó là để hồi hướng công đức cho các vị hộ pháp tại đây được giải trừ tai nạn và được thọ mạng lâu dài. Buổi trưa, chúng ta niệm đức Phật Thích-ca, bởi Ngài đã truyền lại Phật Pháp cho chúng ta, nên chúng ta phải niệm Ngài để báo ơn Phật. Buổi tối, chúng ta niệm đức Phật A-di-đà, vị giáo chủ cõi Cực Lạc phương Tây, nhằm mục đích tối hậu là được vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Ở nơi này không có ba đường ác, không có các thứ khổ, chỉ có các thứ vui. Nơi đó, không ưu không sầu, không phiền não. Còn như, cảnh Ta-bà thì không ngày nào là không có rắc rối, biết bao nhiêu phiền não xâm chiếm khiến cho tâm của quý vị phát sinh bao nỗi bất bình. Thế giới Cực Lạc và thế giới Lưu Ly đều không có những vấn đề như vậy.

Tại Vạn Phật Thánh Thành, tôi áp dụng nghi thức niệm các danh hiệu khác nhau vào ba buổi như vậy là có lý do. Đây là một đạo tràng mới lập nên, không giống như các đạo tràng cũ tại Trung Hoa đại lục, hay tại Hương Cảng, Đài Loan, Tân Gia Ba, Việt Nam v.v.. những nơi này đều theo lẽ lối xưa của Phật giáo Trung

Hoa, sớm, trưa, tối, cả ba thời đều niệm Phật A-di-đà. Do đó, từ các nơi ấy có một số các vị xuất gia đi ra nước ngoài, đến thăm Vạn Phật Thánh Thành, cho rằng chúng ta là sai, không đúng nghi thức.

Không phải Vạn Phật Thánh Thành tự cho mình là đúng, có điều buổi sáng sớm chúng ta nên theo lời nguyện tiêu tai diệt thọ của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đừng chúng ta được bồi bổ thêm sinh khí, chẳng phải loại sinh khí của những người nổi nóng, mà là loại vượng khí của buổi ban mai, giúp cho cây cỏ tươi tốt, cho dòng suối tuôn trào. Buổi sớm thức dậy, ai nấy đều cảm thấy nguồn sinh lực dồi dào, mọi thứ đều cát tường như ý. Tới trưa, chúng ta phải tỏ lòng thành kính tri ân đức Phật Thích-ca vì Ngài đã để lại cho thế gian Phật Pháp và Kinh điển. Đó là lúc niệm Thích-ca Mâu-ni Phật. Buổi tối, chúng ta quy hướng về thế giới Cực Lạc, nơi vắng sanh, lìa cõi Ta-bà, do đó chúng ta niệm đức Phật A-di-đà.

Đó là các khóa trình áp dụng tại Vạn Phật Thánh Thành, không hoàn toàn giống như tại các đạo tràng khác.

Lâu nay, mọi người cứ tưởng rằng khóa trình các nơi khác cũng vậy, cũng giống như cách thức áp dụng tại đây. Kỳ thực Vạn Phật Thánh Thành tổ chức khác hẳn. Có những lễ lối mà người ta không thấy tại các chùa ở Trung Hoa. Tỷ như, tại Vạn Phật Thánh Thành, tại Kim Sơn Tự, Kim Luân Tự, cứ mỗi lần giảng pháp thì trước đó phải có nghi thức thỉnh pháp. Tại các đạo tràng khác quý vị không thấy có nghi thức này. Quý vị chưa được nhiều lần chứng kiến các nghi thức trong Phật giáo, nên không biết thế nào là đúng thế nào là sai, nên hôm nay, nhân tiện tôi kể rõ cho quý vị nghe.

Trong quý vị đây có ai có ý kiến gì về đoạn kinh tôi vừa giảng không? Hoặc thấy có chỗ nào tôi giảng chưa được thỏa ý? Nếu có kiến giải gì khác, cứ nói cho tôi hay, bởi chúng ta học Phật Pháp thì phải làm sao để trong lòng có sự tin phục,

không có điểm nào hồ nghi nữa mới được. Nếu quý vị không đồng ý với ý nghĩa của đoạn nào trong kinh, thì cứ việc giải bày.

Thực sự không có vọng tưởng tức là vãng sanh nơi thế giới Cực Lạc; thực sự không có dự niệm chính là giáo hóa các chúng sanh.

Ai bảo quý vị có vọng tưởng? Ai bảo quý vị có dự niệm? Nếu không có ai cả thì những thứ đó là hư vọng, là giả; nếu quả có người bảo thì đó là ai? Chính quý vị hay là người khác? Nếu chính quý vị bảo quý vị thì sao ngay lúc vọng tưởng đến, quý vị chẳng biết gì hết? Thế là thế nào?

Quý vị không có vọng tưởng ư? Quý vị đương ở Tịnh độ đó! Nào! Thoải mái biết bao nhiêu! Thống khoái biết bao nhiêu! Chỉ là thu dọn hết các vọng tưởng là có ngay cảnh Cực Lạc. Quý vị không có vọng tưởng tức quý vị chẳng bị phiền não; không có phiền não tức có ngay khoái lạc, tức ở cảnh Cực Lạc, còn phải chạy đi đâu nữa!

Pháp môn Tịnh độ nói rất rõ, chẳng qua chúng ta không chú ý đó thôi! Pháp môn Tịnh độ nói rằng: “Sanh thì nhất định là sanh, vãng thì thực không có vãng” (Sanh tắc nhất định sanh, khứ tắc thật bất khứ). Sanh, tức là nói sanh nơi Tịnh độ, mà sanh Tịnh độ tức làm hiển lộ tự tánh sáng rõ của mình, như câu nói “duy tâm tịnh độ, tự tánh Di-đà”. Vậy thì chẳng cần kiếm ở đâu bên ngoài. Còn như chạy ra ngoài tìm kiếm thì đó là lối suy tưởng của phần đông chúng ta. Nếu quý vị thực tình muốn tu, muốn hiểu Phật Pháp, quý vị phải hiểu rõ một điều là cõi Cực Lạc hay cõi Ta-bà chẳng lìa khỏi cái niệm tức thời này, ngay đó là Cực Lạc! ngay đó là Ta-bà! Tâm quý vị để ô nhiễm, quý vị có Ta-bà; tâm quý vị thanh tịnh quý vị có Cực Lạc. Bởi vậy, bắt tất phải “có đầu lại đội thêm đầu”, chớ có chấp rằng quý vị nhất định phải giáo hóa chúng sanh; chớ chấp rằng quý vị nhất định phải vãng sanh Cực Lạc. Chúng ta niệm Phật thì cứ việc niệm, đừng hỏi có sanh hay không sanh? Chỉ cần chúng ta thành tâm tu hành là đủ. Như quý vị không bị phiền não, tức đó là

Cực Lạc, nó hiện hành ngay trước quý vị! Quý vị có phiền não, tức quý vị ở cõi Ta-bà, cái thế giới của khổ đau, nói không hết được!

Trong nước có hai vị đại Bồ Tát, một vị gọi là Nhật Quang Biến Chiếu, một vị gọi là Nguyệt Quang Biến Chiếu, đứng đầu tất cả vô số vô lượng các vị Bồ tát, hai Ngài lần lượt sẽ lên ngôi Phật, đều giữ vững được kho báu chánh pháp của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Này Mạn Thù! Bởi thế cho nên, những thiện nam tử và thiện nữ nhân, có tín tâm rồi thời nên phát nguyện sanh sang thế giới của đức Phật kia.

Ư kỳ quốc trung hữu nhị Bồ tát ma-ha-tát, nhất danh Nhật Quang Biến Chiếu, nhị danh Nguyệt Quang Biến Chiếu, thị bĩ vô lượng vô số Bồ tát chúng chi thượng thủ, thứ bổ Phật xứ, tất năng trì bĩ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chánh pháp bảo tạng, thị cố Mạn Thù Thất Lợi, chư hữu tín tâm, thiện nam tử thiện nữ nhân đẳng, ưng đương nguyện sinh bĩ Phật thế giới.

“**Trong nước ấy**”: Đức Phật Thích-ca không khởi tâm phân biệt đức Dược Sư hay đức A-di-đà, cũng như cõi Lưu Ly hay cõi Cực Lạc, nhưng ở đây Ngài nói về quốc độ của thế giới Lưu Ly. Ở đây “**có hai vị đại Bồ Tát**”, đều là những thượng thủ đại Bồ tát; “**một vị gọi là Nhật Quang Biến Chiếu, một vị gọi là Nguyệt Quang Biến Chiếu**”, một vị là Nhật Quang Biến Chiếu, một vị là Nguyệt Quang Biến Chiếu; “**đứng đầu tất cả vô số vô lượng các vị Bồ tát**”, trong số vô lượng vô số Bồ tát ở đây, hai vị này là những thượng thủ. “Thượng thủ” nghĩa là lãnh tụ, làm công việc trợ giúp đức Phật Dược Sư để giáo hóa chúng sanh.

“Hai Ngài lần lượt sẽ lên ngôi Phật” (Thứ bồ Phật xứ), hai Ngài nói trên sẽ lần lượt lên ngôi Phật. Khi Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thoái vị thì Bồ tát Nhật Quang Biến Chiếu sẽ lên thay thế, cho đến khi Ngài Nhật Quang thoái vị thì Bồ tát Nguyệt Quang sẽ lên thay.

“Điều giữ vững được kho báu chánh pháp của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”, Sau khi hai Bồ tát nói trên lên ngôi Phật, các Ngài sẽ y chiếu theo những lời nguyện của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, sẽ tự trang nghiêm bằng công đức và trang nghiêm của Phật Dược Sư. Các Ngài cũng sẽ y đúng phương pháp giáo hóa của vị tiền nhiệm mà giáo hóa chúng sanh. Các Ngài thọ trì và đọc tụng nguyện lực và cách thức tu hành để giữ gìn kho báu chánh pháp của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

“Bồi thế cho nên, những thiện nam tử và thiện nữ nhân, có tín tâm rồi”, Này Mạn Thù! Bồi vậy cho nên các thiện nam tử, thiện nữ nhân, những ai có lòng tin; **“thời nên phát nguyện sanh sang thế giới của đức Phật kia”**, tất cả đều nên phát nguyện sanh nơi thế giới Lưu Ly, gặp đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, tương lai sẽ chóng thành Phật. **Bấy giờ Thế Tôn lại bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi. Này ông Mạn Thù! Có những chúng sanh, chẳng biết thiện ác, vì ôm cái lòng tham lam keo bần, chẳng biết bố thí, và những quả báo về hạnh bố thí, ngu si không trí, thiếu mất tín căn, chứa nhiều của báu, chăm giữ lấy mãi, thấy người đến xin, tâm họ chẳng mừng. Nếu bất đắc dĩ mà phải bố thí, thì họ coi như cắt miếng thịt họ, rất là đau tiếc. Lại có lắm kẻ tham lam keo xén, thích giữ tiền của, đến ngay thân họ, chẳng muốn tiêu dùng, hướng lại dám cho cha mẹ vợ con, tôi đòi sai khiến và kẻ đến xin. Những hữu tình ấy, đến lúc mệnh chung, sanh làm ngạ quỷ, hoặc làm bàng sanh, nhưng vì thuở xưa, đã từng tạm nghe danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nên nay đương ở trong vòng ác thú, được tạm nhớ đến danh hiệu của Ngài, ngay khi nghĩ tới, liền được ra khỏi, trở về làm người, nhớ được túc**

mạng, sợ khổ ác thú, chẳng ham đục lặc, ưa làm bố thí, khen người bố thí, mình có những gì đều không ham tiếc, dần dà đem cả đầu, mắt, chân, tay, máu thịt của mình, cho kẻ cầu xin, hưởng là tài vật.

Nhĩ thời Thế Tôn phục cáo Mạn Thù Thất Lợi đồng tử ngôn: Mạn Thù Thất Lợi! Hữu chư chúng sanh, bất thức thiện ác, duy hoài tham lận, bất tri bố thí, cập thi quả báo, ngu si vô trí, khuyết ư tín căn, đa tụ tài bảo, cần gia thủ hộ, kiến khất giả lai, kỳ tâm bất hỷ, thiết bất hoạch dĩ, nhi hành thí thời, như cát thân nhục, thâm sinh thống tích; phục hữu vô lượng san tham hữu tình, tích tập tư tài, ư kỳ tự thân, thượng bất thọ dụng, hà hưởng năng dĩ phụ mẫu thê tử, nô tỳ tác sử, cập lai khất giả. Bĩ chư hữu tình, tòng thử mệnh chung, sanh ngã quý giới, hoặc bàng sinh thú, do tích nhân gian, tăng đắc tạm văn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh cổ, kim tại ác thú, tạm đắc ức niệm, bĩ Như Lai danh, tức ư niệm thời, tòng bĩ xứ một, hoàn sinh nhân trung, đắc túc mệnh niệm, úy ác thú khổ, bất nhạo đục lặc, hiểu hành huệ thí, tán thán thí giả, nhất thiết sở hữu tất vô tham tích, tiệm thứ thượng năng dĩ đầu mục, thủ túc, huyết nhục, thân phận, thí lai cầu giả, hưởng dư tài vật.

“Bấy giờ Thế Tôn lại bảo đồng tử Mạn Thù Thất Lợi”: Lúc bấy giờ đức Thích-ca lại bảo Bồ tát Văn Thù Sư Lợi; **“Này ông Mạn Thù! Có những chúng sanh, chẳng biết thiện ác”**, có những chúng sanh không hiểu thế nào là thiện hay ác; **“vì ôm cái lòng tham lam keo bản, chẳng biết bố thí”**, chỉ biết một thứ là lòng tham lam và keo bản, không biết bố thí, không biết giúp đỡ người.

Bồ thí nghĩa là mình lấy đồ của mình để cho người trong lúc người ta không có. Có ba loại bồ thí là tài thí, pháp thí và vô úy thí. Tài thí là bồ thí bằng của cải hay bằng hiện vật. Pháp thí là đem những điều mình hiểu biết rõ ràng về Phật Pháp để nói cho mọi người nghe, tùy cơ duyên thích hợp mà mang pháp đến cho người, giống như y sĩ tùy theo bệnh tình của con bệnh mà cho thuốc. Còn như thấy kẻ khốn khổ gian nan, trong cơn nguy cấp, đương lúc lo sợ hãi hùng mà ta có thể mang đến cho họ sự an ổn trong lòng, khiến họ hết sợ hãi, thì đây gọi là vô úy thí .

Quý vị không có của để thực hành tài thí thì quý vị bồ thí pháp; nếu quý vị không có pháp thì quý vị có thể thực hành lối vô úy thí.

“Và những quả báo về hạnh bồ thí”, quý vị còn có thể “bồ thí quả báo” nghĩa là giảng về hậu quả của những hành động bồ thí, đại khái như trong Kinh Địa Tạng, phẩm thứ mười, có giảng về ý nghĩa của câu “xả nhất đắc vạn báo”, bỏ ra một mà sau lấy về cả muôn.

“Ngu si không trí, thiếu mất tín căn”, ngu xuẩn không có trí tuệ, thiếu lòng tin. Người không hiểu lẽ nhân quả là người ngu si, không có trí tuệ. Có trường hợp gặp được Phật Pháp mà tỏ ý hồ nghi không tin là vì duyên cơ gì? Vì tín căn không đủ, và không có “mắt chọn pháp” (trạch pháp nhãn). Quý vị nói phải thì họ cho là trái, ngược lại, nói trái thì cho là phải. Họ không đủ trí tuệ để phán đoán cái gì là đạo và cái gì không phải đạo.

“Chứa nhiều của báu”: Tích tụ cho nhiều tiền của, muốn làm nô lệ cho tiền tài; **“chăm giữ lấy mãi”** (cần gia thủ hộ), chăm chăm giữ của, từ sớm đến tối không lúc nào quên, rồi đêm nằm cho đến sáng không ngủ được, chỉ vì tưởng nhớ đến tiền của. Tìm mọi phương pháp để giữ của mà ăn không ngon, ngủ không yên, khốn khổ biết chừng nào!

“Thấy người đến xin, tâm họ chẳng mừng”, thấy người đến xin ăn hoặc thấy kẻ hành khất đến nhà thì cảm thấy trong lòng không vui, bảo rằng: “Sao các người lại đến đây? Thật đáng ghét!”

“**Nếu bất đắc dĩ mà phải bố thí**”, giả thử bất đắc dĩ mà phải bố thí, chẳng hạn khi lâm vào hoàn cảnh không thể từ chối, hoặc từ chối thì sẽ gặp rắc rối, nghĩa là bị dòn vào chỗ phải bố thí, thì lúc đó họ sẽ cảm thấy “**như cắt miếng thịt họ, rất là đau tiếc**”, giống như người bị cắt vào da thịt, rất đau đớn và tiếc lắm!

“**Lại có lắm kẻ tham lam keo kiệt**”, cũng có vô số những kẻ tham lam keo kiệt; “**thích giữ tiền của**”, tích tụ của cải tiền tài; “**đến ngay thân họ, chẳng muốn tiêu dùng**”, tiêu xài cho chính mình mà cũng chưa chịu thọ dụng; “**huống lại dám cho cha mẹ vợ con, tôi đòi sai khiến và kẻ đến xin**” huống lại tiêu xài cho cha mẹ, con cái, nô tỳ và những kẻ hành khất đến xin.

“**Những hữu tình ấy**”, tức là số người tham lam keo kiệt vừa kể; “**đến lúc mệnh chung, sanh làm ngựa quỳ**”, một khi chết đi sẽ thành quỳ đói. Bởi tính keo kiệt, bo bo giữ của, không dám buông bỏ nên họ sẽ sanh làm thứ quỳ nghèo, quỳ đói, quỳ giữ của; “**hoặc làm bàng sanh**”, tức làm kiếp súc sanh. Đó là điều không thể tránh khỏi.

“**Nhưng vì thưở xưa, đã từng tạm nghe danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai**”, nhân vì số chúng sanh đó, trong kiếp trước làm người, đã tình cờ được nghe người ta niệm danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; “**nên nay đương ở trong vòng ác thú, được tạm nhớ đến danh hiệu của Ngài**”, nay đương ở trong ba đường ác, chợt nhớ lại danh hiệu của đức Dược Sư; “**ngay khi nghĩ tới, liền được ra khỏi, trở về làm người**”, ngay khi nhớ tới, bèn thoát ra khỏi kiếp ngựa quỳ hay kiếp bàng sanh, để trở lại thế gian làm người.

“**Nhớ được túc mạng**”, nhớ lại các sự tình trong kiếp trước, gọi là “túc mạng thông”; “**sợ khổ ác thú, chẳng ham dục lạc, ưa làm bố thí, khen người bố thí**”, rất sợ các quả khổ trong vòng ác đạo, không ham các dục lạc, mà ham thực hành bố thí lại còn hay khen ngợi những ai hay bố thí; “**mình có những gì đều không ham tiếc**”, phạm tất cả những thứ của mình, đều không tham tiếc; “**dần dà**

đem cả đầu, mắt, chân, tay, máu thịt của mình, cho kẻ cầu xin, huông là tài vật”, dần dà còn có thể cho cả đầu, mắt, tay, chân, máu, thịt nếu có người cầu xin, huông chi là xả bỏ các thứ tiền tài và vật dụng.

Bồ thí là một pháp môn tu phước. Chúng ta thử xem trên thế gian, có kẻ nghèo người giàu, tại sao vậy? Kiếp trước keo kiệt, kiếp này nghèo; kiếp trước bố thí, kiếp này giàu. Có câu nói: “Yếu xả tài năng đắc, bất xả tịu bất đắc”, nghĩa là phải bỏ tiền tài ra thì có được (tiền tài), chẳng chịu bỏ, tất chẳng được (tiền tài), đó là lẽ nhân quả, chúng ta đừng có làm nhân quả. Nếu làm thì sai một ly sẽ sai đi ngàn dặm.

Nhất là, chúng ta khi đã đến chùa lạy Phật, ta phải nghĩ tới lợi ích cho người và phải thực hành bồ thí. Chớ có nghĩ rằng tới chùa là để kiếm chút lợi cho mình, hoặc lo ngại mình sẽ bị thiệt, thậm chí có người còn lén lấy của chùa các thức ăn, các đồ dùng, ăn cắp thứ này thứ kia, đó chính là gieo cái nhân để rồi bị đọa vào các đường ác.

Mỗi người trong chúng ta khi về nhà mình nên bảo cho các bạn bè thân thích biết rằng khi đến bất cứ chùa miếu nào cũng đừng mang ý nghĩ kiếm lợi lộc, đừng nên ăn cắp một thứ gì của chùa, kéo mang nghiệp tội vì các hành vi của mình. Nếu quý vị không nói, rui họ mang tội thì quý vị cũng chịu tội một phần. Dạy cho họ đạo lý nhân quả tuần hoàn, chớ có làm nhân quả!

Quý vị thấy Kinh của Phật chỉ dạy bồ thí, chớ không nói người khác bồ thí cho mình. Phật giáo là đem lợi ích cho người, nếu không như vậy thì sẽ biến thành “đức trung chi tặc”, giặc trong số người đức hạnh, là kẻ phá hoại Phật giáo. Tỷ như chúng ta đi lôi kéo mọi người hộ pháp, tưởng làm chuyện Phật sự, kỳ thực chỉ là tạo thêm tội nghiệp.

Quý vị phải nhớ kỹ! Hãy mau mau tỉnh ngộ! Mau mau hồi quang phản chiếu! Phải mau mau tỉnh thức! Có lỗi làm thì cải sửa ngay; nếu không có thì hãy

cô lên, để thành một Phật tử tốt. Chớ giả dạng Phật tử để lộn sòng, lợi dụng nước đục thả câu, toan kiếm chút lợi lộc. Chớ lấy Phật giáo để khai thác làm ăn, đó là cái nhân dẫn tới địa ngục.

Hồi trước có người đến chùa Kim Luân chỉ cốt để bán đồ trang sức, mà không biết rằng vậy là tự chuốc lấy quả báo ghê gớm. Bởi vậy, quý vị ráng cẩn thận, rủi có bị dọa tôi cũng không có cách gì cứu vớt được.

Còn nữa này ông Mạn Thù Sư Lợi! Nếu những hữu tình, tuy theo Như Lai, thọ học Phật Pháp, mà phá giới luật; lại có kẻ tuy chẳng phá giới luật, nhưng phá quy tắc; kẻ giữ được cả giới luật quy tắc, nhưng hủy chánh kiến; lại có kẻ tuy không hủy chánh kiến nhưng không cầu học hỏi; nên không hiểu rõ những điều Phật giảng thâm nghĩa khế kinh; có kẻ học nhiều lại tăng thượng mạn, vì tăng thượng mạn, che lấp tâm rồi, cho mình là phải, người khác là sai, hủy báng chánh pháp, làm bạn với ma, người ngu như vậy, tự mình đi vào con đường tà kiến, lại còn làm cho vô lượng triệu lần hữu tình bị dọa xuống hầm nguy hiểm. Những hữu tình này trôi quanh mãi mãi trong vòng địa ngục, bàng sanh quý thú. Nếu mà được nghe danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai liền bỏ ác hạnh, tu các thiện pháp, chẳng dọa ác thú. Dầu có kẻ nào chẳng thể bỏ được hết mọi ác hạnh mà tu thiện pháp, phải dọa ác thú, vì nhờ sức thần bổn nguyện của Phật, khiến họ hiện tiền, đã được tạm nghe danh hiệu của Phật, họ sẽ thoát thân nơi ác thú kia, lại được làm người, chánh kiến tinh tấn, khéo điều hòa được tâm ý an vui, liền bỏ được nhà, đến chốn không nhà, và thọ trì học trong pháp Như Lai, không hề hủy phạm chánh kiến đa văn, hiểu nghĩa thâm sâu, lìa tăng thượng mạn, chẳng báng chánh pháp, chẳng bạn với ma, dần dần tu hành, các hạnh Bồ tát, chóng thành viên mãn.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi! Nhược chư hữu tình tuy ư Như Lai thọ
chư học xứ, nhi phá Thi-la, hữu tuy bất phá Thi-la, nhi phá quỹ tắc, hữu ư
thi la, quỹ tắc tuy đắc bất hoại, nhiên hủy chánh kiến, hữu tuy bất hủy
chánh kiến nhi khí đa văn, ư Phật sở thuyết kế kinh thâm nghĩa, bất năng
giải liễu. Hữu tuy đa văn, nhi tăng thượng mạn, do tăng thượng mạn, phú
tế tâm cố, tự thị phi tha, hiềm báng chánh pháp, vi ma bạn đảng, như thị
ngu nhân tự hành tà kiến, phục linh vô lượng câu chi hữu tình, đọa đại
hiểm khanh, thử chư hữu tình ưng ư địa ngục, bàng sanh, quỷ thú, lưu
chuyển vô cùng, nhược đắc văn thử Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh
hiệu, tiện xả ác hạnh, tu chư thiện pháp, bất đọa ác thú; thiết hữu bất
năng xả chư ác hạnh, tu hành thiện pháp, đọa ác thú giả, dĩ bỉ Như Lai bốn
nguyện uy lực, linh kỳ hiện tiền tạm văn danh hiệu, tòng bỉ mệnh chung,
hoàn sanh nhân thú, đắc chánh kiến tinh tấn, thiện điều ý lạc, tiện năng xả
gia, thú ư phi gia, Như Lai pháp trung, thọ trì học xứ, vô hữu hủy phạm,
chánh kiến đa văn, giải thâm thâm nghĩa, ly tăng thượng mạn, bất báng
chánh pháp, bất vi ma bạn, tiệm thứ tu hành chư Bồ tát hạnh, tốc đắc viên
mãn.

“Còn nữa này ông Mạn Thù Sư Lợi!”, Đức Phật Thích-ca e ngại rằng các
chúng sanh không chú ý đến các nguyện lực và oai thần của Dược Sư Lưu Ly
Quang Như Lai, mà chỉ nghe như gió thoảng bên tai, do đó, với đại bi tâm, Ngài
liền giảng thật tường tế để chúng ta, các chúng sanh vào thời mạt pháp được lợi
ích. Ngài nói:

“Nếu những hữu tình, tuy theo Như Lai, thọ học Phật Pháp”, nếu những chúng sanh tuy học tập Phật Pháp, nghiên cứu kinh điển; **“mà phá giới luật”** (nhi phá Thi-la), nhưng phá giới luật. “Thi-la” (*Sila*) là tiếng Phạn, nghĩa là giới luật. Công dụng của giới luật là ngăn điều ác, ngừa điều quấy, và những người nói trên hành động chẳng kể đến nguyên tắc này, nên họ là những người phá giới.

“Lại có kẻ tuy chẳng phá giới luật, nhưng phá quy tắc” (*Hữu tuy bất phá Thi-la, nhi phá quy tắc*), có một số tuy không phá giới, lại phá quy tắc. *Quy tắc* là những luật lệ phải tuân theo để sống chung với nhau trong một cộng đồng, coi như một thứ quy tắc.

“Kẻ giữ được cả giới luật quy tắc, nhưng hủy chánh kiến”, có một số giữ giới, không phạm quy tắc, lại hủy chánh kiến, tức là không có chánh tri chánh kiến, hành động kỳ quái, đầy những tà tri tà kiến.

“Lại có kẻ tuy không hủy chánh kiến” có một số, tuy không hủy chánh kiến; **“nhưng không cầu học hỏi”**, nhưng lại lười biếng không chịu khó chuyên cần học tập, để thời gian trôi qua uổng phí, bỏ phí cơ hội được học hỏi trí huệ bát nhã trong kinh điển, do đó, **“nên không hiểu rõ những điều Phật giảng thâm nghĩa kệ kinh”**, đối với ý nghĩa thâm sâu mà Phật giảng trong kệ kinh, họ không hiểu rõ. Kinh điển của Phật là những kệ kinh, vì “kệ” là kệ hợp, trên thì hợp với lý của chư Phật, dưới thì hợp với căn cơ của chúng sanh.

“Có kẻ học nhiều lại tăng thượng mạn”, có số người, tuy đa văn lại tăng thượng mạn. Họ không phá giới, không phạm quy tắc, không phá chánh kiến, cũng không bỏ đa văn; họ chịu khó học hỏi, rộng xem kinh điển, biết nhiều Phật Pháp, nhưng trong lòng tự cho mình là giỏi, người khác không ai bằng mình, đưa cao sự ngạo mạn lên, đó gọi là cống cao ngã mạn; **“vì tăng thượng mạn, che lấp tâm rồi”**, do tư tưởng tăng thượng mạn mà trí huệ bị che lấp; **“cho mình là phải, người khác là sai”** (*tự thị phi tha*), tự cho mình là phải, còn người khác là sai; **“hiềm báng chánh pháp”**, hủy báng chánh pháp. Đối với ai đề xướng chánh pháp,

những người vừa nói trên liền lên tiếng chê bai, rồi chỉ trích các lẽ lỗi thực tập tỷ như mỗi ngày ăn một bữa, đêm không nằm ngủ, không giữ tiền bạc, lại cho rằng thời Mạt pháp không ai tu được! Không hiểu họ học Phật Pháp gì mà lạ vậy!

“Làm bạn với ma”, họ trở thành bạn của loài ma, họ hàng của Ma vương, cùng một đảng với ma; **“người ngu như vậy”** những người như vậy **“tự mình đi vào con đường tà kiến”**, tự mình mang tà tri tà kiến, hành động không chánh đáng; **“lại còn làm cho vô lượng triệu lần hữu tình”**, lại còn khiến cho vô lượng câu chi chúng sanh, nghĩa là vô lượng số; **“bị đọa xuống hầm nguy hiểm”**, rơi vào những cái hầm rất khó thoát ra, rất mực nguy hiểm; **“Những hữu tình này trôi quanh mãi mãi trong vòng địa ngục, bàng sanh quỷ thú”**, những hữu tình ấy phải trôi nổi mãi, trong các vòng ác thú như địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, tức là những loại đã từng phạm những tội thuộc về thập ác, ngũ nghịch, phải bị đọa đầy trong cảnh địa ngục vô gián.

“Nếu mà được nghe danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”, nếu được nghe danh hiệu của Ngài Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai **“liền bỏ ác hạnh, tu các thiện pháp, chẳng đọa ác thú”** liền bỏ hết các hạnh xấu, sửa đổi lại các hành vi, rồi tu các điều lành, nên không bị sanh trở lại trong các vòng ác đạo, như tại địa ngục, làm quỷ đói, làm thân súc sanh hay A-tu-la.

“Đầu có kẻ nào chẳng thể bỏ được hết mọi ác hạnh”, giả tử họ không bỏ ngay được những hạnh xấu để **“tu thiện pháp”**, để thực hành các điều thiện, đại khái như giữ giới luật, học hỏi nhiều (đa văn), giữ chánh tri chánh kiến, tuân thủ các quy tắc, giả sử họ không làm được các điều này, họ **“phải đọa ác thú”**, tức bị đọa xuống địa ngục, làm quỷ đói hay làm súc sanh; **“vì nhờ sức thần bốn nguyện của Phật, khiến họ hiện tiền, đã được tạm nghe danh hiệu của Phật”**, do thần lực các bốn nguyện của đức Như Lai, khiến họ trước mắt được nghe tạm danh hiệu của Ngài, rồi từ đó **“họ sẽ thoát thân nơi ác thú kia, lại được làm người”**, khi hết kiếp đó, trở về làm người; **“chánh kiến tinh tấn, khéo điều hòa được tâm ý**

an vui”, có được chánh tri chánh kiến, tinh tấn tu hành nên có khả năng điều hòa tâm ý, vĩnh viễn hoan hỷ và vui sướng trong lòng.

Tại sao họ được như vậy? Bởi họ đã hiểu rằng các thói xấu ích kỷ, tự lợi, tranh, tham và cầu là nguyên nhân đưa người ta vào các cõi ác, nên họ xả bỏ các tập khí trên. Làm được như vậy gọi là “khéo điều hòa được tâm ý an vui” (*thiện điều ý lạc*).

“Liên bỏ được nhà, đến chốn không nhà”: họ có khả năng nhận thức đúng, biết xả bỏ nên có thể bỏ lại gia đình để xuất gia tu hành.

“Và thọ trì học trong pháp Như Lai, không hề hủy phạm chánh kiến đa văn”, ở trong pháp của đức Như Lai Dược Sư Lưu Ly Quang, họ học tập, họ không phạm giới và phạm quy tắc, không hủy chánh kiến, không kiêu ngạo, họ thường có chánh kiến lại chuộng đa văn, không lười biếng, nói chung là chuyên cần học hỏi Phật Pháp; **“hiểu nghĩa thâm sâu, lia tăng thượng mạn”**, họ hiểu tường tận những ý nghĩa thâm sâu trong kinh điển, họ lia khỏi ý tưởng cống cao ngã mạn.

“Chẳng báng chánh pháp, chẳng bợn với ma, dần dần tu hành, các hạnh Bồ tát, chóng thành viên mãn”, họ không chê bai chánh pháp, không làm bạn với Ma vương, không vào đảng của loài ma, rồi dần dà tu theo các hạnh Bồ tát, mau chóng đạt được thành quả viên mãn, nghĩa là đạt được quả vô thượng Bồ-đề Chánh Đẳng Chánh Giác.

Còn nữa, này ông Mạn Thù Sư Lợi! Nếu những hữu tình, keo tham tật đố, khen mình chê người, sẽ phải đọa vào trong ba đường ác, bao nhiêu ngàn năm, chịu mọi cực khổ, chịu cực khổ rồi, ở đấy mãn hạn, rồi lên nhân gian, làm thân trâu ngựa, lừa và lạc đà, thường bị roi đánh, đói khát khổ não, lại thường mang nặng, theo đường mà đi, hoặc được làm người, vào hàng hạ tiện, làm kẻ tôi đòi, bị người sai khiến, chẳng được tự tại, nếu xưa làm người, đã

từng được nghe danh hiệu Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, do nhân lành đó, nay còn nhớ lại, hết lòng quy y, nhờ thần lực Phật, giải thoát hết khổ, các căn thông lợi, trí tuệ đa văn, thường cầu thắng pháp, thường gặp bạn lành, dứt hẳn lưới ma, đập vỡ cái vỏ vô minh u tối, cạn dòng phiền não, giải thoát dứt hết sanh già bệnh chết, ưu sầu khổ não.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi! Nhược chư hữu tình, san tham tật đố, tự tán hủy tha, đương đọa tam ác thú trung, vô lượng thiên tuế thọ chư kịch khổ, thọ kịch khổ dĩ, tòng bỉ mệnh chung, lai sinh nhân gian, tác nguơ mã đà lư, hằng bị tiên thát, cơ khát bức não, hựu thường phụ trọng, tùy lộ nhi hành, hoặc đắc vi nhân, sinh cư hạ tiện, tác nhân nô tỳ, thọ tha khu dịch, hằng bất tự tại, nhược tích nhân trung, tăng văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, do thử thiện nhân, kim phục ức niệm, chí tâm quy y, dĩ Phật thần lực, chúng khổ giải thoát, chư căn thông lợi, trí huệ đa văn, hằng cầu thắng pháp, thường ngộ thiện hữu, vĩnh đoạn ma quyến, phá vô minh xác, kiệt phiền não hà, giải thoát nhất thiết sinh lão bệnh tử, ưu sầu khổ não.

“Còn nữa, này ông Mạn Thù Sư Lợi!”: Đức Phật Thích-ca lại bảo Bồ tát Văn Thù Sư Lợi; “**Nếu những hữu tình, keo tham tật đố**”, nếu những hữu tình keo kiệt, tham lam, hay ganh ghét. *Keo kiệt* là nói những hạng bo bo không dám bỏ tiền ra, cam tâm làm kẻ nô lệ, làm trâu làm ngựa để giữ tiền lại cho con cháu; *tham* là ham lợi, ưa tích lũy tiền của, càng nhiều càng tốt, cho đến ham cả đồ rác rưởi, nghĩ rằng rác cũng có thể biến thành năng lượng; *tật đố* là một loại ác tâm, tiềm tàng ở bên trong. Khi nó hiện ra ý nghĩ thì nó phát sinh thành lòng ghen tị, biểu

hiện thành những hành động phước hại người khác, như đố kỵ người có tài năng, có trí thông minh, người gặp được phước báo, những ai được hưởng vui sướng, hay gặp sự tình thuận lợi.

“Khen mình chê người”, tự khen mình và chê bai kẻ khác. Trong giới luật Bồ tát, điều này được giảng rất kỹ càng. Nếu thực sự quý vị có điều hay, hà tất quý vị phải tự tán dương? Người khác cũng có con mắt tinh đời, quý vị hay hay dở người ta cũng biết, cần chi phải tự khen mình. Có người tự giới thiệu rằng: “Quý vị biết tôi không? Là một đại Bồ tát đó!”; hoặc bảo: “Quý vị biết tôi chứ? Tôi là người đã được khai ngộ”; hoặc “tôi có thần thông”. Đó là cách tự quảng cáo, tự tuyên truyền, tự tán dương mình. Còn người khác thì luôn luôn sai, không ai đúng hết. Ngay đến ông trời cũng không công bằng, đất thì thiếu từ bi, đức Phật cũng không tốt nữa!

Những người như vậy ư?

“Sẽ phải đọa vào trong ba đường ác”, đáng bị đọa vào các đường ác, xuống địa ngục, hoặc làm quỷ đói, hoặc làm thân thú vật và sẽ trải qua **“bao nhiêu ngàn năm, chịu mọi cực khổ”** (*vô lượng thiên tuế thọ chư kịch khổ*), bao nhiêu ngàn năm trong vòng ác đạo để phải chịu khổ; “kịch khổ” nghĩa là khổ đến cùng cực. Đó là quả báo của những ai khen mình chê người, keo kiệt, tham lam, tật đố. Họ có chút đỉnh đức hạnh nào, có chút phước báo nào thì đã tiêu hết nên mới bị khổ não như vậy.

“Chịu cực khổ rồi, ở đấy mãn hạn, rồi lên nhân gian”, chịu khổ não xong, hết kiếp đó, trở về nhân gian, **“làm thân trâu ngựa, lừa và lạc đà”**, làm thân trâu, ngựa, lạc đà, lừa. Vì lý do trong vô số kiếp, họ đã ở trong ba đường ác, khổ não vô cùng trong cảnh địa ngục, nên khi lên cõi nhân thế, các chúng sanh ấy chưa thể mang thân người được, phải làm các thân trâu, ngựa, lạc đà và lừa.

“Thường bị roi đánh, đói khát khổ não, lại thường mang nặng, theo đường mà đi”, thường bị chủ nhân dùng roi đánh đập, đói và khát làm cho khổ sở, lại thường phải mang nặng, cứ theo đường mà bước đi.

Khi quả báo đã gần xong, các chúng sanh đó **“hoặc được làm người”**, được sanh làm người, nhưng đầu thai vào những gia đình nghèo hèn, trong cảnh cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, không nơi trú ngụ, cái gì cũng thiếu thốn, tóm lại là nghèo mạt không ai có thể nghèo hơn, cho nên nói **“sanh vào hạ tiện”**; **“làm kẻ tôi đòi, bị người sai khiến, chẳng được tự tại”** làm thân tôi đòi, làm đầy tớ như nô bộc, tỳ nữ, bị người sai khiến, không lúc nào được tự tại.

“Nếu xưa làm người, đã từng được nghe danh hiệu Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”, giả sử những hữu tình ấy, trong kiếp trước làm người, tình cờ được nghe đến danh hiệu của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, **“do nhân lành đó, nay còn nhớ lại”**, do cái nhân lành ấy, cái chủng tử tốt ấy, mà nay nhớ lại được danh hiệu của Ngài; **“chí tâm quy y”**, dùng tâm chí thành khẩn thiết để quy y Ngài; **“nhờ thần lực Phật, giải thoát hết khổ”**, do thần lực của Ngài, tức oai lực của các nguyện lớn, tất cả các sự khổ não đều tiêu ma.

“Các căn thông lợi”, cả sáu căn đều thông lợi. Mắt thì sáng, mọi cảnh vật đều hiện ra minh bạch; tai thính nên nghe âm thanh rõ ràng; mũi phân biệt hương một cách sắc bén; lưỡi nếm biết thưởng thức mùi vị, hợp hay không hợp khẩu vị; nói về thân thì cảm giác xúc chạm rất là bén nhạy, cái giác đó là cái biết của trí huệ; sau hết là ý và đối tượng của nó là pháp - ý duyên pháp. Trong ý thì trí huệ hiện tiền, trí nhớ thì bên bỉ một cách phi thường.

“Trí huệ đa văn”, lại có trí huệ, biết nhiều đạo lý, học thức quảng bác; **“thường cầu thắng pháp”**, thường cầu học hỏi để thêm tiến bộ, không coi sự hiểu biết ít ỏi của mình là đủ, chớ không phải nói đại khái như: “Ồ! Với tôi thì đã đủ rồi! Nghi thôi!” Những ai có căn lành gặp được chúng sanh của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì họ không lười biếng, họ **“thường gặp bạn lành”**, gặp bạn tốt,

những thiện tri thức có thể giúp đỡ họ, cuối cùng có thể **“đứt hẳn lưới ma”**, vĩnh viễn thoát khỏi lưới của loài ma; **“đập vỡ cái vỏ vô minh u tối”**, phá được cái vỏ vô minh. Điều này rất là trọng yếu đối với chúng ta, bởi mục đích của người tu hành chính là phá màn vô minh. Giống như cái vỏ trứng, ngăn cách con gà với ngoại giới, vô minh chính là một cái vỏ nhốt con người bên trong. Quý vị ở trong vỏ kín thì đâu còn biết gì chuyện bên ngoài! Quý vị hoàn toàn sống trong sự mù mờ, đầy ắp những vọng tưởng trong đầu óc, từ đó dẫn quý vị tới những hành động bất thiện.

“Cạn dòng phiền não, giải thoát dứt hết sanh già bệnh chết, ưu sầu khổ não.”, làm cho cạn con sông phiền não, thoát ly hết mọi vấn đề sanh, già, bệnh, chết, cùng những sầu bi khổ não, cho nên hằng sống trong cảnh “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”, gọi là bốn đức của Niết bàn.

※※※ ※※※ ※※※

Những nét cáu giận của chúng ta, thực tình chẳng phải do thức ăn mang lại, cũng chẳng phải do trời hay đất tạo ra, chẳng phải do thời tiết tác động, mà chính là do cái vô minh của chúng ta mà ra. Vậy vô minh từ đâu mà tới? Vô minh phát sinh từ lòng vị kỷ - tự tư - nó chi phối chúng ta, khiến chúng ta sanh nóng giận và phiền não. Chính vì lòng vị kỷ, tự tư, nên ta mới sợ mình bị thiệt thòi. Bởi thiệt thòi nên cáu giận, rồi tranh chấp. Nếu quả quý vị *không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi*, thì nóng giận đâu còn nữa!

Bồ tát Quán Thế Âm, Ngài là một vị đại từ bi. Nếu quý vị xưng danh hiệu của Ngài, Ngài sẽ giải trừ được mọi thống khổ của quý vị. Ngài vốn có nhân duyên lớn đối với chúng ta, đối với hết thảy các chúng sanh. Nếu chúng ta muốn kết duyên với Ngài, ta hãy niệm nhiều danh hiệu của Ngài và để ánh sáng của ta hợp chung với ánh sáng của Ngài.

Bồ tát Địa Tạng thì có nguyện lực lớn. Ngài không đành lòng trông thấy các chúng sanh chịu khổ. Nhờ nguyện lực lớn của Ngài, nếu chúng ta niệm danh hiệu của Ngài, tán thán danh hiệu, Ngài sẽ dùng thần lực dẫn dắt chúng ta chóng thành Phật quả.

Có phải hai vị Bồ tát Quán Âm và Địa Tạng đã đăng những lời quảng cáo cho chính mình trong kinh Phật chăng? Không phải! Những lời đó là do Phật nói ra, là chân ngữ, là thực ngữ, chẳng phải là vọng ngữ, chính Phật xưng tán như vậy, nên chúng ta mới biết đến từ bi lớn và nguyện lực lớn của hai Ngài.

Còn nữa này ông Mạn Thù Thất Lợi! Nếu những hữu tình, thích gây ngang ngược, tố nhau kiện nhau, làm cho não loạn, cả mình cả người, lấy thân miệng ý, tạo thêm mãi ra, bao nhiêu nghiệp ác, sự tình đấp đổi, chẳng có lợi ích, mưu hại lẫn nhau, đi gọi các thần, ở rừng ở núi, ở cây ở má, rồi giết chúng sanh, lấy máu lấy thịt, cúng tế bọn quỷ, được xoa la sát, viết tên kẻ thù, làm hình kẻ thù, làm bùa chú ác, để mà nguyên rửa, yểm bùa bỏ độc, hô quỷ nhập vào, thầy chết đứng dậy, sai hại mạng người, và thương tổn thân của các kẻ thù. Những hữu tình ấy, nếu mà được nghe danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì ác sự kia, đều chẳng hại được, lần lượt tất cả đều khởi từ tâm, lợi ích an vui, không còn có ý nào hại hiềm thù, ai cũng vui mừng, mọi vật thọ dụng, tự cho là đủ, chẳng lẫn của nhau, mà là cũng làm lợi ích cho nhau.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi! Nhược chư hữu tình, hiểu hỷ quai ly, cánh tương đấu tụng, não loạn tự tha, dĩ thân ngữ ý, tạo tác tăng trưởng chủng chủng ác nghiệp, triển chuyển thường vi bất nhiều ích sự, hổ tương mưu hại, cáo triệu sơn lâm, thụ trứng đẳng thần, sát chư chúng sinh, thủ

kỳ huyết nhục, tế tự được xoa, la sát bà đặng, thư oán nhân danh, tác kỳ hình tượng, dĩ ác chú thuật, nhi chú trở chi, yểm mị cổ đạo, chú khởi thi quỷ, linh đoạn bĩ mệnh, cập hoại kỳ thân; thị chư hữu tình, nhược đắc văn thữ Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, bĩ chư ác sự, tất bất năng hại, nhất thiết triển chuyển, giai khởi từ tâm, lợi ích an lạc, vô tổn não ý, cập hiềm hận tâm, các các hoan duyệt, ư tự sở thọ, sinh ư hỷ túc, bất tương xâm lãng, hễ vi nhiều ích.

Đoạn kinh trên nói lên ý nghĩa của chánh thắng tà, của chân diệt vọng. Đức Phật Thích-ca lại bảo: **“Còn nữa này ông Mạn Thù Thất Lợi!”** này ông Mạn Thù Sư Lợi!, **“Nếu những hữu tình, thích gây ngang ngược”** (nhược chư hữu tình, hiếu hỷ quai lý). Chữ “quai lý” có nghĩa là đi ngược với chân lý, cái gì không hợp lý, lấy trái coi là phải, lấy phải coi là trái, lấy trắng làm đen, lấy đen làm trắng, có tính cách ngang ngạnh “cưỡng từ đoạt lý”, nghĩa là quý vị đã vô lý, lại còn lấn lướt, lấy thế của mình để áp bức kẻ khác.

“Tổ nhau kiện nhau” (*Cánh tương đấu tụng*), tổ nhau kiện nhau. “Đấu tụng” tức là thưa kiện nhau trước cửa quan. Đành rằng pháp đình là nơi mang lại công lý, nhưng quý vị dùng “cưỡng từ đoạt lý” - tuy là vô lý, nhưng quý vị cố vạy vẹo để nó thành hợp lý - tức là một cách điên đảo, làm mất công lý. Nếu như quý vị thua kiện, quý vị lại đi kháng cáo lên tòa trên, nếu tòa trên quý vị thua nữa, quý vị sẽ thượng cáo lên tới tối cao pháp viện. Đấu tụng nó là như vậy!

“Làm cho não loạn, cả mình cả người”, cả hai bên đều không an vui; **“lấy thân miệng ý, tạo thêm mãi ra, bao nhiêu nghiệp ác”**, lấy thân miệng ý tạo thêm mãi ra bao nhiêu nghiệp ác. Cái thân thì gây ra các nghiệp ác như giết người, ăn cắp và dâm ô, ý thì cho khởi lên các niệm tham, sân, si, còn miệng thì nói ra những

lời ác độc, dối trá, thêu dệt, nói hai lưỡi, tóm lại là mười điều ác (thập ác). Sự tạo tác cứ dần dần tăng trưởng, không phải chỉ có một loại nghiệp ác mà rất nhiều loại, bao quát hết tất cả mọi sự tình trên thế gian này.

“Sự tình đáp đổi, chẳng có lợi ích, mưu hại lẫn nhau” Trao đi đổi lại (*Triển chuyển*) những điều bất lợi cho nhau, để mưu hại nhau. Điều gì có thể dung thứ cho nhau thì không dung thứ, còn điều gì có lợi cho nhau thì không làm, tóm lại chỉ nghĩ lợi cho mình, không lợi cho người. Đã vậy còn tính hại nhau: quý vị hại tôi, tôi hại quý vị. Hại không được thì nhờ tới quỷ thần, nên mới **“đi gọi các thần, ở rừng ở núi, ở cây ở mả”**, gọi các thần núi, thần cây, thần ở trong mồ mả.

Họ lễ lạy đủ thứ thần, nào thần núi, thần thổ địa, thần mèo, thần chó, cái gì cũng lạy được, thậm chí lạy cả thần phân, thần nước tiểu, vậy đó! Họ vốn là những kẻ dơ dáy nên có thể lạy cả những thần dơ dáy. Họ đến những nơi đó cầu đảo, khẩn rằng: “Thần cây ơi! Xin Ngài linh thiêng, làm sao khiến cho nó chết ngay! Tôi ghét nó lắm! Tôi lạy Ngài, Ngài hiển linh đi! Nếu Ngài giúp cho tôi sẽ giết gà cúng Ngài, mang chuột đến cúng Ngài!” Họ lạy cả thần trâu, thần rắn, thần ếch nhái, thần chuột v.v..

Họ còn gọi các cô hồn ở trong mồ mả, các quỷ ở bãi tha ma. Họ khẩn: “Thần ơi! Hãy phù hộ cho tôi! Đừng phù hộ cho nó! Nó là một kẻ . . . đó! Giúp tôi làm cho nó chết đi rồi tôi sẽ có dâng một con gà cúng thần”. Các tà thần này thích được ăn gà, bèn dùng các loại thần thông, quỷ thông gì đó làm cho người ta phải đau đớn, nào đau đầu, đau miệng, đau khung khiếp, không chịu nổi, phải lăn đùng ra chết. Lợi hại như vậy!

Trên những cây cổ thụ, loại đại thụ cổ từ mấy trăm năm, có các loại thần cây. Người ta bảo: “Cây ấy thành tinh”, thực ra không phải cây biến thành tinh, mà là do một vong linh nương vào cây ấy, coi cây ấy là chỗ ở, là nhà, là địa bàn trú ngụ. Từ đó, người ta đến cầu đảo, linh thiêng lắm! Người ta khẩn trước thần cây rằng: “Ông phù hộ cho tôi đi! nếu kỳ này tôi trúng cá ngựa, tôi sẽ xây cho ông cái

miếu”. Yêu quái nghe được bèn nghĩ: Ô! Được lắm chớ. Vậy là nhân quả bị sai lạc rồi. Đại khái tất cả những chuyện cầu đảo xảy ra đều na ná giống như trên vừa kể.

“Rồi giết chúng sanh, lấy máu lấy thịt”, rồi giết chúng sanh lấy máu lấy thịt. Khi cầu đảo người ta phải có lễ vật dâng lên cho thần, phải có con gà, con cá, thịt, chai rượu để hồi lộ trước, rồi khi nào lời cầu khẩn có linh nghiệm thì lại cúng dàng nữa. Các loại thần trâu, thần rắn này, trông thấy có đồ cúng, có rượu, nên ăn uống say sưa, và sau đó gây ra nhiều hành động càn rỡ. Ma quỷ còn thích hồi lộ như vậy, nên chúng ta không lấy làm lạ rằng trên thế gian này trong số quan chức có rất nhiều kẻ tham nhũng.

“Cúng tế bọn quỷ, được xoa, la sát”. Người ta giết thú vật lấy thịt lấy máu cúng các loại quỷ này. Được xoa, còn gọi là dạ xoa, hay quỷ bay, quỷ nhanh, quỷ đòi mạng, quỷ giữ tiền. Còn quỷ la-sát thì rất lợi hại có thần lực đáng kể và có thể ăn người; **“viết tên kẻ thù, làm hình kẻ thù”**. Có thể không hẳn là kẻ thù mà là kẻ nào quý vị không ưa, quý vị ghi tên, tuổi, quý vị còn làm một hình tượng giả, rồi **“làm bùa chú ác, để mà nguyên rửa”**, làm bùa chú ác để nguyên rửa. Quý vị dùng những câu chú thật là ác độc, quý vị niệm chú đại khái như: “Mày phải chết ngay! Chết ngay đi! Ngày mai chết, không thể chờ đến ngày mốt!” Chú là gì? Chú hay là *chân ngôn* nghĩa là lời chân thực của cái tâm quý vị, nên rất linh nghiệm.

Bọn quỷ trâu, thần rắn đó đều là những loại dơ bẩn. Chúng đã ham lễ vật của quý vị, lại có rượu uống nữa, nên gây ra đủ thứ, làm mưa làm gió, phô bày các pháp thuật của chúng. Cho nên quý vị phải cẩn thận. Chớ có học các pháp thuật này. Vì chưa có thiên nhãn, nên quý vị không biết rằng các thứ thần này đều là đồ dơ bẩn, uống rượu, ăn thịt, không có theo pháp tắc gì cả!

“Yểm bùa bỏ độc” (*Yểm mị cổ đạo*), yểm bùa bỏ ngái: nếu có người bị loại quỷ Cru-bàn-đà (kumbhanda) ếm, thì đến tối nằm ngủ bị nó đè, không cựa cựa được, không nói được, càng cố thoát thì càng bị giữ chặt. Cru-bàn-đà hình dáng giống như cái chum (cái hũ), tựa như quả bí đao. Quý vị nằm ngủ bị nó đè xuống

thì không có cách gì cự quây được, có khi bị đè chết, rất lợi hại. “Cô đạo” là dùng một vật độc lén bỏ cho người; nạn nhân bị độc sẽ bị thao túng, bị sai khiến và nếu không nghe lời thì chất độc sẽ gây ra tác hại là cho quý vị đau đớn không chịu nổi.

“Hô quỷ nhập vào, thầy chết đứng dậy, sai hại mạng người, và thương tổn thân của các kẻ thù”, làm cho thầy chết đứng dậy, sai hại mạng người, và thương tổn thân thể của kẻ thù: ở Trung Hoa, vùng Vân Nam, Quảng Tây quả có loại tà thuật này. Người ta niệm chú sai khiến cho cái thầy chết đứng dậy, đi lại như thường, nhưng chỉ đi ban đêm, vì ban ngày nó sợ ánh sáng, không linh thiêng nữa. Chính thầy chết đó bị người ta sai khiến để đi hại mạng người, có khi làm cho nạn nhân mang bệnh, ví dụ như trong bụng có trùng mà thầy thuốc không chữa khỏi, hoặc trong mắt có sạn làm cho nạn nhân không nhìn thấy gì.

“Những hữu tình ấy, nếu mà được nghe danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”, những hữu tình ấy, bị người ta ám hại, nếu được nghe đến danh hiệu của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; **“thì ác sự kia, đều chẳng hại được”**, các điều ác trên chẳng có thể hại họ được. Các điều ác vừa nói như là yểm bùa, bỏ độc, tranh tụng hoặc các loại tà thuật khác như hô thần núi, thần mã, các thứ quỷ v.v.. tất cả các ác thuật này đều thành vô dụng, không còn linh nữa. Chỉ cần nghe đến danh hiệu của Ngài thì hung sẽ biến thành cát, gặp nạn được cứu, mọi tai họa đều tiêu tan hết.

“Lần lượt tất cả đều khởi từ tâm”, lần lượt tất cả đều khởi từ tâm, cả những kẻ đã từng dùng bùa chú, bỏ độc hay các tà thuật cũng đổi tâm tánh, **“lợi ích an vui, không còn có ý nào hại hiểm thù”**. Như vậy tất cả bọn ác quỷ, quỷ trâu thần rắn, bọn bàng môn tả đạo, yêu ma quỷ quái, tự nhiên trút bỏ hết mọi phiền não, hoặc lòng hiểm thù oán hận, cuối cùng **“ai cũng vui mừng”** (các các hoan duyệt), mọi người đều hớn hở, vì ác đã đổi ra thiện; **“mọi vật thọ dụng, tự cho là đủ, chẳng lán của nhau, mà là cũng làm lợi ích cho nhau”**, ai cũng vui mừng, từ bỏ tà pháp, không còn mang tâm tham, tâm tổn hại người, không lán hại lẫn nhau;

tất cả đều tha thứ, giúp đỡ, lợi ích lẫn nhau. Tóm lại tất cả đều sống trong cảnh hòa bình an lạc.

Còn nữa, này ông Mạn Thù Sư Lợi! Nếu có bốn chúng, Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca và những tịnh tín, thiện nam thiện nữ, ai chịu giữ được tám phần trai giới, hoặc suốt một năm, hoặc trong ba tháng, chịu theo chỗ học, lấy căn lành ấy, nguyện được sanh sang thế giới Cực Lạc, ở bên phương Tây, là nơi của đức Vô Lượng Thọ Phật, cầu nghe chánh pháp, nhưng chưa quyết định, mà nếu được nghe danh hiệu Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thời khi lâm chung sẽ có tám vị đại Bồ tát là Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Quán Thế Âm Bồ tát, Đắc Đại Thế Bồ tát, Vô Tận Ý Bồ tát, Bảo Đàn Hoa Bồ tát, Dược Vương Bồ tát, Dược Thượng Bồ tát, Di Lạc Bồ tát, các vị ấy sẽ, từ trên không lại, chỉ dẫn đường đi, tự nhiên thấy mình, hóa sanh ngay ở bên thế giới kia, trong đám hoa quý, nhiều màu sắc đẹp.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi! Nhược hữu tứ chúng, Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, cập dư tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, hữu năng thọ trì bát phần trai giới, hoặc kinh nhất niên, hoặc phục tam nguyệt, thọ trì học xứ, dĩ thử thiện căn, nguyện sinh Tây phương Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Phật sở, thính văn chánh pháp, nhi vị định giả, nhược văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, lâm mệnh chung thời, hữu bát đại Bồ tát kỳ danh viết: Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Quán Thế Âm Bồ tát, Đắc Đại Thế Bồ tát, Vô Tận Ý Bồ tát, Bảo Đàn Hoa Bồ tát, Dược Vương Bồ tát, Dược Thượng Bồ tát, Di Lạc Bồ tát, thị bát đại Bồ tát, thừa không nhi lai, thị kỳ đạo lộ, tức ư bỉ giới, chủng chủng tạp sắc, chúng bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh.

(Ghi chú: Tới chỗ này, các băng ghi âm lời giảng của Thượng Nhân bị thiếu, nên ở những đoạn chữ in màu nâu là do đệ tử bổ sung thuyết giảng. Nên hai đoạn sau là do hai vị đệ tử của Thượng Nhân giảng thế vào. Đây là đoạn thứ nhất)

“Còn nữa, này ông Mạn Thù Sư Lợi! Nếu có bốn chúng”, Còn nữa, này ông Mạn Thù Sư Lợi! Nếu có bốn chúng, tức là bốn thành phần sau: “**Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-bà-sách-ca, Ô-ba-tur-ca**”. Bí-sô là những vị xuất gia, phái nam, đã thọ giới Cụ túc; Bí-sô ni là người xuất gia phái nữ, đã thọ giới Cụ túc; Ô-bà-sách-ca là nam cư sĩ tại gia; Ô-ba-tur-ca là nữ cư sĩ tại gia.

“**Và những tịnh tín, thiện nam thiện nữ**”, tức những ai có tâm thanh tịnh và lòng tin; “**ai chịu giữ được tám phần trai giới**”, những ai chịu giữ tám phần trai giới, còn gọi là “bát quan trai giới”; “**hoặc suốt một năm, hoặc trong ba tháng**”. Ba tháng là kể tháng giêng, tháng năm và tháng chín âm lịch. Các tháng này gọi là những tháng trường chay, và sách kể rằng trong những tháng đó, các vị Tứ Đại Thiên Vương thường đi du hành đến Nam Thiệm Bộ châu, cho nên đối với những ai thọ trai vào các tháng ấy, công đức sẽ gấp bội.

“**Chịu theo chỗ học**” (Thọ trì học xứ), thọ trì những điều học tập về giới thanh tịnh “bát quan trai” ấy; “**lấy căn lành ấy**”, lấy căn lành này, nghĩa là cái căn và cái công đức về học giới và trì giới để hồi hướng. Hồi hướng về đâu? Tức là: “**Nguyện được sanh sang thế giới Cực Lạc**”, nguyện được sanh sang thế giới Cực Lạc, ở bên phương Tây, là nơi của đức Vô Lượng Thọ Phật, tức đức A-di-đà để “**thính văn chánh pháp**”, để cầu nghe chánh pháp.

“Nhưng chưa quyết định”: tuy các chúng sanh này có nguyện về thế giới Cực Lạc, nhưng họ vẫn còn do dự chưa quyết định hẳn, nửa muốn về, nửa hoài nghi, chưa hoàn toàn quyết tâm.

“Mà nếu được nghe danh hiệu Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”, nếu được nghe danh hiệu của đức Dược Sư, thì **“khi lâm chung sẽ có tám vị đại Bồ tát”**, đến lúc lâm chung sẽ có tám vị đại Bồ tát đến tiếp dẫn; **“là Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Quán Thế Âm Bồ tát, Đắc Đại Thế Bồ tát, Vô Tận Ý Bồ tát, Bảo Đàn Hoa Bồ tát, Dược Vương Bồ tát, Dược Thượng Bồ tát, Di Lạc Bồ tát”**, tám vị Bồ tát đó có các tên như đã kê trên.

“Các vị ấy sẽ, từ trên không lại”, tám vị Bồ tát này, dùng phép thần thông, đi từ trên không mà tới chỗ kẻ lâm chung; **“chỉ dẫn đường đi”**, chỉ dẫn đường đi. Đi tới đâu? Đi tới cõi Tịnh độ ở phương Đông; **“tự nhiên thấy mình, hóa sanh ngay ở bên thế giới kia, trong đám hoa quý, nhiều màu sắc đẹp”**, tại cõi Tịnh độ này, những người đó được hóa sanh trong sự thanh tịnh, chớ không phải sanh ra từ nơi bào thai của cha mẹ, hóa sanh ra giữa đám hoa quý, với bao nhiêu màu sắc rực rỡ, hoa xanh ánh xanh, hoa vàng ánh vàng, hoa đỏ ánh đỏ, hoa trắng ánh trắng.

Hoặc hữu nhân thử, sinh ư thiên thượng, tuy sinh thiên thượng, nhi bản thiện căn, diệc vị cùng tận, bất phục cánh sinh, chư dư ác thú; thiên thượng thọ tận, hoàn sanh nhân gian, hoặc vi Luân vương, thống nhiếp tứ châu, uy đức tự tại, an lập vô lượng bách thiên hữu tình ư thập thiện đạo; hoặc sanh sát-đế-ly, bà-la-môn, cư sĩ đại gia, đa nhiều tài bảo, thương khố doanh ích, hình tướng đoan chính, quyến thuộc cụ túc, thông minh trí huệ, dũng kiện uy mãnh, như đại lực sĩ; nhược thị nữ nhân, đắc văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, chí tâm thọ trì, ư hậu bất phục cánh thọ nữ thân.

Hoặc vì nhân ấy, sanh về cõi trời, tuy sanh cõi trời, mà căn lành cũ cũng vẫn chưa hết, nên chẳng phải sanh vào các đường ác, trên trời tận số thì xuống nhân gian, hoặc làm Luân vương coi cả bốn châu, oai đức tự tại, an lập vô lượng trăm ngàn hữu tình ở trong thập thiện, hoặc sanh vào những dòng sát-đế-li, dòng bà-la-môn, cư sĩ đại gia, lắm tiền nhiều của, kho tàng chất đầy, hình dung đoan chánh, quyền thuộc đông đủ, thông minh trí tuệ, dũng mãnh oai hùng, như đại lực sĩ, nếu là nữ giới, được nghe danh hiệu Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, dốc lòng trì niệm, thời sau chẳng phải làm thân gái nữa.

“Hoặc vì nhân ấy, sanh về cõi trời”, hoặc vì nhân ấy mà sanh về cõi trời. Ở đoạn trên nói tới những ai tu hành mà có lòng, có nguyện muốn sanh về cõi Tịnh độ, sẽ nhờ tới nguyện lực của đức Dược Sư mà được vãng sanh về cõi ấy. Đoạn này nói về những ai không nguyện sanh về Tịnh độ, cũng có thể nhờ nguyện lực của đức Dược Sư mà hưởng phước báo sanh về cõi trời.

“Tuy sanh cõi trời, mà căn lành cũ cũng vẫn chưa hết”, tuy sanh cõi trời, mà căn lành cũ cũng vẫn chưa hết. Sanh cõi trời cũng là một loại phước báo hữu lậu, nên bình thường khi hưởng hết phước rồi thì lại bị đọa lạc. Tuy nhiên, đối với những ai được nghe danh hiệu của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, mà sanh lên cõi trời, thì căn lành cũ cũng vẫn chưa hết, do đó họ **“nên chẳng phải sanh vào các đường ác”**, chẳng phải sanh vào các đường ác nữa; họ không bị đọa địa ngục, không phải làm ngựa quý, hoặc làm thân thú, mà trái lại **“trên trời tận số thì xuống nhân gian”**, khi hết số trên trời, họ lại trở về nhân gian, **“hoặc làm Luân vương coi cả bốn châu”**, hoặc làm Chuyển Luân Thánh Vương, coi cả bốn châu. Luân vương cũng có bốn loại: thứ nhất là Kim Luân Vương, thống lãnh bốn đại bộ châu

là Đông Thắng Thần châu, Nam Thiệm Bộ châu, Tây Ngưu Hóa châu và Bắc Câu Lư châu; thứ hai là Ngân Luân Vương, coi Nam, Tây và Đông ba đại bộ châu; thứ ba là Đồng Luân Vương coi Nam và Tây hai đại bộ châu; thứ tư là Thiết Luân Vương chỉ coi một bộ châu ở phương Nam.

“Oai đức tự tại, an lập vô lượng trăm ngàn hữu tình ở trong thập thiện”. Các Chuyển Luân Thánh Vương đều có đầy đủ oai nghiêm, đức hạnh và tự tại, khiến cho vô lượng các chúng sanh đều được cảm hóa, mà giữ được thập thiện. Thập thiện là mười điều lành, được kể ra như sau:

Ba điều thuộc về thân nghiệp; không sát sanh, nghĩa là không làm hại đến sanh mạng của hết thảy các chúng sanh; không trộm cắp, không lấy tài vật gì của ai; không tà dâm, tuyệt đối không có hành động dâm ô bất chánh.

Bốn điều thuộc về khẩu nghiệp: không nói dối, nghĩa là không nói những lời không đúng sự thật; không nói điều ác khẩu, tức những điều độc ác; không nói hai lưỡi, tức là không nói hai lời khác nhau cốt để ly gián; không nói lời thêu dệt, như dùng những lời kích động dâm dục chẳng hạn, nói rồn không chánh đáng, nói đùa, nói chơi vô ý nghĩa v.v..

Ba điều thuộc về ý nghiệp: không tham, không sân, không si. Bất cứ gặp hoàn cảnh nào cũng không khởi tâm tham cầu, không có ý sân hận, hay có tâm si.

Ngoại trừ sanh làm Chuyển Luân Thánh Vương, những ai có căn lành nói trên có thể sanh vào các dòng cao quý như kinh văn nói: **“hoặc sanh vào những dòng sát-đế-ly, dòng bà-la-môn, cư sĩ đại gia”**, nghĩa là sanh trong dòng họ nhà vua (sát-đế-ly), dòng bà-la-môn, những vị tu các hạnh thanh tịnh, hoặc sanh vào nhà của hàng cư sĩ tại gia, có chánh tri chánh kiến, hoặc sanh vào các gia đình lớn, có học thức, thuộc loại thế gia vọng tộc.

“Lắm tiền nhiều của, kho tàng chất đầy”, ăn suốt đời không hết, dùng không hết và mặc cũng không hết; **“hình dung đoan chánh”**, hình dung đẹp đẽ. Chẳng những hoàn cảnh tốt đẹp mà thân hình cũng rạng rỡ, đoan chánh, dung mạo

ura nhìn; **“quyển thuộc đông đủ”**, thân thuộc đầy đủ, cha mẹ anh em tất cả đều sống hòa thuận, giúp đỡ lẫn nhau; **“thông minh trí huệ”**, thông minh sáng láng, tài cao học rộng, thông đạt đạo lý. Thật là văn võ kiêm toàn vì kinh văn nói thêm: **“dũng kiện uy mãnh, như đại lực sĩ”**, khỏe mạnh oai hùng như đại lực sĩ.

Vừa rồi là nói về nam giới trong cõi nhân gian, bây giờ nói về nữ giới: **“nếu là nữ giới, được nghe danh hiệu Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, dốc lòng trì niệm, thời sau chẳng phải làm thân gái nữa”**, tức là đổi gái thành trai.

Còn nữa, này ông Mạn Thù Sư Lợi! Khi đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai đắc đạo Bồ-đề, do sức bản nguyện mà Ngài soi thấy các loài hữu tình, mắc nhiều bệnh khổ, gây còm co quắp, bệnh khát vàng da, hoặc bị bùa ếm, hoặc bị bỏ độc, hoặc bị chết non, hoặc bị chết uổng, Ngài muốn khiến cho, những bệnh khổ ấy, đều được tiêu trừ, điều cầu mãn nguyện.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi! Bỉ Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đắc Bồ-đề thời, do bản nguyện lực, quán chư hữu tình, ngộ chúng bệnh khổ, sáu loan càn tiêu, hoàng nhiệt đẳng bệnh, hoặc bị yểm mị cổ độc sở trúng, hoặc phục đoản mệnh, hoặc thời hoạnh tử, dục linh thị đẳng bệnh khổ tiêu trừ, sở cầu nguyện mãn.

“Còn nữa, này ông Mạn Thù Sư Lợi! Khi đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai đắc đạo Bồ-đề, do sức bản nguyện”, lại nữa, Ông Mạn Thù Sư Lợi! Khi đức Dược Sư đắc đạo Bồ-đề, do sức bản nguyện của Ngài, tức là nhân vì Ngài đã

từng phát nguyện trong đời quá khứ sẽ làm một vị đại y vương, để có thể chữa hết thầy các chúng sanh mắc phải tám vạn bốn ngàn thứ bệnh, do đó mà phát sinh ra nguyện lực, đặng **“soi thấy các loài hữu tình, mắc nhiều bệnh khổ”**, quán sát hết thầy các chúng sanh mắc phải những chứng bệnh khổ. Các bệnh này sanh ra hoặc do tình trạng bất điều hòa của bốn đại (đất, nước, gió, lửa) trong thân, hoặc do các loại ma quỷ gây ra, hoặc bệnh bởi nghiệp chướng, tỷ như **“gầy còm co quắp, bệnh khát vàng da”**, bệnh gầy ốm, hư nhược, thân hình toàn là da bọc xương; bệnh co quắp tay chân; bệnh khát nước khô cổ (*tiêu khát*); bệnh vàng da, nghĩa là bao quát các chứng thương hàn, ôn dịch, là do bốn đại trong cơ thể mất quân bình mà sanh ra bệnh tật.

“Hoặc bị bùa êm, hoặc bị bỏ độc” (*Hoặc bị yểm mị cổ độc sở trúng*). Ai bị “yểm mị” thì khi nằm ngủ hay bị đè, không cựa quậy được, còn “cổ độc” là bỏ trùng độc cho nạn nhân để dễ khống chế họ. Tỷ như tại Vân Nam hay các vùng Đông Nam Á, có một số người thường nuôi những loại trùng độc, như nhện độc, rết, bọ cạp v.v.. Họ cho tất cả vào trong một cái chậu, rồi dùng bùa chú nhốt chúng ở đáy, cho chúng ăn thịt nhau. Con nào sống sót trong cuộc tàn sát ấy, sẽ chứa trong mình đủ các thứ độc và nó chính là con vật độc hại nhất. Chủ con vật độc này sẽ sai khiến nó bằng bùa chú để đi gia hại, hay gây thương tật cho những ai bị coi là kẻ thù.

“Hoặc bị chết non”, hoặc có người bị chết non (*đoản mệnh*), bởi trong tiền kiếp đã gây nghiệp sát quá nặng, nên kiếp này không sống lâu; **“hoặc bị chết uổng (hoạnh tử)”**, hoặc chết uổng mạng, gọi là bất đắc kỳ tử, tỷ như bị tai nạn máy bay, đắm thuyền, xe lật, xe hơi đụng nhau, chết cháy, động đất, bão lốc v.v..

Đức Dược Sư Như Lai thấy rất rõ dòng nhân quả của những nạn nhân vừa kể nên **“Ngài muốn khiến cho, những bệnh khổ ấy, đều được tiêu trừ, điều cầu mãn nguyện”**, Ngài muốn làm cho những bệnh khổ ấy đều được tiêu trừ, và những điều chúng sanh mong cầu sẽ được mãn nguyện.

Lúc đó Ngài liền vào tam-ma-địa, tên là “Diệt hết khổ não cho các chúng sanh”, đã vào định rồi, ở trong nhục kế, phóng đại quang minh, trong đại quang minh, diễn nói thần chú, đại đà-la-ni:

Nam mô bạc già phạt đế, bệ sát xã, lụ rô thích lưu ly, bát lạc bà, hắc ra xà đã, đát tha yết đa gia, a ra hắc đế, tam miệu tam bột đà da, đát diệt tha. Án, bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xã, tam một yết đế tóa ha.

Khi trong quang minh nói thần chú rồi, trái đất chấn động phóng đại quang minh, hết thấy chúng sanh, bệnh khổ đều trừ, được vui an ổn.

Thời bử Thế Tôn nhập tam-ma-địa, danh viết trừ “Diệt nhất thiết chúng sinh khổ não”, ký nhập định dĩ, ư nhục kế trung, xuất đại quang minh, quang trung diễn thuyết đại đà-la-ni viết:

Nam mô bạc già phạt đế, bệ sát xã, lụ rô thích lưu ly, bát lạc bà, hắc ra xà đã, đát tha yết đa gia, a ra hắc đế, tam miệu tam bột đà da, đát diệt tha. Án, bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xã, tam một yết đế tóa ha.

Nhĩ thời quang trung thuyết thử chú dĩ, đại địa chấn động, phóng đại quang minh, nhất thiết chúng sanh, bệnh khổ giai trừ, thọ an ổn lạc.

“Lúc đó Ngài liền vào tam-ma-địa”, lúc ấy đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai liền vào tam-ma-địa. Tam-ma-địa (Samadhi) là chữ Phạn, dịch nghĩa là chánh định, chánh thọ; “tên là ‘Diệt hết khổ não cho các chúng sanh’”, định này có tên là “Diệt hết khổ não cho các chúng sanh”; “đã vào định rồi, ở trong nhục kế, phóng đại quang minh”, khi đã nhập định rồi, ở trong nhục kế của Ngài, phóng ra hào quang sáng rực

(Đến chỗ này là hết phần bổ túc thay thế cho phần đầu âm bị mất)

“**Trong đại quang minh, diễn nói thần chú, đại đà-la-ni**”. Nguyên Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai muốn cứu độ các chúng sanh, giải trừ cho họ thoát khỏi bệnh tật thống khổ, cho nên trong ánh hào quang, Ngài nói thần chú. Thần chú này chỉ có mấy câu, rất ngắn, nhưng cái diệu dụng của nó thì vô cùng tận. Tuy nhiên muốn được lợi ích, ta phải có lòng tin, rồi trì tụng nó một cách chuyên cần.

Đối với các y sĩ làm nghề chữa bệnh, nếu một mặt họ trị bệnh bằng thuốc, mặt khác họ lại trì tụng thêm thần chú này thì chắc hiệu nghiệm nhiều hơn và bệnh tình sẽ chóng thuyên giảm. Cho nên trì tụng thần chú là điều rất hay, dù quý vị có phải là thầy thuốc hay không, khi gặp người có bệnh, quý vị dùng thần chú này, vì họ mà đọc tụng, quý sẽ thấy sự kiến hiệu.

Những câu chú đều là dịch âm, đọc lên không thấy nghĩa của nó, vả lại cũng không cần biết nghĩa. Diệu dụng của chú là ở chỗ không thấy nghĩa của nó, đọc lên quý vị không hiểu gì, quý vị chỉ biết chú tâm tụng, không có vọng tưởng gì khác, bởi đó mà nó có cảm ứng. Các câu chú này, đọc lên như sau đây:

*Nam mô bạc già phật đế, bệ sát xã, lụ rô thích lưu ly, bát lạc bà, hắc ra xà
dã, đát tha yết đa gia, a ra hắc đế, tam miệu tam bột đà da, đát điệt tha. Án, bệ
sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xã, tam một yết đế tóa ha.*²

Ví như chúng ta có thể niệm các câu trên một cách chuyên chú thì sự “cảm ứng đạo giao” sẽ không thể nghĩ bàn, do đó:

“**Khi trong quang minh nói thần chú rồi**”, lúc bấy giờ, trong ánh đại hào quang, khi đức Dược Sư nói câu chú, tức câu “*Dược Sư Quán Đảnh Chân Ngôn*” xong, thời “**đại địa chấn động, phóng đại quang minh**”, cả trái đất rung chuyển

² namo bhagavate bhaiṣajya-guru-vaiḍūrya-prabhā-rājāya tathāgatāya arhate samyak-saṃbuddhāya tadyathā om bhaiṣajye bhaiṣajye bhaiṣajya-samudgate svāhā.

tỏa ra hào quang sáng rực. Nói về sự chấn động của trái đất, thì có sáu cách sau đây: chấn (rung), hồng (rồng), kích, động (chuyển động), dũng (phun lên, vọt lên) và khởi (nâng cao); **“hết thấy chúng sanh, bệnh khổ đều trừ, được vui an ổn”**, tất cả mọi thứ bệnh khổ đều được giải trừ, và được an vui.

Này ông Mạn Thù! Nếu có thấy ai, dù nam hay nữ, mắc phải bệnh khổ, thì nên nhất tâm vì người bệnh ấy, tắm rửa súc miệng, tụng chú một trăm lẻ tám lần vào thức ăn hoặc thuốc, hoặc nước sạch trùng, thời đem cho uống, thì bệnh khổ gì, cũng đều tiêu hết. Nếu có cầu gì độc lòng tụng niệm, cũng đều được cả và lại còn được sống lâu vô bệnh, sau khi mệnh chung sanh sang cõi kia, được ngôi bất thoái, cho đến tận khi đắc đạo Bồ đề. Bởi vậy cho nên ông Mạn Thù ơi! Nếu có nam tử nữ nhân nào mà độc lòng cung kính cúng dường đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thời thường trì chú, chớ để lãng quên.

Mạn Thù Thất Lợi! Nhược kiến nam tử nữ nhân, hữu bệnh khổ giả, ưng đương nhất tâm vị bị bệnh nhân, thường thanh tịnh tảo thâu, hoặc thực hoặc dược, hoặc vô trùng thủy, chú nhất bách bát biến, dữ bị phục thực, sở hữu bệnh khổ, tất giai tiêu diệt; nhược hữu sở cầu, chí tâm niệm tụng, giai đắc như thị, vô bệnh diên niên, mệnh chung chi hậu sinh bị thế giới, đắc bất thoái chuyển, nãi chí Bồ đề. Thị cố Mạn Thù Thất Lợi! Nhược hữu nam tử nữ nhân, ư bị Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chí tâm ân trọng, cung kính cúng dường giả, thường trì thử chú, vật linh phế vong.

“Này ông Mạn Thù! Nếu có thấy ai, dù nam hay nữ, mắc phải bệnh khổ, thì nên nhất tâm vì người bệnh ấy”. Nếu có ai mắc bệnh khổ, hoặc nam

hoặc nữ, thì hãy dốc một lòng vì những người bệnh ấy; **“tắm rửa súc miệng”**, thường tắm rửa và súc miệng sạch sẽ; **“tụng chú một trăm lễ tám lần vào thức ăn hoặc thuốc, hoặc nước sạch trùng”**, rồi tụng chú một trăm lễ tám (108) lần vào đồ ăn, thuốc, hoặc nước sạch không có trùng; **“thời đem cho uống”**, đem cho người ấy uống; **“thì bệnh khổ gì, cũng đều tiêu hết”**, kết quả là hết thấy mọi bệnh đều tiêu trừ. **“Nếu có cầu gì dốc lòng tụng niệm, cũng đều được cả và lại còn được sống lâu vô bệnh”**, nếu lại cầu một điều gì khác thì hãy dốc lòng niệm tụng, nghĩa là theo như trên vừa nói, tụng chú cho tới một trăm lễ tám lần đều được như ý, và còn được sống lâu vô bệnh, đáng chết mà không chết, thật là thần diệu.

“Sau khi mệnh chung sanh sang cõi kia”, tới khi hết số, chết đi thì sẽ sanh qua thế giới kia, tức cõi Lưu Ly Quang của đức Dược Sư; **“được ngôi bất thối, cho đến tận khi đắc đạo Bồ đề”**, qua đây sẽ không bị thoái chuyển và thành tựu quả A-nậu-đa-la tam miệu tam-bồ-đề cho đến khi thành Phật.

“Bởi vậy cho nên ông Mạn Thù ơi! Nếu có nam tử nữ nhân nào mà dốc lòng cung kính cúng dường đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”, bởi vậy cho nên, ông Mạn Thù ơi! Nếu có nam hay nữ bằng cả tấm lòng trân trọng cúng dường đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; **“thời thường trì chú, chớ để lãng quên”**, thời thường xuyên trì niệm chú **“Dược Sư Quán Đảnh Đà-la-ni”**, chớ để quên lãng.

Còn nữa này ông Mạn Thù Thất Lợi! Nếu có nam tử nữ nhân tịnh tín được nghe tất cả danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, nghe rồi tụng trì, sáng sớm trở dậy, xĩa răng tắm gội, súc miệng sạch sẽ, dâng các hoa thơm, hương đốt, hương bôi và các âm nhạc, cúng dường tượng Phật, rồi với kinh này, hoặc mình tự viết, hoặc bảo người viết, nhất tâm thọ trì, lắng nghe nghĩa kinh. Với Pháp sư đó, thời nên cúng

dường, sắm đủ các món đủ để nuôi thân, thầy đều cấp cho, đừng để thiếu thốn, như vậy được nhờ chư Phật hộ niệm, điều cầu mãn nguyện, và được đến cả, đạo cả Bồ đề.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi! Nhược hữu tịnh tín nam tử nữ nhân, đắc văn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, sở hữu danh hiệu, văn dĩ tụng trì, thần tước xỉ mộc, tháo thấu thanh tịnh, dĩ chư hương hoa, thiêu hương đồ hương, tác chúng kỹ nhạc, cúng dường hình tượng, ư thử kinh điển, nhược tự thư, nhược giáo nhân thư, nhất tâm thọ trì, thính văn kỳ nghĩa, ư bỉ Pháp sư, ưng tu cúng dường, nhất thiết sở hữu tư thân chi cụ, tất giai thí dĩ, vật linh pháp thiếu, như thị tiện môn chư Phật hộ niệm, sở cầu nguyện mãn, nãi chí Bồ đề.

“Còn nữa này ông Mạn Thù Thất Lợi! Nếu có nam tử nữ nhân tịnh tín được nghe tất cả danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”, lại nữa! Ông Mạn Thù Sư Lợi! Nếu có người nào nam hay nữ, lòng thanh tịnh và có tín tâm, nghe được danh hiệu của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, **“tất cả danh hiệu”**, tất cả danh hiệu của Ngài, tức là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, kể tất cả là mười danh hiệu như vậy; **“văn dĩ tụng trì”**, nghe xong rồi tụng trì.

“Sáng sớm trở dậy, xỉ răng tắm gội, súc miệng sạch sẽ” (*Thần tước xỉ mộc, tháo thấu thanh tịnh*): “tước” nghĩa là nhai và theo tục xưa thời đức Phật, người ta nhai một nhánh của cây dương cho sạch miệng và răng; “xỉ mộc” tức là gõ cây dương; “tháo thấu” là súc miệng và tắm gội.

“Dâng các hoa thơm, hương đốt, hương bôi và các âm nhạc”, dâng lên hương hoa, đốt nhang, bôi hương; **“và các âm nhạc cúng dường tượng Phật”**, sửa soạn các thứ âm nhạc, cúng dường tượng Phật, hoặc giả cúng dường kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; **“rồi với kinh này, hoặc mình tự viết, hoặc bảo người viết”**, hoặc tự mình sao kinh, hoặc nhờ người khác sao kinh; **“nhất tâm thọ trì, lắng nghe nghĩa kinh”**, thọ trì danh hiệu đức Dược Sư một cách nhất tâm, lắng nghe nghĩa lý của kinh; **“u bĩ Pháp sư”**, đối với vị Pháp sư ấy, tức nói vị Pháp sư giảng kinh, viết kinh, thọ trì, và đọc tụng Kinh Bốn Nguyện Của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; **“thời nên cúng dường”**, phải lo cúng dường. Nhớ rằng cúng dường phải cho cung kính, chớ không phải làm một cách qua loa cho xong chuyện; cỗ trai dâng lên cho vị Pháp sư ấy cũng phải làm bằng những món ăn thanh tịnh.

“Sắm đủ các món đủ để nuôi thân, thầy đều cấp cho, đừng để thiếu thốn”, hết thầy những món đồ dùng để nuôi thân, phải cung cấp đủ, chớ để bị thiếu thốn. Chẳng hạn, vị Pháp sư đó cần phải có đồ để ăn, cần quần áo, giường nằm, thuốc thang, tức là bốn thứ nên cúng dường, các Phật tử phải nên lo cho đủ, không thể để cho Pháp sư đó bị thiếu thốn một món nào trong các thứ nói trên.

“Như vậy được nhờ chư Phật hộ niệm”, như vậy sẽ có chư Phật hộ niệm. Nói rõ là nếu quý vị cúng dường vị Pháp sư viết, thọ trì và đọc tụng kinh Bốn Nguyện Của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thời mười phương chư Phật sẽ hộ niệm cho quý vị; **“điều cầu mãn nguyện, và được đến cả, đạo cả Bồ đề”**, cầu điều gì sẽ được mãn nguyện, cho đến đạt được đạo Bồ đề.

※※※ ※※※ ※※※

Đối với chúng ta là những người theo học Phật Pháp, mọi thứ khác đều không thể so sánh với Phật Pháp được; các loại kiến thức, các điều học hỏi cho đến

công việc kiếm ăn sinh sống cũng không thể quan trọng bằng Phật Pháp. Hôm nay, chẳng phải có người nói rằng một nữ Phật tử đã ăn chay và hoan hỷ đến nghe Kinh khi có Pháp sư “tam bộ nhất bái” đến giảng kinh ở nơi này ư? Thực là một việc hiếm có. Như quý vị có thể trân quý thời gian nghe kinh, quý vị xem việc nghe kinh mới là trọng yếu, thời quý vị mới chính là một đệ tử tốt của Phật. Cho nên chúng ta phải có thành tâm và thành ý để nghe kinh.

Bấy giờ đồng tử Mạn Thù Thất Lợi bạch đức Phật rằng: Thế Tôn! Con thề khi nào đòi Tượng Pháp chuyển, dùng nhiều phương tiện, khiến người tịnh tín, thiện nam thiện nữ được nghe danh hiệu Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cho đến lúc ngủ cũng đem hiệu Phật giác ngộ vào tai.

Nhĩ thời Mạn Thù Thất Lợi đồng tử bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đương thề ư Tượng Pháp chuyển thời, dĩ chủng chủng phương tiện, linh chư tịnh tín, thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, đắc văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, nãi chí thụy trung, diệc dĩ Phật danh giác ngộ kỳ nhĩ.

“**Bấy giờ đồng tử Mạn Thù Thất Lợi bạch đức Phật rằng:**”, lúc bấy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: “**Thế Tôn! Con thề khi nào đòi Tượng Pháp chuyển**”, con xin thề, vào thời Tượng Pháp chuyển; “**dùng nhiều phương tiện**”, dùng rất nhiều phương tiện, tức là các pháp nào hợp với tình thế, với căn cơ rồi tùy duyên mà thuyết pháp. Con sẽ dùng trí huệ quan sát xem pháp nào là phương tiện để hóa độ hết thảy chúng sanh; “**khiến người tịnh tín, thiện nam thiện nữ**”, khiến cho hết thảy các thiện nam, thiện nữ, thanh tịnh và có tín tâm; “**được nghe danh hiệu Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai**”, nghe được

đanh hiệu của Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; **“cho đến lúc ngủ cũng đem hiệu Phật giác ngộ vào tai”**, thậm chí cả lúc đương ngủ, nếu cơ duyên đã thành tựu, trong giấc mộng, con cũng cho nghe đanh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, khiến cho họ được giác ngộ.

Vừa rồi có nói về thời Tượng Pháp chuyển. Thế nào là Tượng Pháp? Số là Phật Pháp gồm có các thời kỳ sau: thời kỳ Chánh Pháp, thời kỳ Tượng Pháp và thời kỳ Mạt Pháp.

Thời Chánh Pháp kể từ lúc Phật trú ở thế gian. Đó là thời của “thiền định kiên cố”, ai nấy đều ngồi thiền tập định. Có thuyết nói thời chánh pháp kéo dài 500 năm, có thuyết nói tới 1000 năm. Kế tiếp là thời Tượng Pháp, Thời này là thời chấp vào hình tướng. Người ta chú trọng nhiều về tướng biểu hiện bên ngoài, và coi nhẹ phần bên trong. Chánh Pháp nhằm vào công phu “nội thánh”, còn Tượng Pháp là công phu “ngoại vương”. Bởi chấp tướng nên trong thời kỳ Tượng Pháp, người ta đua nhau xây nhiều chùa miếu, nên gọi thời này là “miếu tự kiên cố”, chỉ có thiếu số tu, còn phần đông thì chẳng tu hành. Thời Chánh Pháp thì ngược lại: đa số tu hành, thiếu số không tu. Thời gian của Tượng Pháp có thể là 1000 năm, mặc dầu có thuyết nói 500 năm.

Sau cùng là thời đại Mạt Pháp, thời của chúng ta hiện nay. Chúng ta đã cách Phật xa rồi. Vào thời này, thiền định chẳng “kiên cố”, mà chùa miếu cũng chẳng “kiên cố”, chỉ có “tranh chấp kiên cố” mà thôi. Vào cái thời này ư! Người thì đấu tranh với người, nhà nọ thì tranh chấp với nhà kia, nước này đánh nhau với nước kia, rồi chiến tranh giữa các tinh cầu, nguyệt cầu, vậy mới gọi là đấu tranh kiên cố. Người ta không còn biết làm gì khác ngoài việc đấu tranh với nhau, mà không đấu tranh thì thanh toán nhau. Quả là một thời đại khủng khiếp! Tại sao chúng ta lại sanh vào thời đại này? Có thể nói rằng chúng ta không tạo nên điều gì tốt nên mới sanh trong thời Mạt Pháp, khi Phật Pháp tới bước đường cùng, sắp phải tiêu ma.

Người ta bảo thời Mạt Pháp là 1000 năm, nhưng nay chúng ta hãy coi như thời đại này là 10.000 năm.

Từ thời Phật tại thế đến nay là 3000 năm. Các thời Chánh Pháp và Tượng Pháp qua đi, cứ mỗi thời kỳ là 1000 năm, vậy bây giờ chúng ta đã qua 1000 năm của thời Mạt Pháp. Chúng ta không có may mắn được đích thân trông thấy cảnh tượng của thời Chánh Pháp khi lúc Phật trú tại thế gian. Tuy nhiên, dầu ở trong Mạt Pháp, chúng ta vẫn phải đề xướng Chánh Pháp, phải phát nguyện làm sao khiến cho Mạt Pháp chuyển thành Chánh Pháp. Ai ai cũng phát nguyện, thế tất không có Mạt Pháp. Hiện nay Phật giáo đã truyền sang phương Tây, vậy chúng ta phải tích cực đề xướng Chánh Pháp, hoằng dương Chánh Pháp, mỗi hành vi cử chỉ của chúng ta đều phải hướng tới mục tiêu Chánh Pháp. Đó là tôn chỉ của tôi lâu nay. Quý vị nghe xong thời phải phát tâm Bồ đề rộng lớn và tích cực hộ trì Chánh Pháp Nhãn Tạng.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu ai thọ trì đọc tụng kinh này, hoặc là diễn thuyết khai thị cho người hoặc tự mình viết, hoặc khiến người viết, hoặc là tôn trọng cung kính kinh này, đem nhiều các thức hương hoa: hương bôi, hương bột hương đốt, tràng hoa anh lạc, phướn lọng âm nhạc, để mà cúng dường, lấy sợi ngũ sắc, làm túi đựng kinh, quét rửa chỗ sạch, thiết lập tòa cao, làm chỗ để kinh. Bảy giờ sẽ có bốn Đại Thiên Vương, cùng với quyến thuộc, với cả vô số trăm ngàn Thiên chúng, đều đến chỗ ấy, gìn giữ cúng dường. Bạch đức Thế Tôn! Nếu ở nơi nào kinh báu lưu hành, có người thọ trì, và nhờ công đức bốn nguyện của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, được nghe danh hiệu, nên biết chỗ ấy không còn có người bị hoạn tử, chẳng còn ai bị bọn quỷ thần ác đoạt mất tinh khí, ai bị đoạt rồi, lại được thân tâm an vui như cũ.

Thế Tôn! Nhược hữu thử kinh thọ trì đọc tụng, hoặc phục vị tha diễn thuyết khai thị, nhược tự thư, nhược giáo nhân thư, cung kính tôn trọng, dĩ chủng chủng hoa hương, đồ hương, mật hương, thiêu hương, hoa mạn, anh lạc, phan cái, kỹ nhạc, nhi vị cúng dường, dĩ ngũ sắc thái, tác nang tịnh chi, tảo sái tịnh xứ, phu thiết cao tòa, nhi dụng an xứ, nhĩ thời tứ Đại Thiên Vương, dữ kỳ quyến thuộc, cập dư vô lượng bách thiên Thiên chúng, giai nghệ kỳ sở, cúng dường thủ hộ. Thế Tôn! Nhược thử kinh bảo lưu hành chi xứ, hữu năng thọ trì, dĩ bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai bốn nguyện công đức, cập văn danh hiệu, đương tri thị xứ vô phục hoạnh tử, diệc phục bất vị chư ác quỷ thần đoạt kỳ tinh khí, thiết dĩ đoạt giả, hoàn đắc như cố, thân tâm an lạc.

Ngài Văn Thù Sư Lợi lại bạch Phật: **“Nếu ai thọ trì đọc tụng kinh này”**, nếu có ai trong tương lai, vào thời Tượng Pháp, hoặc thời Mạt Pháp, mà thọ trì đọc tụng kinh này - tức chỉ kinh Công Đức Bốn Nguyện Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai - như có thể ngày ngày niệm kinh, lấy bốn kinh ra đọc, hay thuộc lòng kinh mà tụng niệm; **“hoặc là diễn thuyết khai thị cho người”**, hoặc diễn thuyết cho người nghe những ý nghĩa sâu xa của kinh văn, giải thích rõ ràng từng điểm một, hoặc là khai thị bằng những thí dụ khiến người nghe được sáng tỏ nghĩa kinh và điểm trọng yếu của kinh.

“Hoặc tự mình viết, hoặc khiến người viết”, hoặc tự mình viết hoặc bảo người khác viết bộ kinh này; **“hoặc là tôn trọng cung kính kinh này”**, như lễ lạy bộ kinh, trân quý bộ kinh, hoặc cúng dường bộ kinh bằng những thức sau: **“đem nhiều các thức hương hoa”**, lấy các loại hoa và hương như **“đồ hương, mật hương, thiêu hương”**, hương bôi, hương bột, hương đốt; **“tràng hoa anh lạc,**

phướn lọng âm nhạc, để mà cúng đường”, tràng kết hoa, anh lạc, tràng phan, lọng che, các thứ âm nhạc như các loại nhạc tán Phật, các thứ này để làm đồ cúng đường kinh; **“lấy sợi ngũ sắc, làm túi đựng kinh”**, lấy chỉ năm màu làm túi đựng kinh; **“quét rửa chỗ sạch”**, quét dọn sạch sẽ một chỗ **“thiết lập tòa cao, làm chỗ để kinh”**, dựng lên một vị trí cao để an trí bộ kinh, vậy là tỏ hết lòng cung kính.

“Bấy giờ sẽ có bốn Đại Thiên Vương, cùng với quyền thuộc, với cả vô số trăm ngàn Thiên chúng”, lúc bấy giờ sẽ có bốn vị đại Thiên vương, cùng với quyền thuộc và vô lượng vô biên hàng trăm ngàn Thiên chúng; **“đều đến chỗ ấy, gìn giữ cúng đường”**, đều đến chỗ ấy để lễ lạy bộ kinh và giữ gìn bộ kinh.

“Bạch đức Thế Tôn! Nếu ở nơi nào kinh báu lưu hành”. Nếu nơi nào có kinh quý báu này lưu hành; **“có người thọ trì”**, ở đó có người thọ trì, thời **“nhờ do công đức bốn nguyện của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”**, **“cập văn danh hiệu”**, và do nghe được danh hiệu; **“nên biết chỗ ấy không còn có người bị hoạn tử”**, thời phải biết rằng nơi đó - nghĩa là nơi có kinh điển - không có cảnh chết một cách dữ dần của hoạn tử³; **“chẳng còn ai bị bọn quỷ thần ác đoạt mất tinh khí”**, cũng không bị bọn quỷ thần ác đoạt mất tinh khí làm cho nạn nhân mất hết khí lực; **“ai bị đoạt rồi, lại được thân tâm an vui như cũ”**, hoặc giả nếu lỡ bị đoạt rồi thời khí lực được khôi phục và thân tâm được trở lại an vui. Tóm lại hết sạch mọi phiền não, tai nạn thấy đều tiêu tan, không còn chết chóc bởi tai họa, mọi điều hung hiểm không phát sinh nữa. Như vậy, bất cứ ai trong

³ **Hoạn tử** còn gọi là Phi thời tử, Bất lực tử, Sự cố tử. Chết oan, do gặp phải tai họa ngoài ý muốn mà chết. Hoạn tử gồm có 9 thứ:

1. Bệnh mà không có thầy thuốc rồi chết.
2. Bị Luật Vua tru lục mà chết.
3. Phi nhân đoạt tinh khí mà chết.
4. Lửa cháy mà chết.
5. Nước nhận chìm mà chết.
6. Ác thú ăn thịt mà chết.
7. Té xuống sườn núi mà chết.
8. Bị thuốc độc, bùa chú mà chết.
9. Đói khát ép ngặt mà chết.

chúng ta mỗi khi gặp việc gì quý quái, thời nên thỉnh một bộ kinh Công Đức Bốn Nguyện của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đem về nhà để cúng dường. Đó chính là một Pháp bảo có thể trấn giữ tà ma, mang lại niềm an tịnh cho gia đình.

Đức Phật bảo Ngài Mạn Thù Thất Lợi: Đúng thế! Đúng thế! Đúng như ông nói, ông Mạn Thù ơi! Nếu có thiện nam thiện nữ tịnh tín mà muốn cúng dường Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, trước hết phải tạo hình tượng của Ngài, lập tòa thanh tịnh mà rước tượng lên, rắc các thứ hoa, đốt các thứ hương, dùng nhiều tràng phan, trang nghiêm chỗ ấy, bảy ngày bảy đêm, giữ tám trai giới, ăn uống thanh tịnh, tắm gội sạch sẽ, bận áo thanh tịnh, tâm phải thanh tịnh, không chút vẩn đục, không tâm giận dữ, hại bất cứ ai. Đối với hết thảy các loài hữu tình, khởi tâm lợi ích an vui từ bi hỷ xả bình đẳng, cử nhạc ca tán, nhiễu quanh tượng Phật, về bên tay mặt, lại phải ghi nhớ, công đức bốn nguyện của đức Phật kia, đọc tụng kinh này, suy nghĩ nghĩa kinh, diễn thuyết khai thị, rồi những điều cầu, đều được toại nguyện, cầu sống lâu được sống lâu, cầu giàu có được giàu có, cầu chức quan được chức quan, cầu trai gái được trai gái.

Phật cáo Mạn Thù Thất Lợi! “Như thị, như thị, như nhữ sở thuyết!” Mạn Thù Thất Lợi! Nhược hữu tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, dục cúng dường bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai giả, ưng tiên tạo lập bỉ Phật hình tượng, phu thanh tịnh tòa, nhi an xứ chi, tán chủng chủng hoa, thiêu chủng chủng hương, dĩ chủng chủng tràng phan trang nghiêm kỳ xứ, thất nhật thất dạ, thọ bát phần trai giới, thực thanh tịnh thực, tảo dục hương khiết, trước thanh tịnh y, ưng sanh vô cấu trọc tâm, vô nộ hại tâm, ư nhất thiết hữu tình, khởi lợi ích an lạc, từ bi hỷ xả, bình

đăng chi tâm, cổ nhạc ca tán, hữu nhiều Phật tượng, phục ứng niệm bi Như Lai bốn nguyện công đức, độc tụng thủ kinh, tư duy kỳ nghĩa, diễn thuyết khai thị, tùy sở nhạo cầu, nhất thiết giai toại; cầu trường thọ đắc trường thọ, cầu phú nhiều đắc phú nhiều, cầu quan vị đắc quan vị, cầu nam nữ đắc nam nữ.

“Đức Phật bảo Ngài Mạn Thù Thất Lợi: Đúng thế! Đúng thế! Đúng như ông nói, ông Mạn Thù ơi!”, Phật bảo Ngài Văn Thù: “Ông Mạn Thù ơi! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói”.

“Nếu có thiện nam thiện nữ tịnh tín mà muốn cúng dường Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, trước hết phải tạo hình tượng của Ngài”, nếu có thiện nam, thiện nữ tịnh tín muốn cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; **“trước hết phải tạo hình tượng của Ngài”**, thời điều trước tiên là phải tạo hình tượng của Ngài; **“lập tòa thanh tịnh”**, thiết lập một tòa thanh tịnh; **“mà rước tượng lên”**, rước tượng lên an vị; **“rắc các thứ hoa, đốt các thứ hương”**, rắc các loại hoa, đốt các thứ nhang; **“đốt các thứ hương, dùng nhiều tràng phan, trang nghiêm chỗ ấy”**, rồi lấy nhiều tràng phan trang hoàng nơi đạo tràng đó.

Có một điều phải hiểu rằng chúng ta dâng hương hoa lên chư Phật và Bồ tát, chẳng phải vì Phật và Bồ tát còn có tâm tham, ham ăn ham uống, muốn mọi người cúng dường trà nước hay các món chay để thưởng thức. Nghĩ như vậy là không đúng. Chúng ta cúng dường hương hoa là để biểu lộ tâm thành và thiện ý của chúng ta, chớ không phải vì Phật muốn như vậy. Chúng ta dâng hương và hoa ư? Chẳng phải vì vậy mà Phật thêm hoan hỷ. Không dâng hương hoa ư? Chẳng phải vì vậy mà Phật buồn. Chư Phật không cầu gì nơi chúng ta, nhưng chúng ta thì chỉ

có một cách là dâng hương quý, hoa quý để chứng tỏ lòng thành kính đối với chư Phật mà thôi.

Lễ cúng Phật chẳng phải giống như cách thức của một số người ngu đốt củi cầm cả bó nhang lớn đến trước Phật mà dâng hương. Đức Phật ở chỗ ấy, ngài phóng quang để bảo hộ chúng sanh; bây giờ quý vị lại đốt nhiều nhang như vậy, khói bốc lên mù mịt mờ cả mắt Phật, mờ cả hào quang, khiến cho việc cứu độ chúng sanh không thành! Đó là tôi đã lấy sự hiểu biết của phàm phu để đo lường cảnh giới của Phật. Song, điều tôi muốn nói ở đây là không nên dâng hương theo kiểu đó, bởi làm như vậy có khác gì bày thức ăn đầy cả một cái bàn dài trên 10 trượng, rồi bắt người ta ăn cho hết. Muốn cúng Phật, ta chỉ cần 3 cây hương, hoặc giả thêm một cây nữa cho vị Hộ Pháp ở phía trước, cộng lại là 4 cây. Bình thường một cây hương là đủ rồi. Nếu trong lòng của quý vị chân thành thì dù không có cây hương nào, các Bồ tát vẫn hộ trì quý vị. Chỉ cần quý vị tâm niệm về đức Phật, về Pháp, về Tăng, cũng như niệm Kinh thì chư Phật sẽ hoan hỷ. Chẳng cứ có nhang Phật mới hoan hỷ!

Đối với chúng ta, ai xúc phạm thì buồn, ai tán thưởng thì vui. Phật không hẹp hòi như vậy. Chúng ta không nên đem lòng dạ của kẻ phàm phu để đo tâm lượng của bậc thánh, mà suy ra rằng Phật cũng tham như ta, thấy tiền của càng nhiều càng tốt, nhang đốt càng nhiều càng quý. Nghĩ vậy là sai lầm. Đừng bắt chước mấy người mê tín kia, đến chùa lễ bái một cách mê tín, dâng hương theo lối mê tín. Quý vị có hỏi họ: “Sao đốt lắm nhang vậy?” tất họ sẽ trả lời: “Đốt càng nhiều càng quý!” Hỏi họ quý như thế nào, họ cũng chẳng biết. Thử hỏi vậy chẳng phải hồ đồ sao? Cho nên là tín đồ Phật giáo, chúng ta phải làm theo chân lý, theo trí huệ chứ không thể xử sự theo lối mê tín.

“Bảy ngày bảy đêm, giữ tám trai giới, ăn uống thanh tịnh”, nghĩa là trong bảy ngày bảy đêm, thọ trì bát quan trai giới, không ăn đồ mặn, có nghĩa là ăn uống thanh tịnh; **“tắm gội sạch sẽ, bận áo thanh tịnh”**, tắm gội cho thân thể sạch

mùi mồ hôi và cáu ghét, dùng nước thơm để tắm, sau đó mặc quần áo đã giặt sạch, chẳng nhất thiết là loại quần áo đẹp đẽ hay đắt tiền, cốt sao cho sạch tức là cung kính Phật rồi.

“Tâm phải thanh tịnh, không chút vẫn đục, không tâm giận dữ, hại bất cứ ai”, tâm phải thanh tịnh, không vẫn đục, không giận dữ, bao nhiêu tư tưởng bản thù, rác rưởi trong đầu phải gột rửa để tâm được thanh tịnh, không chút giận dữ tổn hại người khác; **“đối với hết thảy các loài hữu tình, khởi tâm lợi ích an vui từ bi hỷ xả bình đẳng”**, đối với hết thảy các loài hữu tình, khởi tâm mong sự lợi ích an vui cho tất cả, cùng với tâm từ bi hỷ xả và bình đẳng; **“cử nhạc ca tán, nhiễu quanh tượng Phật, về bên tay mặt”**, cử nhạc rồi hát bài tán, đi nhiễu quanh tượng đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang về bên tay phải; **“lại phải ghi nhớ, công đức bốn nguyện của đức Phật kia, đọc tụng kinh này”**; **“suy nghĩ nghĩa kinh”**, suy ngẫm nghĩa lý của Kinh Bốn Nguyện Công Đức của đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang; **“diễn thuyết khai thị, rồi những điều cầu, đều được toại nguyện, cầu sống lâu được sống lâu, cầu giàu có được giàu có, cầu chức quan được chức quan, cầu trai gái được trai gái”**. Như vậy chúng ta đủ thấy rằng công đức kinh của đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang to lớn biết chừng nào! Chỉ cần thành tâm là các điều mong cầu của quý vị sẽ linh ứng.

Lại hề có người, bỗng thấy mộng ác, những hình tướng ác, hoặc chim quái ác, ở đâu đến đâu, hoặc có lẩm sự, quái ác hiện ra, tại ngay chỗ ở, người ấy nếu đem các thứ quý giá, cung kính cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thời những mộng ác, những hình tướng ác, những điều chẳng lành, đều biến mất hết, chẳng làm hại được. Hoặc có sợ hãi tai nạn thủy hỏa, đao binh độc chất, cheo leo hiểm nghèo, voi dữ sư tử, hùm sói gấu bi, rắn độc bọ cạp, rết độc sâu bọ, ruồi muỗi các loại, nếu dốc một lòng, niệm đức Phật kia, cung kính cúng dường, thời các sợ hãi, đều được giải hết. Nếu có

nước khác, xâm lấn quấy rối, giặc cướp phản loạn, thời người cung kính, niệm đức Phật kia, cũng đều giải thoát.

Nhược phục hữu nhân, hốt đắ ác mộng, kiến chư ác tướng, hoặc quái diệu lai tập, hoặc ư trú xứ, bách quái xuất hiện, thử nhân nhược dĩ chúng diệu tư cụ, cung kính cúng dường bĩ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai giả, ác mộng ác tướng, chư bất cát tường giai tất ẩn một, bất năng vi hoạn; hoặc hữu thủy hỏa đao độc huyền hiểm, ác tượng, sư tử, hổ lang hùng bi, độc xà ác yết, ngô công du diên, văn minh đắng bố, nhược năng chí tâm ức niệm bĩ Phật, cung kính cúng dường, nhất thiết bố úy, giai đắ giải thoát; nhược tha quốc xâm nhiễu, đắo tặ phản loạn, ức niệm cung kính bĩ Như Lai giả, diệc giai giải thoát.

“Lại hể có người, bỗng thấy mộng ác”, nghĩa là giả dụ có người bỗng nhiên gặp ác mộng, trong giấc mộng thấy chuyện chẳng lành, chẳng hạn thấy mình chết, thấy người khác chết, mình bị đặng xe, thấy người nhảy xuống biển, đặi khái những điều chẳng lành v.v..; **“những hình tướng ác”**, như thấy một con quỷ la-sát dữ tợn, một con yêu miệng rộng giờ nanh, hoặc ông thiên lôi đưng cầm búa lăm le bỏ xuống, nói chung là các cảnh đắ động, núi lở, sóng thần, những sự việc kinh khủng mà người ta gặp trong cơn ác mộng; **“hoặc chim quái ác, ở đầu đến đầu”**, hoặc giả các loại chim kỳ quái đặ tụ tập trên nóc nhà, như loại cú đầu mèo, cú vọ, quạ; **“hoặc có lắmsự, quái ác hiện ra, tại ngay chỗ ở”**, hoặc nơi cư ngụ có cả trăm loài yêu quái xuất hiện, ban ngày thấy quỷ, ban đặm thấy ma, như thấy cây chổi quét nhà tự nó đi đi lại lại, cái bầu nước bay lơ lửng trên không, nói chung là trăm ngàn sự việc kỳ quái xuất hiện.

“**Thử nhân**” nghĩa là người ấy, hay gia đình ấy, “**nếu đem các thứ quý giá**”, nếu dùng các đồ quý giá, thuộc loại đắt tiền; “**cung kính cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thời những mộng ác, những hình tướng ác, những điều chẳng lành, đều biến mất hết**”, đem những thứ đó để cúng dường đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai một cách cung kính, thời những mộng ác, tướng ác, tỷ dụ như trong mộng thấy rắn, thấy hổ, sói, beo, sâu bọ, tất cả những thứ chẳng lành đó, bỗng dung tiêu tan hết. Cho nên bất kể người nào trong chúng ta, nếu trong nhà xảy ra những sự tình chẳng lành, chúng ta nên gấp gáp cúng dường đức Phật Dược Sư một cách cung kính, thì ắt sẽ có điều cát tường đến, mọi rắc rối sẽ biến mất; “**chẳng làm hại được**”, không còn lo ngại vấn đề gì nữa; “**Hoặc có sợ hãi tai nạn thủy hỏa, đao binh độc chết, cheo leo hiểm nghèo**”, hoặc bị nước nhấn chìm, bị lửa đốt, bị dao chém, gặp chết độc, hoặc ở chỗ cheo leo hiểm nghèo; “**voi dữ sư tử, hùm sói gấu bi, rắn độc bọ cạp, rết độc sâu bọ, ruồi muỗi các loại**”, các loại voi dữ, sư tử, hổ, báo, gấu đen, bi – “bi” cũng là một loại ác thú - rắn độc, bọ cạp, rết, sâu du diên, tức là loài sâu chuyên hút tủy não trong đầu, ruồi muỗi hay các loại sâu bọ có hại, nói chung các thứ gây nên sợ hãi; “**nếu dốc một lòng, niệm đức Phật kia, cung kính cúng dường, thời các sợ hãi, đều được giải hết**”, nếu như dốc lòng nhớ tới đức Phật Dược Sư, rồi cúng dường một cách cung kính, thì tất cả mọi thứ sợ hãi đều được giải trừ; “**Nếu có nước khác, xâm lấn quấy rối, giặc cướp phản loạn, thời người cung kính, niệm đức Phật kia, cũng đều giải thoát**”, nếu có một nước khác đến xâm lược, hay là trong nước đạo tặc hay phản loạn nổi lên, song trong lòng luôn luôn nhớ tới đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì các nạn này cũng được giải trừ. Tóm lại, hết thấy các tai nạn đều nhất loạt tiêu tan, xấu đổi thành tốt, điều chẳng lành biến thành điều may mắn.

Còn nữa này ông Văn thù Sư Lợi! Nếu có những người, thiện nam thiện nữ, lòng tin thanh tịnh, cho đến hết đời chẳng thờ thần khác, chỉ dốc một lòng quy Phật Pháp Tăng, chịu giữ cấm giới, hoặc năm giới, mười giới, bốn trăm giới Bồ tát, hai trăm năm mươi giới Bất-sô, năm trăm giới Bất-sô-ni, nếu trong chỗ giới, có ai vi phạm sợ đọa đường ác, mà hay chuyên niệm danh hiệu Phật kia, cung kính cúng dường, thì quyết chẳng sanh, vào ba đường ác. Hoặc có nữ phụ, tới khi sanh nở, chịu rất đau đớn, nếu hay dốc lòng niệm danh hiệu Phật, lễ bái tán thán, cung kính cúng dường, thì mọi đau khổ, đều tự diệt hết, đưa con sanh ra thân phận đầy đủ, hình dáng đoan chính, ai thấy cũng mừng, thông minh sáng láng, an ổn ít bệnh, không bị phi nhân, đoạt mất tinh khí.

Phục thứ Mạn Thù Thất Lợi! Nhược hữu tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, nãi chí tận hình bất sự dư thiên, duy đương nhất tâm quy Phật Pháp Tăng, thọ trì cấm giới, nhược ngũ giới, thập giới, Bồ tát tứ bách giới, Bí sô nhị bách ngũ thập giới, Bí sô ni ngũ bách giới, ư sở thọ trung, hoặc hữu hủy phạm, bố đọa ác thú, nhược năng chuyên niệm bỉ Phật danh hiệu, cung kính cúng dường giả, tất định bất thọ tam ác thú sanh; hoặc hữu nữ nhân lâm đương sản thời, thọ ư cực khổ, nhược năng chí tâm xưng danh lễ tán, cung kính cúng dường bỉ Như Lai giả, chúng khổ giai trừ, sở sanh chi tử, thân phận cụ túc, hình sắc đoan chính, kiến giả hoan hỷ, lợi căn thông minh, an ổn thiểu bệnh, vô hữu phi nhân đoạt kỳ tinh khí.

“Còn nữa này ông Văn thù Sư Lợi!”. Đức Phật Thích-ca lại nhắc: “Còn nữa, này ông Văn Thù Sư Lợi”; “**Nếu có những người, thiện nam thiện nữ, lòng tin thanh tịnh**”, nếu có những thiện nam và thiện nữ có lòng tin thanh tịnh; “**cho**

đến hết đời”, tận hình là hết một đời; **“chẳng thờ thần khác”** (*bất sự dư thiên*), tức là không lễ bái trời đất, quý thần, không theo các đạo khác v.v..; **“chỉ dốc một lòng quy Phật Pháp Tăng”**, dốc một lòng nương tựa Phật Pháp Tăng; **“thọ trì cấm giới”**, cấm nghĩa là không được làm, giới cấm thì phải giữ một cách nghiêm cẩn; **“hoặc năm giới”** như năm giới cấm là: giết hại chúng sanh, trộm cắp, dâm tà, nói dối, uống rượu; **“mười giới”**, còn gọi là giới Sa-di; **“bốn trăm giới Bồ tát, hai trăm năm mươi giới Bí-sô, năm trăm giới Bí-sô-ni”**, bốn trăm giới của các vị Bồ-tát, hai trăm năm mươi giới của các Tỳ-kheo, còn đối với các Tỳ-kheo-ni thì có năm trăm giới.

“Nếu trong chỗ giới”, nghĩa là trong phạm vi các giới cấm; **“có ai vi phạm”**, hễ có sự vi phạm, cố ý hay không cố ý; **“sợ đọa đường ác”**, lòng rất sợ hãi sẽ bị đọa vào ba đường ác; **“mà hay chuyên niệm danh hiệu Phật kia”**, nếu như thành khẩn và thiết tha niệm danh hiệu của đức Phật kia, nghĩa là niệm: “Nam-mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật”; **“cung kính cúng dường, thì quyết chẳng sanh, vào ba đường ác”**, thành tâm khẩn thiết cung kính và cúng dường thì người đó nhất định không bị sa vào các đường ác, như đọa địa ngục, hoặc làm quỷ đói hay làm kiếp súc sanh.

“Hoặc có nữ phụ, tới khi sanh nở, chịu rất đau đớn”, giả dụ trường hợp phụ nữ, lúc sắp sanh con, đau đớn không chịu nổi; **“nếu hay dốc lòng niệm danh hiệu Phật, lễ bái tán thán, cung kính cúng dường”**, nếu người đó dốc lòng xưng tán danh hiệu, hoặc giả cung kính cúng dường đức Phật kia, tức đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; **“thì mọi đau khổ, đều tự diệt hết”**, thì các sự đau đớn sẽ được giải trừ.

“Đứa con sanh ra thân phận đầy đủ”, đứa con sanh ra, dầu trai hay gái, đều đủ cả sáu căn, không phải như trường hợp thiếu một cái tai hay thiếu một con mắt, mũi, miệng v.v.. tóm lại thân thể hoàn toàn đầy đủ, hoàn chỉnh.

“Hình dáng đoan chính, ai thấy cũng mừng, thông minh sáng láng, an ổn ít bệnh, không bị phi nhân, đoạt mất tinh khí”, đây nói về tướng mạo của đứa trẻ thì tốt đẹp, hoàn hảo, ai trông thấy cũng ưa, các căn thì sáng láng, thông minh lạ thường, sức khỏe tốt, ít đau ốm, lại không gặp cảnh huống bị bọn yêu quái đoạt mất tinh khí. Tại sao được như vậy? Bởi đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai có oai thần lớn nên hết thảy các loài yêu ma quỷ quái, các loại ngu quỷ, xà thần đều phải xa lánh.



Ngày hôm nay, tôi có điều này báo cho các quý vị hay là những người ở Los Angeles đây có duyên với một trong các vị Đại Bồ-tát. Khí hậu vùng Los Angeles cũng na ná giống vùng Cửu Hoa Sơn bên Trung Hoa, nhân duyên cũng tương tự, cho nên mọi người trong vùng này đều có duyên với Bồ-tát Địa Tạng. Cũng vì mối quan hệ đó mà Kim Luân Thánh Tự đã tôn ngài Địa Tạng làm chủ và thờ ngài Quán Âm làm Hộ Pháp, hộ trì cho đạo tràng. Trong tương lai chúng ta sẽ thỉnh một tôn tượng của Ngài Địa Tạng về chùa Kim Luân này.

Có một điểm quý vị nên lưu ý. Ai muốn đánh lễ Ngài Địa Tạng thì hãy tới Kim Luân Thánh Tự. Muốn đánh lễ Đức Quán Âm, hãy đến Vạn Phật Thánh Thành, vì ở đó Bồ-tát Quán Thế Âm làm chủ, còn ngài Địa Tạng làm Hộ Pháp, hộ trì cho đạo tràng kể trên. Nguyên nhân là tiết trời tại khu San Francisco cùng với Phổ-đà sơn có điểm giống nhau, khí hậu không khác bao nhiêu, thành thử đạo tràng của Bồ-tát Quán Âm đã đặt ở nơi đó.

Vancouver là đạo tràng của ngài Văn-thù vì ngài Văn-thù thường thường thị hiện tại đây. Ở Vancouver có một quả núi, thường phát ra ánh sáng, đó là do ngài Văn Thù phóng quang. Đạo tràng tại Seattle thì tôn ngài Phổ Hiền làm chủ, và ngài

Văn-thù làm Hộ Pháp. Ai muốn chiêm bái Bồ tát Phổ Hiền thì hãy đến Seattle, cũng giống như quý vị triều bái Nga-mi sơn vậy.

Quý vị đều cư ngụ cách xa Trung quốc, muốn triều bái Bồ-tát Quán Thế Âm thì khỏi cần đi xa, chúng ta hãy đến Vạn Phật Thánh Thành; muốn triều bái Cửu Hoa Sơn thì đến Kim Luân Thánh Tự; muốn đi ngũ Đài Sơn chiêm bái ngài Văn Thù Sư Lợi thì lại đến Vancouver. Để đáp ứng nhu cầu đó mà tôi đã thỉnh cả bốn vị đại Bồ-tát, mời các Ngài đến bốn đạo tràng của địa phương này, đặng giúp cho quý vị tiện đường chiêm bái mà không cần phải mất công đi xa.

Tôi nói bốn vị Bồ tát trú tại các đạo tràng nói trên, không có nghĩa rằng quý vị đến đây ắt sẽ trông thấy các Ngài. Đó chỉ là điều cảm ứng riêng của tôi, tôi nói ra để quý vị biết. Còn tin hay không tin là tùy tâm quý vị.

(Tôi chổ này có một đoạn chữ in màu nâu do một vị đệ tử bỏ giảng vì băng thâu bị sót mất)

Bấy giờ Thế Tôn, bảo A-nan rằng: Như ta khen ngợi công đức của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đó là những chỗ rất sâu của các hành vi chư Phật, khó hiểu đến cùng. Ông có tin không?

Nhĩ thời Thế Tôn cáo A Nan ngôn: “Như ngã xưng dương bĩ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai sở hữu công đức, thử thị chư Phật thậm thâm hành xứ, nan khả giải liễu, nhữ vị tín phủ?”

Chúng ta tu học Phật cần phải có lòng tin chân thật, lời nguyện thiết tha thì mới có được lợi ích. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm có nói: “Lòng tin là gốc của Đạo,

là mẹ của công đức, nuôi dưỡng và phát triển hết thảy các thiện căn”. Nếu lòng tin của chúng ta không đủ thì công đức không thể thành tựu được.

“Bấy giờ Thế Tôn, bảo A-nan rằng:”, lúc bấy giờ Phật bảo Tôn giả A-nan rằng; **“Như ta khen ngợi công đức của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đó là những chỗ rất sâu của các hành vi chư Phật”,** như ở trên ta vừa tán dương mọi công đức của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đó đều là những cảnh giới trong đó hiển xuất những hành vi thâm diệu của chư Phật; **“khó hiểu đến cùng”,** khó có thể hiểu tường tận, chỉ có Phật với Phật mới hiểu được mà thôi, còn như phàm phu thì không hiểu được, cũng không tưởng tượng được; **“Ông có tin không?”,** ông A-nan! Ông có tin không? Ông có thực thà tin những lời tôi nói mà không có chút hoài nghi nào không?

A-Nan bạch rằng: Đại đức Thế Tôn! Con đối với kinh của Phật đã nói, chẳng sanh nghi hoặc, là vì lẽ sao? Vì rằng ba nghiệp thân ngữ ý của hết thảy chư Phật đều thanh tịnh cả. Đại đức Thế Tôn! Vàng nhật nguyệt kia, làm rơi xuống được, núi Diệu Cao Vương làm nghiêng đổ được, lời chư Phật nói không có khác được.

A Nan bạch ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã ư Như Lai sở thuyết kế kinh bất sinh nghi hoặc, sở dĩ giả hà? Nhất thiết Như Lai, thân ngữ ý nghiệp, vô bất thanh tịnh. Thế Tôn! Thử nhật nguyệt luân, khả linh đọa lạc, Diệu cao sơn vương, khả sử khuynh động, chư Phật sở ngôn, vô hữu dị dã.

“A-Nan bạch rằng:”, Tôn giả A-nan đáp lại rằng; **“Đại đức Thế Tôn!”** Ông A-nan dùng chữ đại đức để thừa lên Phật; **“Con đối với kinh của Phật đã nói”** (*Ngã u Như Lai sở thuyết khế kinh*), đối với khế kinh mà Phật đã giảng thuyết. Chữ “khế” là khế hợp, là ăn khớp, trên thì **khế hợp với đạo lý của chư Phật, dưới thì khế hợp với căn cơ của chúng sanh**; **“chẳng sanh nghi hoặc, là vì lẽ sao?”** con không có điều gì nghi hoặc, lý do gì?; **“Vì rằng ba nghiệp thân ngữ ý của hết thầy chư Phật đều thanh tịnh cả”**; bởi lẽ đối với hết thầy các chư Phật, thì thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp của các Ngài, không có chỗ nào là không thanh tịnh, không có điểm nào là ô nhiễm, không có điểm nào là không chân thực.

“Đại đức Thế Tôn! Vàng nhật nguyệt kia, làm rơi xuống được”, bạch Thế Tôn! Vàng mặt trăng và mặt trời kia của cái thế gian này, có thể làm cho rớt xuống; **“núi Diệu Cao Vương làm nghiêng đổ được”**, Diệu Cao Sơn, hay còn gọi là núi Tu-di. Diệu Cao Sơn kia có thể làm cho đổ, tóm lại tất cả mọi thứ trên đời đều có thể bị biến đổi, nhưng **“lời chư Phật nói không có khác được.”**, những điều chư Phật nói đều là chân thật chẳng hư dối, không có cách gì mà nói khác được.

Bạch đức Thế Tôn! Có những chúng sanh, tín căn chẳng đủ, nghe nói đến những công hạnh sâu màu của chư Phật, mà nghĩ ra rằng, làm gì chỉ niệm một danh hiệu Phật của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, mà được ngay những thắng lợi công đức, nhiều đến như vậy! Vì chẳng tin vậy, sinh ra phỉ báng, người đó ở chỗ đêm dài tối mịt, mất hết lợi lạc, đọa các đường ác, lưu chuyển vô cùng.

Thế Tôn! Hữu chư chúng sanh, tín căn bất cụ, văn thuyết chư Phật thậm thâm hành xứ, tác thị tư duy: vân hà đản niệm Dược Sư Lưu Ly

Quang Như Lai nhất Phật danh hiệu, tiện hoạch nhĩ sở công đức thắng lợi, do thử bất tín, phản sinh phi báng, bỉ ư trường dạ, thất đại lợi lạc, đọa chư ác thú, lưu chuyển vô cùng.

“Bạch đức Thế Tôn! Có những chúng sanh, tín căn chẳng đủ”, Tuy nhiên, bạch Thế Tôn! Có những chúng sanh, lòng tin không đủ, hoài nghi còn nặng, vì họ không có căn lành về tín tâm, cho nên **“nghe nói đến những công hạnh sâu mầu (thậm thâm sở hành) của chư Phật”,** nghe nói tới những chỗ thâm sâu, tức là những hành vi tạo tác của chư Phật, trong đó toàn là những điều khó lường được về trí huệ, phước đức và thần thông diệu dụng của các Ngài; **“mà nghĩ ra rằng”,** những người đó đã có sẵn lòng nghi hoặc, nên họ mới khởi lên ý nghĩ này; **“làm gì chỉ niệm một danh hiệu Phật của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, mà được ngay những thắng lợi công đức, nhiều đến như vậy!”**, tại làm sao chỉ niệm danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chỉ một danh hiệu thôi mà lại có được vô lượng vô biên công đức và những lợi ích tốt bậc như vậy?; **“Vì chẳng tin vậy, sinh ra phi báng”,** bởi vậy họ chẳng tin, mà ngược lại còn sinh lòng phi báng. Họ bảo rằng: “Phật lừa gạt mọi người, nói những lời dối trá, làm những việc dối trá”, đại khái họ thốt ra những lời điên đảo như vậy rồi còn xui khiến người khác sanh tâm hoài nghi đối với Tam Bảo.

“Người đó ở chỗ đêm dài tối mịt, mất hết lợi lạc”, những loại người đó như ở trong đêm dài, tối mịt, mất hết mọi thứ lợi ích và hoan lạc; **“đọa các đường ác, lưu chuyển vô cùng”.** Bị đọa vào các đường ác, như vào địa ngục, hay làm thân quỷ đói, súc sanh, rồi cứ như vậy luân chuyển không bao giờ ngừng.

Phật bảo A-nan, nếu nghe danh hiệu Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, dốc lòng trì niệm, chẳng sinh nghi hoặc, thời chẳng khi nào phải đọa

đường ác. Này A-nan! Đó là những công hạnh sâu mâu của chư Phật, rất khó tin hiểu. Nay ông tin được thì nên biết rằng đó là thần lực của đức Như Lai. Này A-nan! Hết thấy các vị, Thanh văn Độc giác, cùng các Bồ tát, hàng vị đẳng Địa, cũng đều chưa thể thực tin và hiểu. Duy hàng Bồ tát, còn một kiếp sanh, mới thực tin hiểu. Này A-nan! Thân người khó được, có lòng tin kính, tôn trọng Tam Bảo cũng rất khó được; nghe đến danh hiệu, Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cũng khó như vậy. Này A-nan! Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, có hạnh Bồ-tát, nhiều không xiết kể, phương tiện khéo léo, nhiều không xiết kể, nguyện lớn cũng nhiều, không sao xiết kể. Nếu lấy một kiếp, hay hơn một kiếp, để ta nói rộng, thì các hạnh nguyện của đức Phật kia, cùng những phương tiện khéo léo của Ngài không bao giờ hết.

Phật cáo: A Nan! Thị chư hữu tình, nhược văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, chí tâm thọ trì, bất sanh nghi hoặc, đọa ác thú giả, vô hữu thị xứ. A Nan! Thử thị chư Phật thậm thâm sở hành, nan khả tín giải, như kim năng thọ, đương tri giai thị Như Lai uy lực. A Nan! Nhất thiết Thanh văn Độc giác, cập vị đẳng Địa chư Bồ tát đẳng, giai tất bất năng như thực tín giải, duy trừ nhất sinh sở hệ Bồ tát. A Nan! Nhân thân nan đắc, ư Tam Bảo trung, tín kính tôn trọng, diệc nan khả đắc, văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, phục nan ư thị. A Nan! Bỉ Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, vô lượng Bồ tát hạnh, vô lượng Bồ tát thiện xảo phương tiện, vô lượng quảng đại nguyện, ngã nhược nhất kiếp, nhược nhất kiếp dư, nhi quảng thuyết giả, kiếp khả tốc tận, bỉ Phật hạnh nguyện thiện xảo phương tiện, vô hữu tận dã.

“Phật bảo A-nan, nếu nghe danh hiệu Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”, Phật bảo Ông A-nan rằng nếu các hữu tình kia, tức là những người vừa nói ở trên, được nghe đến danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; **“chẳng sinh nghi hoặc, thời chẳng khi nào phải đọa đường ác”**, nghe rồi lại dốc lòng chí thành và khẩn thiết thọ trì, chẳng có chút gì nghi hoặc, thì những người đó chẳng khi nào phải đọa vào các đường ác; **“Này A-nan! Đó là những chỗ hành vi rất sâu của các đức Phật, rất khó tin hiểu”**, đó là những chỗ hành vi của chư Phật, những gì các chư Phật làm, có tầm trí huệ rất là thâm sâu, rất khó tin và rất khó hiểu.

“Nay ông tin được thì nên biết rằng đó là thần lực của đức Như Lai”, như nay ông có thể tin được và tiếp thọ thì phải biết rằng đó chẳng phải do sức của chính ông mà do oai lực thần diệu của Phật gia bị cho ông, khiến ông có được một lòng tin tuyệt đối như vậy. Tại sao vậy? **“Này A-nan! Hết thấy các vị, Thanh văn Độc giác”**, Này ông A-nan, không kể tới các hạng phàm phu chúng sanh, ngay đến những vị đã có tu chứng, đã được Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả, của hàng Thanh văn, và Độc giác tức quả Bích-chi Phật; **“cùng các Bồ tát, hàng vị đẳng Địa, cũng đều chưa thể thực tin và hiểu. Duy hàng Bồ tát, còn một kiếp sanh, mới thực tin hiểu”** cũng như các vị Bồ-tát chưa vào được Sơ địa, cũng chưa thể có lòng tin hiểu một cách chân thật. Chỉ ngoại trừ các vị Bồ tát chỉ còn một kiếp sanh, tức đã tới hàng Đẳng giác, hay Bồ tát nhất sinh bổ xứ mới có được lòng tin chân thực chẳng đổi.

“Này A-nan! Thân người khó được”, Ông A-nan, làm được thân người là khó; **“có lòng tin kính, tôn trọng Tam Bảo cũng rất khó được”**, trong Tam Bảo đối với Phật, Pháp, Tăng mà có lòng tin, cung kính và trân trọng, cũng là việc khó. Vậy mà **“nghe đến danh hiệu, Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cũng**

khó như vậy”, nghe được danh hiệu của đức Phật kia là Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì còn khó hơn nữa.

“Này A-nan! Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, có hạnh Bồ-tát, nhiều không xiết kể, phương tiện khéo léo, nhiều không xiết kể, nguyện lớn cũng nhiều, không sao xiết kể”, Phật lại bảo: Ông A-nan, Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai kia đã tu vô lượng vô biên các hạnh Bồ tát, đã vận dụng vô lượng vô biên những phương tiện khéo léo, cũng như phát những nguyện lớn nhiều không xiết kể; **“Nếu lấy một kiếp, hay hơn một kiếp, để ta nói rộng, thì các hạnh nguyện của đức Phật kia, cùng những phương tiện khéo léo của Ngài không bao giờ hết”**, giả dụ ta giảng giải rộng những thứ đó thì thời gian dài trong một kiếp, hay hơn một kiếp, có thể chóng hết, mà các hạnh nguyện và phương tiện khéo léo của ngài kể ra không thể hết được.

(Đến chỗ này là hết phần bổ túc thay thế cho phần thân âm bị mất)

Trong chúng bấy giờ, có đại Bồ-tát, tên là Cứu Thoát, liền từ tòa khởi, đứng dậy kéo áo, hờ vai bên phải, quỳ gối bên phải, sát xuống tận đất, cúi mình chấp tay, mà bạch Phật rằng: Đại đức Thế Tôn! Khi Tượng Pháp chuyển, có những chúng sanh, bị nhiều hoạn nạn, làm cho khốn khổ, đau ốm gầy mòn, chẳng ăn uống được, cổ ráo môi khô, thấy mọi phương tối, tướng chết hiện ra, cha mẹ thân thuộc, bạn bè quen biết, xúm quanh than khóc, thân người đau kia, vẫn nằm yên đấy, mà thấy sứ giả, của vua Diêm Ma, dẫn thân thức mình đến trước cửa tòa pháp vương Diêm Ma. Những người hữu tình, người nào cũng có, một thân câu sinh, người ấy làm gì, tội ấy phước ấy, đều được ghi lại, rồi đem trình hết, cho vua Diêm Ma. Bấy giờ vua liền, xét hỏi người ấy, tính toán mọi việc người ấy đã làm, theo chỗ tội phước, mà định xét xử ấy. Như vào lúc ấy, có người thân thuộc, hay người quen biết, những người

bệnh ấy, quy y Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cho người bệnh ấy, mời đón chư Tăng, đọc tụng kinh này, đốt đèn bảy tầng, treo phướn tục mạng, có đủ năm màu. Lập được Pháp hội như thế, thì thần thức người ấy, sẽ được trở về, như trong giấc mộng, thấy rõ mọi sự.

Nhĩ thời chúng trung hữu nhất Bồ tát ma-ha-tát, danh viết Cứu Thoát, tức tòng tòa khởi thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, khúc cung hợp chướng, nhi bạch Phật ngôn: Đại đức Thế Tôn! Tượng Pháp chuyển thời, hữu chư chúng sanh vị chúng chúng hoạn chi sở khổn ách, trường bệnh luy sấu, bất năng ẩm thực, hầu thần càn táo, kiến chư phương ám, tử tướng hiện tiền, phụ mẫu thân thuộc bằng hữu tri thức, đễ khắp vi nhiễu, nhiên bỉ tự thân ngoại tại bản xứ, kiến Diêm-ma sứ, dẫn kỳ thần thức chí ư Diêm-ma pháp vương chi tiền, nhiên chư hữu tình, hữu câu sinh thần, tùy kỳ sở tác, nhược tội nhược phước, giai cụ thư chi, tận trì thọ dĩ Diêm-ma pháp vương; nhĩ thời bỉ vương thôi vấn kỳ nhân, kế toán sở tác, tùy kỳ tội phước, nhi xử đoán chi. Thời bỉ bệnh nhân thân thuộc, tri thức, nhược năng vị bỉ quy y Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thỉnh chư chúng Tăng chuyển đọc thử kinh, nhiên thất tầng chi đặng, huyền ngũ sắc tục mệnh thần phan, hoặc hữu thị xứ, bỉ thức đặc hoàn, như tại mộng trung, minh liễu tự kiến.

Đoạn kinh văn nói trên cho biết về các hạnh nguyện và những phương tiện khéo léo của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nhiều không kể xiết, nói cho đến kiếp vị lai cũng không hết được.

“Trong chúng bây giờ, có đại Bồ-tát, tên là Cứu Thoát”, lúc bấy giờ ở trong đại chúng có một vị thuộc hàng đại Bồ-tát, tên là Bồ tát Cứu Thoát; **“liền từ**

tòa khởi, đứng dậy kéo áo, hở vai bên phải, quỳ gối bên phải, sát xuống tận đất, cúi mình chấp tay, mà bạch Phật rằng:”, từ chỗ ngồi, đứng dậy, để lộ trần phía vai bên phải, còn đầu gối bên phải thì quỳ xuống mà bạch Phật rằng :

“**Đại đức Thế Tôn!**” Vị Bồ-tát này xưng lên Phật là Đại đức Thế Tôn; “**Tượng Pháp chuyển thời**”, khi thời Tượng Pháp chuyển, tức là khi thời kỳ Chánh Pháp đã qua, đến thời Tượng Pháp. Thời kỳ Chánh Pháp được coi là thời kỳ của *thiền định kiên cố*, nên có rất nhiều người chứng quả, đó là quả A-la-hán. Còn thời Tượng Pháp thì được coi là thời kỳ của *chùa miếu kiên cố*, người ta chuyên đúc tượng và xây chùa;

“**Có những chúng sanh, bị nhiều hoạn nạn, làm cho khốn khổ, đau ốm gầy mòn, chẳng ăn uống được, cổ ráo môi khô, thấy mọi phương tối, tướng chết hiện ra**”, có những chúng sanh bị nhiều thứ bệnh hoạn làm cho đau đớn khổ sở, rồi lâu ngày ốm yếu, da bọc xương, ăn không được, uống không được, cổ họng và môi khô, vậy mà nước cũng không uống được, khốn khổ vô cùng. Họ nhìn ra xung quang thì chỗ nào cũng là đen tối, tự mình cảm thấy cái chết gần kề; “**cha mẹ thân thuộc, bạn bè quen biết, xúm quanh than khóc**”, lúc đó cha mẹ, hoặc quyến thuộc, hoặc bạn bè, những người quen biết, ai nấy đều xúm lại khóc lóc; “**mà thấy sứ giả, của vua Diêm Ma, dẫn thần thức mình đến trước cửa tòa pháp vương Diêm Ma**”, còn bản thân người bệnh, vẫn nằm yên tại chỗ, mà thấy những sứ giả của vua Diêm-Ma dẫn thần thức của họ, hay còn gọi là thần hồn, đến trước tòa của vua Diêm Ma.

“**Những người hữu tình, người nào cũng có, một thần câu sinh, người ấy làm gì, tội ấy phước ấy, đều được ghi lại, rồi đem trình hết, cho vua Diêm Ma**”, phàm là giống hữu tình, ai nấy đều có “*thần câu sinh*”, nghĩa là cùng sanh ra với mình và theo mình suốt cả cuộc đời; thần này có khả năng ghi lại hết những việc mình làm, những việc thiện việc ác, rồi trình lại hết cho vua Diêm ma. Cùng lúc ấy, thần thức của những người quen biết khác cũng được đưa tới trước vua

Diêm Ma. Người đó thấy hết những điều người ấy đã làm trong đời, tội nào phước nào đều hiện ra hết cả.

“Bấy giờ vua liền, xét hỏi người ấy, tính toán mọi việc người ấy đã làm, theo chỗ tội phước, mà định xét xử ấy”, lúc bấy giờ, vua Diêm Ma mới tra hỏi người ấy, tổng kết lại những điều người ấy đã làm, rồi cân nhắc hai phần tội và phước mà định việc xử đoán.

“Nhu vào lúc ấy, có người thân thuộc, hay người quen biết, những người bệnh ấy, quy y Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cho người bệnh ấy”, lúc ấy, nếu có thân nhân của người bệnh như cha mẹ, anh em, vợ con, hay những người quen biết, muốn vì lợi ích của người bệnh mà làm công đức, bằng cách quy y đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; **“mời đón chư Tăng, đọc tụng kinh này, đốt đèn bảy tầng, treo phướn tục mạng, có đủ năm màu. Lập được Pháp hội như thế (hoặc hữu thị xứ)”**, mời thỉnh các Tăng, tức là những vị xuất gia tu hành đạo đức và giữ giới luật để tụng đọc kinh “Công Đức các Bản Nguyên của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”, đốt đèn 7 tầng, mỗi tầng 7 cây đèn, tổng cộng là 49 cây đèn, treo những lá phướn năm màu, gọi là phướn tục mạng. Nếu cử hành pháp hội được đúng như thế, **“thì thần thức người ấy, sẽ được trở về, như trong giấc mộng, thấy rõ mọi sự”**, thần thức của người bệnh sẽ được trở về, giống như trải qua một giấc mộng, thấy các sự việc một cách rõ ràng, rồi nhớ lại được các cảnh giới ấy.

Hoặc qua bảy ngày, hoặc hăm một ngày, hoặc ba lăm ngày, hoặc bốn chín ngày, thần thức người ấy, khi được trở về, như tỉnh giấc mộng, tự mình nhớ biết, quả báo của các nghiệp thiện bất thiện. Vì tự chứng kiến quả báo các nghiệp, nên dù mắc nạn cũng chẳng dám làm những nghiệp ác nữa; vì thế cho nên những người tịnh tín, thiện nam thiện nữ, đều nên trì niệm danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, tùy theo sức mình, cung kính cúng dường.

Hoặc kinh thất nhật, hoặc nhị thập nhất nhật, hoặc tam thập ngũ nhật, hoặc tứ thập cửu nhật, bỉ thức hoàn thời, như tòng mộng giác, giai tự ức tri thiện bất thiện nghiệp, sở đắc quả báo, do tự chứng kiến nghiệp quả báo cố, nãi chí mệnh nạn, diệc bất tạo tác chư ác chi nghiệp; thị cố tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, giai ưng thọ trì Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, tùy lực sở năng, cung kính cúng dường.

“Hoặc qua bảy ngày, hoặc hăm một ngày, hoặc ba lăm ngày, hoặc bốn chín ngày, thần thức người ấy, khi được trở về”, những thân thuộc hoặc bạn bè hoặc đọc kinh, hoặc bái “Sám Dược Sư” với hy vọng thần thức người bệnh từ chỗ vua Diêm la trở về, trong bao lâu chưa rõ, có thể trong 7 ngày, hay ba tuần lễ tức 21 ngày, hay năm tuần lễ tức 35 ngày, cho tới bảy tuần lễ tức 49 ngày. Khi trở về, người đó có cảm giác **“như tỉnh giấc mộng, tự mình nhớ biết, quả báo của các nghiệp thiện bất thiện”**, như y vừa ra khỏi một giấc mộng và nhớ lại rõ ràng quả báo của các nghiệp thiện và nghiệp bất thiện; **“Vì tự chứng kiến quả báo các nghiệp, nên dù mắc nạn cũng chẳng dám làm những nghiệp ác nữa”**, bởi tự mình chứng nghiệm những quả báo do các việc làm của chính mình, cho nên dù phải gặp nạn, người ấy cũng không dám tạo tác các nghiệp ác nữa; **“vì thế cho nên những người tịnh tín, thiện nam thiện nữ, đều nên trì niệm danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, tùy theo sức mình, cung kính cúng dường”**, bởi vậy hết thảy các thiện nam và thiện nữ có lòng tin trong sạch đều nên thọ trì danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nghĩa là phải nhớ và tụng danh hiệu của Ngài, và tùy theo năng lực của mình để cúng dường đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai một cách thiết tha cung kính.

Bấy giờ Tôn giả A Nan hỏi Cứu Thoát Bồ Tát rằng: “Bạch Thiện nam tử, nên cung kính cúng dường đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai như thế nào? Còn đèn và phang tục mạng phải làm cách sao?”.

Ngài Cứu Thoát nói: Bạch Đại đức! Nếu có người bệnh, muốn thoát bệnh khổ, nên vì người ấy, bảy ngày bảy đêm, chịu giữ cho đủ, tám phần trai giới, tùy phương tiện riêng, sắm sửa đồ ăn, các thứ đồ dùng, để đem cúng dường, các vị Bì-sô, ngày đêm sáu buổi, lễ bái hành đạo, cung kính cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đọc tụng kinh này, bốn mươi chín lần, thắp bốn chín đèn, tạo bảy tôn tượng đức Như Lai kia, phía trước mỗi tượng, đặt chín cái đèn, đèn nào cũng lớn như cái bánh xe, như vậy cho đến, bốn mươi chín ngày, đèn sáng chẳng tắt; làm phước năm màu, chiều dài bằng cả, bốn chín gang tay, phải nên phóng sanh, cho đến bốn chín các loài khác nhau, như vậy người bệnh, có thể qua được, ách nạn nguy khốn, không bị bọ quỷ, hung ác bắt giữ.

Nhĩ thời A Nan vấn Cứu Thoát Bồ tát viết: Thiện nam tử ưng vân hà cung kính cúng dường bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai? Tục mệnh phan đặng, phục vân hà tạo? Cứu Thoát Bồ tát ngôn: Đại đức! Nhược hữu bệnh nhân, dục thoát bệnh khổ, đương vị kỳ nhân, thất nhật thất dạ thọ trì bát phần trai giới, ưng dĩ ẩm thực, cập dư tư cụ, tùy lực sở biện, cúng dường Bì-sô Tăng, trú dạ lục thời lễ bái hành đạo cúng dường bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đọc tụng thử kinh tứ thập cửu biến, nhiên tứ thập cửu đặng, tạo bỉ Như Lai hình tượng thất khu, nhất nhất tượng tiền, các trí thất đặng, nhất nhất đặng lượng, đại như xa luân, nãi chí tứ thập cửu nhật, quang minh bất tuyệt, tạo ngũ sắc thái phan,

trường tứ thập cứu trích thủ, ứng phóng tạp loại chúng sanh, chí tứ thập cứu, khả đắc quá độ nguy ách chi nạn, bất vi chư hoạnh ác quỷ sở trì.

“Bấy giờ Tôn giả A Nan hỏi Cứu Thoát Bồ Tát rằng:” Giảng kinh tới chỗ này, Tôn giả A-nan thấy có điều chưa được rõ, nên ông mới hỏi Bồ tát Cứu Thoát rằng: **“Bạch Thiện nam tử, nên cung kính cúng dường đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai như thế nào?”** Xin hỏi Thiện nam tử, muốn cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai một cách cung kính, thì phải làm như thế nào? **“Còn đèn và phang tục mạng phải làm cách sao?”** Cây đèn tục mạng và cây phướn tục mạng là những cái gì? Bảy tầng đèn là ý nghĩa gì? Phương thức chế tạo đèn như thế nào? Bày biện ra sao? Còn cách chế tạo cây phướn, phải làm sao để chúng có khả năng tiếp nối mạng sống?

“Ngài Cứu Thoát nói:” Bồ-tát Cứu Thoát trả lời rằng: **“Bạch Đại đức! Nếu có người bệnh, muốn thoát bệnh khổ, nên vì người ấy, bảy ngày bảy đêm, chịu giữ cho đủ, tám phần trai giới”**, Bạch đại đức! Nếu về sau ở cõi Ta-bà này, có người ốm đau mà muốn thoát khỏi bệnh khổ thì hãy vì người đó mà giữ đủ tám phần trai giới, nghĩa là tu bát quan trai giới, trong bảy ngày bảy đêm; **“tùy phương tiện riêng, sắm sửa đồ ăn, các thứ đồ dùng, để đem cúng dường, các vị Bí-sô”**, lại phải nên sắm sửa các đồ ăn uống, cùng những thứ nhu yếu hàng ngày, tùy theo khả năng riêng của mình để cúng dường các chư Tăng; **“ngày đêm sáu buổi, lễ bái hành đạo, cung kính cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”**, ngày đêm sáu thời, ngày ba buổi, đêm ba buổi, lễ bái đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai với hết cả tấm lòng chí thành khẩn thiết; **“đọc tụng kinh này, bốn mươi chín lần, thắp bốn chín đèn, tạo bảy tôn tượng đức Như Lai kia”** đọc kinh Công Đức Bốn Nguyện của Ngài, bốn mươi chín lần, đốt bốn mươi chín ngọn đèn, tạo bảy tôn tượng của Ngài Dược Sư; **“phía trước mỗi tượng, đặt chín**

cái đèn”, trước mỗi tôn tượng của Ngài thì bày bảy cây đèn; có tất cả bảy tôn tượng vậy số đèn tổng cộng là bốn mươi chín ngọn; **“đèn nào cũng lớn như cái bánh xe”**, cỡ các cây đèn này thời to nhỏ ra sao? Nói đèn lớn bằng bánh xe, nhưng bánh xe có thứ to thứ nhỏ. Không nhất định cỡ nào, nói tóm lại điểm chủ yếu là phải thành tâm; **“như vậy cho đến, bốn mươi chín ngày, đèn sáng chẳng tắt”**, đốt đèn như vậy liên tục trong bốn mươi chín ngày, lúc nào đèn cũng phải sáng, không được để cho tắt. Muốn giữ được như vậy, người ta phải châm dầu luôn luôn, thì đèn mới sáng liên tục được.

“Làm phước năm màu, chiều dài bằng cả, bốn chín gang tay, phải nên phóng sanh, cho đến bốn chín các loài khác nhau, như vậy người bệnh, có thể qua được, ách nạn nguy khốn, không bị bọ quỷ, hung ác bắt giữ”. Làm phước đủ năm màu, chiều dài cỡ bốn mươi chín gang tay; phải phóng sanh, đủ các loại. Trên lá phước, vẽ ra nhiều giống, có thể vẽ 12 con muông thú tượng trưng cho vòng hoàng đạo rồi phóng sanh các loại đó. Nói là tạp loại nghĩa là nhiều loại khác nhau, chủ yếu là nhiều, có khi hơn cả con số bốn mươi chín loại. Người bệnh có thể vượt qua được ách nạn do các thứ ác quỷ, oán quỷ chi phối. Các nạn đó bao gồm các nạn về chết đuối, chết cháy, tai nạn xe hơi, máy bay, thuyền máy v.v..., nói tóm lại, hết thảy các tai nạn đều được miễn trừ.



Đối với nghĩa lý của lời kinh, quý vị thấy có điểm nào hoài nghi chăng? Hoặc giả quý vị có kiến giải riêng mới nảy sinh, hoặc có ý kiến gì về lời giải thích kinh văn? Quý vị cứ tự nhiên trình bày để chúng ta cùng nhau nghiên cứu. Như có câu nào trong kinh mà quý vị thấy có điểm hoài nghi, hay ý nghĩa trong câu chưa được minh bạch, chúng ta cũng đưa ra để cùng thảo luận.

Đạo lý mà chúng ta học trong Phật giáo chẳng phải là đạo lý của quý vị hay của tôi, mà cũng chẳng phải là đạo lý của đức Phật nữa. Đó chính là đạo lý của “lô-gích” (logic) và của trí huệ mà mọi người cần tuân thủ. Phật giáo chẳng phải như các tôn giáo khác, chỉ dành lấy lẽ phải riêng về mình một cách ngược ngạo, thi hành đường lối ngu dân, độc tài, để áp chế người, bắt mọi người nghe theo mình mà không được đặt vấn đề nào khác. Còn Phật giáo thì biểu hiện một trí huệ cộng đồng. Cái gì có phù hợp với trí huệ thì mới gọi là chân lý; không phù hợp thì cái lý luận đó không thể áp dụng được. Đạo lý của Phật giáo không phải là thứ gì do một quyền lực độc tài, chuyên chế hoặc từ một chính sách ngu dân đưa ra, cho nên ai nấy trong chúng ta đều có quyền phát biểu và chúng ta hãy dùng trí huệ của mình để phán xét lý luận nào là đúng, lý luận nào là sai. Chúng ta phải có con mắt chọn pháp (trạch pháp nhãn), mình làm chủ lấy mình, chớ không phải ai nói sao cũng nghe theo làm vậy, hoặc giả không dám tự mình phát huy trí huệ sẵn có của mình. Như vậy là sai lầm! Chúng ta còn phải tận lực khai mở loại trí huệ chân chính này trong mỗi người của chúng ta.

Trí huệ của chư Phật là cùng một loại. Còn kinh thì kinh nào cũng cùng chung một nguyên lý. Bộ kinh này dạy rằng chúng ta tụng niệm kinh là để giúp cho người bệnh qua được cơn đau ốm. Nếu vì người chết mà tụng kinh thì người chết sẽ được một phần nhỏ công đức, còn người sống đọc kinh thì công đức lại to lớn hơn nhiều. Người chết sẽ được bao nhiêu công đức? Chúng ta không có cách gì để biết nổi, dù khoa học cũng không thể đo lường được. Chỉ biết rằng kinh này là do Phật nói ra nên số lượng công đức là chẳng thể nghĩ bàn.

Riêng về đến người sống thì đọc tụng kinh này sẽ mang lại cho họ bao nhiêu công đức? Họ được những lợi ích gì? Rất nhiều lợi ích. Số là khi họ đọc tụng kinh này, trong tâm của họ sẽ được khai mở, lòng chấp trước của họ sẽ tiêu tan. Phá được chấp trước tức họ sẽ có vô lượng công đức. Mê làm sanh ra tạo nghiệp rồi thọ quả báo, và nguyên nhân là từ sự chấp trước. Do chấp trước mà tạo tội. Nếu phá

được chấp trước thì mọi thứ tội đều chẳng thành, cho nên pháp của Phật nói trong kinh là nhằm phá sự chấp trước. Chỉ mang một chút ít chấp trước, người ta cũng khó mà giải thoát được. Phá được chút ít đó thì công đức của quý vị sẽ là vô lượng và quý vị sẽ chứng được giải thoát.

Quý vị nên khuyến khích bạn bè thân thích quy y đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Quý vị không phải là người xuất gia nên không được phép truyền pháp quy y. Muốn học Phật thì trước tiên là phải học Phật Pháp. Muốn học Phật Pháp thì trước đó phải quy y Tăng. Bộ kinh này đã nói rất rõ: kinh dạy rằng chúng ta phải thỉnh các Tăng chứng minh và nhờ họ làm Phật sự. Nói Phật sự có nghĩa là nói chúng ta phải quy y đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Đã nói quy y thì phải thành khẩn, chúng ta đừng nghĩ rằng đây chỉ là chuyện bình thường như các việc chúng ta làm hàng ngày một cách tùy tiện, như đói thì ăn, lạnh thì mặc quần áo. Học Phật Pháp đòi hỏi chúng ta phải tôn kính Pháp. Pháp được lưu truyền là nhờ đoàn thể Tăng-già. Khi nhập Niết-bàn, đức Phật đã giao trọn pháp của Ngài cho chư Tăng để lưu truyền hậu thế. Bởi vậy, khi quy y với đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chúng ta phải chí thành khẩn thiết thỉnh chư Tăng đến, nhờ họ xếp đặt các nghi thức cho ta. Công việc này không thể thực hiện qua loa cho xong việc, như nói: “Ồ! Quy y thì tôi có thể tự mình làm được!” Chẳng phải dễ dàng như vậy đâu!

Lấy một thí dụ, quý vị đến trường nhập học, trước tiên là phải qua các thầy giáo dạy bảo, sau đó quý vị mới được bằng cấp. Còn như học lấy một mình, chẳng nhờ ai dạy thì ai sẽ cấp bằng cho quý vị. Chuyện đó không thể có được.

Đệ tử: Kinh nói phải phóng sanh các loại khác nhau, có thể đến bốn mươi chín loài. Như vậy các chúng sanh đó có phải là những loài mà người ta ăn thịt không?

Thượng Nhân: Có loài chúng sanh nào mà người ta không ăn thịt chẳng? Mèo ư? Chuột ư? Thời nay nhiều người thích ăn thịt mèo và thịt chuột. Quý vị bảo người ta không ăn thịt kiến ư? Có kiến đóng hộp để mọi người dùng đó! Thử hỏi, có loài chúng sanh nào mà người ta không ăn thịt? Quý vị nói thử coi!

Đệ tử: Người bệnh đã đến tình trạng bất tỉnh, thần thức đã đến trước Diêm Vương rồi, vậy mà do công đức của bộ kinh này, thần thức người đó còn có thể trở về được. Thật là một điều đáng vui biết bao! Trong các tôn giáo khác, như Thiên chúa giáo, Cơ-đốc giáo chẳng hạn, cũng có những chỗ ghi lại sự kiện giống như trên, như trường hợp người đã chết, sau đó sống lại và còn nhớ rành rẽ những sự việc đã xảy ra. Họ không biết giải thích sự việc kỳ lạ này ra sao, họ cho rằng đó là do phép lạ của Chúa. Họ còn chủ trương rằng nếu người ta không tin Chúa thì nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục. Ai tin Chúa thì dầu làm điều bất thiện vẫn có thể được lên thiên đàng, còn ngược lại, không tin Chúa thì chắc chắn xuống địa ngục dầu người đó có làm những việc thiện. Lý luận như vậy thiếu “lô-gích” và chẳng thông chút nào! Rất nhiều người bị mê hoặc vì lý luận này. Nay, chúng ta xem trong kinh Phật, thấy mọi sự tình đều được phơi bày một cách rành rẽ, hợp lý và tuyệt nhiên không có điểm nào nhằm bịt tai bịt mắt mọi người, đó là điều rất đáng vui mừng vậy!

Thượng Nhân: Kiến giải này rất đúng. Trong Phật giáo, ai có điều gì nghi hoặc đều có thể nêu ra để được giải đáp và tuyệt nhiên không hề có sự áp đặt lòng tin đối với mọi người. Chẳng bao giờ có trường hợp giải đáp không được một điều gì thì lại nói rằng: “Đó là ý của Thiên chúa, hoặc giả đó là ý của Phật, ta không có quyền được đặt vấn đề”. Chính đức Phật cũng khuyến khích việc thưa hỏi. Việc này rất tốt bởi chúng ta không nên sống trong sự lầm lạc. Học Phật là phải hiểu đạo lý, mỗi ngày một sáng tỏ hơn, chớ không thể mê tín, nghĩa là tin một cách mê mờ, không hiểu rõ đầu đuôi, ai nói sao thì làm vậy. Học Phật là phải có con mắt chọn pháp (trạch pháp nhãn), lấy trí huệ chân chánh của mình để phân biệt cái nào là

Pháp, cái nào chẳng phải Pháp. Càng học Phật, đầu óc càng sáng tỏ, chớ không khái càng học càng trở nên hồ đồ. Cần nhận thức rõ chân lý, đó là sự khai mở trí huệ. Okay?

Này ông A-nan! Lại còn như khi các Quán đĩnh vương hàng Sát-đế-lij, tai nạn khởi lên, như là dịch nạn, nước khác xâm lấn, phản nghịch trong nước, nạn về tinh tú, sao xấu mọc ra, nhật thực nguyệt thực, mưa gió trái mùa, đến mùa chẳng mưa, các Quán đĩnh vương và Sát-đế-lij, bấy giờ đối với hết thảy hữu tình, khởi lòng từ bi, tha những tù tội, mà theo các pháp, cúng dường đã nói, cung kính cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thời thiện căn ấy và sức bổn nguyện đức Như Lai kia, khiến cho cả nước, liền được an ổn, mưa gió đúng thời, lúa cây được mùa, hết thảy hữu tình, vô bệnh mừng vui, ở trong khắp nước, không có những thần bạo ác được xoa, nã hại hữu tình, những hình tướng ác thấy đều biến mất.

Phục thứ A Nan! Nhược Sát đế li, Quán đĩnh vương đẳng, tai nạn khởi thời, sở vị nhân chúng tạt dịch nạn, tha quốc xâm bức nạn, tự giới bạn nghịch nạn, tinh tú biến quái nạn, nhật nguyệt bạc thực nạn, phi thời phong vũ nạn, quá thời bất vũ nạn, bị Sát đế li Quán đĩnh vương đẳng, nhĩ thời ưng ư nhất thiết hữu tình, khởi từ bi tâm, xá chư hệ bế, y tiền sở thuyết cúng dường chi pháp, cúng dường bị Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, do thử thiện căn, cập bị Như Lai bổn nguyện lực cố, linh kỳ quốc giới, tức đắc an ổn, phong vũ thuận thời, cốc giá thành thực, nhất thiết hữu tình vô bệnh hoan lạc, ư kỳ quốc trung vô hữu bạo ác, Dược xoa đẳng thần, nã hữu tình giả, nhất thiết ác tướng giai tức ẫn diệt.

Công đức của bộ kinh này quả là không thể nghĩ bàn. Nếu chúng ta tụng niệm kinh Bốn Nguyên Công Đức của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì có thể tránh được mọi thứ tai nạn và hết thảy loài thứ ác quỷ đều bó tay không hại được chúng ta. Bởi vậy, đức Phật lại một lần nữa bảo ông A-nan: **“Này ông A-nan! Lại còn như khi các Quán đảnh vương hàng Sát-đế-lị”**, Sát-đế-lị tức là một giai cấp Ấn độ, cũng tôn quý như giai cấp Bà-la-môn; trong hàng Sát-đế-lị thì có một Quán đảnh vương, tức là người được tấn phong thái tử, trong một buổi lễ gọi là lễ “quán đảnh”; người đó sau này sẽ lên ngôi vua.

“Tai nạn khởi lên”, khi trong nước gặp những tai nạn như hạn hán, lụt lội, gió bão; **“như là dịch nạn”**, bệnh ôn dịch gây nhiều chết chóc trong dân chúng; **“nước khác xâm lấn”**, hoặc nạn xâm lấn do nước láng giềng hay một nước khác mang quân tới, **“phản nghịch trong nước”**, hoặc giả trong nước có phần tử phiến loạn nổi lên chống lại quốc vương;

“Nạn về tinh tú, sao xấu mọc ra”, đây là nói các sao trên trời biến đổi hình dáng một cách khác thường. Có khi người ta thấy vì sao nào đó như bốc hỏa, có vì sao thì nổ tan, có khi sao băng đầy trời, hoặc trường hợp sao chổi tiến sát địa cầu. Những sự biến dạng kỳ quái này thường là nguyên nhân sanh ra các tai nạn như đao binh, hỏa tai, thủy nạn, ôn dịch lưu hành trên trái đất.

“Nhật thực nguyệt thực”, nạn nhật thực và nguyệt thực. Mặt trời hay mặt trăng đương soi sáng rồi bỗng nhiên biến mất, đó là nhật thực và nguyệt thực. Mặt trời vốn nóng, khi nhật thực thì đổi thành mát; ánh trăng thì đương mát đổi thành nóng. Đó chính là những sự tình bất thường.

“Mưa gió trái mùa, đến mùa chẳng mưa”, Chưa cần có mưa thì trời lại đổ mưa, không muốn có gió thì trời lại nổi gió. Khi mưa thì mưa lớn, còn gió thì làm đổ nhà đổ cửa. Gió mưa như vậy là trái mùa, không đúng thời tiết, là một tai nạn. Đến khi cần mưa thì lại xảy ra cảnh hạn hán, lại cũng là một cái nạn.

“Các Quán đảnh vương và Sát-đế-lị, bấy giờ đối với hết thảy hữu tình”, giữa những lúc tai nạn như vừa kể, các Sát-đế-lị cũng như vị sẽ kế thừa ngôi báu phải có lòng nghĩ tới mọi người, phải sám hối giống như vua Thang đời nhà Thương xưa, mà nói rằng: “Tôi, đứa nhỏ tên Lý, xin dâng một con trâu mộng đen, để cáo lên Hoàng Hoàng Hậu Đế”; đây là lời vua Thang tế Trời. Vua thừa lên ra sao? Vua nói đại ý rằng nếu trăm có tội thì hình phạt kia không nên giáng xuống đầu của trăm họ. Giả dụ họ có gây nên nghiệp tội, thì nhà vua phải nhận mọi trách nhiệm, bởi vua đã không biết cách giáo hóa thần dân. Vua Thang cáo trời đất và nhìn nhận mọi sự lầm lỗi của mình.

Vì ý nghĩa đó cho nên trong khi gặp nạn, các vua quán đảnh phải **“khởi lòng từ bi, tha những tù tội”**, khởi lòng từ bi mà ra lệnh ân xá cho kẻ tù tội. Họ phải tự nghĩ rằng: “vì sao những tai họa đó xảy đến? Phải chăng ta không có lòng từ bi?” Phải nghĩ như vậy, để phát tâm đại từ bi, ân xá cho những người phạm tội, đương bị tù giam, ngay cả những người đáng tội chết; **“mà theo các pháp, cúng dường đã nói, cung kính cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”**, y theo cách thức vừa nói trên để cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

“Thời thiện căn ấy và sức bốn nguyện đức Như Lai kia”, do căn lành cúng dường đức Dược Sư và cũng do sức đại nguyện của Ngài; **“khiến cho cả nước, liền được an ổn, mưa gió đúng thời”**, mà trong nước được bình an vô sự, mưa thuận gió hòa, như chúng ta thường nghe những câu: “cứ năm ngày thì gió, mười ngày thì mưa, gió không làm cây rên xiết, mưa không làm đất lở”. Lại có câu:

Thiên nhai tiểu vũ nhuận như tô

Thảo sắc dao khán cận khước vô

Tối thị nhất niên xuân hảo xứ

Tuyệt thắng yên liễu mãn hoàng đô⁴

⁴ Sơ Xuân Tiểu Vũ

Nguyên tác: Hàn Dũ

初春小雨

天街小雨潤如酥
草色遙看近卻無
最是一年春好處
絕勝煙柳滿皇都

韓愈

Sơ Xuân Tiểu Vũ

Thiên nhai tiểu vũ nhuận như tô
Thảo sắc dao khán cận khước vô
Tối thị nhất niên xuân hảo xứ
Tuyệt thắng yên liễu mãn hoàng đô

Hàn Dũ

--Dịch nghĩa--

(mưa phùn đầu xuân)

(mưa phùn làm đường đi bóng loáng)
(từ xa nhìn như có màu cỏ, lại gần chẳng có gì)
(đây là lúc đẹp nhất của mùa xuân trong một năm)
(vì khắp kinh đô các hàng liễu như mờ trong sương khói)

-- Bản dịch của SongNguyễn Hàn Tú --

Mưa Phùn Đầu Xuân

Thấm mưa đường bóng như thoa mỡ
Nhìn ngõ xa xa cỏ xanh mờ
Trong năm đẹp nhất nàng Xuân thăm
Khói ôm bóng liễu khắp hoàng đô

--Bản dịch của Nguyễn Minh--

Mưa phùn đường láng như bơ
Xa trông sắc cỏ mơ hồ lung lay
Mùa xuân đẹp nhất lúc này
Liễu trong sương khói phủ đầy thành đô

Tạm dịch:

Lát phát mưa rơi ướt tựa dầu

Xa trông làm tưởng cỏ xanh màu

Bốn mùa chỉ độc xuân là quý

Tơ liễu khói giăng khắp đế đô

Mưa nhỏ tưới xuống, trông giống như phủ lên mặt đất một lớp mỡ. Đó là loại mưa làm đất cát phì nhiêu, làm cho cỏ cây tươi tốt, chứ không phải như những trận mưa trút nước khiến cho cả khối đất bị vỡ nát cuốn trôi. Còn gió thì hiền hòa, chẳng phải là những cơn bão lốc làm đổ nhà cửa, đổ cây cối. Gió mưa thuận hòa thì **“cốc giá thành thực”**, lúa cấy thì được mùa; **“hết thủy hữu tình, vô bệnh mừng vui”**, như vậy thì hết thủy các loại hữu tình, con người cũng như mọi chúng sanh đều không bị bệnh tật, sống trong cảnh an vui; trong nước không thấy các cảnh giết người, cướp của, đốt nhà, hay những hành vi bạo lực. Nay thì ngày ngày xảy ra những việc ấy, rất là đáng ngại, cũng bởi vì chúng ta bất hạnh sanh vào thời nhiễu loạn như vậy.

“Ở trong khắp nước, không có những thần bạo ác Được xoa, nào hại hữu tình, những hình tướng ác thủy đều biến mất”, những loại ác thần như được xoa - còn gọi là tốc tật quỷ, quỷ chạy nhanh - không còn quấy nhiễu các chúng sanh, rồi hết thủy các loại hình tướng quái dị cũng đều biến mất không xuất hiện nữa.

--Vô Danh--

Mưa nhỏ bên trời óng ánh tơ
Xa gần sắc cỏ gợn hững hờ
Trong năm Xuân đẹp nơi đây nhất
Phủ khắp thành vua rạng liễu mờ.

Các Quán đảnh vương hàng Sát-đế-lị, sống lâu mạnh khỏe, vô bệnh tự tại, lợi ích đều tăng. Nay Tôn giả A-nan! Nếu mà các vị hoàng hậu hoàng phi, công chúa thái tử, vương tử đại thần, phụ tá cùng với thể nữ trong cung, các quan và dân, mắc bệnh chịu khổ, và ách nạn gì, cũng nên dựng cây phướn thần năm sắc, thắp đèn tiếp sáng, phóng sanh các loài, rải các thứ hoa, đốt các hương quý, bệnh thời khỏi hết, tai nạn giải thoát. Bấy giờ Tôn giả A-nan hỏi ngài Cứu Thoát: Bạch thiện nam tử! Tại làm sao mà mạng người đã hết, có thể tăng thêm? Ngài Cứu Thoát nói: Bạch Đại đức! Ngài há chẳng nghe Như Lai nói có chín thứ chết uổng (hoạnh tử) ư? Bởi vậy khuyên làm phướn đèn nối mạng, tu mọi phước đức. Vì tu phước đức không bị ách nạn tới lúc mạng chung.

Nhi Sát-đế-lị Quán đảnh vương đảnh, thọ mệnh sắc lực, vô bệnh tự tại, giai đắc tăng ích. A Nan! Nhược đế hậu phi chủ, trữ quân vương tử, đại thần phụ tướng, trung cung thối nữ, bách quan lê thứ, vị bệnh sở khổ, cập dư ách nạn, diệc ưng tạo lập ngũ sắc thần phan, nhiên đảnh tục minh, phóng chư sanh mạng, tán tạt sắc hoa, thiêu chúng danh hương, bệnh đắc trừ dữ, chúng nạn giải thoát.

Nhĩ thời A Nan vấn Cứu Thoát Bồ tát ngôn: Thiện nam tử, vân hà dĩ tận chi mệnh, nhi khả tăng ích?

Cứu Thoát Bồ tát ngôn: Đại đức! Nhữ khởi bất văn Như Lai thuyết hữu cửu hoạnh tử da? Thị cố khuyến tạo tục mệnh phan đảnh, tu chư phước đức, dĩ tu phước cố, tận kỳ thọ mệnh, bất kinh khổ hoạn.

“Các Quán đánh vương hàng Sát-đế-lị, sống lâu mạnh khỏe, vô bệnh tự tại, lợi ích đều tăng”, các ách nạn đều qua khỏi, các ông hoàng sát-đế-lị, được tấn phong quán đánh, ai nấy đều sống lâu, Khang kiện, được tự tại vì vô bệnh, lợi ích đều tăng.

“Này Tôn giả A-nan! Nếu mà các vị hoàng hậu hoàng phi, công chúa thái tử, vương tử đại thần, phụ tá cùng với thể nữ trong cung, các quan và dân, mắc bệnh chịu khổ, và ách nạn gì, cũng nên dựng cây phước thần năm sắc, thấp đèn tiếp sáng, phóng sanh các loài”, Này ông A-nan! Nếu các hoàng hậu, hoàng phi, công chúa, trù quân - tức là thái tử, người kế vị ngôi báu - các vương tử, các vị đại thần hoặc quan phụ tá, các thể nữ trong cung, hết thấy các quan cho đến thứ dân, vì bệnh hoạn mà đau khổ, hoặc giả vì các ách nạn khác, thời cũng phải dựng phước thần năm sắc, đốt bốn mươi chín ngọn đèn, tiếp sáng luôn luôn không để đèn tắt, bày trước bảy pho tượng đức Dược Sư, rồi phải phóng sanh các loại, những chúng sanh sắp sửa phải chết.

“Rải các thứ hoa, đốt các hương quý, bệnh thời khỏi hết, tai nạn giải thoát”, rải các loại hoa để cúng dường đức Dược Sư, đốt các loại hương quý như trầm thủy hương, trầm hương, đàn hương, chiên đàn hương loại nhãn “ngưu đầu” v.v.. Dược vậy, mọi thứ bệnh đều hết, các thứ tai nạn đều được giải trừ.

“Bấy giờ Tôn giả A-nan hỏi ngài Cứu Thoát:”, lúc bấy giờ Tôn giả A-nan lại hỏi Bồ tát Cứu Thoát; Ngài đại diện các chúng sanh mà hỏi thật kỹ càng: **“Bạch thiện nam tử! Tại làm sao mà mạng người đã hết, có thể tăng thêm?”** Bạch Thiện nam tử! Có làm sao người ta đã tới lúc tận mạng, mà đời sống còn được kéo dài thêm, sức khỏe còn được tốt thêm, lợi ích được cả hai đàng như vậy? Đó là điều khó hiểu.

“Ngài Cứu Thoát nói: Bạch đại đức! Ngài há chẳng nghe Như Lai nói có chín thứ chết uổng ư? Bồ-tát Cứu Thoát đáp lại như sau: Này Đại đức! Chẳng lẽ Tôn giả chưa được nghe đức Như Lai nói về chín loại chết uổng (hoạn tử) do

các tai vạ bất ngờ xảy đến hay sao? **“Bởi vậy khuyên làm phước đèn nôi mạng, tu mọi phước đức. Vì tu phước đức không bị ách nạn tới lúc mạng chung”**, bởi các lễ ấy, kinh Phật mới khuyên các chúng sanh phải sắm phước và đèn, tu mọi phước đức. Bởi sắm sửa các thứ cúng dường và làm những việc phước đức nên cuộc đời của họ chẳng gặp khổ nạn, không bị các cảnh chết uổng vì tai bay vạ gió.

A-nan hỏi rằng: Chín loại chết uổng là như thế nào? Bồ-tát Cứu Thoát **đáp lại như sau: Nếu các hữu tình, bệnh tuy không nặng, nhưng không gặp** **thầy, và không có thuốc, hoặc có gặp thầy, lại bị lầm thuốc, bệnh không đáng** **chết, mà bị chết uổng; lại như tin theo bọn thầy yêu nghiệt, tà ma ngoại đạo,** **nói bậy họa phước, sinh ra sợ hãi, lòng những hoang mang, coi bói tìm họa,** **giết các chúng sanh, để cầu thần giúp, gọi các yêu quái, nhờ chúng phù hộ,** **kéo dài mạng sống, rốt cuộc chẳng được, ngu si mê hoặc, tin điều tà vạy, đầu** **óc điên đảo, bèn chết bất kỳ, đọa vào địa ngục, chẳng biết ngày ra, đây là thứ** **nhất trong loại chết uổng.**

A Nan vấn ngôn: Cứu hoạnh vân hà? Cứu Thoát Bồ tát ngôn: Nhược chư hữu tình, đắc bệnh tuy khinh, nhiên vô y dược, cập khán bệnh giả, thiết phục ngô y, thọ dĩ phi dược, thực bất ưng tử, nhi tiện hoạnh tử; hựu tín thế gian tà ma ngoại đạo yêu nghiệt chi sư, vọng thuyết họa phước, tiện sinh khủng động, tâm bất tự chánh, bốc vấn mạch họa, sát chúng chủng chúng sanh, giải tẩu thần minh, hô chư võng lượng, thỉnh khất phước hựu, dục ký diên niên, chung bất năng đắc, ngu si mê hoặc, tín tà đảo kiến, toại linh hoạnh tử, nhập ư địa ngục, vô hữu xuất kỳ, thị danh sơ hoạnh.

“A-nan hỏi rằng: Chín loại chết uổng (hoạnh tử) là như thế nào?” ở trên ông A-nan có nghe nói tới chín lối chết uổng, nên ông hỏi thêm cho mọi người được biết một cách rành rẽ. Ông hỏi: Chín loại chết uổng là những loại nào?

“Bồ-tát Cứu Thoát đáp lại như sau: Nếu các hữu tình, bệnh tuy không nặng, nhưng không gặp thầy, và không có thuốc”, Bồ-tát Cứu Thoát nói: như trường hợp các chúng sanh tuy mắc bệnh nhẹ, ví dụ cảm mạo vì gió, chẳng hạn, ho hay đau sơ sơ, nhưng không kiếm ra thuốc để điều trị, hoặc không có thầy thuốc đến trị bệnh cho.

“Hoặc có gặp thầy, lại bị lầm thuốc, bệnh không đáng chết, mà bị chết uổng”, hoặc gặp được thầy thuốc thì trúng phải thầy thuốc dở, cho thuốc không đúng bệnh, kết quả bệnh không đáng chết mà bị chết uổng. Ví dụ như con bệnh đau bụng lại cho thuốc chữa mắt, hay vốn đau cổ họng lại cho thuốc đau đầu. Những loại y sĩ đó, nếu cho trị bịnh thì bịnh nhân chỉ có chóng chết mà thôi; **“lại như tin theo bọn thầy yêu nghiệt, tà ma ngoại đạo”**, lại còn tin theo bói toán, đoán số mạng, thuyết phong thủy v.v.. đó là những thuật của bàng môn, ngoại đạo; **“nói bậy họa phước, sinh ra sợ hãi”**, tin bọn thầy bùa quỷ quái, nói bậy bạ những điều họa phước, nên sinh lòng hoảng kinh. Đại khái họ nói những câu: “Cái này ghê lắm! Ông có thể bị tai nạn xe hơi đây! Trong vòng một trăm ngày, nhớ đừng có ra khỏi nhà nghe!” hoặc giả: “Áy! Bà phải coi chừng, chồng bà ngoại tình đây!” Toàn là những giọng điệu làm cho mọi người đương sợ hãi lại càng sợ thêm. Dọa người ta như vậy là họ muốn gì đây? Ý họ là thúc mọi người mau mau nhờ họ giúp đỡ.

- Đây rồi! Tôi có cách này. Quý vị chỉ cần đưa cho tôi hai trăm ngàn, tôi có thể giải trừ hết tai nạn.

“Lòng những hoang mang, coi bói tìm họa”, bởi tâm hoang mang, mới đi coi bói toán, tìm thầy để hỏi: “Nhờ thầy coi giúp, khí sắc của tôi ra sao? Liệu tôi có gặp chuyện gì rắc rối không?” Thầy nói:

- Không sao! Đưa cho tôi ba trăm.

Mất ba trăm thì tai qua nạn khỏi. Thầy bói dặn phải làm những thứ gì?

- Đi kiếm cho tôi một con mèo! Giết một con mèo thì hết nạn.

“Giết các chúng sanh, để cầu thần giúp, gọi các yêu quái, nhờ chúng phù hộ”, họ xúi biểu như vậy đó! Xúi biểu giết hại chúng sanh, giết mèo giết chuột, họ nói để làm công đức cúng dường Diêm vương, để Diêm vương xá tội cho. Họ còn kêu các loài yêu quái, loại quỷ đầu trâu, mặt ngựa, nói là để nhờ chúng phù hộ cho khỏi bị tử vong.

“Kéo dài mạng sống, rút cuộc chẳng được”, đâu có muốn kéo dài tuổi thọ, nhưng đâu có làm được. Đó chính là: **“ngu si mê hoặc, tin điều tà vạy, đầu óc điên đảo”**, chỉ là một sự ngu si, u tối, tin điều càn rỡ, điên đảo; **“bèn chết bất kỳ, đọa vào địa ngục, chẳng biết ngày ra, đây là thứ nhất trong loại chết uổng”**, không những không khỏi bệnh mà còn mau chết, sau đó còn bị đọa địa ngục, chưa biết ngày nào mới ra khỏi được. Đó là kết quả của tà kiến, muốn sống thêm nên đã làm hại kẻ khác. Đây là loại chết uổng (*hoạnh tử*) thứ nhất.

Hai là luật vua, bắt tội tử hình, ba là săn bắn, làm thú vui chơi, hoặc mê tửu sắc, chơi bời vô độ, bị loài phi nhân, đoạt mất tinh khí, bốn là hỏa tai, năm bị chết đuối, sáu là các loại ác thú cắn chết, bảy là sảy chân từ các vách núi, tám bị thuốc độc, bị phải bùa ngải, hoặc quỷ thầy ma, chín là gặp cảnh đói khát mà chết. Đó là chín loại, Như Lai đã nói. Ngoài ra chết uổng còn nhiều loại nữa không thể kể hết.

Nhị giả, hoạnh bị vương pháp chi sở tru lục. Tam giả, điền liệt hi hí, đam dâm thị tửu, phóng dật vô độ, hoạnh vi phi nhân đoạt kỳ tinh khí. Tứ giả, hoạnh vi hỏa phần. Ngũ giả, hoạnh vi thủy nịch. Lục giả, hoạnh vi chủng chủng ác thú sở đam. Thất giả, hoạnh đọa sơn nhai. Bát giả hoạnh vi độc dược, yếm đảo chú trớ, khởi thi quý đẳng chi sở trúng hại. Cửu giả, cơ khát sở khốn, bất đắc ẩm thực, nhi tiện hoạnh tử. Thị vị Như Lai lược thuyết hoạnh tử, hữu thử cửu chủng, kỳ dư phục hữu vô lượng chư hoạnh, nan khả cụ thuyết.

Phần trên nói về trường hợp chết uổng vì đau ốm mà không gặp thầy, không có thuốc, hoặc được thầy thuốc trị bệnh nhưng lại cho làm thuốc, châm cứu hay mổ xẻ không đúng cách mà phải mạng vong. Bây giờ, nói đến **“hai là luật vua, bắt tội tử hình”**, loại thứ hai là trường hợp những người, chẳng biết có tội hay không có tội, chẳng biết oan hay ung, nhưng bị pháp luật xử phải chết. Chẳng qua đây là quả báo, cái quả của chín loại chết uổng.

“Ba là săn bắn, làm thú vui chơi”, thứ ba nói đến những kẻ săn bắn, đi vào núi săn hươu, nai, các con thú rừng, hoặc giả bắn các thú chim, coi đó là một thú tiêu khiển, hoặc là những kẻ **“ham mê tửu sắc, chơi bời vô độ, bị loài phi nhân, đoạt mất tinh khí”**, tham đắm sắc dục, không biết tiết chế, còn rượu thì uống vô chừng, đến khi đã say còn lái xe, rủ xe gặp nạn thì mình cũng uổng mạng. Bởi không có chừng mực, không biết tự chế, nên dễ bị các loài phi nhân cướp mất tinh khí. *Phi nhân* là chỉ các giống yêu tinh, như sơn tinh thủy quái; chúng chẳng kể gì đạo lý, chúng đoạt lấy tinh khí của người để tu luyện nhằm kéo dài sanh mạng của chúng.

“Bốn là hỏa tai”, thứ tư là chết vì lửa đốt, có thể là cháy nhà rồi bị nạn.

“Năm bị chết đuối”, thứ năm là chết đuối.

“Sáu là các loại ác thú cắn chết”, thứ sáu là trường hợp bị ác thú cắn, hoặc giả bị chó sói ăn thịt, bị hổ vồ, bị rắn cắn.

“Bảy là sẩy chân từ các vách núi”, thứ bảy là sẩy chân trên vách đá và rớt xuống chết uổng.

“Tám bị thuốc độc, bị phải bùa ngải, hoặc quỷ thân ma”, thứ tám là những trường hợp như uống phải chất độc, hoặc bị người ta làm pháp yểm. Đại khái pháp yểm như sau: người ta làm một hình nộm bằng rơm, lấy một tờ giấy ghi rõ giờ, ngày, tháng và năm sanh của nạn nhân rồi dán vào hình nộm. Sau đó người ta bắn tên vào người nộm, cứ như vậy trong suốt một trăm ngày thì nạn nhân sẽ chết; có người mắc bùa chú cũng bị chết uổng (hoạnh tử); đây là tà chú, khi niệm những chú đó để làm hại người nào thì tâm thần của nạn nhân không còn làm chủ được mình, thường thường đi tới chỗ tự sát; lại có những câu chú sai khiến con quỷ dựng được các thân ma đứng dậy rồi đi lại trong đêm khuya, đó là trường hợp quỷ thân ma (thi quỷ).

“Chín là gặp cảnh đói khát mà chết”, thứ chín là chết vì đói khát. Đói mà không có gì để ăn, khát không có gì để uống, bởi cơ sự đó mà bị chết uổng.

“Đó là chín loại, Như Lai đã nói. Ngoài ra chết uổng còn nhiều loại nữa không thể kể hết”, đó là những điều Phật tóm lược về chín loại chết uổng, còn như nói rộng ra nữa thì còn nhiều các nạn khác, không sao kể cho đủ được.

Nói về chín loại chết uổng (*hoạnh tử*) thì ngày nay trên thế gian không thiếu gì nạn nhân đã mắc phải cảnh này. Đó chẳng phải là điều ngẫu nhiên, mà là kết quả của những hành động coi thường nhân quả của họ ngày trước. Tỷ dụ trường hợp uống lầm thuốc chẳng hạn. Cớ làm sao lại xảy ra chuyện đó? Chính là trong một kiếp nào đó, họ đã dùng thuốc độc để hại người. Đã từng gieo cái nhân hại người như vậy thời kiếp này phải chết uổng vì lầm thuốc, vì giải phẫu không đúng cách, vì châm cứu sai.

Lại như kẻ tử tội. Đây là do phán quyết của luật pháp. Lý ung pháp luật phải công bằng, nhưng trong trường hợp chết uống này thì có thể là oan, nên cho tới lúc chết mà nạn nhân cũng không biết lý do tại sao.

Thứ ba nói về thú đi săn. Người ta kéo vào núi để săn bắn. Các loại cầm thú đều chạy một cách điên cuồng, chạy thực mạng, nhưng không chạy khỏi cái chết. Ai mà nhẫn tâm khi chúng kiến thảm trạng như vậy! Lại coi đó là một thứ tiêu khiển, lấy sanh mạng chúng sanh làm trò du hí, thực là vô lý hết sức! Lại như đam mê tử sắc, ham rượu và sắc dục một cách phóng dăng quá độ, dẫn tới sự say sưa, mất tự chủ rồi làm môi cho loại phi nhân. Phi nhân nghĩa là không phải giống người, là loại yêu quái, chuyên hút lấy tinh khí của người. Một khi quý vị bị đoạt tinh khí thì quý vị đã mất hết “xăng nhớt” (gasoline) của quý vị rồi còn gì!

Thứ tư là hỏa tai, nạn nhân bị lửa thiêu chết. Nguyên nhân nào vậy? Chỉ vì trước đây quý vị thích ăn thịt “barbecue”, thịt nướng. Nướng thịt kẻ khác thì bây giờ mình bị nướng lại.

Thứ năm là thủy tai, bị chết đuối. Đó là quả báo về những hành động thuo trước đã chìm các sinh linh chết ngộp dưới nước. Tỷ dụ quý vị cho đàn kiến chết chìm dưới nước, rồi một ngày nào đó đích thân quý vị cũng sẽ có dịp được thí nghiệm cảnh bị chìm dưới nước nó ra sao. Lúc đó, khi bị nếm mùi rồi, thân quý vị chìm sâu dưới nước, quý vị chỉ còn uống nước cho bụng quý vị trương lên, vậy là xong cuộc đời.

Thứ sáu là bị ác thú cắn. Quả báo này phát sinh từ kiếp xưa ở cái nét độc ác thích ăn thịt các loài dã thú như chồn, óc khi, chân gấu nướng trên lửa v.v.. nên kiếp này bị dã thú ăn thịt lại. Lại nói ăn cá, phải chọn cá còn đương quậy nhẩy, ăn tươi như vậy mới ngon! Kết quả bây giờ mới đổi thành nạn nhân của các con thú. Súc vật cũng có loại ngôn ngữ của súc vật và biết đâu, khi ăn thịt nạn nhân chúng cũng nhắm nháp, khen ngon: “Ồ! Thịt anh này ngon ghê! Món tiết canh cũng ngon nữa!” Và chúng cũng xúm lại tranh nhau ăn.

Thứ bảy là sẩy chân nơi vách núi. Có làm sao ra cơ sự này? Đó là quả báo của hành động cướp giết năm xưa. Lấy túi tiền của người ta chưa đủ, còn thừa lúc sơ ý, xô người ta xuống vực sâu. Tôi có một số người bạn đồng học hồi đó cũng có người bị kẻ gian xô xuống vách núi, may mà họ tin Phật nên không bị rớt xuống vực sâu. Sau đó họ leo lên được thoát nạn. Chuyện này tôi biết rõ lắm.

Thứ tám là bị đầu độc. Lý do chết uổng này là do kiếp trước quý vị đã tìm cách đầu độc người khác, quý vị muốn không chế người ta, nay thì quý vị bị người khác không chế lại. Chúng ta có câu: “nhân nào thì quả ấy”, quý vị gây ra nghiệp nào thì lãnh quả của nghiệp ấy. Bởi vậy cho nên mới xảy ra chuyện bùa ếm. Người ta làm những hình nộm, trong đó họ để sợi tóc hay móng tay của nạn nhân, hay họ ghim một tờ giấy trên có ghi tám chữ (bát tự) thuộc về năm sanh, tháng sanh, ngày sanh và giờ sanh của nạn nhân (theo âm lịch, năm tháng ngày giờ đều được ghi bằng can và chi như Giáp tý, Ất sửu v.v.). Người ta trù ếm bằng cách bắn tên, hoặc đốt, hoặc chôn hình nộm này, đại khái tượng trưng cách chết uổng của nạn nhân.

Còn quỷ thân ma (thi quỷ) là nói tới trường hợp có người niệm chú làm cho một thân ma đứng dậy và làm theo đúng sự sai khiến của người đó, ví dụ họ nói như sau: “Vào đêm nay, ngươi phải đi cho ta một trăm dặm, ta sẽ có mặt ở chỗ ấy, chỗ ấy... đợi ngươi”. Dưới hiệu lực của câu chú thân ma cứ theo đúng lệnh, đứng dậy rồi đi giống như một người còn sống vậy.

Loại thứ chín là chết đói, chết khát, chết lạnh, chết nóng. Có những địa phương gặp nạn đói, không có gì để ăn, nên rất đông người bị đói mà chết. Những người đó cứ há miệng ra cười khanh khách, họ cười xong là chết. Tại sao họ cười vậy? Như là họ muốn nói: “Bà con hãy coi tôi đây! Kiếp xưa tôi đã bỏ đói mọi người nên bây giờ tôi gặp quả báo này. Các người biết chưa?” Đại khái là như vậy, họ muốn bảo: “Các người hãy coi tôi làm gương, đừng có bắt chước tôi.” Thật là nhân nào quả ấy, không sai mấy may.

Lại nữa A-nan! Vua Diêm-ma ấy, giữ sổ danh bộ, của người thế gian, nếu các hữu tình, bất hiếu ngũ nghịch, làm xấu Tam Bảo, hại phép quân thần, hủy điều tín giới, thời vua Diêm-ma, tùy tội nặng nhẹ, xét hỏi xử phạt, bởi vậy nay ta, khuyên các hữu tình, đốt đèn dựng phướn, phóng sanh tu phước, để vượt ra khỏi khổ ách tai nạn.

Bấy giờ trong chúng, có mười hai vị đại tướng được xoa, cùng ngồi trong tòa, đó là: Đại tướng Cung Tỳ La, Đại tướng Phật Chiết La, Đại tướng Mê Xi La, Đại tướng An Đề La, Đại tướng Ngạch Nễ La, Đại tướng San Đề La, Đại tướng Nhân Đạt La, Đại tướng Ba Di La, Đại tướng Ma Hồ La, Đại tướng Chân Đạt La, Đại tướng Chiêu Đổ La, Đại tướng Tỳ Yết La; đó là mười hai đại tướng được xoa, mỗi vị kèm theo bảy ngàn được xoa, là những quyền thuộc, tất cả đồng thanh, cùng bạch Phật rằng: Thế Tôn! Ngày nay chúng con, nhờ oai lực Phật, được nghe danh hiệu Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nên không còn sợ các nẻo đường ác. Tất cả chúng con đều cùng một lòng, cho tới hết đời, quy Phật Pháp Tăng, thề xin giúp đỡ hết thảy hữu tình, lợi ích an lạc. Chẳng kể ở đâu, làng hay thành thị, các nước các ấp, trong chốn rừng hoang, nếu có kinh này, lưu truyền ở đấy, hoặc như có người thọ trì danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cung kính cúng dường, quyền thuộc chúng tôi, phù hộ người đó, giúp họ giải thoát hết mọi tai nạn, những điều nguyện cầu, cũng cho toại nguyện. Hoặc người nào muốn, thoát khỏi các thứ tật ách thời nên đọc tụng kinh này, lấy chỉ năm sắc, kết tên chúng tôi, khi nào toại nguyện mới gỡ môi chỉ.

Phục thứ A Nan! Bỉ Diêm ma vương, chủ lĩnh thế gian danh tịch chi ký, nhược chư hữu tình, bất hiếu ngũ nghịch, phá nhục Tam Bảo, hoại

quân thần pháp, hủy ư tín giới, Diêm ma pháp vương, tùy tội khinh trọng, khảo nhi phạt chi, thị cố ngã kim khuyến chư hữu tình, nhiên đặng tạo phan, phóng sanh tu phước, linh độ khổ ách, bất tạo chúng nạn.

Nhĩ thời chúng trung hữu thập nhị Dược Xoa đại tướng, câu tại hội tòa, sở vị: Cung Tỳ La đại tướng, Phạt Chiết La đại tướng, Mê Xi La đại tướng, An Để La đại tướng, Ngạch Nễ La đại tướng, San Để La đại tướng, Nhân Đạt La đại tướng, Ba Di La đại tướng, Ma Hổ La đại tướng, Chân Đạt La đại tướng, Chiêu Đổ La đại tướng, Tỳ Yết La đại tướng, thử thập nhị Dược Xoa đại tướng, nhất nhất các hữu thất thiên Dược Xoa, dĩ vi quyền thuộc, đồng thời cử thanh bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đặng kim giả, mông Phật uy lực, đặc văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, bất phục cánh hữu ác thú chi bố, ngã đặng tương suất, giai đồng nhất tâm, nãi chí tận hình, quy Phật Pháp Tăng, thệ đương hà phụ nhất thiết hữu tình, vị tác nghĩa lợi, nhiều ích an lạc, tùy ư hà đặng thôn thành quốc ấp, không nhàn lâm trung, nhược hữu lưu bố thử kinh, hoặc phục thọ trì Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, cung kính cúng dường giả, ngã đặng quyền thuộc, vệ hộ thị nhân, giai sử giải thoát nhất thiết khổ nạn, chư hữu nguyện cầu, tất linh mãn túc, hoặc hữu tạt ách, cầu độ thoát giả, diệc ưng độc tụng thử kinh, dĩ ngũ sắc lữ, kết ngã danh tự, đặc như nguyện dĩ, nhiên hậu giải kết.

“Phục Lại nữa A-nan! Vua Diêm-ma ấy, giữ sổ danh bộ, của người thế gian”, ông A-nan! Lại còn điều này nữa, ông vua Diêm-la kia quản lý các danh bộ của người thế gian, cả danh bộ dương và danh bộ âm; **“nếu các hữu tình, bất hiểu ngũ nghịch”**, nếu những ai ăn ở không hiếu thảo với cha mẹ, phạm mười điều ác,

hoặc phạm tội ngũ nghịch. Ngũ nghịch là sao? Đó là các tội: giết cha là một, giết mẹ là hai, giết thầy là ba - giết thầy cũng như giết A-la-hán - phá sự hoà hợp của Tăng đoàn là bốn và làm chảy máu Phật là năm.

Giết sư phụ của mình là một tội trong ngũ nghịch. Tôi giảng cho quý vị nghe như vậy thì tôi dám chắc không ai dám giết tôi đâu. Giết A-la-hán cũng được coi như tội ngũ nghịch thứ ba này. Bây giờ đến tội phá hòa hợp Tăng, có thể lấy thí dụ như sau: trong đạo tràng các Tăng chúng đương sống trong sự yên ổn, hoan hỷ, quý vị đến nơi ấy phá hoại sự an lạc của họ. Còn tội làm chảy máu Phật thì nay Phật không còn trụ thế, tội này bao gồm những hành động như phá hủy hình và tượng của Phật, hoặc giả đập bẻ tượng Phật bằng đất, đốt tượng Phật bằng gỗ, như vậy gọi là làm chảy máu Phật. Đây chỉ kể những việc làm cố ý. Nếu chỉ vì vô ý mà gây nên sự hư hại đến tượng Phật thì không có tội. Quý vị nên lưu ý điểm này, về sau đừng có hồ đồ la hoảng lên: “Tôi làm bẻ tượng Phật mất rồi, làm sao bây giờ? Tôi có bị đọa địa ngục không? Sư phụ ơi! Cứu con với!” Cái đó là very stupid! (quá ngu ngốc).

“**Làm xấu (phá nhục) Tam Bảo**”, gây điều tiếng xấu cho Tam Bảo, đại khái nói những câu: “Phật là mê tín, người nào tin Phật là mê tín. Mấy người xuất gia chẳng tu gì hết, chẳng giữ giới gì cả. Ô! Những kinh điển bảo là do Phật nói, toàn là đòi sau nguy tạo cả”. Đó là những hành động “*phá nhục Tam Bảo*”; **“hại phép quân thần, hủy điều tín giới”**, làm hại nghĩa vua tôi, hủy hoại tín giới, tức là sự ngay thẳng. Tỷ dụ bảo rằng: “Chẳng cần thủ tín làm gì, cứ nói dối đại đi! Chỉ lần này thôi!” Đại khái là như vậy xúi biều người khác nói láo, chẳng giữ sự trung thực.

“**Thời vua Diêm-ma, tùy tội nặng nhẹ, xét hỏi xử phạt**”, vua Diêm-la lúc đó sẽ tùy theo tội nặng hay nhẹ, xem xét rồi xử phạt kẻ có tội; **“bởi vậy nay ta, khuyên các hữu tình, đốt đèn dựng phướn, phóng sanh tu phước, để vượt ra khỏi khổ ách tai nạn”**, bởi vậy ta nay khuyên các hữu tình nên đốt đèn, bốn mươi

chín ngọn, dựng phướn trường thọ, rồi phóng sanh các loại đê tu phước, khiến cho các khổ ách sẽ được vượt qua, không còn gặp tai nạn gì nữa.

“Bấy giờ trong chúng, có mười hai vị đại tướng được xoa, cùng ngồi trong tòa”, lúc bấy giờ trong chúng có mười hai vị đại tướng được xoa, tức quý dạ-xoa loài quý chạy nhanh, cùng có mặt tại pháp hội; **“đó là”**:

“Cung Tỳ La đại tướng, chữ “la” có khi đọc là “loa”

Phạt Chiết La đại tướng,

Mê Xi La đại tướng,

An Đề La đại tướng,

Ngạch Nễ La đại tướng,

San Đề La đại tướng,

Nhân Đạt La đại tướng,

Ba Di La đại tướng,

Ma Hổ La đại tướng,

Chân Đạt La đại tướng,

Chiêu Đổ La đại tướng,

Tỳ Yết La đại tướng” ,

“Đó là mười hai đại tướng được xoa, mỗi vị kèm theo bảy ngàn được xoa, là những quyến thuộc, tất cả đồng thanh:”, đó là mười hai vị đại tướng được xoa, mỗi vị có một đoàn quyến thuộc là bảy ngàn được xoa, tất cả đều đồng thanh bạch lên Phật rằng: **“Thế Tôn! Ngày nay chúng con, nhờ oai lực Phật, được nghe danh hiệu Thế Tôn Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai”**, bạch Thế Tôn! Chúng con nay nhờ oai lực của Phật, được nghe đến danh hiệu của đức Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai; **“nên không còn sợ các nẻo đường ác”**, do đó chúng con không còn sợ rơi vào các cảnh giới ác nữa (tam ác đạo); **“Tất cả chúng con đều cùng một lòng, cho tới hết đời, quy Phật Pháp Tăng, thề xin giúp đỡ hết thảy hữu tình, lợi ích an lạc”**, chúng con tất cả đều cùng một lòng quy Phật Pháp

Tặng cho đến hết đời và thề xin gánh vác việc giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ họ, mang cho họ nhiều lợi ích để họ được sống trong sự yên ổn và hoan lạc.

“Nếu có kinh này, lưu truyền ở đây, hoặc như có người thọ trì danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai”, bất kể nơi nào, ở thôn trang, thành thị, các nước, các ấp, hoặc giả trong rừng hoang vắng, nếu ở những nơi đó có lưu truyền kinh này, hoặc có người thọ trì danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; **“cung kính cúng dường, quyến thuộc chúng tôi, phù hộ người đó, giúp họ giải thoát hết mọi tai nạn”**, và cung kính cúng dường, thì quyến thuộc chúng con sẽ che chở cho họ, giúp họ giải thoát khỏi mọi khổ nạn.

“Những điều nguyện cầu, cũng cho toại nguyện”, những điều gì họ cầu mong đều giúp cho họ toại nguyện; **“hoặc người nào muốn, thoát khỏi các thứ tật ách thời nên đọc tụng kinh này, lấy chỉ năm sắc, kết tên chúng tôi, khi nào toại nguyện mới gỡ mối chỉ”**, hoặc giả khi gặp tật bệnh mà muốn vượt qua thì nên đọc tụng kinh này, nghĩa là kinh Bốn nguyện Công Đức của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly quang Như Lai, lấy chỉ năm màu (ngũ sắc), kết thành tên của chúng tôi. Khi nào toại nguyện thì mới gỡ mối chỉ ra.

Đây cũng là một loại pháp chú. Pháp chú chẳng phải nhất định thuộc Mật tông. Những người theo Mật tông cố ý huyền bí hóa tông của họ nên mới lấy tên là Mật tông. Sự thật chú có nghĩa là chú nguyện, một sự nguyện cầu hay cầu đảo. Chỉ năm sắc thì tượng trưng cho năm phương hướng, mỗi phương hướng có một ma vương. Khi năm sợi chỉ kết lại thành một mối thì nó mang biểu hiện của sự an ổn đến cho những tình trạng bất an ổn. Chỗ này các vị đại tướng được xoa phát nguyện rằng nếu có người dùng chỉ năm màu kết thành tên của họ thì họ sẽ làm cho lời cầu nguyện của người đó được thỏa mãn.

Khi được thỏa nguyện rồi thì nên gỡ các mối chỉ ra, theo ý nghĩa là thỉnh thần đến thì có lúc phải tiễn thần đi. Nếu cứ giữ mãi các mối kết chỉ thì thần được xoa vẫn cứ ở nguyên tại chỗ, khiến cho thần không được tự do. Khi đã được tai qua

nạn khỏi thì chúng ta đừng có tham, cố giữ họ lại, cái đó không tốt. Bởi vậy họ mới nói khi nào hết cần thì gỡ mỗi chỉ ra.

Bấy giờ Thế Tôn tán dương các vị Đại tướng được xoa: Tốt lắm! Tốt lắm! Đại tướng được xoa! Các ông báo đáp ơn đức Thế Tôn Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thường nên như vậy lợi ích an lạc cho khắp hữu tình.

Nhĩ thời Thế Tôn tán chư được xoa Đại tướng ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Đại được xoa tướng, nhữ đẳng niệm báo Thế Tôn Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai ân đức giả, thường ưng như thị lợi ích an lạc nhất thiết hữu tình.

“Bấy giờ Thế Tôn tán dương các vị Đại tướng được xoa: Tốt lắm! Tốt lắm! Đại tướng được xoa!”, lúc bấy giờ, đức Phật nghe các Đại tướng được xoa phát nguyện như vậy nên khen rằng: Tốt lắm! Tốt lắm; **“Các ông báo đáp ơn đức Thế Tôn Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thường nên như vậy lợi ích an lạc cho khắp hữu tình”**, đức Phật bảo mười hai ông Đại tướng được xoa rằng: các ông không quên ân đức của đức Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai, muốn báo đáp ân đức đó, thời phải luôn luôn nhớ lời phát nguyện này mà mang lại lợi ích an lạc cho mọi hữu tình, cho họ lìa khổ được vui.

Nhĩ thời A Nan bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Đương hà danh thủ pháp môn? Ngã đẳng vân hà phụng trì? Phật cáo: A Nan! Thủ pháp môn danh thuyết '*Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bốn Nguyện Công Đức*', diệc danh thuyết '*Thập Nhị Thần Tướng Nhiều Ích Hữu Tình Kết Nguyện Thần Chú*;

diệt danh 'Bạt Trừ Nhất Thiết Nghiệp Chướng', ứng như thị trì. Thời Bạc Già Phạm thuyết thị ngữ dĩ, chư Bồ tát ma-ha-tát, cập đại Thanh văn, quốc vương, đại thần, bà-la môn, cư sĩ, thiên long dược xoa, kiện thất phược, a-tổ-lạc, yết lộ trà, khẩn nại lạc, mạc hô lạc già, nhân phi nhân đẳng, nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

Bấy giờ A-nan bạch đức Phật rằng: Thế Tôn! Pháp môn này nên đặt tên là gì, và chúng con phải phụng trì ra sao? Phật bảo A-nan: Pháp môn này gọi là pháp nói 'Những Công Đức Bốn Nguyện Của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai', cũng gọi là pháp nói 'Thần Chú Kết Nguyện Của Mười Hai Vị Thần Tướng Lợi Ích Hữu Tình', cũng gọi là pháp 'Bạt Trừ Hết Thấy Mọi Thứ Nghiệp Chướng', phải nên phụng trì theo cách như vậy. Khi Bạc-già-phạm nói lời ấy rồi, các đại Bồ-tát và đại Thanh văn, quốc vương, đại thần, bà-la-môn, cư sĩ, thiên long, dược xoa, kiện-thất-phược, a-tổ-lạc, yết-lộ-trà, khẩn-nại-lạc, mạc-hô-lạc-già, nhân và phi nhân, hết thấy đại chúng, nghe lời Phật nói, đều vui mừng lớn, tin nhận phụng hành.

"Bấy giờ A-nan bạch đức Phật rằng: Thế Tôn!" lúc bấy giờ, sau khi đức Phật nói những lời tán thán các vị Đại tướng dược xoa, thì vị Tôn giả Khánh Hỷ, tức là Đại đức A-nan, mới bạch lên Phật rằng: **"Pháp môn này nên đặt tên là gì?"**, Kinh này gọi là kinh gì? Pháp môn là pháp môn gì? Tên của kinh này nên đặt là gì? **"Chúng con phải phụng trì ra sao?"**, chúng con phải thọ trì và đọc tụng Kinh này như thế nào?

"Phật bảo A-nan: Pháp môn này gọi là pháp nói 'Những Công Đức Bốn Nguyện Của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai'", đức Phật từ bi bảo Tôn giả A-nan rằng tên của kinh này gọi là công đức các lời nguyện kiếp xưa, tức bốn

nguyện của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; **“cũng gọi là pháp nói ‘Thần Chú Kết Nguyện Của Mười Hai Vị Thần Tướng Lợi Ích Hữu Tình’**”, cũng có thể gọi là những lời nguyện của mười hai vị thần tướng dược xoa, dùng chú **“Dược Sư Quán Đảnh Chân-ngôn”** nhằm lợi ích cho các hữu tình; **“cũng gọi là pháp ‘Bạt Trừ Hết Thấy Mọi Thứ Nghiệp Chướng’**”, cũng gọi là bạt trừ hết thấy mọi nghiệp chướng; **“phải nên phụng trì theo cách như vậy (ung như thị trì)”**, theo đúng như vậy mà thọ trì.

“Khi Bạc-già-phạm”, lúc ấy, đức Bạc-già-phạm, đây là một danh hiệu khác của Phật; **“nói lời ấy rồi, các đại Bồ-tát và đại Thanh văn”**, nói xong những lời trên, các Bồ-tát ma-ha-tát - tức là các đại Bồ tát trong hàng Bồ tát - cùng các đại Thanh văn, tức các vị tu pháp Tứ đế: Khô, Tập, Diệt, Đạo, tức nói các vị trong hàng A-la-hán; **“quốc vương, đại thần, bà-la-môn”**, vua, quan và ba-la-môn, tức hàng quý tộc, **“cư sĩ, thiên long dược xoa”**, các cư sĩ có đức hạnh, trời, rồng, dạ xoa, cùng với: **“kiện-thát-phước, a-tổ-lạc, yết-lộ-trà, khản-nại-lạc, mạc-hô-lạc-già”**, tức là càn-thát-bà, a-tu-la, khản-na-la, ca-lâu-la, ma-hầu-la-già; **“nhân phi nhân đấng”**, người và những loại không phải là người; **“hết thấy đại chúng, nghe lời Phật nói, đều vui mừng lớn, tin nhận phụng hành”**, hết thấy đại chúng trong pháp hội, nghe Phật nói Kinh *Công Đức Các Bốn Nguyện Của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai*, đều vui mừng khôn xiết, hết lòng tin lời Phật dạy để thọ trì và tuân hành.

※※※ ※※※ ※※※

Như vậy là tối hôm nay đã lược giảng xong bộ Kinh *Công Đức Các Bốn Nguyện của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai*. Quý vị có ý kiến gì không? Nếu có, chúng ta cứ mang ra đây để tất cả cùng nghiên cứu, cùng trao đổi ý kiến với nhau để mở rộng thêm trí huệ. Không phải quý vị chỉ biết ngồi nghe một mình tôi

nói. Từ lúc bắt đầu nghe giảng cho đến bây giờ, ai thấy có điều gì gọi là nghi vấn, hoặc có ý kiến gì đặc biệt, thì xin nêu ra, để chúng ta cùng thảo luận.

Hai vị Phật, một vị ở phương đông là đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, một vị ở phương tây là đức A-di-đà Như Lai. Ở phương đông là Phật A-súc, cũng là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; ở phương tây là đức Phật A-di-đà, giáo chủ của pháp môn Tịnh độ.

Hai vị Phật, một vị thuộc Kim Cang bộ, một vị thuộc Liên Hoa bộ; đặc điểm trong bộ Kim Cang là pháp “hàng phục”, còn trong bộ Liên Hoa là pháp “nhiếp thọ”.

Pháp hàng phục trong bộ Kim Cang, còn gọi là pháp “chiết phục” thì lấy lòng *hỷ xả* để đưa chúng sanh đến chỗ quy thuận, trong khi đó, pháp nhiếp thọ của bộ Liên Hoa thì lấy lòng *từ bi* để thâm phục chúng sanh.

Tại sao Kim Cang bộ lại đặt trọng tâm vào hỷ và xả? Số là khi Phật hàng phục thiên ma và ngoại đạo, Ngài không có tâm sân hận. Ngài dùng tâm hỷ và xả, một phương cách đối trị để giáo hóa, khiến chúng bỏ đường tà để theo về chánh pháp. Mục đích của Phật là dẫn dắt chúng tới chỗ thoát vòng sanh tử.

Lấy từ bi để nhiếp thọ, lấy hỷ xả để hàng phục, trong công cuộc giáo hóa chúng sanh chúng tỏ rõ công năng của các pháp “tứ vô lượng tâm”.

Tinh thần của Kim Cang thường biểu lộ qua cặp mắt trợn lên một cách giận dữ. Thật ra cặp mắt tuy giận dữ mà lòng không giận dữ, chỉ thuần có hỷ và xả, hoan hỷ và bao dung. Còn như hình Bồ tát với cặp mắt nhìn xuống là hoàn toàn không có ý nghĩa giận dữ. Phật A-di-đà đối với chúng sanh không giận dữ, Ngài không dùng phương cách hàng phục mà dùng tâm từ bi để tiếp dẫn chúng sanh.

Trong nghi thức “Thiền môn nhật tụng”, có câu chú gọi là “Nhị Phật chú”, như sau:

Nhị Phật diễn hóa tại Ta-bà

Đông A-súc, Tây Di-đà
Thập tam điều đại giới phạm ba-la
Phạ Diêm-la
Cần sám hối
Tội tiêu ma.

(Tạm dịch: Hai vị Phật giáo hóa cõi Ta-bà. Phía đông là Phật A-súc, phía tây là Phật A-di-đà, Mười ba điều phạm giới Ba-la-di, nếu sợ vua Diêm-la thì phải sám hối. Tội sẽ tiêu tan)

Theo nguyên tắc, ai phạm giới Ba-la-di thì không sám hối được, tuy nhiên nếu có tâm sám hối chân thực thì tội cũng có thể tiêu tan. “Nhị Phật chú” thuộc về “câu triệu pháp môn”. Chữ “câu” là giữ lại, “triệu” là gọi đến. Giả dụ có người bị ma chướng hay bị quỷ ám, nếu đọc chú lên thì có thể gọi được quỷ tới. Chú này rất linh nghiệm, có điều rất ít người biết đến và cũng không biết cách niệm chú.

Trong Phật giáo còn có “Phổ am chú” thuộc loại pháp hàng phục. Truyền thuyết kể lại rằng Tổ sư Phổ Am lúc xưa là một người giết heo. Sau người đi tu, không còn giết heo nữa, người bèn dùng mười hai con dao giết heo, luyện thành phi đao, tức là dao bay. Khi niệm chú Phổ Am lên thì những con dao giết heo kia sẽ bay lên không gian, khiến tà ma đều sợ hãi, bởi vậy chú Phổ Am thuộc loại pháp hàng phục.

“**Được Sư Quán Đảnh Chân Ngôn**” của kinh này cũng là một phần trong Nhị Phật chú. Chân ngôn có oai lực giải trừ hết thảy các chất độc, làm tiêu tan mọi thứ tội. Gặp ai trúng độc, quý vị niệm chú lên, chất độc sẽ được giải trừ. Có điều, quý vị phải thành tâm mới có hiệu nghiệm. Trong kinh *Công Đức Các Bốn Nguyên Của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai*, thì chú này rất quan trọng. Kinh thì dài, nhiều lúc gấp gáp không đủ thì giờ để đọc tụng toàn cả bộ kinh, nên người ta phải chọn phần nào ngắn gọn và chủ yếu. Người ta chọn chú “Được Sư Quán Đảnh Chân Ngôn” là vì lý do đó. Bởi có duyên lành nên chúng ta mới gặp được Pháp

môn này. Chúng ta phải thường thường trì tụng chú “Dược Sư”, giúp chúng ta tránh mọi thứ tai nạn, căn lành còn thêm tăng trưởng.

Chúng ta nên thay phiên nhau nói pháp, không lẽ cứ để cho một mình tôi nói pháp hoài. Tôi muốn được nghe quý vị lớn tuổi nói pháp. Tại nước Mỹ, điều này chưa từng xảy ra, nhưng nay chúng ta phải cố gắng dụng công để vươn lên, nghiên cứu sâu rộng Phật Pháp rồi thay thế tôi trên giảng tòa. Ai cũng có kinh nghiệm riêng của mình và đây là một dịp để trao đổi kinh nghiệm với nhau, bởi sự thể hội vào các cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của Phật Pháp tùy thuộc căn duyên của từng người. Quý vị cần phải mạnh dạn lên, trước mặt đại chúng cứ việc công khai bộc bạch hết những điều mình tâm đắc. Điều đó quý lắm! Tựa như chúng ta nói những chuyện bình thường trong gia đình với nhau, không có điều gì câu thúc. Không bị câu thúc, không chướng ngại, có như vậy mới tiếp thu được chỗ kỳ diệu trong Phật Pháp.

Thế giới này đầy khổ ải. Trong kinh A-di-đà có mấy chữ “ngũ trước ác thế”, đó là kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước.

Kiếp trước là sao? Đó là một thời đại không trong sạch, nhiều sự ô nhiễm. Thời gian thì như vậy, còn không gian cũng bị ô nhiễm nữa. Bây giờ không khí đương bị ô nhiễm. Chúng ta cũng là một loài chúng sanh mang khí huyết trong cơ thể, đều phải hít thở không khí đó, dù quý vị muốn hay không muốn. Không có biện pháp nào làm cho không khí trong sạch được. Khí độc đầy rẫy, mùi tử khí nặng nề. Không có một địa phương nào được sống trong cảnh an lạc, chỗ nào cũng thấy bạo lực, khủng bố, giết người, đốt nhà, cướp của, trộm cắp, có những độc tố như vậy thì con người tránh sao khỏi cảnh điên cuồng. Kẻ không bị điên thì cũng không thể sung sướng được. Sống trong thế giới đó thì có khác gì sống trong say mà chết trong mộng vậy! Có cách nào làm khác được đâu!

Nói về *kiến trước* thì hãy xem như không khí đã ô nhiễm, thời gian ô nhiễm, những gì mắt chúng ta thấy, tai chúng ta nghe đều chẳng có thứ nào được trong sạch cả. Chúng ta chứng kiến nào là cảnh giết người, đốt nhà, cướp của, trộm cắp, hút và buôn bán ma túy, cờ bạc, điện ảnh, những loại như vậy làm cho cái thấy cũng thành ô nhiễm, khiến cho chúng ta không còn khả năng phân biệt cái nào là trong sạch và cái nào là không trong sạch. Thiếu khả năng nhận thức rõ rệt, con người sẽ bị cuốn theo chiều hướng chung của thế giới, chiều hướng của sự ô nhiễm.

Tình trạng đó sẽ mang lại kết quả gì? Mang đến phiền não và từ đó mà có *phiền não trước*. Điều này không được xứng ý, điều kia chẳng được toại lòng, không suôn sẻ kiểu này, không thuận lợi kiểu khác, ở đâu cũng thấy phiền não. Lấy một thí dụ: quý vị vốn ham cờ bạc, quý vị chỉ thấy toàn là những người đến sòng bài rồi mang về nhà rất nhiều tiền bạc. Quý vị không thấy những trường hợp thua bạc. Quý vị không chịu hiểu rằng số người được bạc chẳng thấm gì so với số người thua. Sòng bạc là như vậy, có điều mắt quý vị chỉ nhìn thấy mấy người được bạc mà thôi. Người ta gọi đây là trường hợp cảnh giới chuyển, nên quý vị bị cuốn hút vào sòng bạc. Càng đánh quý vị càng thua, quý vị càng thua càng phải đánh tiếp để gỡ vốn lại, nhưng đâu có gỡ được. Kết quả thành khuynh gia bại sản. Đó là phiền não!

Lấy một thí dụ khác: thấy người ta làm ăn phần chần, quý vị thấy ham, cũng muốn bắt chước làm theo. Mắt quý vị không thấy những người đã từng bị thất bại, nên khi tới lúc việc làm ăn của quý vị bị thua lỗ quý vị liền trách trời: “Người ta buôn bán đều thành công cả, có sao ông trời chẳng chịu giúp tôi?” Bởi có phiền não nên quý vị đổ oán cho tất cả, chẳng kể ai, oán cả trời, cả đất và trách cứ mọi người. Càng sinh phiền não thì chính cái thân quý vị càng gặp trắc trở. Quý vị bảo vận mạng của quý vị không tốt. Quý vị chửi rửa trời đất, nhưng chửi mãi không có kết quả gì thì quý vị bèn đổ oán vào các chúng sanh. Quý vị cho cái này sai, cái kia

quây, bốn bên xóm giềng phiền phức, quý vị chẳng hợp với ai. Cái đó gọi là *chúng sanh trước*. Bởi vì chúng sanh trước nên quý vị không có giao tình với ai, mọi sự liên hệ với người đều không được thanh tịnh khiến thân phận của quý vị không suôn sẻ. Đây là *mạng trước*.

Trên đây là lấy pháp thế gian để giảng về thế giới ngũ trước. Năm món này phải giảng thật tường tận, bởi trong mỗi món còn chứa đựng vô số các trước, kể ra không hết được. Đức Phật Thích-ca trông thấy các chúng sanh trong thế giới Ta-bà sống với bao nhiêu thứ khổ, điên đảo, phiền não, tranh chấp, Ngài thấy sống như vậy chẳng hứng thú gì. Ngài là một vị thái tử, vốn sanh trưởng từ nơi quyền quý, luôn sống trong cung vua, chẳng đi đâu ra ngoài dân dã. Một hôm, Ngài cùng kẻ tùy tùng ra ngoài thành đi du ngoạn. Khi ra cửa thành phía đông, Ngài thấy một chuyện kỳ lạ. Đó là cảnh một người phụ nữ sanh ra một hài nhi. Vừa ra khỏi lòng mẹ đứa bé đã mở miệng kêu: “Khô! Khô! Khô! Khô! Khô!”

Ngài lấy làm lạ, bèn hỏi: “Chuyện gì đây? Sao lại thế này?”

Kẻ tùy tùng đáp: “Đây là người ta sanh con”

Ngài nhác thấy máu chảy trên thân người mẹ, còn đứa con thì khóc. Ngài bèn quay về vì chẳng còn thấy hứng thú đi chơi nữa. Vậy là cuộc du ngoạn ở cửa thành phía đông chấm dứt. Ngài nghĩ bụng: “Ồ phía đông có con nít khóc, vậy ngày mai ta đi ra cửa phía nam”.

Ngày thứ hai, khi ra khỏi cửa thành phía nam, Ngài thấy một người già, da nhăn, đầu bạc, chân bước đi run rẩy, như muốn té lăn xuống đất. Răng thì rụng hết, tai điếc, mắt mờ, trông rất khổ sở.

Ngài hỏi kẻ tùy tùng: “Sao hình dung người này kỳ lạ quá?”. Thật ra trong hoàng cung Ngài chưa từng thấy người nào như vậy.

Người hầu giải thích rằng: “Đây là một người già, đã sống quá lâu trong đời rồi, nên bây giờ cái cơ thể của ông ấy không chịu làm việc nữa. Con mắt, cái tai, cái mũi đều đình công cả rồi. Cái lưỡi chưa đình công, nhưng ông ấy có ăn được gì

đâu: răng chẳng còn nữa, nhấm nháp chẳng biết ngon. Tóm lại, mọi bộ phận trong người đều nghỉ việc, cho nên trông ông ấy thiếu não như vậy đó! Tay thì cầm không vững, chân thì cất không nổi bước, tóc bạc hết. Lưng còn còng nữa!

Đức Phật nói: “Quả là khổ vô cùng!” Nguyên đức Phật muốn đi coi đá banh, hoặc coi mọi người luyện võ, nhưng trông thấy cảnh đó, đức Phật quay về không đi chơi nữa.

Ngày thứ ba, Ngài đi thẳng ra phía cửa tây. Lần này đức Phật gặp một bệnh viện, ở trong đó có những người đau ốm, nằm kêu la như: “Đau quá! Đau quá!”. Người thì nói:” Đau chịu không nổi! Cho tôi chết còn sướng hơn”. Trông thấy cảnh tượng người bệnh rên rỉ, đau đớn, Ngài chẳng còn thấy hứng thú đi chơi nữa.

Ngày hôm sau Ngài chọn cửa thành phía bắc và lần này Ngài trông thấy một nhà quán. Ở đây người ta bán các quan tài.

Ngài hỏi: “Quan tài này dùng để làm gì?”

Người ta trả lời: “Cái đó dùng để chôn người chết”.

Trong nhà quán lúc đó có nhiều người nằm dài, hơi thở không còn, mắt thì nhắm lại. Đó là những thầy người đã chết. Đức Phật lại một lần nữa cảm thấy mất hứng, Ngài bảo: “Làm người chẳng hay ho gì, ai cũng bị cái khổ sanh, già, bệnh, chết. Phải làm sao đây?”.

Ngay lúc đó có một vị sa môn đi qua. Vị sa môn hiện rõ tướng Tỳ-kheo.

Đức Phật mới hỏi: “Người này là thế nào?”

Vị sa môn thì ăn bận theo kiểu người xuất gia.

Người hầu bèn đáp: “Sao không hỏi ngay người đó?”

Đức Phật hỏi:

- Ông là ai?

- Tôi là một tỳ-kheo.

- Tỳ-kheo thì làm những gì?

- Tỳ-kheo là người muốn chấm dứt sanh tử, muốn thoát khỏi cái khổ của sanh, già, bệnh, chết.

- Hay lắm! Thoát được cái khổ của sanh, già bệnh, chết, thì tôi cũng muốn thử lắm!

Từ lúc đó đức Phật Thích-ca lập chí, quyết trở thành một Tỳ-kheo.

Đó là các nhân duyên khiến cho đức Phật từ bỏ mọi phú quý trên đời, từ bỏ ngai vàng để xuất gia tu hành. Sáu năm trên núi Tuyết, đức Phật tu khổ hạnh, mỗi ngày ăn một hạt mè và một hạt thóc. Mục đích của Ngài là tu thành Phật. Ngài ráng chịu đựng những gì mà thế gian không chịu đựng nổi, Ngài nhịn đói như vậy, nhịn nài như vậy, hành động như vậy, những điều đó thế gian không ai làm được. Ngồi vua quý báu đâu có dễ bỏ qua, nhưng Ngài xả bỏ được; đói mà chỉ ăn một hạt mè, một hạt thóc, thì đói vẫn hoàn đói, vậy mà Ngài vẫn chịu đựng được. Đó là căn bản để Ngài thành Phật.

Chúng ta thử kiểm điểm xem. Trong chúng ta có người nào được làm một thái tử như đức Phật chưa? Chẳng ai có tư cách đó. Vậy mà Ngài đã bỏ ngôi vị đó để đi tu. Còn như chúng ta, thử hỏi có thứ gì quý báu để chúng ta chẳng thể xả bỏ được? Cái này chẳng thể bỏ được, cái kia chẳng thể bỏ được, cho đến lúc chết liệu có mang các thứ đó đi theo mình chẳng? Đức Phật bỏ nước, bỏ lại thành trì - thành Xá-vệ - bỏ cả vợ con, tất cả những thứ ngoài thân mình, để vào núi tuyết tu.

Lúc đầu có năm người đi theo chăm sóc. Thân phận của Ngài là thái tử, nên vua cha sai hai người tin cẩn đi theo, hoàng hậu cũng sai ba người nữa, tất cả đều có phận sự trông nom và hộ trì đức Phật phòng có điều gì bất trắc, chớ không phải có ý ngăn trở đức Phật tu hành.

Trong núi tuyết, đức Phật ăn mỗi ngày một hạt mè và một hạt lúa mì. Trong số đi theo có hai người không chịu đựng nổi lối sống khổ hạnh này, nên họ bỏ đi. Ba người kia thì dốc một lòng theo Phật, cùng tu khổ với Phật. Vì cố nhịn đói nên hòi đó đức Phật gầy ốm, thân hình như que củi, da bọc xương, nhưng chưa bị chết

vi đối. Lúc đó, có một thiên nữ trông thấy tình trạng này, nàng dâng lên Phật một bát cháo sữa bò. Đức Phật Thích-ca, một mặt muốn đáp ứng sự cúng dường của thiên nữ, mặt khác nhận thấy đối thêm nữa sẽ đi đến chỗ nguy kịch, Ngài bèn thọ dụng bát cháo cúng dường. Lúc bấy giờ ba người đi theo cùng tu với Phật, trông thấy đức Phật ăn cháo nên sững sốt hỏi: “Như vậy thì thành Phật làm sao được. Muốn thành Phật là phải khổ hạnh. Bây giờ lại ăn cháo như vậy thì không được rồi!” Thôi! Chúng tôi đi đây!”

Vậy là cả năm người trở về vườn nai (Lộc uyển), bỏ lại đức Phật một mình, không nhòm ngó đến nữa.

Quý vị thử nghĩ lại coi. Đức Phật công đức sâu dày như vậy mà Ngài vẫn đưa mình vào những hoàn cảnh khó khăn, tự mình đương đầu với thử thách, chịu đựng những gì mà người khác không chịu đựng nổi, quả là Ngài đã phát nguyện Bồ-đề rộng lớn, ý chí kiên cường. Ở trên núi tuyết, hời đó có thể đức Phật ngồi thiền, có lúc đi kinh hành, tản bộ, có lúc Ngài leo lên núi, đứng trên cao ngắm cảnh trời xa, đại khái là như vậy. Tới lúc năm người kia bỏ đi, thì chỉ còn một mình đức Phật ở lại trong cảnh bơ vơ lạc lõng. Nếu là người khác, chắc hẳn trong lòng không khỏi nghĩ rằng: “Ta hãy trở về hoàng cung, rồi lên ngôi vua thôi! Ở đây chịu khổ để làm gì?”

Đức Phật không về. Ngài đi tới gốc cây Bồ-đề và phát nguyện rằng: “Ta sẽ ngồi ở đây. Chừng nào ta chưa thành Phật, ta thề sẽ không bao giờ đứng dậy, và ta sẽ ngồi cho đến chết”. Phát nguyện xong, đức Phật ngồi thiền, thiền luôn trong bốn mươi chín ngày.

Chúng ta chỉ mới ngồi cỡ 5 chữ đồng hồ (35 phút) đã kêu đau chân: “Ồ! Đau! Đau! Đau chết được!” Hôm qua có một vị cũng như vậy. Y phải quán đề tài: “Hãy coi như đã chết!” Vậy mà vị đó cũng không vượt được. Bây giờ lại ngồi thiền tới bốn mươi chín ngày, không đứng dậy, và lẽ tự nhiên là không ăn, không uống, ở chỗ đó mà chịu đói chịu khát, thiệt không thể tưởng tượng nổi! Nghĩ lại đức Phật

dụng công với tinh thần đó, liệu chúng ta có thể phát tâm Bồ-đề như vậy được chăng?

Rồi tới một đêm, khi ngược nhìn lên trời, thấy ngôi sao sáng, hốt nhiên Ngài bùng ngộ! Ngài khám phá ra tận cùng của chân lý về vũ trụ, nhân sinh. Ngài hoàn toàn khai ngộ thành Phật. Lúc vừa thành đạo, Ngài thốt ra câu: *“Kỳ lạ thay! Kỳ lạ thay! Kỳ lạ thay! Hết thấy các chúng sanh, ai cũng có sẵn trí huệ và đức tướng của Như Lai, tất cả đều có thể thành Phật”*. Đức Phật có ý nói rằng tất cả các chúng sanh đều có Phật tánh, có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đủ cả vạn đức trang nghiêm, không khác gì Phật. Tuy nhiên, *“bởi vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng được vậy!”*. Chúng ta học Phật Pháp, khỏi cần học nhiều, chỉ cần nhớ câu này là đủ: **“Bởi vì vọng tưởng chấp trước, nên không chứng được”**.

Vọng tưởng của chúng ta thì chao ôi! Lúc trên trời, lúc dưới đất, hốt nhiên ở nam, hốt nhiên ở bắc, khi thì nhớ bạn trai, khi nhớ bạn gái, nào cha, nào mẹ, con trai, con gái, đến quý vị chị em. Ôi! Cả một ngày tư tưởng bận rộn, cho đến tối trong giấc mơ cũng chỉ là vọng tưởng, thấy chị, thấy em, thấy cái này, thấy cái kia, đủ thứ chuyện, chẳng ra chuyện gì, vậy mà không sao xả bỏ cái chấp trước đó được. Nói đến giấc mơ thì câu chuyện trong mơ ở đâu mà sanh ra vậy? Nó sanh ra từ sự chấp trước. Có chấp trước mới có chất liệu tạo thành giấc mơ. Nếu quý vị không chấp trước, không có gì điên đảo, thì đâu có mộng tưởng. Quý vị muốn xa lìa mộng tưởng và điên đảo thì quý vị bắt buộc phải phá chấp trước. Cho nên người ta nói “chí nhân vô mộng”, nghĩa là bậc đại trí huệ không có mộng mơ, bởi vì đó không có vọng tưởng. Vị đó là bậc chân nhân, là một vị thánh, không phải như người thường.

Đức Phật không còn chấp trước, không còn vọng tưởng nên Ngài chứng quả vị Phật. Chúng ta nên nhớ câu: *“bởi vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng được”*, mà cố gắng diệt trừ vọng tưởng chấp trước, như vậy mới xa lìa mọi điên đảo mộng tưởng, và đạt được Niết-bàn rốt ráo.

Sau khi khai ngộ, đức Phật xét qua nhân duyên, Ngài tự hỏi: “Ta đã thành Phật, vậy trước tiên ta phải độ cho chúng sanh nào?” Có người bảo: “Ồ! Phật mà cũng có vọng tưởng. Khởi lên ý nghĩ độ người, đó chẳng phải là vọng tưởng sao?”. Người nào nói câu đó là lấy lòng dạ phàm phu để đo lường tâm lượng của bậc thánh. Nói như vậy là sai. Đây không phải là vọng tưởng. Phật dùng *Diệu Quan Sát Trí* xem xét các nhân duyên, coi chúng sanh nào có cơ duyên đầy đủ thì Ngài sẽ độ người ấy trước.

Với Diệu Quan Sát Trí, đức Phật xét tới năm người đi theo Ngài lúc trước, bấy giờ đang ở trong vườn nai và thấy rằng họ dụng công đã tới mức. Ngài nghĩ chỉ cần tới đó, thuyết giảng mấy câu, hoặc có khi nhắc trông thấy Phật, chẳng cần nói năng gì họ cũng có thể khai ngộ được. Chúng ta nên nhớ rằng năm vị Tỳ kheo đó tuy đã bỏ đi nơi khác, nhưng ảnh hưởng của đức Phật đối với họ vẫn còn sâu đậm. Họ cũng tha thiết với mục đích tu hành để mong dứt bỏ đường sanh tử, họ cũng không màng tới cảnh phú quý nơi thế gian. Khi họ bỏ đức Phật, có lẽ tâm trạng của mỗi người mang một ý nghĩ rằng: “Ta cứ tu, khi nào đắc đạo ta sẽ giúp cho thái tử khai ngộ”. Tuy nhiên, các chi tiết này không có ghi lại trong kinh điển. Chẳng qua đó chỉ là những điều ước đoán ngu độn của tôi mà thôi. Có thể họ nghĩ bụng rằng: “Ít lâu nay ta đã dành nhiều thời gian để trong nom cho thái tử, chẳng lo cho việc của riêng ta. Nay ta hãy rời khỏi nơi này, ráng dụng công tu, ngày sau ngộ rồi ta sẽ quay lại độ cho thái tử”. Trong lòng họ đã gieo những nhân duyên đó, nên chi, đức Phật khai ngộ trước, đã đến kiếm họ để độ cho họ. Họ muốn giúp Phật khai ngộ, thì Phật lại giúp họ khai ngộ. Chính là gieo nhân nào thì gặt quả ấy.

Với đủ cả bốn trí, Diệu Quan Sát Trí, Thành Sở Tác Trí, Bình Đẳng Tánh Trí và Đại Viên Kính Trí, đức Phật quan sát các cơ duyên, thì thấy người đầu tiên Ngài nên độ là Tôn giả Kiều Trần Như. Do đó Phật khai ngộ cho Tôn giả, và cũng là một dịp để đáp ứng lại lời nguyện xưa của Ngài.

Trong thời quá khứ xa xưa đó, Tôn giả Kiều Trần Như là quốc vương Ca-lợi, còn đức Phật là một tiên nhân nhục, ở trong núi tu hành. Một hôm vua Ca-lợi vào rừng đi săn, mang theo cả cung nga thể nữ. Trong lúc nhà vua mãi mê săn bắn, các cung nga đi lang thang tới chỗ của tiên nhân nhục. Cũng từ một nhân duyên sẵn có khiến họ có lòng cảm mến, nên họ xúm lại vây quanh tiên nhân nhục. Lần đó cuộc đi săn thất bại nên nhà vua mất hứng thú. Vua gom tùy tùng lại để ra về thì thấy các cung nga thể nữ đương xúm xít bên cạnh một người lạ mặt, râu và tóc để dài, móng tay cũng mọc dài. Nhà vua tỏ ý ghen tức mới hỏi kẻ lạ mặt: “Người ở đây làm gì?”. Tiên nhân nhục trả lời: “Tôi ở đây tu hạnh nhũ nhục”.

Vua Ca-lợi nói: “Hạnh nhũ nhục người tu ra sao mà người lại quyền rũ các cung nữ của ta như vậy? Người không phải là người tốt”.

Nói xong nhà vua rút gươm chặt luôn chân và tay của tiên nhân nhục và hỏi tiên nhân có tâm sân hận không.

Tiên nhân nhục trả lời: “Tâm không sân hận”.

Vua Ca-lợi nói: “Ta không tin. Người bị chặt tay chặt chân mà còn nói không sân hận. Trên thế gian này làm gì có chuyện đó. Người nói láo. Người có cái gì để chứng tỏ rằng người không hề sân hận chẳng?”

Tiên nhân nhục đáp: “Nếu tôi không có lòng sân hận thì tay và chân của tôi sẽ mọc ra như cũ. Nếu có sân hận thì tay và chân sẽ không mọc được”.

Vừa nói xong quả nhiên chân và tay của tiên nhân lại mọc trở lại. Vua Ca-lợi nhất định bảo tiên nhân là loài yêu quái, rồi ra lệnh đốt núi. Lúc bấy giờ các vị thần hộ pháp lấy làm phẫn nộ bèn làm một trận mưa đá đổ xuống đầu vua Ca-lợi.

Tiên nhân nhục khởi lòng từ bi và nói rằng: “Trong tương lai khi nào thành Phật, thì trước tiên ta sẽ độ cho người đã chặt tay và chặt chân ta”. Bởi có lời nguyện đó nên khi đức Thích-ca Mâu-ni thành đạo xong, và sau khi quan sát các quan hệ nhân duyên từ thuở xa xưa cho đến hiện tại, Ngài đã đi tới chỗ vườn nai kiếm năm tìm năm anh em Kiều Trần Như để độ cho họ.

Sở dĩ gọi là “lộc dã uyển” hay vườn nai là bởi thời xưa có rất nhiều hươu nai sống ở đây. Trong một kiếp xa xưa đức Phật là một vua nai, đã từng chăn dắt tất cả đàn nai. Bây giờ thành Phật, Ngài giáo hóa nhân gian. Ngài đi tới vườn nai, gặp lại năm người bạn tu. Họ vốn chẳng phải là Tỳ-kheo, vì đi theo Phật họ mới thành Tỳ-kheo. Gặp mấy người đó, đức Phật lần đầu tiên chuyển bánh xe pháp. Ngài nói pháp Tứ đế.

Tứ đế gồm bốn đế: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Chuyển bánh xe pháp thứ nhất, đức Phật nói: “Đây là khổ, nó có tính cách bức bách”. Ngài bảo đời sống con người là khổ. Khổ có ba thứ khổ, có tám thứ khổ, vô lượng thứ khổ, chúng đều bức bách thân tâm của chúng sanh, khiến chúng sanh không có an lạc, không được tự tại, chúng giống như những người khách đến nhà bức bách gia chủ, đuổi gia chủ đi.

Ba khổ gồm khổ khổ, hoại khổ, và hành khổ. Khổ khổ là thế nào? Là trong cái khổ lại còn có khổ. Không có cơm ăn đã là khổ lắm rồi, lại còn không có áo mặc nữa, tức là trong cái khổ còn thêm khổ nữa. Không những thiếu cơm ăn, thiếu áo mặc, luôn cả nhà ở cũng không có, quý vị nghĩ thử coi vậy là có khổ hay không? Đó là nghĩa của khổ khổ, trong cái khổ còn có khổ nữa, khổ nọ chồng lên khổ kia, biết ngày nào cho hết khổ.

Nếu không bị cái khổ khổ do bản cùng mang lại thì lại gặp cảnh hoại khổ của trường hợp phú quý. Tỷ dụ quý vị có nhiều tiền, nhiều của, rồi bỗng chốc một ngày nào tiền của quý vị bị mất sạch, hoặc bị mất trộm, hoặc bị nạn cháy nhà, hoặc bị cơn lũ lụt cuốn trôi, tiền của tan rã, phú quý bị hủy hoại. Đây là trường hợp hoại khổ.

Có người bảo rằng: “Tôi ấy à! Chẳng có cái khổ vì cảnh bản cùng, cũng chẳng có gì là giàu sang cho lắm. Bởi vậy, tôi chẳng có khổ khổ mà cũng chẳng gặp hoại khổ”. Nói như vậy là không đúng, bởi quý vị có hành khổ. Từ tuổi thơ đến tuổi thanh niên, từ thanh niên đến tuổi già, từ già đến chết, mỗi khác, mỗi giây

biến đổi không ngừng suốt hành trạng trong một đời, đó cũng là một cái khổ gọi là hành khổ.

Nhóm tám khổ thì kể ra như sau: sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, hợp lại thành tứ khổ; ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm xí thạnh khổ, đó là bốn khổ nữa, cộng lại thành bát khổ.

Sanh ra là khổ vì kinh nghiệm sanh không phải là một cảm giác thoải mái. Sanh ra cũng tương tự như trường hợp bị ép giữa hai trái núi, như một con rùa khi nó thoát ra khỏi cái mai của nó một cách khó khăn. Sanh ra đời rồi thì giai đoạn tuổi già sẽ từ từ đi tới và tuổi già là khổ. Lúc đó các bộ phận trong cơ thể sẽ dần dần ngưng nghỉ không làm việc nữa. Khổ là vì lẽ đó.

Ngoài sanh khổ, già khổ còn có bệnh khổ. Cái khổ của bệnh tật rất là khó chịu đựng. Đau bệnh đến nỗi phải rên rỉ, kêu la, có khi như điên như dại, những loại khổ này không ai chịu thể cho mình được. Tuy nhiên, ở đây, chúng ta thấy có một sự bình đẳng. Chẳng kể quý vị là ai, dù là vương, công, hầu, bá, hay chỉ là kẻ đi ăn xin; dù là vua, giàu sang trùm bốn biển, nhưng đến khi mắc phải bệnh khổ thì ai cũng như ai. Ai không gặp cảnh này thì không có vấn đề, nhưng một khi quý vị gặp cảnh ngộ đó thì đau khổ vẫn không tránh được.

Ba cái khổ vừa nói cũng chưa ghê gớm bằng cái thứ tư là chết khổ. Con người đến lúc chết là giãy dụa, hòng níu lấy mạng sống, nhưng thần chết không chịu nghe, cứ nhất định lôi đi. Cái đau khổ đó có khác gì hoàn cảnh của một con bò đang sống mà bị người ta lột da vậy.

Bây giờ nói đến bốn khổ sau. Đối với số đông thì điều chấp nặng nề là tình yêu nam nữ. Thương ai muốn cho người đó sống, ghét ai thì muốn cho người đó chết. Khi đã thương yêu rồi thì mọi thứ khác đều quên lãng, lý trí cũng bị suy yếu. Tình yêu giống như một thứ keo bèn chắc cơ hồ không có sức mạnh nào có thể phân tán ra được. Tôi nói như vậy có thể có vị không tin. Vậy quý vị hãy lưu ý tới những trường hợp mà báo chí gọi là các vụ song sinh Xiêm (Siamese twins), thỉnh

thoảng xảy ra ở các nơi trên thế giới. Khi sanh ra, thân thể chúng dính liền với nhau, phải dùng giải phẫu mới tách chúng ra được. Hãy tưởng tượng xem chúng bị đau đớn biết chừng nào, đó là ái biệt ly khổ, cái khổ do yêu thương mà bị tách ra. Nguyên do là vì yêu thương quá sâu xa, đại khái như câu người ta nói: “Trên trời thì nguyện làm chim liền cánh, dưới đất thì nguyện làm cây liền cành”, yêu nhau bền chắc như vậy, cho nên kiếp sau mới thành trẻ song sinh Xiêm.

Cũng có một lối giải thích khác về các trường hợp vừa kể, tuy không mấy tốt đẹp. Nguyên trong các kiếp trước, các trẻ song sinh Xiêm là những người có đồng tính luyến ái với nhau. Kiếp này chúng là những người thuyết pháp cho số đồng tính luyến ái này. Luyến ái kẻ đồng phái với mình, phải chăng đó là một thứ tình yêu điên đảo? Yêu nhau mà chẳng muốn lìa nhau thì khi chết đi sẽ trở lại đầu thai thành trẻ song sinh Xiêm, để rồi bị giải phẫu mới tách lìa ra được. Con người kẻ ra cũng tàn nhẫn. Trông thấy chúng như vậy, họ sanh lòng đố kỵ nên muốn tách chúng ra làm hai. Họ bảo rằng: “Không thể để như thế này được! Chúng mà không thể sống nổi!” Đó là lý do họ làm cuộc giải phẫu. Cũng có một lý do khác là do lòng từ bi, bởi khi trông thấy các đứa trẻ khó thể sống nổi, các thầy thuốc mới tìm cách ra tay phẫu thuật, mà không quản gì tới công trình rất khó nhọc của họ. Thực vậy, họ phải cẩn thận lắm để tách ra từng phần nhỏ một trên thân thể của những hài nhi đó.

Thế gian này lắm chuyện phiền hà! Mấy chục năm về trước, ít có những vụ song sinh Xiêm. Ngày nay đồng tính luyến ái gia tăng nên các vụ này xảy ra luôn, nước nào cũng có.

Ngày trước chỉ có những trường hợp song sanh thường, hai đứa trẻ chung một bào thai, nhưng sự luyến ái của chúng không đi đến chỗ hò hò để thành một chất keo dính chặt chúng vào nhau. Còn như luyến ái đến cùng cực để không chịu chia lìa nhau thì kết cục sẽ trở thành những trẻ song sanh Xiêm. Tới lúc đó, dầu quý vị không muốn rời nhau cũng không được, bác sĩ sẽ chia cắt phân đôi ra, lúc

đó đau đớn biết là chừng nào! Và lại giải phẫu cũng có nhiều phần rủi ro, có khi không cứu sống được. Chắc hẳn lúc đó, chúng nghĩ rằng: “Nếu chẳng được chung một thân với nhau, thì thà chẳng làm người nữa”. Bởi chúng không muốn lìa nhau, nay hoàn cảnh bắt phải chia lìa thì thà chết còn hơn. Luyến ái nhau mà phải chia lìa nhau, đó là ái biệt ly khổ.

Thứ đến là oán tắng hội khổ. Đây là ghét, ghét ai thì cứ trông thấy mặt người đó đã thấy mặt vui rồi và chỉ muốn tránh xa đi nơi khác. Tuy nhiên, điều kỳ cục là muốn tránh mà tránh không được, đi tới đâu cũng gặp lại, có khi làm việc chung với nhau nữa. Quý vị ghét người ta ư? Vậy mà quý vị vẫn phải gần gũi với họ. Oán ghét mà ở một chỗ với nhau, đó là một cái khổ, gọi là oán tắng hội khổ.

Còn cầu bất đắc khổ là nói khi chúng ta cầu mong một chuyện gì nhưng chuyện đó không tới, trong lòng nảy sinh phiền não, đêm ngủ không an giấc, ngày ăn không biết ngon, cho đến đứng ngồi cũng không yên nữa, trong lòng lúc nào cũng như dầu sôi lửa bỏng vậy. Đó cầu bất đắc khổ.

Cuối cùng, ghê gớm nhất là ngũ ấm xí thịnh khổ. Ngũ ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mấy thứ này kiên cố lắm, chẳng ai dứt bỏ được chúng. Ảnh hưởng của chúng rất lớn, chúng che khuất Phật tánh của mọi người. Tuy nhiên, nếu hiểu biết ngũ ấm một cách rốt ráo thì chúng chẳng còn gì gọi là thực thể, mà chỉ là một đám mây nổi bồng bềnh trên hư không. Ngược lại, nếu không hiểu rõ ngũ ấm thì chúng vẫn còn là một thứ áp lực nặng nề. Hiểu rõ minh bạch thời quý vị sẽ “quán thấy năm uẩn đều là không” (Bát Nhã Tâm Kinh), và “bỏn lai chẳng có vật nào, chỗ nào còn bám bụi nữa? (Pháp Bảo Đàn Kinh)”.

Bây giờ chúng ta hãy tự mình kiểm tra lại coi, liệu có ai có thể nói rằng mình không có tám loại khổ đó chẳng? Quý vị bảo: “Tôi không khổ, tôi chẳng có ba khổ, tôi chẳng có tám khổ, một khổ cũng chẳng có”. Quý vị nói như vậy chính là đã tự dối mình. Tôi xin nói thêm một điều nữa. Cái khổ do cầu mà chẳng được, cùng với hai thứ khổ kia là oán hận mà hội ngộ, yêu thương mà chia lìa, các loại

này cũng na ná giống nhau. Thí dụ như ai đó cầu mong được một chức vụ nào mà không đạt được: khổ tâm lắm! Làm ăn mong cho được phát tài, kết quả lại chẳng được; cầu danh, danh chẳng có, cũng đều khổ cả. Lại nói rõ hơn: cầu gặp bạn trai hoặc cầu gặp bạn gái mà chẳng được toại nguyện, càng khổ biết chừng nào! Khổ đến nỗi đêm ngủ thao thức, ngày ăn không biết ngon. Từ đời xưa đã có những loại thực là ngu si như mang chứng bệnh tương tư, thậm chí đi đến chỗ cùng nhau tự kết liễu tính mạng. Quý vị thấy như vậy là khổ hay không khổ? Chẳng qua là vì tại thế gian này căn bệnh chấp trước quá nặng, nó là một thứ điên đảo, nhận giặc làm con, lấy điều khổ làm điều vui. Càng cầu bao nhiêu thì cái điều cầu mong càng có giá, vậy mà khi đạt được nó rồi người ta cảm thấy nó cũng vậy mà thôi.

Trong giới thanh niên, người ta thường nói có một loại thuốc có thể làm cho người ta khai ngộ. Hai mươi năm trước đây, loại LSD (mê ảo dược) rất thông dụng tại nước Mỹ, còn ngày nay thì marijuana (cần sa) lại rất thịnh hành. Giới trẻ hiếu kỳ, chẳng biết ắt giáp ra sao, mong có cơ hội dùng thử. Thử được rồi liền mắc bệnh ghiền, còn ai chưa thử thì vẫn còn mơ hồ chưa hiểu thuốc đó ra sao. Có thực các loại thuốc độc đó mang lại sự khai ngộ chẳng? Hút marijuana vào là biến thành thần tiên ư? Đại khái là những ý nghĩ đó xuất hiện trong đầu óc những kẻ hiếu kỳ. Bởi tính hiếu kỳ, tính ưa cái mới chuộng cái lạ, mà giới trẻ gặp phải những thứ độc hại đó. Từ đó về sau, ma túy sẽ là cái mồi ngon ngọt để họ thưởng thức. Mỗi lần hút vào là một lần họ thấy như bay bổng, như mê, chẳng còn thiết tha việc gì khác, đến làm vua cũng chẳng ham. Quý vị thấy như vậy có phải là điên đảo không, có phải là khổ không?

Tám khổ nói ở trên chỉ là đại cương, còn đi vào chi tiết thì còn nhiều thứ khổ lắm, vô lượng vô biên thứ khổ, kể ra không hết được, mà kể ra cho ai nghe? Nói ra người ta cũng không tin. Đức Phật nhận ra cái khổ, cho nên điều chân lý thứ nhất Ngài nói là Khổ đế. Ngài bảo: “Đây là khổ, đặc tính của nó là bức bách”. Chúng ta cần phải biết tới cái sức mạnh bức bách của nó.

Chân lý thứ hai là “Tập”: “Đây là tập, đặc tính của nó là chiêu cảm”. Tập nghĩa là tích tụ, tụ tập. Tụ tập cái gì? Tụ tập phiền não. Bởi nhận thấy các chúng sanh khổ nên đức Phật phát nguyện cứu độ chúng sanh; nhận thấy rằng phiền não do tụ tập lại mà thành, nên đức Phật phát nguyện đoạn trừ phiền não. Nguyện rằng:

*“Chúng sanh vô biên thề nguyện độ
Phiền não vô lượng thề nguyện đoạn”*

“Đây là tập, đặc tính của nó là chiêu cảm”. Tự mình gieo nhân, nên gặp quả báo, tự mình chuốc lấy và tự mình có cảm ứng, cho nên gọi là chiêu cảm. Những phiền não ấy nhiều không kể được, nói một cách tổng quát thì là tám vạn bốn ngàn phiền não, nhưng thực ra phiền não là vô lượng vô biên.

Chân lý thứ ba là “Đạo”; “Đây là Đạo, đặc tính của nó là có thể tu”. Đây là đạo Bồ-đề, đạo của trí huệ, đạo thành Phật, đạo đưa tới dứt đường sanh tử. Tính cách của đạo này là có thể tu. Nếu như quý vị tu hành thì quý vị có thể đạt được Đạo, không tu thì không đạt được. Cho nên có câu:

*“Pháp môn vô lượng thề nguyện học
Phật đạo vô thượng thề nguyện thành”*

Chân lý thứ ba là “Diệt”: “Đây là diệt, đặc tính của nó là có thể chứng”. Diệt đây có nghĩa là niềm vui của tịch diệt. Có câu nói:

*“Các hành là vô thường
Thuộc về pháp sanh diệt
Sanh và diệt đều diệt
Tịch diệt là niềm vui”*

*Chư hành vô thường
Thị sanh diệt pháp
Sanh diệt diệt dĩ
Tịch diệt vi lạc.*

Trong một kiếp quá khứ, đức Thích-ca đã từng hy sinh thân mạng để đổi lấy một nửa bài kệ trên. Số là, trong thời kỳ tu khổ hạnh, có lần Ngài gặp một vị trời thuộc Tịnh Cư thiên, lúc ấy giả trang làm quỷ dạ xoa. Vị trời này muốn khảo nghiệm trình độ tu của vị lão tu hành (*vị tu hành kỳ cựu*) này, muốn thử xem tâm thành cũng như sự hy sinh của vị ấy tới mức nào. Dạ xoa bèn tiến lại và khi đi ngang trước mặt ông ta, dạ xoa tự ngâm nga một mình hai câu: “các hành là vô thường, thuộc về pháp sanh diệt”.

Vị lão tu hành nghĩ thầm: “Ừ! Quỷ này ca hát gì đây? Đây chẳng phải là một bài hát mà là hai câu của một bài kệ. Hai câu này có ý nghĩa lắm!”

Ngài bèn hỏi: “Người nói cái gì đấy?”

Quỷ dạ xoa đáp: “Ta nói rằng ở các hành là vô thường, thuộc về pháp sanh diệt”.

Vị lão tu hành: “Bài người đọc đó còn thiếu hai câu nữa phải không?”

Quỷ: “Đúng lắm! Còn thiếu hai câu nữa”.

Vị lão tu hành: “Vậy người hãy đọc ra cho ta nghe với”.

Quỷ: “Đọc ra cho người ư? Ta đương đói không còn hơi sức để đọc tiếp hai câu kia. Người phải cho ta thứ gì để ta ăn. No bụng rồi ta mới đọc được”.

Vị lão tu hành: “Được! Người muốn ăn thứ gì ta sẽ kiếm cho người đừng người được no bụng rồi đọc hai câu kệ cho ta nghe”.

Quỷ dạ xoa nói: “Ta phải ăn thịt người sống, uống máu người sống thì ta mới no bụng được. Liệu người có dám xả thân người, để ta ăn thịt và uống máu người không?”

Đức Phật thầm nghĩ: “Sớm nghe được đạo, tôi chết cũng cam; pháp này đổi lấy cái chết cũng đáng. Ta được nghe xong rồi có chết cũng không tiếc, vả lại chừng nào ta chưa được nghe hai câu kệ đó lòng ta vẫn còn đeo đuổi, vĩnh viễn

khôn nguôi”. Bởi vậy đức Phật bảo: “Được lắm! Ngươi cứ đọc ra cho ta nghe. Ta bằng lòng hiến trọn thân ta cho ngươi”.

Dạ xoa bèn đọc hai câu kệ như sau: “Sanh và diệt đều diệt, tịch diệt là niềm vui”.

“Các hành là vô thường” có nghĩa là trên thế gian hết thảy mọi thứ đều vô thường; “thuộc về pháp sanh diệt”, tức là hết sanh thì đến diệt, hết diệt lại đến sanh, cho nên gọi là pháp sanh diệt; “sanh và diệt đều diệt”: khi nào sanh và diệt đều không còn nữa, tới trạng thái tịch diệt, một trạng thái không sanh không diệt; lúc đó “tịch diệt là niềm vui”, một niềm hoan lạc chân chánh và vĩnh viễn.

Nói xong câu kệ, quý bèn đòi ăn thịt vị lão tu hành.

Vị lão tu hành nói: “Khoan đã! Đừng ăn thịt ta vội!”

Quý dạ xoa: “Sao? Ngươi muốn nuốt lời ư? Không được đâu!”

Lão tu: “Ta không nuốt lời. Ngươi hãy để cho ta lấy dao khắc bài kệ đó trên thân cây, cho người thế gian đời đời được trông thấy, đặng họ phát tâm Bồ-đề tu thành đạo quả”.

Quý dạ xoa: “Ý kiến của ngươi được lắm! Ta để cho ngươi khắc đó!”

Lão tu lấy dao lột vỏ cây ra rồi khắc kệ lên thân cây. Trong khi đó quý dạ xoa đứng bên hỏi thúc: “Ngươi khắc lẹ tay lên một chút! Ta đói lắm rồi, chịu không nổi nữa!”

Vị lão tu hành ráng sức làm mau hơn, và khi bài kệ đã khắc xong, quý dạ xoa nói: “Bây giờ thì chẳng khách khí gì nữa, ta phải ăn thịt và uống máu của ngươi đây!”

Lão tu: “Chờ thêm một chút nữa!”

Quý dạ xoa: “Lại còn chờ nữa ư? Ta đã chờ cho ngươi khắc kệ lên cây rồi. Ngươi cứ tìm cách trì hoãn mãi, ngươi muốn cái gì nữa?”

Lão tu: “Ta nghĩ rằng bài kệ mà ta vừa khắc trên cây, sau một thời gian sẽ bị mưa gió phá hủy, khó có thể tồn tại được. Hiện nay, ta sẵn có con dao đục đá, ta

muốn khắc bài kệ đó trên đá, như vậy nó sẽ vĩnh viễn không bị xóa mờ. Người hãy ráng chờ ta thêm chút nữa, đàng nào ta cũng phải ghi lại bài kệ trên đá mới xong”.

Quý dạ xoa: “Cũng được! Cho người được toại nguyện. Người khắc đi!”

Khi vị lão tu hành khắc xong, quý đòi ăn thịt. Ngài bằng lòng nói: “Bây giờ người ăn thịt ta đi!”. Nói xong, ngài nhắm mắt lại chờ quý dạ xoa tới để ăn thịt mình.

Bỗng nhiên lúc đó ở trên không trung có tiếng nói vọng xuống: “Hay lắm! Hay lắm! Lão tu hành thực có lòng hy sinh to lớn, vì pháp quên thân mình, trong tương lai nhất định sẽ thành Phật”. Ngài bèn mở mắt ra thì chẳng thấy quý dạ xoa đâu. Trước mặt ngài là một vị trời của Tịnh Cư thiên.

Bởi vậy đây gọi là câu chuyện “xả thân mạng vì nửa bài kệ”. Bỏ cả sanh mạng mà chẳng sợ mảy may. Là những người học Phật, chúng ta liệu có được tấm lòng chí thành và khẩn thiết như vậy chẳng? Chúng ta có dám đổi sanh mạng mình để lấy nửa bài kệ, hay một bộ kinh không?

Tuy nhiên, hiện nay trên thế giới cũng không thiếu những người dốc lòng tu hành. Vạn Phật Thành của chúng ta vẫn thường khuyến khích mọi người đọc tụng và thuộc lòng bộ kinh Lăng Nghiêm. Có người thuộc hai quyển, có người thuộc ba quyển, nhưng chưa thấy ai thuộc cả bộ kinh. Trước ngày vía đức Phật A-di-đà khoảng một tháng, có một nữ Phật tử phát nguyện đóng cửa học thuộc kinh Địa Tạng và kinh Phạm Võng, hẹn trong vòng một tháng đọc tụng thuộc lòng hai bộ kinh trên. Lúc đó tôi đồng ý rồi cho người đi theo để trông nom, cung cấp đồ ăn và nước uống đặng giúp vị này thành tựu lời phát nguyện. Quả nhiên, trong hạn kỳ một tháng, người đó đọc thuộc cả kinh Địa Tạng và kinh Phạm Võng. Đó là người đầu tiên tại Vạn Phật Thành thuộc hai kinh này. Quý vị muốn biết danh tính của người đó chẳng? Tên gì? Họ gì? Điều này tôi không thể nói cho quý vị hay, bởi tôi không muốn quảng cáo cho ai cả. Người đó là một phần tử tu hành tại Vạn Phật Thành, và ở đây ai ai cũng như vậy.

Gần đây, có một vị cư sĩ ở Los Angeles tên là Hà Quả Lâm - Hà Diệu Lâm, làm nghề châm cứu. Ông đến Vạn Phật Thành, bế quan trong mười ngày thì đọc thuộc lòng được bộ kinh Kim Cang. Tại sao tôi nói tên của ông ta là Hà Quả Lâm - Hà Diệu Lâm cho quý vị biết? Bởi đó là một thầy châm cứu, tôi quảng cáo không công cho ông, điều đó chẳng quan hệ gì.

“Đặc tính của Đạo là có thể tu”, “đặc tính của diệt là có thể chứng”, chúng được niềm vui của sự tịch diệt. Vậy ai có thể chứng được? Người nào tu hành một cách chân thực thì có thể chứng. Bởi vậy cho nên, biết Khổ, hiểu khổ, thì đoạn Tập, nghĩa là đoạn trừ phiền não; mộ Diệt, hâm mộ niềm vui tịch diệt, nên mới tu Đạo. Do đó mới nói: “Biết khổ, đoạn tập, mộ diệt, tu đạo”.

Lần đầu chuyển pháp luân, Phật nói:

Đây là khổ; tính bức bách

Đây là tập; tính chiêu cảm

Đây là đạo; có thể tu

Đây là diệt; có thể chứng.

Thực ra phải nói theo thứ tự là: khổ, tập, đạo, diệt, nhưng vì người Trung quốc đã đổi lại để đọc cho thuận miệng nên mới nói là: khổ, tập, diệt, đạo.

Lần thứ nhì, chuyển pháp luân, Phật nói:

“Đây là khổ, ta đã biết, không cần biết thêm nữa”. Câu này có nghĩa là ta đã biết khổ, ta không muốn chịu cái khổ đó nữa, và ta cũng không muốn biết thêm về khổ.

“ Đây là tập, ta đã đoạn trừ, ta không phải đoạn trừ thêm”, có nghĩa là ta đã đoạn trừ tập rồi, không còn cái gì để đoạn trừ nữa, ta đã hết phiền não rồi.

“ Đây là Đạo, ta đã tu”, nghĩa là ta đã tu xong Đạo Bồ-đề, đã thành Phật rồi.

“ Đây là diệt, ta đã chứng”, nghĩa là ta đã hiểu trọn vẹn các pháp khổ, tập, diệt, đạo.

Lần thứ ba chuyển pháp luân, Phật nói:

“Đây là khổ, người phải biết; đây là tập, người phải đoạn trừ; đây là Đạo, người phải tu; đây là diệt, người phải chứng”.

Sau ba lần Phật chuyển pháp luân về pháp Tứ đế thì Tôn giả A-nhã Kiều Trần Như chứng ngay được quả A-la-hán. Nay, chúng ta cũng nghe xong Pháp này rồi, có vị nào chứng được quả A-la-hán chưa, tôi cũng không rõ!

<http://www.quangduc.com/kinhdien/index.html>